TRẦN PHƯƠNG HỒ

ĐIỂN TÍCH TRONG TRUYỆN KIỀU



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI - 1996

TRẦN PHƯƠNG HỒ

Tủ sách thời văn

ĐIỂN TÍCH TRONG TRUYỆN KIỀU

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI
1996

+ *Kính dâng hương hồn Mẫu Thân, người đã lao nhọc suốt đời cho con và các em thành nhân.*

+ *Để tưởng nhớ bào đệ TRẦN HỮU VIỆT, một đấng tài hoa nhưng "**nửa chừng xuân thoát trở thành người xưa**"...*

TRẦN PHƯƠNG HỒ

MỤC LỤC

TRANG

PHẦN I

PHẦN II
CÁC ĐIỂN TÍCH TRONG TRUYỆN KIỀU

PHẦN III : PHỤ LỤC

THAY LỜI TỰA

Hỏi quê, rằng : "Biển xanh dâu"
Hỏi tên, rằng : "Mộng ban đầu đã xa..."

Nhà thơ Bùi Giáng tả tâm trạng Thúy Kiều như thế. Tả tâm trạng Thúy Kiều, là tả tâm trạng Nguyễn Du, người làm ra truyện Thúy Kiều.

Thúy Kiều là người *đời xưa*, có thực hay không thì người *đời nay* (chúng ta) không biết. Nhưng cần gì Thúy Kiều phải là người có thực? Bất cứ thời đại nào, trong xã hội, những người như Thúy Kiều, không ít.

Thế gian, chuyện như ý thì ít nhưng chuyện bất như ý lại quá nhiều. Thúy Kiều là người có tài lại có tình, nhưng cuộc sống chẳng những không được như ý mà còn bị vùi dập lắm phong ba; để người đời ghép cho bốn tiếng "hồng nhan bạc mệnh".

Nguyễn Du là người *đời trước*, cảm thông nỗi đoạn trường của người *đời xưa* mà làm nên truyện Thúy Kiều, chẳng những để hả hê tình cảm của tiên sinh, mà còn dụng ý để lại cho người *đời nay*. Lại không biết người *đời nay* có hiểu được tâm sự của mình và người *đời xưa* không, nên tiên sinh đành phải hạ bút :

"Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như" ?
(Ba trăm năm lẻ về sau nữa
Thiên hạ ai người khóc Tố Như ?)

Người *đời nay* (là người *đời sau* của Nguyễn Du) đã khóc cho người *đời xưa* (Thúy Kiều) tức là khóc cho người *đời trước* (Nguyễn Du) vậy...

Người *đời trước* vì người *đời xưa* và người *đời nay* mà làm

sách. Vậy người *đời nay* cũng phải vì người *đời trước* và người *đời sau* mà tiếp tục làm sách ; để cho tình cảm từ XƯA tới SAU mãi mãi được nối liền... Vì nghĩ thế nên soạn giả chẳng ngại tài sơ trí mỏng, cố gắng soạn quyển "**Điển tích trong truyện Kiều**" này; chẳng dám có cao vọng gì hơn là dành lại cho người *đời sau*.

Người *đời xưa* có người *đời trước*, người *đời trước* có người *đời nay*, người *đời nay* còn có người *đời sau*... Rồi người *đời sau* còn có người *đời sau nữa*... Và cứ như thế, thì người *đời xưa* vẫn sống mãi muôn đời. Vậy, cần chi Thúy Kiều là người có thực hay không có thực ?

Quyển sách này chỉ trình bày những điển tích được dùng trong truyện Kiều mà thôi, không giải nghĩa hết những từ ngữ khác ; vì sự hiểu biết của soạn giả cũng chỉ có giới hạn.

Xin các bậc thức giả vui lòng chỉ bảo cho những điều thiếu sót, để Vương Thúy Kiều từ ngàn xưa cho mãi đến ngàn sau vẫn luôn là người yêu "ý hợp tâm đồng" không chỉ riêng của Nguyễn Du, mà chung của dân tộc.

Sau thời gian luân lạc truân chuyên, Thúy Kiều đã trở về với gia đình nàng, tức là trở về với người *đời trước*, với người *đời nay* và với người *đời sau* nữa. Thúy Kiều trở về như thế nào ? Qua cái nhìn của người *đời nay*, thi sĩ Bùi Giáng :

"Nàng về giũ áo mù sa
Trút quần phong nhụy cho tà huy bay..."

+ Viết tại Nghinh Phong Hiên, bắc ngạn
Tây Côn Giang, tháng Mạnh Thu năm Ất Hợi, 1995

THỦY TRÚC VIÊN CHỦ NHÂN
TRẦN PHƯƠNG HỒ

GIA THẾ VÀ CUỘC ĐỜI CỦA TÁC GIẢ TRUYỆN KIỀU

I. TIỂU SỬ :

Nguyễn Du tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên, biệt hiệu là Hồng Sơn Liệp hộ ; nguyên quán làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyễn Du là con thứ bảy của Hoàng Giáp Nguyễn Nghiễm (1708 - 1775), Tể tướng Lê triều, tước Xuân Quận Công. Mẹ Nguyễn Du là bà trắc thất (vợ lẻ) thứ ba của Xuân Quận Công, tên Trần Thị Tần (có sách ghi là Thấn), người xã Hoa Thiều, huyện Đông Ngàn, xứ Kinh Bắc. Bà sinh năm 1740, nhỏ hơn Xuân Quận Công ba mươi hai tuổi. Ở với Xuân Quận công, bà sinh được bốn người con trai là Trụ, Nễ, Du và Ức.

Theo một bản gia phả của họ Nguyễn ở Tiên Điền thì Nguyễn Du sinh ngày 23 tháng 11 năm Ất Dậu nhằm năm Cảnh Hưng thứ hai mươi sáu, dương lịch là ngày 3 tháng 1 năm 1766 ; tại phường Bích Câu ở Thăng Long.

II. GIA THẾ

Ở Hà Tĩnh vào triều Lê đã có câu ca dao nói về dòng họ Nguyễn Tiên Điền như sau :

"Bao giờ ngàn Hống hết cây
Sông Rum hết nước, họ này hết quan".

Như vậy, Nguyễn Du sinh trưởng trong một gia đình đại quý tộc bậc nhất ở đấy. Theo cụ Lê Thước, dòng họ của Nguyễn

Du xưa kia vốn là người ở trấn Sơn Nam. Dưới thời nhà Mạc, Nguyễn Thiến đỗ Trạng nguyên vào năm 1532, nhưng ông lại làm quan cho nhà Lê đến chức Thượng Thư Bộ Lại kiêm Đông Các Đại học sĩ, tước phong Thư Quận Công.

Khi Nguyễn Thiến mất, hai người con của ông là Nguyễn Quyện và Nguyễn Miễn lại không làm quan cho nhà Lê mà phục vụ nhà Mạc. Nhà Mạc hết, hai người quay lại với nhà Lê nhưng âm mưu tạo phản. Việc bại lộ, cả nhà bị giết. Riêng một người con của Nguyễn Miễn là Nguyễn Nhiệm trốn được, chạy vào xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh mai danh ẩn tích.

Thời bấy giờ vùng Hà Tĩnh hãy còn hoang vu lắm, Nguyễn Nhiệm ra sức khai phá đất hoang để lập nghiệp. Người địa phương gọi ông là Nam Dương công.

Nam Dương công được coi là ông tổ của họ Nguyễn ở Tiên Điền. Từ đời ông đến đời Nguyễn Nghiễm (thân phụ Nguyễn Du) là sáu đời.

Nguyễn Nghiễm làm Tể tướng Lê triều nhưng vẫn thường cầm quân đi đánh giặc và lập được nhiều công lớn. Có lần ông tiến quân vào Nam Hà đánh nhau với Nguyễn Nhạc (Chúa Tây Sơn).

Nguyễn Nghiễm có người anh tên Nguyễn Huệ (không phải Nguyễn Huệ Tây Sơn) đỗ tiến sĩ, làm quan đồng triều với ông. Con trai lớn của Nguyễn Nghiễm là Nguyễn Khản, cũng đỗ tiến sĩ và làm quan đồng triều. Nguyễn Khản làm Lại Bộ Thượng Thư sung chức Tham Tụng.

Người con thứ hai của Nguyễn Nghiễm là Nguyễn Điều làm Trấn thủ Sơn Tây, tước Điều Nhạc hầu.

Nguyễn Nghiễm mất ngày 17 tháng 11 năm Ất Mùi, dương lịch là ngày 7 tháng 1 năm 1776. Ông có tám bà vợ và hai mươi mốt người con cả trai lẫn gái.

Gia thế Nguyễn Du không chỉ có những người làm quan to, mà lại còn giỏi văn học nữa :

- Nguyễn Quỳnh, ông nội của Nguyễn Du, là một nhà triết học chuyên nghiên cứu Kinh Dịch.

- Nguyễn Nghiễm làm quan và là một Sử gia, một nhà thơ.

- Nguyễn Khản rất giỏi thơ Nôm, thường đối vịnh với Chúa Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm.

- Nguyễn Nễ (anh cùng mẹ với Nguyễn Du), Nguyễn Thiện và Nguyễn Hành (cháu gọi Nguyễn Du bằng chú) đều là các nhà thơ có tiếng thời ấy.

III. CUỘC ĐỜI :

*** Thời thiếu niên và thanh niên :** Nguyễn Du mồ côi cha năm 10 tuổi. Hai năm sau ông mất mẹ (thân mẫu Nguyễn Du mất ngày 6 tháng 7 năm Mậu Tuất, dương lịch là ngày 27 tháng 8 năm 1778 ; lúc 39 tuổi).

Bốn anh em Nguyễn Du chưa đến tuổi trưởng thành nên phải sống nhờ vào sự đùm bọc của anh cả (khác mẹ) là Nguyễn Khản, đang tại chức Tả Thị Lang Bộ Hình kiêm Hiệp trấn xứ Sơn Tây.

Năm Canh Tý 1780, bắt đầu cuộc biến động của phủ Chúa Trịnh. Nguyễn Khản ủng hộ Trịnh Tông nên bị cách chức và bị giam. Khi Trịnh Tông lên nắm quyền Chúa, Nguyễn Khản được phục chức. Nhưng sau đó loạn kiêu binh lại phá nhà Nguyên Khản và toan giết ông. Nguyễn Khản phải trốn vào phủ Chúa, rồi cải trang lên Sơn Tây và sau đó về quê Hà Tĩnh ở ẩn. Trong thời gian biến động này, Nguyễn Du vẫn còn đi học.

Năm 1783, Nguyễn Du 18 tuổi, đi thi Hương ở trường thi Sơn Nam và đỗ Tam trường (Tú Tài). Nhưng chẳng biết vì sao

ông không tiếp tục đi thi nữa. Năm này ông kết hôn với con gái của Đoàn Nguyễn Thục ở Sơn Nam.

Nguyễn Du từng làm con nuôi của viên Chánh thủ hiệu họ Hà ở Thái Nguyên. Năm 1786, viên Chánh thủ hiệu họ Hà mất, Nguyễn Du được kế tập giữ chức ấy.

Năm 1789, vua Quang Trung nhà Tây Sơn kéo quân ra Bắc Hà đánh tan 20 vạn quân Thanh. Vua Lê Chiêu Thống và đám quan tùy tùng bỏ nước chạy theo tàn quân Tôn Sĩ Nghị sang Tàu. Nguyễn Du và anh là Nguyễn Nễ và em là Nguyễn Ức cũng toan chạy theo Lê Chiêu Thống nhưng không kịp. Thế là Nguyễn Du từ biệt anh và em, trở về quê vợ ở xã Hải An, huyện Quỳnh Côi, trấn Sơn Nam. Ít lâu sau ông về Hà Tĩnh.

Năm 1796, Nguyễn Du tìm đường vào Gia Định để theo Nguyễn Phúc Ánh chống nhà Tây Sơn. Ông bị viên trấn thủ đất Nghệ An của Tây Sơn là Nguyễn Thuận bắt giữ ba tháng. Nguyễn Thuận là bạn thân của Nguyễn Nễ, lại cũng mến tài Nguyễn Du nên tha cho ông. Được tha, Nguyễn Du trở về Tiên Điền và ở lại đó trong một thời gian lâu dài. Bấy giờ sự nghiệp của họ Nguyễn ở Tiên Điền không còn gì nữa. Cơ ngơi của Nguyễn Nghiễm để lại đã bị quân Tây Sơn phá sạch, vì một người anh khác mẹ của Nguyễn Du là Nguyễn Quýnh chống Tây Sơn bị thất bại. Nguyễn Quýnh không chịu đầu phục Tây Sơn nên bị giết chết.

Nguyễn Nễ đã ra làm quan với Tây Sơn từ năm 1789, nhưng Nguyễn Du thì nhất định không. Thời gian ở tại Tiên Điền, Nguyễn Du sống rất chật vật, thiếu thốn, thường đi săn và đi câu. Nguyễn Du đã đặt chân khắp 99 ngọn núi của dãy Hồng Lĩnh, nên tự đặt biệt hiệu cho mình là Hồng Sơn Liệp hộ.

* **Làm quan với triều Nguyễn** : Mùa thu năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh đã hoàn toàn làm chủ đất nước từ Nam ra Bắc, lên ngôi Hoàng đế đặt niên hiệu là Gia Long.

Tháng 8 năm ấy, Gia Long ngự giá Bắc Hà. Khi tới Nghệ An, vua nhà Nguyễn cho triệu Nguyễn Du ra bệ kiến, rồi truyền đi theo hộ giá. Sau đó Nguyễn Du được bổ Tri huyện Phù Dung. Đến tháng 11, ông được thăng Tri phủ Thường Tín. Năm sau, ông được cử lên ải Nam Quan tiếp đón sứ thần Trung Hoa.

Năm Gia Long thứ ba (1805), Nguyễn Du cáo bệnh từ quan. Nhưng chỉ một tháng sau ông được triệu ra lãnh chức Đông Các điện Đại học sĩ, tước phong Du Đức hầu.

Năm 1807, Nguyễn Du được cử làm giám khảo trường thi Hương ở Hải Dương.

Năm 1808, ông lại cáo quan về quê nghỉ tám tháng.

Năm 1809, Nguyễn Du được bổ làm Cai Bạ Quảng Bình và ở chức liền bốn năm.

Năm 1812, Nguyễn Du lại cáo quan lần nữa, về quê xây mộ cho anh là Nguyễn Nễ. Cuối năm ấy có chỉ triệu vào kinh. Đến tháng 2 năm 1813, ông được thăng Cần Chánh điện Đại học sĩ và được cử cầm đầu Sứ bộ sang Trung Quốc.

Năm 1814, Nguyễn Du về nước, được nghỉ sáu tháng. Sang năm 1815, ông được thăng Hữu Tham Tri Bộ Lễ.

* **Cuối đời :** Tháng 2 năm Canh Thìn (1820), vua Gia Long băng hà, Hoàng tử Đảm lên nối ngôi hiệu là Minh Mệnh nguyên niên. Triều đình chọn Nguyễn Du làm Chánh sứ sang Trung Quốc cầu phong, nhưng ông chưa kịp lên đường thì lâm bệnh qua đời. Ông mất vào ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn, dương lịch là ngày 15 tháng 9 năm 1820 ; thọ 56 tuổi. Bấy giờ trong nước đang xảy ra chứng bệnh dịch xuất phát từ Gia Định và lan tràn ra tới Bắc Hà. Nguyễn Du bị mắc bệnh ấy mà không chịu uống thuốc. Vợ con ở tận ngoài xứ không có điều kiện vào kinh, những giờ phút cuối cùng của Nguyễn Du chỉ có kẻ tả hữu bên cạnh. Sách Đại Nam chính biên liệt truyện chép : "Khi tiên sinh bệnh nặng, không

chịu uống thuốc. Lúc gần mất, sai người sờ tay chân xem còn nóng hay lạnh. Người nhà nói đã lạnh cả rồi. Tiên sinh nói: "Được". Nói xong thì mất, không có một lời trăn trối việc sau".

Nguyễn Du được chôn ở xã An Ninh, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên. Bốn năm sau, thi hài ông mới được cải táng về Tiên Điền.

Nguyễn Du có hai vợ và một thiếp, 12 con trai và 6 con gái. Người con trai lớn của ông tên Nguyễn Tứ, có theo ông đi sứ sang Trung Quốc trước kia, về nước ít năm thì mất. Người con thứ hai tên Nguyễn Ngũ, làm Tuần huyện dưới triều Minh Mệnh. Người con thứ ba do bà thiếp sinh, tên là Nguyễn Thuyến. Gia phả họ Nguyễn nói Nguyễn Thuyến "giỏi văn học" nhưng không thấy có tác phẩm để lại cho đời. Còn các người con khác của Nguyễn Du không biết làm gì...

Nguyễn Du làm quan cho Triều Nguyễn gần 20 năm, không có gì là trở ngại. Ông được thăng chức nhanh và giữ các chức vụ tương đối quan trọng. Tuy nhiên, dường như Nguyễn Du vẫn có điều gì bất như ý sâu sắc với Nguyễn triều. Sách Đại Nam Chính biên liệt truyện viết: "Nguyễn Du là người ngạo nghễ, tự phụ, song bề ngoài tỏ vẻ giữ gìn cung kính, mỗi lần vào chầu vua thì ra dáng sợ sệt như không biết nói năng gì".

Có lần vua Gia Long trách ông : "Nhà nước dùng người cứ kẻ hiền tài là dùng chứ không phân biệt Nam Bắc. Ngươi với ta được ơn tri ngộ, làm quan đến bậc Á khanh, biết việc gì thì phải nói ra cho hết chức trách của mình, sao lại cứ rụt rè, sợ hãi, chỉ vâng vâng dạ dạ cho qua chuyện".

IV. VĂN NGHIỆP

Nguyễn Du để lại cho đời một văn nghiệp tuy không đồ sộ về số lượng, nhưng hoàn toàn có giá trị cao về phẩm chất; nhất là

tác phẩm "Đoạn trường tân thanh" tức truyện Thúy Kiều, quả là một kiệt tác văn học.

<u>Phần quốc âm có :</u>

- Bài "Thác lời phường nón"
- Văn tế sống Trường lưu nhị nữ
- Văn tế Thập loại chúng sinh
- Đoạn trường tân thanh (tức truyện Thúy Kiều)

<u>Phần Hán văn có :</u>

- Thanh Hiên thi tập
- Nam trung tạp ngâm
- Bắc hành tập lục.

Nguyễn Du chẳng những xứng đáng là một Đại tập thành của văn học phong kiến mà còn là một thi hào của dân tộc Việt Nam.

*

*   *

HAI BÀI TỰA TRUYỆN KIỀU

BÀI THỨ NHẤT

Trong trời đất đã có người tài tình tuyệt thế, tất thế nào cũng có việc khảm kha bất bình. Tài mà không được gặp gỡ, tình mà không được hả hê; đó là cái căn nguyên của hai chữ đoạn trường vậy. Thế mà lại có kẻ thương tiếc tài tình, xem thấy việc, trông thấy người, thì còn nhìn thế nào được mà không thở than rền rĩ.

Nghĩa là bậc thánh mới quên được tình, bậc ngu không hiểu tới tình, tình chung chú vào đâu, chính là chung chú vào bọn chúng ta vậy. Cho nên phàm người đã ít tình, tất là không có tài, chỉ nửa lòa nửa sáng, sống chết trong vòng áo mũ, trong cuộc no say, dù có gặp cái cảnh thanh nhã như hoa thơm buổi sáng, trăng tỏ ban đêm, cũng chỉ trơ trơ như cây cỏ, như cá chim vậy.

Còn đến bậc tuyệt thế tài tình, mặt ngọc vẻ hoa, lòng gấm miệng vóc, ngâm thơ liễu nhứ (1), nổi tiếng đài gương, vịnh phú ngô đồng (2), khoe tài án bút, nếu một bậc quán tuyệt thiên thu (3) như thế, lại gặp được bậc chân chính tài nhân, kết duyên tác hợp (4), khi thơ ngâm hoa nở, khi đàn gảy trăng lên, nguồn ái ân trọn nghĩa trăm năm, truyện phong lưu chép thành một lục, người đương vào cái cảnh ấy đã không gặp phải nỗi khảm kha bất bình, thì người truyền lại việc ấy còn phải đặt ra truyện "Đoạn trường tân thanh" làm gì.

Chỉ vì dịp may dễ lỡ, việc tốt thường sai, tiếng hoàn lặng ngắt, còn trơ bóng trúc lung lay; mặt ngọc vắng tênh, chỉ thấy hoa đào hớn hở. Có tài mà không gặp được tài, có tình mà không hả được tình, tài tình đã tuyệt thế, gặp toàn bước khảm kha, há không phải là con Tạo đang tay ách người quá lắm ru ? Ấy chính

là truyện "Đoạn trường tân thanh" vì đấy mà làm ra vậy.

Truyện Thúy Kiều chép ở trong lục Phong Tình, ta không bàn làm gì. Lục Phong Tình cũng đã cũ rồi, Tố Như tử xem truyện, thấy việc lạ, lại thương tiếc đến những nỗi trắc trở của kẻ có tài, bèn đem dịch ra quốc âm, đề là "Đoạn trường tân thanh", thành ra cái lục Phong Tình thì vẫn là cái lục cũ, mà cái tiếng "đoạn trường" thì lại là cái tiếng mới vậy.

Trong một tập thì chung lấy bốn chữ "Tạo vật đố tài" tóm cả một đời Thúy Kiều : khi lai láng tình thơ, người tựa án khen tài châu ngọc ; khi nỉ non tiếng nguyệt, khách dưới đèn đắm khúc tiêu tao ; khi duyên ưa kim cải, non bể thề bồi ; khi đất nổi ba đào, cửa nhà tan tác; khi lầu xanh, khi rừng tía, cõi đi về nghĩ cũng chồn chưn; khi kình kệ, khi can qua, mùi từng trải nghĩ càng tê lưỡi. Vui, buồn, tan, hợp, mười mấy năm trời, trong cuốn văn tả như hệt, không khác gì một bức tranh vậy.

Xem chỗ giấc mộng đoạn trường tỉnh dậy mà căn duyên vẫn gỡ chưa rồi ; khúc đàn bạc mệnh gảy xong, mà oán hận vẫn còn chưa hả, thì dẫu đời xa người khuất, không được mục kích tận nơi, nhưng lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm ở trên tờ giấy, khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía ngậm ngùi, đau đớn như đứt ruột, thế thì gọi tên là "Đoạn trường tân thanh" cũng phải.

Ta lúc nhàn đọc hết cả một lượt, mới lấy làm lạ rằng : Tố Như tử dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hệt, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời, thì tài nào có cái bút lực ấy. Bèn vui mà viết bài tựa này.

-----oOo-----

Thúy Kiều khóc Đạm Tiên, Tố Như tử làm truyện Thúy Kiều, việc tuy khác nhau mà lòng thì là một; người đời sau thương

người đời nay, người đời nay thương người đời xưa, hai chữ tài tình thật là một cái thông lụy của bọn tài tử khắp trong gầm trời và suốt cả xưa nay vậy.

Ta lấy một thiên mực nhạt, xa viếng nàng Kiều, tuy lời văn quê kệch, không đủ sánh với bức giao thiên, song đủ tỏ ra rằng cái nợ sầu của hai chữ tài tình, tuy khác đời mà chung một dạ. May được nối ở đằng sau quyển "Tân thanh" của Tố Như tử, cùng làm một khúc đoạn trường để than khóc người xưa.

Tháng hai, niên hiệu Minh Mệnh ;
viết ở Thán Hoa hiên đất Hạc Giang.

TIÊN PHONG
MỘNG LIÊN ĐƯỜNG CHỦ NHÂN

BÀI THỨ HAI

Có người hỏi ta rằng : Thúy Kiều có người thực không? Ta đáp lại rằng : Không biết. Người ta lại hỏi rằng: Thế thì làm sao mà có truyện Thúy Kiều ? Ta đáp lại rằng: Từ lúc mờ mịt chưa có gì, đến lúc có Thái cực, có lưỡng nghi, có tứ tượng, rồi tự nhiên biến hóa không ai dò được manh mối tự đâu. Trong khoảng ấy có rét, có nắng, có âm, có dương, lúc sinh ra, lúc mòn đi, lúc đầy lên, lúc vơi xuống, không thể nào cứ giữ mãi được mực thường. Đã không giữ được mực thường, thì tất có cuộc biến. Vì thế hoặc năm sáu trăm năm, hoặc ba bốn trăm năm, hoặc năm sáu mươi năm, cũng phải có một lần biến. Cái biến ấy đã khác với cái thường, thì phàm ai gặp phải thời ấy, bước vào cái cảnh ấy, ngổn ngang những biến cố ở trước mắt, chồng chất những khối lỗi ở trong lòng, mới phải mượn đến bút mực để chép ra, như những truyện anh hùng, truyện phong tình, truyện trung thần, liệt nữ, truyện đạo sĩ, ni cô, chẳng qua là mượn ngòi bút, tờ giấy để chép những cái cảnh

ngộ lịch duyệt của bản thân mà thôi. Truyện Thúy Kiều có lẽ cũng là một thứ sách như thế.

Kiều ngẫu nhiên mà sinh ra, mà có sắc đẹp, mà lại đa tình cho đến khi đi thanh minh, khi gặp Kim Trọng, khi bán mình chuộc cha, đều là ngẫu nhiên cả; cả đến lúc bị hãm ở thanh lâu, lúc đối chất ở phủ đường, lúc đã đâm đầu xuống Tiền Đường, lúc lại đoàn viên với Kim Trọng, cũng đều là ngẫu nhiên cả. Đem bút mực tả lên trên tờ giấy nào những câu vừa lâm ly, vừa ủy mị, vừa đốn tỏa, vừa giải thư, vẽ hệt ra một người tài mệnh trong mười mấy năm trời, cũng là vì cái cảnh lịch duyệt của người ấy có lâm ly, ủy mị, đốn tỏa, giải thư thì mới có cái văn tả hệt ra như thế này. Thế thì Thúy Kiều không cần phải có người thực mới có truyện, song cũng phải có người như thế mới có truyện vậy.

Khổng Tử nói rằng: "Tiểu tử sao không học Kinh Thi. Kinh Thi có thể xem xét được biến cố, có thể hưng khởi được lòng người, có thể biết lẽ ở đời, có thể hả hê được những nông nỗi uất ức ở trong lòng". Mạnh Tử có nói rằng: "Ai khéo đọc Kinh Thi không nên nệ câu văn mà làm hại lời, không nệ lời mà làm hại ý, cứ lấy ý đón lấy cái chí của cổ nhân mà hiểu được, thế là được". Ai đọc truyện Kiều mà hiểu được những lời nói ấy, thì cái người mà ta gọi là Thúy Kiều có thể sớm tối lúc nào cũng gặp được vậy.

Tháng hai năm Mậu Tí, niên hiệu
Minh Mệnh ; viết ở Cẩm đàm trang thứ.

PHONG TUYẾT
CHỦ NHÂN THẬP THANH THỊ

---

(1) Tạ Đạo Uẩn ngâm thơ liễu nhứ.

(2) Mạnh Hạo Nhiên vịnh cây ngô đồng.

(3) Vượt hơn tất cả mọi người xưa nay.

(4) Chữ Kinh Thi : "Thiên tác chi hợp" (Trời xe duyên vợ chồng).

BÀI TỔNG VỊNH TRUYỆN KIỀU CỦA CHU MẠNH TRINH [1]

Giả sử ngay khi trước, Liêu dương cách trở, duyên chàng Kim đừng dở việc ma chay, quan lại công bằng, án Viên ngoại tỏ ngay tình oan uổng, thì đâu đến nỗi son phấn mấy năm lưu lạc, đem thân cho thiên hạ mua cười, mà chắc biên thùy một cõi nghinh ngang, ai xui được anh hùng cởi giáp. Thì sao còn tỏ được là người thục nữ mà đủ đường hiếu nghĩa, tay đàn bà mà lại có cơ quyền. Thế mới biết: người khôn thì hay gặp gian truân, chuyện đời khéo lắm trò quanh quẩn.

Con tạo hóa vốn thương yêu tài sắc, nàng đà biết thế hay chưa ? Khách má hồng đừng giận nỗi trăng già, ta cũng khuyên lời phải chẳng. Chỉ vì một tội mối manh chưa có, thề thốt đã nhiều, trăng gió mắc vào, phồn hoa dính mãi.

Cũng có người bảo: Tại nước chảy mây trôi lỡ bước, nên cành đưa lá đón quen thân. Nào biết đâu bông hạnh nở ngoài tường, chưa để con ong qua tới; cho có muốn lưỡi dao liều với mạng, lại sợ thành cháy vạ lây. Tấm lòng này như tuyết như gương, mối sầu nọ qua ngày qua tháng. Ngọc kia không vít, giá liên thành khôn xiết so bì; nước đã trôi xuôi, hồn cựu mộng hãy còn vơ vẩn.

Bàn cho thật phải, tình cũng nên thương. Lại xem như bút mực tài hoa, đoạn trường mười khúc, trúc tơ phong nhã, hồ cầm một chương ; câu thần vẳng vọng tiêu tao, bóng ngọc tưởng chiều não nuột ; hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh, vậy nên khách đa tình say chuyện phong lưu, trăm năm cũ còn ghi tên tuổi hảo ; người chép sách tiếc vì tài sắc, ngàn thu sau nhặt lấy phấn hương thừa.

Than ôi, một bước phong trần, mấy phen chìm nổi, trời tình

mờ mịt, bể giận mênh mông. Sợi tơ mành theo gió đưa đi, cánh hoa rụng chọn gì đất sạch. Ai dư nước mắt khóc người đời xưa, thế mà giống đa tình luống những sầu chung, hạt lệ Tầm Dương chan chứa; lòng cảm cựu ài xui thương mướn, nghe câu ngọc thụ não nùng. Cho hay danh sĩ giai nhân, cùng một kiếp hoa nghiêm nặng nợ. Ngán nỗi non xanh đất đỏ, để riêng ai luân lạc đau lòng. Ta cũng nòi tình, thương người đồng điệu. Cái kiếp không hoa lẩm cẩm, con hồn xuân mộng bâng khuâng. Đã toan đúc sẵn nhà vàng, chờ người quốc sắc, lại muốn mượn chùm phương thảo, hú vía thuyền quyên. Sẵn bút nghiên chia vịnh từng hồi, đem sự tích tóm làm một tựa. Bây giờ kể còn dài chưa hết, hạt ba tiêu như thánh thót mưa thu. Hỡi ơi, hồn còn biết hay chăng? Bóng hoàn bội tưởng ra vào Lạc phố.

(ĐOÀN TƯ THUẬT dịch)

---

(1) CHU MẠNH TRINH tự Cán Thần, hiệu Trúc Vân, người làng Phú Thị, huyện Đông Yên, tỉnh Hưng Yên ; sanh năm Nhâm Tuất (1862).

Chu Mạnh Trinh học với thầy Phạm Hy Lượng, thi đỗ Tú Tài khoa Canh Thìn (1880), giải nguyên khoa Bính Tuất (1886), đệ tam Tiến sĩ năm Nhâm Thìn (1892) nhằm năm Thành Thái thứ tư.

Chu Mạnh Trinh làm Án Sát Sứ tỉnh Hưng Yên, rồi Hà Nam, Bắc Ninh, Thái Nguyên và cáo quan năm Thành Thái thứ 15 (1903). Ông mất năm 1905, lúc 43 tuổi.

Trải qua một cuộc BỂ DÂU
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng

(Câu 3 và 4, mở đầu)

BỂ DÂU tức là biển xanh ruộng dâu (Thương hải tang điền) ý để chỉ sự thay đổi trong vũ trụ và trong sự sống của đời người.

Sách Thần Tiên truyện của Trung Hoa nói rằng "tam thập niên vi nhất, thương hải biến vi tang điền". Nghĩa là cứ ba mươi năm một lần ; biển xanh lại hóa thành ruộng dâu.

Sách "Tầm Nguyên" kể chuyện có một ông lão sống đủ một trăm tuổi, thường nói với con cháu rằng :

- Ta đã sống đủ một trăm tuổi. Trong đời ta, ta đã thấy biết bao lần có sự thay đổi trong vũ trụ như biển cả sóng vỗ muôn trùng rồi biến thành nơi đất bồi để người ta đem dâu ra trồng. Rồi có nơi ruộng dâu lại biến thành biển cả, nước xanh sóng vỗ.

Sách "Thái Bình Ngự Lãm" đời Tống lại có kể câu chuyện như sau : Trên biển cả có ba vị lão nhân cao tuổi, lúc gặp nhau ba vị tuần tự hỏi tuổi của nhau, rồi chuyện vãn. Ông lão thứ nhất bảo rằng thuở còn nhỏ ông có gặp ông Bàn Cổ.

Ông lão thứ hai bảo là ông đã nhiều lần thấy biển xanh hóa thành ruộng dâu. Cứ mỗi lần chứng kiến cảnh ấy thì ông để ra một cái que để nhớ. Bây giờ thì số que ấy đã chất đầy một gian nhà.

Ông lão thứ ba thì nói rằng thầy của ông sau khi ăn trái bàn đào, quăng hột ở chân núi Côn Luân, đến bây giờ hột đào ấy đã thành một cây bàn đào cao lớn bằng núi Côn Luân.

Sách Tam Ngôn truyện kể vài câu chuyện sau đây để minh

chứng cho sự thay đổi đời người trong cõi nhân gian:

1. Đặng Thông là tôi thần yêu của vua Hán Văn Đế. Một hôm Đặng Thông nhờ tướng sư Hứa Phụ xem tướng. Hứa Phụ bảo thế nào rồi Đặng Thông cũng bị chết đói. Hán Văn Đế không cho lời nói ấy là đúng, phán rằng :

- Đặng Thông là triều thần của trẫm, phú quý của Đặng Thông do trẫm định. Trẫm có thể cho Đặng Thông cả một núi đồng để đúc tiền thì làm sao mà chết đói được.

Về sau khi Hán Văn Đế băng hà, vua Cảnh Đế bắt Đặng Thông hạ ngục, tịch thu hết tài sản. Hán Cảnh Đế còn ra lệnh không cho Đặng Thông ăn uống gì cả. Thế là Đặng Thông chết đói thật.

-----oOo-----

2. Chu Á Phu là quan Thái Thú đất Hà Nam, cũng nhờ Hứa Phụ xem tướng cho. Hứa Phụ bảo :

- Ba năm nữa ông được phong hầu. Năm năm nữa ông làm Tể Tướng. Mười năm nữa thì ông chết đói.

Chu Á Phu cười mà rằng :

- Đã phú quý đến tột đỉnh như thế, sao lại còn chết đói ?

Hứa Phụ đáp :

- Ông có tướng "đằng xà nhập khẩu" là tướng chết đói.

Về sau Chu Á Phu làm đến Tể Tướng triều vua Hán Cảnh đế, nhưng đến lúc chính trị biến động, ông bị giam trong ngục năm ngày không ăn và thổ huyết mà chết.

-----oOo-----

3. An Lộc Sơn thuở nhỏ nghèo hèn, đi ở hầu cho Trương Thủ Khuê. Khi rửa chân cho Khuê, An Lộc Sơn bỗng ngừng tay

chăm chú nhìn vào bàn chân ông chủ. Khuê hỏi :

- Mày nhìn gì vậy ?

An Lộc Sơn đáp :

- Tôi nhìn nốt ruồi lớn ở bàn chân trái của ngài.

Trương Thủ Khuê cười bảo :

- Đó là cái tướng phất cờ khởi loạn của ta đấy.

An Lộc sơn kính cẩn thưa :

- Thưa ngài, cả hai bàn chân tôi đều có nốt ruồi như thế.

Trương Thủ Khuê nghe nói thế, nhìn An Lộc Sơn đầy vẻ ngạc nhiên. Quả nhiên về sau, An Lộc Sơn làm loạn đốt cháy kinh đô Trường An khiến vua Đường Huyền Tông phải xuất bôn.

-----oOo-----

4. Thần Phóng ẩn cư nơi thảo dã. Một hôm ông cải trang làm tiều phu đến thăm nhà Tướng học Trần Hy Di đời Tống. Trần Hy Di cười bảo :

- Bây giờ tiên sinh là tiều phu, hai mươi năm nữa tiên sinh là một bậc nhị phẩm nhân thần.

Quả nhiên hai mươi năm sau Thần Phóng làm quan đến Công bộ Thượng thư.

*

*   *

5. Dương Ngọc Hoàn lúc nhỏ mồ côi cha, ở với chú. Một hôm chạy chơi ngoài đồng ruộng; có người họ Trương trông thấy bèn nói :

- Ô, người đại phú quý sao lại ở chốn này.

Bạn họ Trương hỏi :

- Con bé quý đến bậc tam phẩm không ?

- Hơn thế nữa.

- Nhất phẩm ?

- Còn hơn thế nữa.

Bạn họ Trương ngạc nhiên :

- Vậy chắc là Hoàng hậu ?

Họ Trương cười :

- Cũng không đúng hẳn.

Về sau, Dương Ngọc Hoàn trở thành phi sủng ái của vua Đường Huyền Tông một thời. Dương quý phi là một trong "tứ đại mỹ nhân" của Trung Quốc. (1) Và cũng chính nàng đã làm rung chuyển cơ nghiệp của Đường Huyền Tông; rồi cuối cùng nàng phải chết ở Mã ngôi pha.

-----oOo-----

Các chuyện trên thuộc về thời xa xưa, còn những chuyện dưới đây xảy ra trong thời cận đại :

6. Thời kỳ Cách mạng Tân Hợi của Trung Quốc, Uông Tinh Vệ là một nhân vật nổi tiếng khác thường. Uông đẹp trai, thông minh và thi phú văn chương khá giỏi. Thuở còn thanh niên đã dám làm chuyện kinh thiên động địa là hành thích Nhiếp chính vương nhà Thanh.

Cách Mạng Tân Hợi thành công, Uông Tinh Vệ rất được Tôn Trung Sơn trọng dụng. Công nghiệp của Uông ngày càng sáng chói như "thái dương cư ngọ" (mặt trời giữa trưa). Cuộc đời Uông tưởng như chung thân phú quý.

Khi Nhật xâm lăng Trung Quốc, kháng chiến bùng nổ thì

Uông Tinh Vệ lại cam tâm làm "Hán gian" theo Nhật lập chính phủ bù nhìn. Tuy nhiên, sự nghiệp mới nửa đường gãy gánh. Họ Uông buồn rầu sinh bệnh mà chết, được Nhật đem chôn ở chân núi Hoa Sơn.

Về sau khi Nhật Bản đầu hàng, mộ Uông Tinh Vệ bị các nhóm thanh niên ái quốc đem mìn phá. Sau đó có hàng trăm quyển sách, hàng ngàn bài thơ thống mạ họ Uông làm tay sai cho giặc.

-----oOo-----

7. Trung Quốc sau Cách mạng Tân Hợi, đã trải qua một thời kỳ "Sứ quân" chia năm xẻ bảy giang sơn. Đường Kế Nghiêu là một trong những "Sứ quân" thời ấy. Họ Đường đem quân lên phía Bắc đánh bại Viên Thế Khải, về phương Nam cắt đất lập giang sơn riêng; thật không còn điều gì đắc ý hơn cho con nhà võ.

Đang lúc hưng thịnh, "danh chấn giang hồ" như thế thì Đường Kế Nghiêu được một nhà sư lạ xem tướng cách và viết cho mấy dòng :

"Mi nhãn dữ các bộ vị cực tương đối. Ngoại biểu anh tuấn bất phàm. Duy thị bạch diện vô tu nan ngôn vĩnh thọ. Hữu thập niên đại vận. Thập niên hậu ưng nghi cấp lưu dũng thoái, quãng kết thiện duyên, tích đức bảo thọ" (Mi và mắt hợp với các bộ vị rất tương đối. Tướng bên ngoài anh tuấn khác thường. Rất tiếc là mặt trắng lại không có râu nên khó lâu bền. Có được vận lớn trong mười năm. Mười năm sau nên rút nhanh, cố gắng làm việc thiện, tích đức thì mới mong khỏi tai họa).

Đang kiêu hãnh về thân phận, quyền thế nghiêng trời lệch đất của mình nên Đường Kế Nghiêu không hề để tâm đến những lời khuyên của vị cao tăng nọ. Nhưng đến năm Dân quốc thứ 16, thời cuộc liên tục biến chuyển. Đường Kế Nghiêu hết Bắc phạt đến Nam chinh và cuối cùng ông ta bị các tướng quân khác đánh

bại. Họ Đường chết trong uất ức vào năm 48 tuổi.

-----oOo-----

8. Cũng vào thời chiến tranh Trung Nhật, vùng Quảng Đông trộm cướp nổi lên như ong. Lý Lãng Kê là một đại ca của một băng cướp nổi tiếng thời ấy.

Khi quân Nhật tràn vào chiếm tỉnh Quảng Đông, Uông Tinh Vệ theo Nhật lập chính phủ bù nhìn. Lý Lãng Kê kéo thủ hạ đầu quân dưới trướng họ Uông và đóng tại Thị Kiều. Họ Lý được vợ Uông Tinh Vệ là Trần Bích Quân trọng dụng, giao cho làm nhiệm vụ kinh tài. Lý Lãng Kê như hổ mọc thêm cánh, tha hồ tác oai tác quái.

Đến khi Uông Tinh Vệ chết, kháng chiến Nhật thành công, tài sản của Lý Lãng Kê bị tịch thu và bản thân Lý thì bị xử tử.

-----oOo-----

---

(1) - Tứ đại mỹ nhân của Trung Quốc :
- Tây Thi, gái nước Việt thời Chiến quốc.
- Vương Chiêu Quân, cung nhân đời Hán, cống Hồ
- Điêu Thuyền, mỹ nhân thời Tam quốc
- Dương Quý Phi, sủng phi của vua Đường Huyền Tông.

Lạ gì bỉ sắc, tư phong
Trời xanh quen thói MÁ HỒNG đánh ghen.

(Câu 5, 6. Mở đầu truyện Kiều)

"Phận HỒNG NHAN có mong manh
Nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên hương"

(Câu 65, 66. Vương Quan dẫn giải về Đạm Tiên)

"Phũ phàng chi bấy hóa công
Ngày xanh mòn mỏi, MÁ HỒNG phôi pha"

(Câu 85, 86. Kiều khóc Đạm Tiên)

Rằng : "HỒNG NHAN tự nghìn xưa
Cái điều BẠC MỆNH có chừa ai đâu".

(Câu 107, 108. Kiều trả lời Thúy Vân ở mộ Đạm Tiên)

"Tuồng chi là giống hôi tanh
Thân nghìn vàng để ô danh MÁ HỒNG"

(Câu 853, 854. Kiều nghĩ khi đã bị Mã Giám Sinh phá thân)

"Số còn nặng nợ MÁ ĐÀO
Người đà muốn quyết, trời nào đã cho"

(Câu 997, 998. Đạm Tiên nói với Kiều trong mơ)

"PHẬN sao BẠC chẳng vừa thôi
Khăng khăng buộc mãi lấy người HỒNG NHAN"

(Câu 1763, 1764. Kiều than thở khi ở nhà Hoạn bà)

Rằng : "Nàng chút phận HỒNG NHAN
Gặp cơn binh cách nhiều nàn cũng thương".

(Câu 2541, 2542. Hồ Tôn Hiến nói với Kiều)

"Bấy lâu nghe tiếng MÁ ĐÀO
Mắt xanh chẳng để ai vào phải không".

(Câu 2181, 2182. Từ Hải hỏi Kiều)

"Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan
Vô duyên là phận HỒNG NHAN đã đành".
(Câu 2659, 2660. Tam Hợp đạo cô nói với Giác Duyên)

Nàng đà gieo ngọc trầm châu
Sông Tiền Đường đó, ấy mồ HỒNG NHAN".
(Câu 2963, 2964. Kim và Vương được trả lời về Kiều).

"Còn chi là cái HỒNG NHAN
Đã xong thân thế, còn toan nỗi nào".
(Câu 3101, 3102. Kiều nói với Kim Trọng)

Canh khuya bức gấm rũ thao
Dưới đèn tỏ rạng, MÁ ĐÀO thêm xuân.
(Câu 3141, 3142. Kim Kiều hội ngộ).

-----oOo-----

Khúc nhà tay lựa nên chương
Một thiên BẠC MỆNH nghĩ càng não nhân.
(Câu 33, 34. Khúc đàn của Kiều)

"Đau đớn thay, phận đàn bà
Lời rằng BẠC MỆNH cũng là lời chung".
(Câu 83, 84. Kiều tỏ lời thương xót Đạm Tiên)

"Anh hoa phát tiết ra ngoài
Ngàn năm BẠC MỆNH một đời tài hoa".
(Câu 415, 416. Kiều tâm sự với Kim Trọng)

"Dù em nên vợ, nên chồng
Xót người MỆNH BẠC, ắt lòng chẳng quên"
(Câu 737, 738. Kiều cậy Thúy Vân gá nghĩa với Kim Trọng)

Sinh rằng : "Thật có như lời

HỒNG NHAN BẠC MỆNH, một người nào vay".
(Câu 1095, 1096. Thúc Sinh bào chữa cho Kiều).

Tiểu thư rằng : "Ý trong tờ
Rắp đem MỆNH BẠC xin nhờ cửa Không".
(Câu 1909, 1910. Hoạn Thư nói với Thúc Sinh)

Thưa rằng : "BẠC MỆNH khúc này
Phổ vào đàn ấy, những ngày còn thơ".
(Câu 2575, 2576. Kiều đàn dưới trướng Hồ Tôn Hiến).

"Cung cầm lựa những ngày xưa
Mà gương BẠC MỆNH bây giờ là đây".
(Câu 2577, 2578. Kiều đàn cho Hồ Tôn Hiến nghe).

HỒNG NHAN, MÁ HỒNG, MÁ ĐÀO cùng một nghĩa để chỉ người phụ nữ có nhan sắc hơn đời.

MỆNH BẠC hay BẠC MỆNH là số phận mỏng manh, không được hưởng sự suông sẻ, hạnh phúc trong đời sống; thường gặp những điều bất trắc, khổ đau tột cùng...

Bạc mệnh thường đi chung với hồng nhan và đã trở thành một thành ngữ thông tục. Nhà thơ Tô Đông Pha đời Tống đã bảo "tự cổ hồng nhan đa bạc mệnh" (Từ xưa khách má hồng thì phần nhiều là phận mỏng). Sách Tình sử cũng có câu "Tạo vật đố hồng nhan"; nghĩa là tọa hóa hay ghen ghét người đàn bà đẹp.

Hồng nhan mà để trở thành mệnh bạc thì không phải chỉ cần có sắc đẹp không thôi. Đẹp hơn người đã đành, nhưng phải là người thông minh, tài hoa, mẫn tiệp, đa tình... Nếu đẹp mà ngu, bất tài thì chả ai thèm nhìn đến; thế thì làm sao mang lấy kiếp bạc mệnh được. Cái lý bạc mệnh của hồng nhan là do sự thông tuệ tài tình nên mới gây thành sóng gió...

Theo luật "Tài mệnh tương đố" (Tài và mệnh đố kỵ nhau, người đàn bà có được ưu điểm ở phương diện này thì phải bị khuyết

điểm ở phương diện khác (phong vu bỉ, sắc vu thử). Trong lịch sử những người đẹp trên thế gian này xưa nay, không biết bao nhiêu người sắc nước hương trời, tài hoa tuyệt diệu phải lâm vào cảnh bạc mệnh. Thế cuộc đời của những khách hồng nhan bạc mệnh như thế nào ? Chết non yểu. Sớm góa bụa. Làm thân nàng hầu, lẽ mọn. Liễu ngõ hoa tường, thanh lâu kỹ viện, bèo dạt hoa trôi...

Tự sát chết thì có hai bà Nữ Anh và Nga Hoàng, vợ vua Thuấn ; nàng Lục Châu ái thiếp của đại phú thương Thạch Sùng. Uống thuốc độc chết thì có Vương Chiêu Quân, Triệu Hợp Đức là Chiêu Nghi của Hán Thành Đế ; Maryline Moonro nữ tài tử màn bạc Mỹ. Bị giết chết có Dương Quý Phi của vua Đường Huyền Tông ; Triệu Phi Yến chánh cung của Hán Thành Đế ; Yên Hậu vợ Tào Phi ; Marie Antoinette hoàng hậu của vua Louis 16 nước Pháp. Chết vì sầu khổ triền miên thì có Tề Cẩm Vân, Hồng Hồng ca nữ, Vương Ấu Ngọc kỹ nữ. Bèo dạt hoa trôi thì có Lâm Tứ Nương, Ngư Huyền Cơ, Ngọc Đường Xuân. Làm thân tì thiếp thì có Điêu Thuyền đời Tam Quốc (một trong tứ đại mỹ nhân của Trung Quốc), Vương Triều Vân, Hồng Tuyến Nữ. Dâm đãng lăng loàn thì có Tề Văn Khương, Tây Thái hậu, Trương Lệ Hoa, Phan Kim Liên...

Các điển tích sau đây cho chúng ta thấy rõ kiếp bạc mệnh của người hồng nhan :

1. Tề Cẩm Vân, một kỹ nữ nhan sắc lại giỏi đàn hay thơ của kỹ viện giáo phường Kim Lăng đời Đường. Cẩm Vân có thể đàm luận văn chương với khách văn mặc suốt ngày không biết mệt.

Một ngày kia, nàng gặp nho sĩ Phú Xuân và hai người cảm nhau vì sắc, trọng nhau vì tài nên họ yêu nhau. Từ khi có Phú Xuân, Tề Cẩm Vân không còn thiết tiếp khách nào khác. Sau đó không lâu, chẳng may Phú Xuân lâm cơn gia biến bị hạ ngục. Tề Cẩm Vân bán hết tư trang của mình lấy tiền nuôi Phú Xuân.

Về sau, Phú Xuân bị giải đi nơi khác; Tề Cẩm Vân tha thiết

xin được đi theo chàng. Tuy nhiên, Phú Xuân không nỡ để người yêu chịu liên lụy cái cảnh đi đày của mình nên chàng khuyên nàng nên ở lại. Cẩm Vân năn nỉ cách mấy thì Phú Xuân cũng vẫn khăng khăng từ chối. Người kỹ nữ chung tình ấy đành làm một bài thơ tứ tuyệt để tiễn biệt người yêu:

"Một nhấp men say vạn dặm tình
Có xuân nấu ruột, não lòng oanh.
Nguyện đem hàng lệ làm mưa ấy,
Lưu giữ chàng, mai ở lại thành".

Phú Xuân bị đi đày, Tề Cẩm Vân ở lại. Từ đó chẳng những nàng không thèm trang điểm mà còn để tóc rối bù và bôi lọ lên mặt, lại đóng chặt cửa không ra ngoài. Không bao lâu nàng héo hon và chết trong cô quạnh...

2. Thời Bảo Lịch nhà Đường, tại Kinh đô Tràng An xuất hiện một cô gái rất đẹp nhưng nghèo hèn, ăn mặc rách rưới ôm đàn tì bà đi hát rong xin tiền độ nhật. Không ai biết cô gái ấy xuất thân từ đâu. Nàng mưu sinh bằng nghề hát rong nhưng ai cho tiền hay không cho cũng được, chẳng bao giờ tỏ ý phiền trách ai.

Trong đám khách văn mặc của kinh thành, có vị Tiến sĩ trẻ tên Vi Thanh để ý đến nàng. Vi Thanh tìm cách làm quen với nàng nhưng lần nào cũng bị lãnh đạm, thờ ơ. Vị Tiến sĩ hào hoa vẫn không nản mà càng cố công theo đuổi. Rồi một ngày kia chàng được toại nguyện: hai người đã quen nhau, và chàng được biết nàng tên là Hồng Hồng.

Vi Thanh mến giọng ca thiên phú của Hồng Hồng. Còn Hồng Hồng thì kính phục tài hoa và sự đứng đắn của Vi Thanh nên dần dần cả hai trở thành đôi bạn thân. Với tài văn chương lỗi lạc của mình, Vi Thanh sáng tác nhiều ca khúc cho Hồng Hồng trình diễn, đưa nàng lên hàng ca nhi thượng thặng thời bấy giờ. Thế rồi hai người cùng yêu nhau tha thiết. Nhưng Vi Thanh tiếc tài hoa

của người yêu đang thời kỳ phát triển nên chưa muốn lấy nàng làm vợ ngay. Chàng định để nàng phục vụ nghệ thuật thêm một thời gian nữa rồi chung sống với nhau cũng không muộn. Phần Hồng Hồng cũng muốn làm vợ Vi Thanh lắm, nhưng xét phận mình nên chưa dám hở môi.

Hồng Hồng ngày càng nổi tiếng khắp kinh đô Tràng An. Và tiếng tăm nàng đã thấu đến tai Hoàng Đế Bảo Lịch. Nhà vua cho mở một đại yến và cho đòi Hồng Hồng vào cung biểu diễn. Vị Hoàng đế trẻ tuổi và đa tình vừa trông thấy Hồng Hồng là đã say mê nàng ngay. Thế là nhà vua ra lệnh cho nàng vào cung và phong cho nàng chức Khúc nương để chăm nom các điệu hát trong cung. Lệnh của vua ban ra nào ai dám cãi, nên đôi trai tài gái sắc Vi Thanh và Hồng Hồng đành phải xa nhau. Mỗi người đành phải nén nỗi đau thương trong lòng mình...

Vào cung, mặc dù được nhà vua yêu chiều quý trọng nhưng Hồng Hồng không thiết gì cả, lúc nào cũng ủ rũ u sầu vì thương nhớ người yêu. Mấy tháng trời trôi qua mà vua Bảo Lịch vẫn không chạm được vào thân thể nàng. Tuy nhiên, nhà vua văn nhã này không dùng quyền uy tối thượng của một quân vương mà ép buộc nàng. Ông vẫn kiên tâm chờ đợi...

Tháng ngày sầu khổ héo hon nên Hồng Hồng lâm bệnh. Bao nhiêu thuốc thang nhà vua cho đem đến, nàng đều không uống mà lén đổ đi. Rồi một ngày kia, sau một khúc ca cho vua thưởng thức, Hồng Hồng gục chết khi tuổi đời chưa được nửa chừng xuân.

Hồng Hồng chết, Vi Thanh từ quan và cất bước ngao du giang hồ...

-----oOo-----

3. Vào thời Ngũ Đại, Trung Quốc loạn lạc khắp nơi. Bấy giờ có nàng Triệu Kinh Nương là một giai nhân tuyệt sắc lại lắm tài

hoa nên bị các anh hùng hào kiệt tranh qua cướp lại nhiều lần. Sau cùng nàng được người anh hùng Triệu Khuông Dẫn cứu thoát từ một nhà tù.

Trên đường trở về nhà, giữa một hoang thôn, Triệu Kinh Nương ngỏ ý muốn làm vợ Triệu Khuông Dẫn. Người anh hùng họ Triệu cười nói :

- Nàng họ Triệu và ta cũng họ Triệu, ta xem nàng như một cô em gái nhỏ mà thôi. Ta gặp nàng trong cảnh chìm nổi lênh đênh, động lòng trắc ẩn ra tay cứu nàng chớ không phải ta ham muốn nhan sắc diễm lệ của nàng đâu.

Khi về đến nhà, cha mẹ Triệu Kinh Nương cũng ngỏ ý gả nàng cho Triệu Khuông Dẫn để đền ơn đáp nghĩa, nhưng chàng Triệu nhất quyết chối từ. Chàng chỉ lưu lại nhà Triệu Kinh Nương mấy hôm rồi từ biệt ra đi.

Triệu Khuông Dẫn đi rồi, Triệu Kinh Nương quá đau khổ vì tình yêu của mình bị hắt hủi. Một tháng sau đó, Kinh Nương tự tử chết sau khi làm một bài thơ tứ tuyệt để lại cho người anh hùng Triệu Khuông Dẫn :

"Thiên phó hồng nhan bất ngộ thời
Thụ nhân lăng nhục, bị nhân khi
Kim tiêu nhất tử thù công tử
Bí thử thanh danh thiên hạ tri".
(Trời cho sắc hồng nhan không đúng thời
Hết bị người làm nhục lại bị người hắt hủi
Đêm nay xin được chết để tạ lòng công tử
Để tâm sự và thanh danh cho mọi người biết)

Về sau, khi Triệu Khuông Dẫn trở thành Tống Thái Tổ của nhà Tống, chợt nhớ đến Kinh Nương, Hoàng đế truy phong nàng là "Trinh nghĩa phu nhân" và cho lập miếu thờ tại địa phương.

-----oOo-----

4. Nàng Triệu Viên Viên người đất Tô Châu cuối đời nhà Minh, vừa đẹp vừa giỏi cầm kỳ thi họa. Đại thần Châu Bá Khuê mua nàng tiến dâng lên Sùng Trinh hoàng đế. Nhưng có thầy tướng số bảo rằng nếu cho Triệu Viên Viên nhập cung thì sẽ có tai họa cho Minh triều. Vì thế Sùng Trinh hoàng đế trả nàng cho Châu Bá Khuê để gởi về nguyên quán.

Sau đó Triệu Viên Viên được Đại Tướng Ngô Tam Quế cưới làm thiếp.

Năm Sùng Trinh thứ 70, Tướng quân Lý Tự Thành nổi loạn, đem binh vậy hãm kinh đô nhà Minh. Sùng Trinh hoàng đế thắt cổ tự tử ở Môi Sơn. Lý Tự Thành tự lập làm vua, xưng là Đại Thuận Hoàng đế. Vốn đã khao khát Trần Viên Viên từ lâu, bấy giờ Lý Tự Thành bắt nàng vào cung.

Đại tướng Ngô Tam Quế biết Minh Triều đã sụp đổ, định kéo quân về đầu hàng Lý Tự Thành. Nhưng khi biết Lý Tự Thành bắt người thiếp yêu của mình là Trần Viên Viên sung vào cung, Ngô Tam Quế liền nổi cơn phẫn nộ, liền điều đình với Mãn Thanh để liên quân đánh Lý Tự Thành.

Lý Tự Thành thua, Trung Quốc bị đặt dưới sự thống trị của người Mãn Thanh. Ngô Tam Quế trở thành một tên Hán gian chỉ vì cái kiếp hồng nhan bạc mệnh của Trần Viên Viên vậy.

*

* *

5. Tô Đông Pha, một danh sĩ và là một vị quan lớn của Tống triều, vì bất đồng chính kiến với Tể Tướng Vương An Thạch nên bị biếm đi Hàng Châu.

Lúc sắp lên đường, nhà thơ được người bạn thân họ Tưởng đến tiễn biệt. Tô Đông Pha sai người thiếp yêu là Xuân Nương thiết tiệc đãi bạn. Trong lúc uống rượu, khách hỏi :

- Chẳng hay quý nhân có đi theo ngài chăng ?

Tô Đông Pha đáp :

- Đường xá xa xôi vạn dặm, có lẽ Xuân Nương theo không tiện. Tại hạ định cho nàng về với song đường.

Khách nghe thế, ngỏ ý đem con ngựa bạch của mình đổi lấy mỹ nhân. Tô Đông Pha thuận ngay. Xuân Nương nghe thế bèn bước đến, sửa áo thưa rằng :

- Thiếp trộm nghe, ngày xưa vua Tề Cảnh Công định chém người coi ngựa mà Án Tử còn can ngăn. Đức Khổng Tử bị cháy chuồng ngựa, chỉ hỏi đến người chớ không hỏi ngựa. Các điều ấy chứng tỏ người được quý hơn vật. Nay Học sĩ đem người đổi lấy ngựa, vậy là Học sĩ xem vật quý hơn người.

Đoạn, nàng ứng khẩu đọc một bài từ :
"Làm người thì chớ làm đàn bà
Mọi điều sướng khổ, quyền người ta
Nay mới biết người còn kém vật
Oán ai, thôi sống cũng bằng thừa."

Rồi Xuân Nương bước xuống thềm và đập đầu vào thân cây hòe tự tận. Tô Đông Pha hối hận, thương tiếc vô cùng. Nhưng than ôi, Xuân Nương nhan sắc và tài hoa đâu còn nữa...

-----oOo-----

6. Tô Đông Pha, một lần khác bị đày đến Huệ Châu, ông ở cạnh nhà viên Đô giám họ Ôn. Ôn Đô giám có một người con gái rất đẹp lại học giỏi, đã đến tuổi cập kê nhưng mắt xanh vẫn chưa lọt bóng hình ai.

Ôn nữ vốn đã nghe tiếng và mến mộ Tô Đông Pha từ lâu, nên có dịp được người thơ ở gần bên cạnh, nàng lấy làm thích lắm. Đêm đêm, Ôn nữ thường lén cha chạy sang vườn nhà Tô Đông Pha, núp bên song cửa nghe người thơ ngâm vịnh.

Ôn Đô giám biết chuyện, tỏ ý không bằng lòng thái độ của

con gái. Nhưng Ôn nữ thẳng thắn nhận rằng mình đã thầm yêu thi nhân họ Tô và bằng lòng làm tì thiếp của nhà thơ; mặc dù Tô Đông Pha lớn tuổi hơn nàng rất nhiều. Ôn Đô giám thấy con gái cương quyết như thế nên cũng đành chấp thuận và toan tìm người mối lái đánh tiếng với nhà thơ.

Bất ngờ Tô Đông Pha được triều đình tha tội và triệu về kinh. Ông vội vã lai kinh nên ý định của Ôn Đô giám bất thành. Ôn nữ không được toại nguyện nên uất ức thành bệnh, chẳng bao lâu sau nàng từ trần.

Về sau Tô Đông Pha có trở lại Huệ Châu và biết được chuyện ấy. Ông tỏ ra thương cảm vô cùng và làm một bài từ khóc người thiếu nữ đa tình kia. Tất cả con trai con gái của vùng Huệ Châu đều thuộc bài từ ấy. Bài từ như sau:

"Chim hồng cô đơn
Trăng khuyết treo ngọn ngô đồng
Tàn canh người vừa tạm vắng
Bỗng thấy lòng u hồn lại qua
Lãng đãng như chim hồng lẻ bóng.
Giật mình liền ngoảnh đầu
Hận nào ai hiểu đặng
Bấy nhiêu cành không chịu dừng
Tịch mịch bãi sông lạnh vắng".

-----oOo-----

7. Ngày xưa đã có nhiều khách má hồng phận bạc như thế. Còn ngày nay thì sao ? Thời nào và ở đâu, cái kiếp mệnh bạc vẫn luôn đeo đẳng lấy người hồng nhan.

Trong thập niên 1930 ở tỉnh Quảng Đông Trung Quốc có nàng kỹ nữ Kim Kiều nổi danh tài sắc. Tiếng tăm của Kim Kiều vang dội khắp nơi. Người ta chỉ cần nhớ đến hai tiếng Kim Kiều chớ không cần biết tên họ thật của nàng là gì. Vừa có nhan sắc

nhạn sa cá lặn mà lại vừa đa tình nên ai trông thấy nàng cũng đâm ra mê mẩn ngay. Không biết bao nhiêu trang phong lưu công tử, bao nhiêu đạt quan quý nhân thời bấy giờ điên đảo vì nàng. Họ sẵn sàng ném tiền qua cửa sổ để mua lấy những "cuộc vui suốt sáng, trận cười thâu đêm" với nàng kỹ nữ tài hoa ấy.

Cuộc đời của nàng Kim Kiều tưởng như luôn luôn được chiều chuộng, thỏa mãn trong cảnh vàng son. Nào ngờ đâu một đêm kia, hỏa hoạn xảy ra thiêu rụi cả xóm yên hoa và Kim Kiều bị chết cháy trong ngọn lửa vô tình, với tất cả tài sản của nàng.

Tin Kim Kiều chết được loan truyền đi khắp Trung Hoa. Thật đúng là cái cảnh "nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên hương". Không biết bao nhiêu khách tài hoa phong lưu ở khắp nơi đổ xô về Quảng Châu để thương hương tiếc ngọc. Người ta bới trong đống tro tàn tìm lấy nắm xương của Kim Kiều đem chôn cất và xây cho nàng một ngôi mộ thật khang trang.

Sau đó, các giới văn nghệ sĩ còn sáng tác kịch, bài ca nói về cuộc đời nàng để phổ biến trong dân chúng.

MẮT XANH : xem tích Nguyễn Tịch, trang 304

---

(1) Tô Đông Pha tên Tô Thức tự Tử Chiêm, sinh ngày 19 tháng Chạp năm Bính Tý nhằm năm Cảnh Hựu thứ ba đời vua Tống Thần Tông (dương lịch 1037). Ông là con trưởng của một danh sĩ đương thời tên Tô Tuân, ở huyện Mi Sơn, tỉnh Tứ Xuyên.

Năm 1057 Tô Đông Pha đỗ Tiến sĩ, mới 22 tuổi. Hoạn lộ của họ Tô vô cùng thăng trầm, bị đi đày nhiều hơn ở kinh đô.

Ngày 28-6-1101, Tô Đông Pha mất ở Thường Châu (đời vua Tống Huy Tông), thọ 64 tuổi.

-----oOo-----

Đầu lòng hai ả TỐ NGA
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.

(Câu 15, 16. Giới thiệu chị em Kiều)

TỐ NGA : Tố là trắng. Nga là người con gái đẹp. Bài Nguyệt phú của Tạ Trang có lời chú: "Thường Nga thiết dược bôn nguyệt; nguyệt sắc bạch, cố vân Tố Nga" (Thường Nga lấy trộm thuốc tiên, thoát lên cung trăng; mặt trăng sắc trắng cho nên nói là Tố Nga). "Thần Tiên truyện" chép rằng: Thường Nga là vợ Hậu Nghệ. Hậu Nghệ xin được thuốc trường sinh của bà Tây Vương Mẫu. Hậu Nghệ là người tính tình không tốt, hay làm việc phản bạn, Thường Nga khuyên chồng mãi mà không được. Nàng giận thừa cơ uống trộm thuốc tiên và bay lên cung trăng.

Lại có truyền thuyết nói rằng vua Đường Minh Hoàng (tức Đường Huyền Tông) lên chơi nguyệt điện thấy có mười người con gái mặc toàn trắng và cỡi hạc trắng múa hát; cho nên nhà vua dùng chữ Tố Nga để chỉ mặt trăng và cũng để chỉ người con gái đẹp.

*

* *

MAI CỐT CÁCH, tuyết tinh thần
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười

(Câu 17 và 18, phẩm chất chị em Kiều)

MAI CỐT CÁCH là thân hình mảnh mai, yếu đuối như cây mai. Đây là quan niệm của người xưa, người con gái được coi là đẹp phải có thân mình ẻo lả mảnh mai như thế.

Điển hình cho người đẹp "mai cốt cách" là nàng Mai Phi, một người phi sủng ái của vua Đường Huyền Tông khi ông chưa có nàng Dương quý phi.

Mai Phi tên thật là Giang Thái Tần, chào đời và lớn lên ở Mai Hoa thôn. Nàng được Thái giám Cao Lực Sĩ tuyển chọn vào cung dâng cho vua Đường Huyền Tông. Nàng có nhan sắc diễm lệ và thân hình mảnh dẻ gió thổi cũng bay. Hơn nữa, nàng rất yêu thích hoa mai nên được nhà vua đặt là Mai Phi.

Vào cung, Mai Phi đã được vua Đường Huyền Tông sủng ái rất mực một thời. Đến khi nhà vua có được Dương quý phi thì Mai Phi bị thất sủng. Nàng sầu khổ lâm bệnh và cuối cùng chết đi như một cành hoa mai héo hắt.

Cùng mẫu người "mai cốt cách" như Mai Phi còn có Đào Hoa Nữ trong bài thơ của Thôi Hộ, nàng Thôi Oanh Oanh trong Tây Sương Ký và nàng Lâm Đại Ngọc trong Hồng Lâu Mộng.

Loại phụ nữ như thế chỉ là một loại hoa quý để cắm trong bình cho người khác thưởng thức chứ không thể là mẫu người làm vợ lý tưởng được. Tại sao ? Vì thân thể họ nhuyễn nhược, mềm yếu quá có làm nên chuyện gì đâu ? Nhất nhất chuyện gì họ cũng đều trông cậy vào người khác mà thôi. Và mẫu người như thế, thường là "hồng nhan bạc phận", sớm bị yểu vong chớ không thể

trường thọ được.

-----oOo-----

Nhân vật chính trong truyện Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần là Lâm Đại Ngọc, cũng là một mẫu người "mai cốt cách". Lâm Đại Ngọc tự là Tần Khanh, biệt hiệu là Tiêu Sương Phi Tử quê quán ở Tô Châu ; xuất thân trong một gia đình quan chức suốt bốn đời.

Ngoài thân hình yếu đuối "mai cốt cách", Lâm Đại Ngọc còn là một con người mang nét "mãn diện sầu dung" luôn luôn. Trông phong thái nàng thật là u nhàn, thanh tĩnh như một cành hoa soi bóng nước; lại thêm tính tình cũng rất thanh cao, trang nhã.

Mồ côi mẹ năm mười tuổi, Lâm Đại Ngọc ở với bà ngoại và rất được bà cưng chiều. Sống chung và chơi đùa chung với nhau bao nhiêu năm trời là Giả Bảo Ngọc, người anh họ của nàng. Do đó, tình cảm yêu thương nảy nở giữa Lâm Đại Ngọc và Giả Bảo Ngọc nhưng cả hai chẳng dám thổ lộ cho nhau, chỉ nghe ngóng động tĩnh của nhau để mà vui buồn với nhau mà thôi.

Sau một thời gian chung sống ở vườn Đại quan, Giả Bảo Ngọc dọn về Di Hồng viện, còn Lâm Đại Ngọc thì đến Tiêu Sương quán. Sự xa cách này khiến hai người thương nhớ nhau và tìm cách trao tình cho nhau nên mối tình thầm kín của họ bị lộ. Lâm Đại Ngọc ngày càng thêm u sầu, ai oán. Cứ chiều chiều nàng ra vườn gom những cánh hoa rụng và đem chôn ; lại làm hai câu thơ táng hoa rằng :

"Ngã kim táng hoa nhân tiếu si
Tha niên táng ngã tri thị thùy"?
(Nay ta chôn hoa, người cười ta dại
Sang năm ta chết, ai người chôn ta).

Sau đó, mẹ Giả Bảo Ngọc cưới Tiết Bảo Thoa cho chàng. Lâm Đại Ngọc thổ huyết chết ngay trong đêm động phòng hoa chúc của người yêu...

-----oOo-----

Vân xem trang trọng khác vời
KHUÔN TRĂNG ĐẦY ĐẶN
NÉT NGÀI NỞ NANG

(Câu 19 và 20, nhan sắc Thúy Vân)

Cổ tướng thư nói: "Diện như mãn nguyệt, mi nhược ngọa tàm"; nghĩa là mặt như trăng tròn, lông mày như con tằm nằm ngang. Đây là một cách tả ước lệ của người xưa về vẻ đoan trang của người phụ nữ.

Cũng sách Cổ tướng thư còn ghi : "Diện như mãn nguyệt, thanh tú nhi thần thái xạ nhân giả vi chi chiêu hà chí diện, nam chủ công hầu tướng, nữ chủ hậu phi phu nhân". (Mặt như trăng rằm thanh tú, tinh thần rực rỡ sáng sủa gọi là mặt của ráng trời buổi sớm, con trai công hầu, con gái hậu phi, phu nhân).

Người phụ nữ được cái tướng như thế là tốt, đoan trang hiền thục mà lại phúc hậu; có thể yên tâm là có một cuộc đời an nhàn. Vạn nhất, nếu sống trong một xã hội tao loạn, có vì gia biến hay một hoàn cảnh đặc biệt nào đó mà phải lưu lạc bèo dạt hoa trôi thì cũng chỉ là nhất thời mà thôi. Và cuộc sống cũng không quá lao đao lận đận như phần đông ca nhi, kỹ nữ khác.

Câu chuyện sau đây có thể minh chứng được cho điều đó :

Lý Sư Sư là một kỹ nữ danh tiếng ở kinh đô Khai Phong đời vua Tống Huy Tông. Mặt mày đầy đặn phương phi, tánh tình ôn nhu hòa thuận. Tuy là kỹ nữ nhưng rất chững chạc, đoan trang.

Khách làng chơi văn mặc thảy đều tỏ ý tiếc cho nàng. Ai ai cũng nghĩ có lẽ nàng xuất thân con nhà đường hoàng nhưng vì một hoàn cảnh gì đó mà phải đem thân vào chốn kỹ viện. Do đó, tuy là kỹ nữ nhưng Lý Sư Sư rất được khách hào hoa tôn trọng.

Tiếng tăm nàng thấu đến tai Huy Tông hoàng đế khiến nhà vua trẻ tuổi, đa tình này cũng háo hức muốn gặp nàng. Một hôm Huy Tông Hoàng đế cải dạng thường dân đến kỹ viện tìm nàng.

Lần đầu tiên gặp gỡ, Huy Tông cứ nghĩ rằng Lý Sư Sư cũng chỉ là một kỹ nữ như bao nhiêu kỹ nữ khác nên Hoàng đế tỏ ra suồng sã với nàng. Lý Sư Sư liền bỏ đi, không tiếp. Nhà vua cho thị vệ chạy theo rỉ tai nàng, bảo cho nàng biết ông chính là đương kim Hoàng đế. Dù biết là Hoàng đế nhưng Lý Sư Sư cũng mặc, nhất định không thèm tiếp một người thô tục, có cử chỉ khiếm nhã. Tống Huy Tông Hoàng đế đành phải chịu thua kỹ nữ Lý Sư Sư và ra về.

Về sau, nhà vua phải mất một thời gian khá lâu dài mới chinh phục lại được cảm tình của nàng kỹ nữ họ Lý ấy. Rồi nhà vua cho triệu nàng vào cung.

Khi nhà Tống bị Mông Cổ xâm lăng, tướng Mông Cổ cho đòi Lý Sư Sư đến hầu rượu, nàng cũng nhất định không nghe. Để tránh bị ô nhục, Lý Sư Sư bẻ cây trâm cài đầu nuốt vào cổ để tự tận...

*

*   *

Một hai NGHIÊNG NƯỚC, NGHIÊNG THÀNH
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.

(Câu 27, 28. Tài sắc Thúy Kiều)

"Ví chẳng duyên nợ ba sinh
Làm chi những thói KHUYNH THÀNH trêu ngươi!".
(Câu 257, 258. Kim Trọng than thở)

Lạ cho cái sóng KHUYNH THÀNH
Làm cho đổ quán, xiêu đình như chơi.
(Câu 1301, 1302. Thúc Sinh đam mê Kiều).

Nhìn một cái xiêu thành người, nhìn một cái nữa đổ nước người. Ý nghĩa là muốn nói đến cái nhan sắc cực kỳ đẹp khiến người ta say mê đến mất thành mất nước mà cũng không hay.

Câu này Nguyễn Du dịch lời ca của Lý Diên Niên trong tích Hán Vũ Đế tuyển người đẹp.

Năm Nguyên sóc, Hán Vũ đế cho xây dựng đền Minh Quang và kén chọn hai ngàn gái đẹp ở vùng Yên, Triệu đưa vào ở trong đó. Những người đẹp được tuyển chọn này chỉ tuổi từ mười lăm trở lên, nhưng quá ba mươi tuổi thì bị thải hồi.

Ngoài đền Minh Quang, Hán Vũ đế còn nhiều nơi khác để chứa gái đẹp. Tổng cộng số gái đẹp của nhà vua này lên đến một vạn tám ngàn. Ấy thế mà Hán Vũ đế vẫn còn cho là thiếu.

Một hôm, ca nhân Lý Diên Niên hát cho Hán Vũ đế nghe rằng :

"Bắc phương hữu giai nhân
Tuyệt thế nhi độc lập.
Nhất cố nhân khuynh thành
Tái cố nhân khuynh quốc.
Ninh bất tri khuynh thành dữ khuynh quốc,

Giai nhân nan tái đắc".
(Phương Bắc có người đẹp
Tuyệt vời đứng riêng bậc.
Một nhìn, người nghiêng thành
Hai nhìn, người nghiêng nước.
Há rằng chẳng biết nước, thành nghiêng,
Chỉ vì người đẹp khó tìm được).

Hán Vũ đế bèn hỏi :

- Thế gian có người đẹp đến như thế sao ?

Tả hữu thưa :

- Tâu bệ hạ, người đẹp trong bài ca ấy chính là cô em gái của Lý Diên Niên vậy.

Hán Vũ đế bèn ra lệnh cho Lý Diên Niên đưa em gái vào cung. Nhà vua rất sủng ái nàng và bắt cả triều thần phải gọi nàng là Lý phu nhân. Vua lại phong cho Lý Diên Niên từ chức Cẩn giám lên chức Hiệp Luật Đô Úy.

Lý phu nhân ở với Hán Vũ đế hơn một năm thì sinh được một con trai, tức là Sương ấp vương sau này.

Một thời gian sau Lý phu nhân bị bệnh nặng. Hán Vũ đế tự đến thăm hỏi nhưng không được nàng tiếp. Nàng trùm chăn kín mít và nói với nhà vua:

- Thiếp bị đau nặng đã lâu, hình dung tiều tụy lắm, không dám đem cái nhan sắc héo úa ra mắt nhà vua. Chỉ xin gởi lại nhà vua một người con trai và mấy người anh em.

Hán Vũ đế nói :

- Phu nhân bệnh nặng e khó qua, hãy mở chăn nhìn ta mà ký thác con và anh em có phải hơn không ?

Lý phu nhân vẫn trùm chăn kín mà nói :

- Theo lễ, đàn bà mặt mũi không sạch, không được trông thấy đấng quân phụ.

Nhà vua cố nài nỉ :

- Phu nhân hãy ra mắt trẫm một lần này thôi, trẫm sẽ ban cho phu nhân nghìn vàng, cho con và anh em của phu nhân làm quan to.

Lý phu nhân vẫn một mực khước từ :

- Cho làm quan là quyền ở nhà vua, không do sự ra mắt của thần thiếp.

Nói đoạn, Lý phu nhân quay vào vách, thở dài rồi nín lặng. Hán Vũ đế cả giận, đứng phắt dậy bước ra ngay, không nói thêm tiếng nào.

Các người thân thích biết chuyện, đến trách Lý phu nhân rằng :

- Sao quý nhân không mở mặt ra cho đấng quân vương trông thấy, rồi đem con và anh em ký thác có phải hơn không? Sao lại làm cho nhà vua tức giận đến thế ?

Lý phu nhân đáp :

- Đàn bà là kẻ lấy nhan sắc thờ người. Nay nhan sắc đã kém tất nhiên tình yêu phải phai nhạt. Tình yêu đã phai nhạt thì sẽ không còn ân huệ gì nữa. Bấy lâu nhà vua sủng ái ta là chỉ vì ta còn nhan sắc. Nay ta đang ốm nặng, nhan sắc tiều tụy, nếu để nhà vua trông thấy thì, thử hỏi ngài còn yêu ta như trước nữa không. Dĩ nhiên khi tình yêu không còn thì làm sao ngài còn thương đến anh em ta nữa. Nay ta không ra mắt nhà vua là ý muốn gởi gấm anh em một cách thiết tha vậy.

Ít hôm sau Lý phu nhân từ trần. Hán Vũ đế cho chôn cất nàng rất hậu. Nhà vua lại sai họa nhân vẽ ảnh nàng treo trong

cung Cam Tuyền để ngày ngày nhìn ngắm. Nhà vua cũng phong cho các anh em của Lý phu nhân làm quan cao.

Hán Vũ đế ngày đêm thương nhớ Lý phu nhân khôn nguôi. Nhà vua sai người đào ao Côn Linh, đóng thuyền hình chim phượng để ở ao ấy. Ngài tự chế bài hát, lên thuyền đi chơi bắt các cung nhân hát để giải buồn.

Một hôm, ca nhi hát bài "Lá rụng ve kêu" như sau :

"Xuyến vòng im bặt tiếng kêu
Thềm son mấy đợt bụi rêu lờ mờ.
Phòng không lạnh ngắt như tờ,
Gió đưa lá rụng phất phơ cửa ngoài.
Bấy lâu tưởng háo mong hoài,
Trông ai chẳng thấy, bùi ngùi lòng ta...".

Vũ đế nghe bài hát càng buồn rầu thêm, sai lấy nến mỡ rồng soi trong khoang thuyền để tìm hình ảnh Lý phu nhân. Rồi ngài ôm mặt khóc nức nở như một đứa trẻ con...

-----oOo-----

Cung thương làu bậc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt HỒ CẦM một chương.

(Câu 31 và 32, tài nghệ của Kiều)

Quá quan này khúc CHIÊU QUÂN
Nửa phần luyến chúa, nửa phần tư gia.
(Câu 379 - 480, Kiều gảy đàn cho Kim Trọng nghe).

HỒ CẦM và CHIÊU QUÂN : cây đàn Tì bà và nàng Chiêu Quân. Sở dĩ cây đàn Tì bà được gọi là Hồ cầm là vì nàng Chiêu Quân khi bị cống sang Phiên Quốc (Rợ Hồ) thường dùng cây đàn ấy để giải sầu.

Chiêu Quân tên thật là Vương Tường, người Nam quận đời Hán Nguyên đế. Mười bảy tuổi đã nổi tiếng nhan sắc và nết na; được tuyển vào cung vua.

Thời bấy giờ số cung nhân quá nhiều, Hán Nguyên đế không làm sao "dùng" hết và cũng chẳng biết phải chọn ai, bỏ ai. Nhà vua bèn sai bọn họa nhân của Mao Diên Thọ vẽ hình các cung nhân, để khi nào nhà vua thấy thích nàng nào thì cho đòi nàng ấy vào mà "ngự hạnh". Vì vậy, đám cung nhân đua nhau đút lót tiền bạc cho bọn Mao Diên Thọ để được bọn họa nhân tô chuốc cho đẹp thêm, hầu được giáp mặt đấng quân vương. Riêng nàng Vương Tường cậy vào nhan sắc hơn người nên không thèm xu phụ, đút lót bọn họa nhân. Vì thế bọn họa nhân vẽ ảnh nàng xấu đi nên nàng không hề được nhà vua chiếu cố đến.

Nhân dịp chúa Thiền Vu nước Hung Nô vào chầu Nguyên đế, tỏ ý muốn xin một người con gái Trung nguyên làm vợ và được nhà vua bằng lòng ban cho. Vua ra lệnh cho đám cung nhân của ngài ai muốn sang Hung Nô làm vợ Thiền Vu thì ngài cho đi.

Vương Chiêu Quân tiến cung đã được mấy năm nhưng chưa hề một lần được hưởng ơn mưa móc nên có lòng hờn oán nhà vua,

tình nguyện sang Hồ.

Lúc sắp lên đường, Nguyên đế cho mở tiệc lớn ở sân triều đình, đòi Chiêu Quân đến cho Thiền Vu nhận mặt. Chiêu Quân trang điểm lộng lẫy và xuất hiện. Dung nhan của nàng đã làm cho cả triều thần của Nguyên đế choáng ngợp. Cả Hán Nguyên đế, bây giờ mới biết được dung nhan thật của Chiêu Quân thì cảm thấy tâm hồn ngất ngây, tiếc nuối vô cùng. Nhưng đã lỡ hứa với Thiền Vu rồi nên nhà vua phải giữ uy tín, bấm bụng để cho Chiêu Quân ra đi. Hơn nữa, lúc ấy rợ Hung Nô đang ở thế mạnh, Hán nguyên đế cũng hơi ớn, không muốn có cuộc can qua xảy ra giữa hai nước.

Sau cuộc trình diện ở sân triều, Chiêu Quân thay xiêm y bằng nhung phục, ôm đàn tỳ bà cỡi ngựa theo Thiền Vu về đất Hung Nô. Ra khỏi cửa ải, Chiêu Quân gởi về cho Hán Nguyên đế một bức thư, lời lẽ như sau :

"Thần thiếp trước kia được tuyển vào dịch đình, những tưởng tấm thân bồ liễu này được nương bóng nhật nguyệt, thì dù có chết cũng còn được thơm lây. Chẳng ngờ vì thất ý với bọn họa nhân, đến nỗi phải nổi trôi ra miền tuyệt vực, thật là một sự oan uổng vô cùng. Nếu như phải bỏ tấm thân hèn này mà đền đáp được chút ơn của đấng quân vương thì thần thiếp cũng không quản ngại. Chỉ tiếc cho công việc truất trắc, nhà vua lại giao cho bọn thợ hèn, để nay thần thiếp phải ngoảnh mặt về phía Nam, trông bóng cửa ải nhà Hán mà không sao khuây được nỗi đớn đau. Nay ở nhà thần thiếp còn cha và em, cúi xin bệ hạ rũ chút lòng thương chiếu cố...".

Hán Nguyên đế xem thư càng thương càng tiếc Chiêu Quân, rồi đâm ra tức giận bọn Mao Diên Thọ nên hạ lệnh giết chết hết bọn ấy.

Sống bên đất Hồ, Vương Chiêu Quân còn làm một bài thơ

như sau :

"Lá vàng điểm bóng cây xanh
Con chim trên núi đậu cành cây dâu.
Chim nuôi lông cánh từ lâu,
Hình dung ngày một thêm màu tươi xanh.
Một phen vượt lối mây xanh
Phòng sâu, cung thẳm nép mình ở trong
Tấm thân đã hết vẫy vùng
Ăn ngon khôn chuộc nỗi lòng đau thương.
Biết sao, đi lại trái thường
Chiếc thân con én, đất mường xa bay.
Ngọn núi cao, nước sông đầy
Mẹ cha có thấu lòng này cho chăng ?
Đường xa xa tít muôn trùng
Lòng thơ siết nỗi bâng khuâng ngậm ngùi...

Vương Chiêu Quân ăn ở với Thiền Vu sinh được một đứa con trai, đặt tên là Thế Vị. Khi Thiền Vu chết, Thế Vị nối ngôi cha làm vua Hung Nô.

Theo tục lệ của Hung Nô, cha chết thì con trai phải lấy mẹ làm vợ. Chiêu Quân là người Hán tộc làm sao chấp nhận được sự loạn luân ấy. Nàng hỏi con :

- Mày muốn làm người Hán hay làm người Hung Nô ?

Thế Vị đáp rằng muốn làm người Hồ nên Chiêu Quân uống thuốc độc tự tận. Trên dãy đất Hung Nô mênh mông, tất cả cỏ luôn luôn có màu vàng úa; chỉ riêng cỏ trên nấm mồ của Vương Chiêu Quân lúc nào cũng một màu xanh. Truyền thuyết dân gian bảo rằng đó có lẽ là do tấm lòng phẫn uất của nàng mà ra...

-----oOo-----

Êm đềm trướng rũ, màn che
TƯỜNG ĐÔNG ong bướm đi về mặc ai

(Câu 37 và 38, nề nếp của Thúy Kiều và Thúy Vân)

Sông hồ nửa khép cánh mây
TƯỜNG ĐÔNG ghé mắt, ngày ngày hằng trông.
(Câu 283 - 284, Kim Trọng đi tìm Thúy Kiều)

TƯỜNG ĐÔNG nghĩa đen là bức tường ở phía Đông, nghĩa bóng là nơi có giai nhân cư ngụ.

Sách Mạnh Tử có câu: "Du đông lân nhi lâu kỳ xử tử" (Trèo sang nhà láng giềng ở phía Đông để dụ dỗ con gái nhà người ta). Đường thi cũng có câu: "Đông lân Tống Ngọc tường" là để ám chỉ nơi trai gái giao tình với nhau. Vì chàng Tống Ngọc (1) người nước Sở thời Chiến quốc là một thanh niên đẹp trai, thơ hay phú giỏi và tánh tình trăng hoa, ong bướm, đã làm cho bao nhiêu người đẹp phải ôm mối hận tình với chàng ta.

Trong một bài phú tự tình gởi lên vua nước Sở, Tống Ngọc có viết :

"Thiên hạ chi giai nhân, mạc nhược Sở quốc
Sở quốc chi lệ giả, mạc nhược thần lý
Thần lý chi mỹ giả, mạc nhược thần đông gia chi tử".
(Người đẹp trong thiên hạ không đâu bằng nước Sở.
Người đẹp trong nước Sở không đâu bằng ở xóm hạ thần.

Người đẹp trong xóm hạ thần không ai bằng nàng con gái láng giềng ở phía tường đông nhà hạ thần).

Nhà thơ Lý Bạch đời Đường cũng có câu :

"Tự cổ hữu tự sắc
Tây Thi do đông lân".
(Từ xưa có nhan sắc

Tây Thi ở xóm đông).

Hai chữ Tường Đông đã có một trang tình sử lâm ly như sau :

Nước Sở có loạn, nhà vua sai đại thần Vương Trung đem binh dẹp loạn. Vì chậm trễ việc quân, Vương Trung không cứu vãn được tình thế nên bị vua giáng chức, làm Thiên hộ vệ quân tại Nam Dương. Vương Trung đem cả gia quyến theo mình đến nhiệm sở mới.

Bấy giờ Vương Trung có người con gái rất đẹp, tên Vương Kiều Loan, tuổi độ trăng tròn. Kiều Loan chẳng những đẹp mà còn thông minh và rất giỏi văn mặc, cho nên đã tới tuổi cập kê mà mắt xanh vẫn chưa để ai vào. Vương Trung có người em gái tên Tào Di sớm bị góa bụa, nên đem về ở chung trong gia đình để sớm hôm bầu bạn với Kiều Loan.

Năm nọ vào tiết Thanh minh, Kiều Loan cùng Tào Di và vài thị nữ đi ngoạn cảnh bên ngoài. Khi ra khỏi nhà thì Kiều Loan phát hiện ở phía tường đông có một chàng trai đang nhìn mình đăm đăm không chớp mắt. Đôi mắt của ai kia sao đầy vẻ tình tứ khiến tiểu thư họ Vương không khỏi bối rối trong lòng, đôi má ửng hồng e thẹn. Kiều Loan vội núp sau lưng người cô và giục Tào Di trở vào, không muốn đi chơi nữa.

Khi Vương Kiều Loan đã trở về nhà, chàng trai kia thở dài ngẩn ngơ tiếc rẻ. Chợt chàng trông thấy dưới một gốc hoa kia có chiếc khăn the của người đẹp đánh rơi lại. Chàng vội bước đến nhặt chiếc khăn lên, mùi hương còn thoang thoảng. Bỗng chàng nghe bên trong tường rào Vương phủ có tiếng động, rồi có bóng một thiếu nữ hiện ra. Chàng trai vội vàng núp vào một khóm hoa theo dõi bóng người con gái. Thì ra cô gái ấy là một cô hầu của tiểu thư Vương Kiều Loan, đi ra ngoài tìm chiếc khăn của tiểu chủ đánh rơi lúc nãy. Chàng trai đứng lên và mạnh dạn đánh

tiếng:

- Cô nương ơi, đừng tìm kiếm cho mất công. Chiếc khăn của tiểu thư đã vào tay kẻ khác rồi.

Cô gái nhìn chàng trai lạ từ đầu đến chân và nhận thấy chàng có vẻ phong lưu tuấn tú, bèn đến gần kính cẩn hỏi :

- Thưa công tử, nếu quả thật công tử đã nhặt được chiếc khăn của tiểu thư tôi, thì dám xin công tử vui lòng cho xin lại. Ơn ấy tiểu thư tôi chắc không quên.

Chàng trai không đáp. Cô gái nói tiếp :

- Xin ân nhân cho biết tôn danh để tiểu thư tôi còn tạ ơn.

Chàng trai đáp :

- Tôi họ Tống tên Ngọc, người quận Ngô Châu, hiện cư ngụ ngay phía sau tôn phủ. Còn tiểu thư của nàng là ai vậy ?

- Dạ, tiểu thư tôi tên Vương Kiều Loan, con gái của quan Thiên Hộ.

Tống Ngọc cười :

- Tên của tiểu thư nàng thật đẹp, thế còn nàng tên gì ?

Cô gái e thẹn đáp :

- Dạ, tiện nữ tên gọi Minh Hà.

Tống Ngọc cười, trêu chọc :

- Cả thầy lẫn trò đều đẹp cả. Vậy bây giờ tôi nhờ nàng trao cho tiểu thư Kiều Loan một bức thư có được không ?

Minh Hà ý không muốn nhận, nhưng sợ làm phật lòng Tống Ngọc thì chàng ta không trả lại chiếc khăn cho chủ mình, nên nói:

- Xin vâng, công tử cứ trao thư cho tôi.

- Vậy nàng ở đây chờ tôi một chút, tôi sẽ quay trở ra ngay.

Tống Ngọc nói xong, quay gót đi liền. Một lúc sau chàng trở lại trao cho Minh Hà một tờ hoa tiên. Minh Hà thấy Tống Ngọc trao thư mà không trả khăn, trong lòng không vui nên nói :

- Công tử không trả khăn mà chỉ gởi thư, tôi không dám nhận đâu.

Tống Ngọc cười nói :

- Nàng đừng lo. Nếu tiểu thư chịu phúc đáp thì tức khắc vật sẽ hoàn cố chủ.

Bất đắc dĩ Minh Hà phải nhận tờ hoa tiên của Tống Ngọc và quay vào phủ.

Vương Kiều Loan đang ngồi đợi Minh Hà trong phòng, cảm thấy lòng bồn chồn không yên. Minh Hà vừa vào tới, Kiều Loan vội hỏi ngay :

- Thế nào, có tìm ra chiếc khăn của ta không ?

Minh Hà ấp úng :

- Thưa tiểu thư, chiếc khăn đã lọt vào tay... chàng công tử nhìn trộm tiểu thư lúc ban chiều rồi.

Kiều Loan nghiêm mặt hỏi :

- Tại sao em không đòi lại cho ta ?

- Em có đòi nhưng chàng trai lần khân không chịu trả, lại còn gởi cho tiểu thư tờ hoa tiên này nữa.

Minh Hà vừa nói vừa lấy tờ hoa tiên trao cho Kiều Loan. Vương tiểu thư vừa nhận tờ hoa tiên vừa hỏi :

- Chàng trai ấy có xưng tên họ và nói quê quán ở đâu không?

Minh Hà đáp :

- Chàng ta họ Tống, tên Ngọc, người Ngô quận. Hiện chàng

ta cư ngụ sát vách sau phủ đường ta.

Kiều Loan có vẻ xúc động, mở tờ giấy ra xem. Trong tờ hoa tiên có bài thơ như sau :

"Phạ xuất qui nhân phận ngoại hương
Thiên công giao phó hữu tình lang.
Ân cần ký thủ tương tư cú
Nghi xuất hồng ty xuất động phòng".
(Khăn rơi mỹ nữ đượm mùi hương
Tạo hóa xui chi kẻ vấn vương
Gởi khúc tương tư tình tha thiết
Chỉ hồng buộc chặt mối lương duyên).

Kiều Loan xem xong bài thơ tứ tuyệt rồi nói :

- Từ nay em đừng đòi chiếc khăn ấy nữa mà sinh lôi thôi. Nếu chàng có nhờ đưa thư nữa thì em cũng đừng nhận, coi như không có việc gì.

Tuy làm ra vẻ bình thản như thế nhưng thật ra lòng Vương Kiều Loan vô cùng xúc động. Nàng đi nằm để trấn tĩnh lòng, nhưng chỉ một lúc sau lại ngồi lên đi quanh quẩn trong phòng. Rồi cuối cùng nàng lấy tờ hoa tiên ra đề thơ phúc đáp :

"Thiếp thân nhất điểm ngọc vô hà
Linh thị hầu môn tướng tướng gia
Tình lý hữu thân đồng đối nguyệt
Nhàn trung vô sự độc khán hoa
Biệt ngô chi hứa lai kỳ phượng
Thúy trúc nan dung nhập lãi hoa
Kỳ dữ dị hương cô lãnh khách
Mặc tương tâm sự loạn như ma".
(Thân em như khối ngọc trong lành
Khuê các sớm chiều với tuổi xanh

Ngày vắng dạo xem hoa dưới mái
Đêm thanh thưởng thức nguyệt bên mành
Cành ngô phượng vĩ chen màu biếc
Khóm trúc ô môn đượm mảnh tình
Nhắn nhủ phượng xe người lữ khách
Đừng trao tâm sự rối ren lòng).

Vương Kiều Loan trao thơ cho Minh Hà, dặn đi ngõ sau trao cho Tống Ngọc và đừng để ai trông thấy. Minh Hà y theo lời dặn của chủ, ra ngõ sau và gặp Tống Ngọc. Chàng Tống hỏi:

- Vương tiểu thư có phúc đáp thư tôi chứ ?

Minh Hà gật đầu đáp :

- Có, nhưng công tử phải trả lại chiếc khăn trước đã.

Tống Ngọc cười nói :

- Tiểu thư cô đã phúc đáp thư; thì thiết tưởng chiếc khăn kia không còn cần thiết nữa. Cô hãy đưa thư cho tôi rồi sẽ hay.

Minh Hà đành trao thư cho Tống Ngọc. Chàng Tống xem bài thơ của Vương Kiều Loan, rất khâm phục tài văn chương của nàng. Chàng ta nói :

- Cô hãy đợi tôi ở đây một chút để tôi viết thư phúc đáp cho tiểu thư.

Rồi chàng ta vào phòng viết một bài thơ tứ tuyệt đem ra đưa cho Minh Hà nhờ trao lại cho Vương Kiều Loan.

Từ đó, qua sự trung gian của Minh Hà, Vương Kiều Loan và Tống Ngọc thơ qua thơ lại luôn luôn. Và mối tình của hai người ngày càng thêm khắng khít.

Một thời gian sau, Kiều Loan gợi ý Tống Ngọc nên tính chuyện mai mối hỏi cưới nàng, nhưng Tống Ngọc cứ lần khân

mãi, viện cớ song đường bận làm việc không rảnh rang. Mặt khác, chàng ta lại tỏ ý muốn gần gũi Kiều Loan về thể xác.

Một hôm Tống Ngọc trèo tường vào vườn hoa trong phủ của Kiều Loan gặp nàng và tỏ ý muốn vào phòng nàng. Kiều Loan từ chối, Tống Ngọc đành ra về. Nhưng sau đó Kiều Loan lại sai Minh Hà đem cho Tống Ngọc một tờ hoa tiên. Chàng mở ra xem :

"Ám tương tế ngữ ký anh tài
Tháng hướng nhân tiên mạc loạn khai
Kim dạ hương khuê xuân bất tỏa
Nguyệt di họa ảnh, ngọc nhân lai".
(Đôi lời xin ngỏ cùng ai
Nỗi riêng chớ để người ngoài thị phi
Phòng xuân mở rộng đêm nay
Bông hoa rung động, gót hài rẽ sang).

Tống Ngọc xem xong lòng mừng vui như mở cờ. Đêm hôm ấy trời vừa sụp tối Tống Ngọc đã trèo qua tường đông để đến với Kiều Loan. Lúc ấy Vương Kiều Loan đang đi đi lại lại trong phòng. Khi Minh Hà dẫn Tống Ngọc vào thì Kiều Loan nghiêm nét mặt sai Minh Hà đi mời cô Tào Di đến để hội kiến. Tống Ngọc lòng đang rạo rực tưởng nghĩ đến chuyện vu sơn cùng người ngọc, bỗng thấy thái độ của Kiều Loan nên đâm ra lo lắng, mặt mày xám ngắt.

Kiều Loan tỏ ý thương hại, mím cười nói :

- Thiếp vốn là người đoan chính, mong chàng cũng không phải là kẻ phàm phu. Sở dĩ ngày nay chúng ta yêu nhau là do sắc tài gắn bó. Đã yêu chàng thì thiếp còn tiếc chi nữa, song vườn xuân cánh bướm, biết lòng kia có giữ được lời nguyện ước cho chăng ? Vậy chúng ta hãy cùng thề chung thủy với nhau đến đầu bạc răng long. Nếu không thề thì chàng chỉ là kẻ muốn ân ái mà không nghĩ đến nghĩa đá vàng.

Tào Di vào phòng, chứng kiến lời thề nguyện của Tống Ngọc và Kiều Loan. Sau đó, rượu và quả được dọn ra, Tào Di, Kiều Loan và Tống Ngọc ăn uống vui vầy đến khuya. Tào Di cáo biệt. Kiều Loan và Tống Ngọc đưa nhau vào phòng bày cuộc ái ân.

Trời vừa tảng sáng, Kiều Loan thẹn thùng nói với tình lang:

- Cuộc đời và tấm thân thiếp đã trao cho chàng rồi, chỉ mong chàng giữ lấy lời thề để cành hoa không vì gió đông mà phai sắc nhạt hương. Từ nay về sau nếu có dịp thiếp sẽ sai Minh Hà đến đón chàng, chúng ta chớ nên phóng túng quá mà sinh ra điều dị nghị.

Rồi Kiều Loan sai Minh Hà đưa Tống Ngọc ra về. Đôi mắt của người tỳ nữ đượm vẻ buồn u ẩn nào ai hiểu được nguyên do.

Từ đó, đôi trai tài gái sắc không còn xướng họa thi thơ với nhau nữa; mà chỉ trao nhau tình yêu xác thịt. Cứ vài bốn hôm, Kiều Loan lại sai Minh Hà đi đón Tống Ngọc đến để ái ân.

Khổ thay, Minh Hà là một cô gái cũng đang độ phơi phới xuân tình, làm sao chịu đựng nổi cảnh yêu đương, ân ái của cô chủ mình và chàng trai hào hoa phong nhã kia. Một ngày kia, không cầm lòng được, Minh Hà đành thố lộ lòng mình với Tống Ngọc. Thế là chàng trai phóng đãng ấy "cuỗm" luôn cô tớ gái của người tình. Cuộc tình tay ba vẫn âm thầm diễn ra theo thời gian, không ai hay biết trừ Tào Di.

Rồi một ngày kia, Tống Ngọc ngỏ ý cầu hôn Kiều Loan. Vương Thiên Hộ lâu nay đã từng nghe tiếng Tống Ngọc là một tay trăng hoa ong bướm, một tay đã bẻ biết bao cành thiên hương, nên nhất định không chịu gả Kiều Loan cho chàng. Nhưng Vương Trung có biết đâu rằng trong ba năm qua, tường đông nhà ông đã bị ong bướm quậy tưng bừng. Và chính con gái yêu của ông là Vương Kiều Loan cũng đã góp phần mua vui cho chàng trai đàng điếm Tống Ngọc.

Bị Vương Trung từ hôn, Tống Ngọc cũng buồn nên chàng cất bước giang hồ từ đó, mặc cho Vương Kiều Loan ôm mối tương tư. Rồi Vương Kiều Loan ngã bệnh, ngày càng nặng thêm. Hình dáng gầy gò và sức lực ngày một kiệt dần đến nỗi người con gái đáng thương ấy phải lìa bỏ cõi đời...

*

* *

---

(1) TỐNG NGỌC, người nước Sở thời Xuân Thu Chiến quốc, học trò của Khuất Nguyên; lại là học trò giỏi nhất.

Tiểu sử của Tống Ngọc còn rất mơ hồ. Người ta chỉ biết rằng từ khi Khuất Nguyên chết, nước Sở còn lại có ba người rất giỏi về Sở từ, đó là Tống Ngọc, Cảnh Sai và Đường Lạc.

Tác phẩm của Tống Ngọc để lại gồm có các thiên Chiêu hồn, Đại chiêu và Cửu biện cùng nhiều bài phú. Tống Ngọc có tài miêu tả, văn điêu luyện; mở đầu cho thể phú đời Hán về sau.

THUYỀN TÌNH vừa ghé đến nơi Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ.

(Câu 69 và 70, Vương Quan nói về Đạm Tiên)

Hai câu này lấy ý từ hai câu thơ cổ :

"Nhất phiến tình chu dĩ đáo ngạn
Bình trầm hoa chiết dĩ đa thời".
(Một chiếc thuyền tình mới tới bến,
Cái bình đã chìm, cành hoa đã gãy tự bao giờ).

Hai câu thơ ấy diễn tả tình yêu của đôi trai gái không được thỏa mãn theo như ước mong.

THUYỀN TÌNH là chiếc thuyền chở tình yêu, có một câu chuyện thương tâm sau đây :

Đào Sư Nhi là một kỹ nữ nổi tiếng đời Đường được chàng lãng tử Vương Sinh yêu thương rất mực. Mẹ Vương Sinh biết con trai mình yêu kỹ nữ không bằng lòng nên ngăn cấm hai người không được gặp nhau. Vì thế mối tình của Vương Sinh và Đào Sư Nhi không được thỏa mãn.

Ngày kia, Vương Sinh đưa người yêu đi chơi Tây Hồ, chỉ có một tớ trai và một hầu gái theo cùng. Thông thường mọi người đi chơi thuyền trên Tây Hồ thì sáng đi chiều về. Nhưng Vương Sinh và Đào Sư Nhi đã có hẹn ước trước nên cứ cho thuyền đi mãi đến khi trời tối mịt mới chịu cập vào bờ. Lúc bấy giờ cổng thành đã đóng nên không thể trở về nhà được. Vương Sinh nói với đứa tớ rằng :

- Đêm nay trăng sáng rất đẹp, ta đi chơi suông thế này thì thú vị gì. Mày đi mua rượu và thức nhắm ngon về đây, chúng ta thả thuyền ra giữa hồ thưởng thức trăng trong.

Tên đày tớ vâng lệnh đi mua rượu thịt về. Vương Sinh cho

thuyền đi ngang dọc ra tận giữa hồ, cùng Sư Nhi, đứa tớ và con hầu ăn uống say sưa. Đến khuya, đứa tớ và con hầu mệt mỏi nằm nghỉ. Vương Sinh cho thuyền ghé bến chùa Tĩnh Tự, vào sâu trong đám sen, rồi cùng Sư Nhi ôm nhau nhảy xuống nước tự trầm. Đứa tớ trai và con hầu gái hay ra thì không còn cứu kịp nữa...

Giới văn nhân ở kinh thành biết chuyện, bèn làm hai bài hát "Trường kiều nguyệt" và "Đoạn kiều nguyệt" phổ biến trong dân chúng. Còn chiếc thuyền của đôi trai gái ấy trở thành đồ phế bỏ, cột một nơi trơ gan cùng tuế nguyệt, chẳng còn ai dám đụng đến nữa.

Một năm vào tiết Hàn thực, trai thanh gái lịch kinh thành rủ nhau đi chơi rất đông, thuyền bè san sát trên mặt Tây Hồ. Có một chàng trai trẻ từ phương xa đến, lên lầu Phong Nhạc ngắm nhìn cảnh vật. Rồi chàng ta nổi hứng muốn thuê một chiếc thuyền để du ngoạn trên hồ nhưng lúc ấy chẳng còn một chiếc thuyền dư nào cả; ngoài chiếc thuyền của Vương Sinh và Đào Sư Nhi đi trước kia nay bị bỏ phế một chỗ. Chàng trai muốn dùng con thuyền ấy để du ngoạn nhưng có người mách chuyện Vương - Đào trước kia và khuyên chàng không nên dùng chiếc thuyền ấy, e có chuyện không hay sẽ xảy ra. Chàng trai cười lớn bảo :

- Thế thì tuyệt quá đi thôi. Chính tôi cũng muốn được như thế đấy.

Rồi chàng ta mướn ngay chiếc thuyền ấy, mua rượu thịt đem xuống bơi đi chơi khắp mặt hồ và lấy làm thỏa thuê lắm. Từ đó, dân chúng ở kinh thành càng truyền tụng giai thoại Vương - Đào và tranh nhau thuê chiếc thuyền ấy đi du ngoạn trên mặt hồ; không còn ai tỏ ý sợ gì cả.

*

*   *

Lòng đâu sẵn món thương tâm,
Thoắt nghe Kiều đã đầm đầm CHÂU SA

(Câu 81, 82. Kiều khóc trước mộ Đạm Tiên)

Lại càng ủ dột nét hoa,
Sầu tuôn đứt nối, CHÂU SA ngắn dài.
(Câu 103, 104. Kiều khóc trước mộ Đạm Tiên)

Ngại ngùng một bước một xa
Một lời trân trọng, CHÂU SA mấy hàng.
(Câu 561, 562. Kim Kiều chia tay)

CHÂU SA là nước mắt rơi xuống. Nước mắt của người đẹp được ví như giọt châu theo tích xưa sau đây:

Đời Thượng cổ, dưới bể Nam Hải có một giống người gọi là Giao Nhân. Giống người này hàng năm lên bờ sinh sống, buôn bán với người trần thế, đến cuối năm phải trở về đáy biển để chầu vua Thủy Tề.

Những lần chia tay từ biệt với người trần thế, những Giao Nhân thân tình với người trần đều khóc lóc thảm thiết, tỏ ra quyến luyến lắm. Những Giao Nhân này khóc bao nhiêu thì nước mắt rơi ra trở thành ngọc châu hết bấy nhiêu.

Do tích này mà về sau giới văn nhân thi sĩ ví nước mắt như giọt châu mà gọi là Châu sa.

"Gọi là gặp gỡ giữa đường
Họa là người dưới SUỐI VÀNG biết cho"

(Câu 93, 94. Kiều than thở trước mộ Đạm Tiên)

"Nợ tình chưa trả cho ai
Khối tình mang xuống TUYỀN ĐÀI chưa tan".
(Câu 709, 710. Kiều than thở một mình).

"Chị dầu thịt nát xương mòn
Ngậm cười CHÍN SUỐI hãy còn thơm lây".
(Câu 732, 733. Kiều tâm sự với Thúy Vân)

"DẠ ĐÀI cách mặt khuất lời
Rảy xin chén nước cho người thác oan".
(Câu 747, 748. Kiều nói với Thúy Vân)

Trên Tam đảo, dưới CỬU TUYỀN
Tìm đâu thì cũng biết tin rõ ràng.
(Câu 1685, 1686. Tài ba của thầy phù thủy)

Kiếp này duyên đã phụ duyên
DẠ ĐÀI còn biết sẽ đền lai sinh.
(Câu 2787, 2788. Vương ông nói với Kim Trọng)

Mình, dương đôi ngả chắc rồi
Cõi trần mà lại thấy người CỬU NGUYÊN.
(Câu 2999, 3000. Kim Kiều sắp tái hợp)

Suối vàng, Tuyền đài, Chín suối, Dạ đài, Cửu tuyền và Cửu nguyên đều cùng một nghĩa ; là nơi linh hồn người đã chết cư ngụ.

Sách Đông Châu Liệt Quốc kể rằng :

Trịnh Trang Công chiều ý mẹ là Khương thị phong đất Kinh thành cho em là Cung Thúc Đoạn. Khương thị vốn yêu thương Đoạn hơn Ngộ Sanh (tên húy của Trịnh Trang Công) và từ trước đã có ý muốn Đoạn làm vua nước Trịnh nhưng không được.

Khi Đoạn chào từ biệt mẹ để đi nhận đất phong, Khương thị bày mưu cho Đoạn chiếm lấy nước Trịnh. Sau đó không lâu Đoạn khởi sự nhưng việc không thành, phải chạy về Cung thành là đất phong cũ rồi tự sát.

Trịnh Trang Công xét trong mình Đoạn thấy có bức thư của mẹ hẹn làm nội ứng thì giận lắm, lấy bút phê vào câu "Bất cập hoàng tuyền, vô tương kiến giả" (Nếu không phải là chốn suối vàng, thì vĩnh viễn không gặp nhau) rồi gởi trả thư cho mẹ. Nhận được thư, Khương thị xấu hổ bèn rời cung ra ở đất Dĩnh.

Trịnh Trang Công về cung không thấy mẹ, lòng buồn thầm nghĩ "Ta đã ép lòng làm hại đứa em, nay nỡ nào làm hại đến mẹ nữa. Nhưng đã lỡ thề rồi, biết làm sao".

Dĩnh Khảo Thúc là quan trấn Dĩnh ấp, nổi tiếng là người con có hiếu; nghe chuyện Trịnh Trang Công từ bỏ mẹ lấy làm bất bình than rằng :

- Dù mẹ có lỗi đến đâu, phận làm con cũng không nên bất hiếu. Chúa công làm thế là trái đạo vô cùng...

Ít hôm sau Khảo Thúc nghĩ được kế răn vua, bèn bắt mấy con chim cú đem dâng cho Trịnh Trang Công và nói rằng :

- Đây là giống chim cú, ban ngày dù vật to bằng quả núi nó vẫn không thấy, nhưng đến đêm dù vật nhỏ bằng sợi tóc nó cũng trông rõ. Nó là giống vật chỉ thấy cái nhỏ mà không thấy cái lớn. Thứ đến, lúc còn nhỏ nhờ chim mẹ tìm mồi cho ăn nhưng lớn lên thì lại không biết gì đến mẹ; thật là một giống chim bất hiếu nên bắt làm thịt ăn.

Trịnh Trang Công nghe thế ngồi lặng thinh. Ngay lúc ấy thị vệ bưng mâm thịt dê vào dâng vua nhắm rượu. Trịnh Trang Công cắt một miếng thịt ban cho Dĩnh Khảo Thúc. Khảo Thúc không ăn ngay mà lại cắt ra một phần gói lại cho vào tay áo. Nhà vua hỏi :

- Khanh để dành làm chi thế ?

- Tâu Chúa công, mẹ tôi già mà lại nghèo khó, ít khi nào được ăn miếng ngon vật lạ. Nay đội ơn Chúa công ban thưởng, tôi phải dành phần cho mẹ thì mới ăn ngon miệng được.

Trịnh Trang Công thở dài nói :

- Ngươi thật là con hiếu thảo, tiếc rằng ta không được như ngươi.

Dĩnh Khảo Thúc làm bộ ngạc nhiên hỏi :

- Quốc mẫu vẫn được an khang quý thể, cớ sao Chúa công buồn bã làm vậy ?

Trịnh Trang Công bèn đem việc Cung Thúc Đoạn tạo phản nói cho Khảo Thúc nghe, và tỏ ý hối hận vì lời thề nên không chăm sóc mẹ được.

Nghe xong, Dĩnh Khảo Thúc tỏ ý buồn mà tâu rằng :

- Cung Thúc Đoạn đã mất, tình cốt nhục chia lìa, nay chỉ còn Quốc mẫu mà Chúa công bỏ bề phụng dưỡng e lỗi đạo làm con. Nếu Chúa công lỡ lời thề, tôi xin dâng một kế nhỏ có thể giải lời thề cho Chúa công được.

Trịnh Trang Công tỏ ý mừng rỡ, nói :

- Nhà ngươi có kế hay mau giúp trẫm.

- Chúa công thề khi nào xuống suối vàng mới gặp lại mẹ ?

Trịnh Trang Công gật đầu. Dĩnh Khảo Thúc nói tiếp :

- Vậy bây giờ Chúa công hãy cho đào một con suối sâu tận mạch nước rồi cho làm một cái nhà dưới hầm và coi đó là suối vàng. Chúa công cho rước Quốc mẫu đến đó để hai mẹ con cởi mở tấm lòng. Thế là Chúa công không phạm lời thề gì cả.

Trịnh Trang Công nghe theo, cho Dĩnh Khảo Thúc đem

năm trăm tráng dân đến Khúc vị đào một cái hầm dưới chân núi Ngưu Kỳ, cất một cái nhà gỗ trên mặt nước rồi cho rước Khương thị đến. Trịnh Trang Công đến sụp lạy mẹ và nói :

- Ngộ Sanh này bất hiếu, cúi xin mẫu hậu rộng tình dung tha.

Khương thị buồn vui lẫn lộn trong lòng, ứa nước mắt nói:

- Ấy là lỗi của mẹ, con nào có tội.gì...

Hai mẹ con ôm nhau khóc ròng.

Vẫn nghe thơm nức hương lân
Một nền ĐỒNG TƯỚC khóa xuân hai Kiều

(Câu 155 - 156. Kim Trọng gặp Kiều)

ĐỒNG TƯỚC là tên một cái đài. Câu "Một nền Đồng tước khóa xuân hai Kiều" là Nguyễn Du dịch câu thơ của Đỗ Phủ "Đồng Tước xuân thâm tỏa nhị Kiều" trong bài Xích Bích hoài cổ của thi nhân.

Trong thời Tam quốc, Tào Mạnh Đức (Tào Tháo) cho xây trên bờ sông Chương Giang thuộc tỉnh Hà Nam một cái đài và đặt tên là Đồng Tước.

Trong lễ khánh thành đài Đồng Tước, con trai thứ của Tào Tháo là Tào Tử Kiến (Tào Thực) là một người văn chương trác tuyệt, đã làm một bài phú vịnh đền Đồng Tước ; trong đó có câu:

"Liên nhị kiều ư đông tây hề
Nhược trường không chi nhuế đống".

(Bắc liền đông tây hai cây cầu nổi lên như cái cầu vồng giữa lưng trời).

Sau đó, khi chiến tranh Ngụy, Ngô sắp xảy ra, Thừa tướng nước Thục là Khổng Minh (Gia Cát Lượng) sang Ngô du thuyết để liên kết Thục, Ngô chống Ngụy. Bấy giờ quyền hành ở Đông Ngô nằm trong tay Đại Đô Đốc Châu Du, mặc dù Tôn Quyền là Chúa Đông Ngô.

Khổng Minh biết Châu Du và Tôn Sách (anh Tôn Quyền) là hai anh em bạn rể. Tôn Sách lấy Đại Kiều, Châu Du lấy Tiểu Kiều là hai người con gái của Kiều Công, nổi tiếng đẹp nhất đất Giang Đông thời bấy giờ.

Để khích Châu Du căm hận Tào Tháo hầu dốc toàn lực liên

kết với Thục đánh Ngụy, Khổng Minh kể cho Châu Du nghe việc Tào Tháo cho xây đền Đồng Tước, rồi hỏi :

- Tướng quân có biết Tào Mạnh Đức cho xây đền Đồng Tước với mục đích gì chăng ?

Châu Du lắc đầu đáp :

- Du tôi làm sao hiểu được dụng ý của Tào A Man.

Khổng Minh điềm nhiên nói :

- Hiện nay Tào Tháo đang cho luyện tập thủy binh ráo riết để chuẩn bị đánh Đông Ngô.

- Điều ấy tôi biết.

Khổng Minh chậm rãi nói tiếp :

- Cùng với việc luyện tập thủy binh, họ Tào cho xây đài Đồng Tước với mục đích là sau khi thắng Đông Ngô, sẽ bắt Đại Kiều và Tiểu Kiều đem về đài Đồng Tước hưởng lạc.

Nghe đến đây Châu Du nổi giận phừng phừng, hỏi lớn :

- Tiên sinh lấy bằng cớ đâu mà nói như thế ?

Biết Châu Du đã mắc mưu mình, Khổng Minh cười nhẹ nói:

- Đô Đốc hãy bình tĩnh nghe tôi đọc bài phú vịnh đài Đồng Tước của Tào Tử Kiến để mà biết rõ thâm ý của Tào Tháo.

Rồi Khổng Minh đọc bài phú vịnh đền Đồng Tước. Đến câu "Liên nhị kiều ư Đông Tây hề, Nhược trường không chi nhuế đống" thì vị Thừa tướng nước Thục sửa lại thế này : "Lãm nhị Kiều ư Đông Nam hề, Lạc triêu tịch chi dữ cộng". (Bắt hai nàng Kiều ở Giang Nam về để sớm tối chung vui). (1)

Châu Du vì không biết rõ bài phú của Tào Thực vịnh đài Đồng Tước nên tin ngay lời Khổng Minh là thật. Lòng căm hận

Tào Tháo dâng cao, Châu Du quyết định liên kết với Thục để cùng đánh Ngụy. Rồi sau đó, trên sông Trường Giang, với sự tham mưu của Khổng Minh Gia Cát Lượng, Châu Du đã chỉ huy quân Đông Ngô đánh tan tám mươi ba vạn quân Tào. Tào Tháo đại bại, tạo cơ hội cho Lưu Bị chiếm lấy Kinh Châu và tiến vào Lưỡng Xuyên.

Trận hỏa công trên lửa cháy ngất trời, nung đỏ vách núi nên về sau người ta gọi là núi Xích Bích.

Nhà thơ Đỗ Phủ đời Đường, khi qua chơi Xích Bích có làm bài thơ hoài cổ, có hai câu :

"Đông phong bất dữ Chu lang tiện,
Đồng Tước xuân thâm tỏa nhị Kiều"

(Nếu gió đông không giúp phương tiện cho chàng Châu Du, thì đền Đồng Tước sẽ nhốt kín hai nàng Kiều).

*

* *

---

(1) Chữ "nhị kiều" của Tào Thực dùng trong bài phú là chỉ hai cây cầu. Còn chữ "nhị Kiều" do Khổng Minh sửa lại là chỉ hai nàng Kiều, tức Đại Kiều và Tiểu Kiều.

Sương in mặt, tuyết pha thân
SEN VÀNG lãng đãng như gần như xa.

(Câu 189, 190. Kiều mơ thấy Đạm Tiên)

Thì trân thức thức sẵn bày
GÓT SEN thoăn thoắt dạo ngay mái tường.

(Câu 377, 378. Kiều đến với Kim Trọng)

Giác Duyên lên tiếng gọi nàng
Buồng trong vội dạo SEN VÀNG bước ra.

(Câu 3007, 3008. Giác Duyên gọi Kiều ra gặp gia đình).

SEN VÀNG hay là GÓT SEN là tiếng chỉ gót chân người đàn bà đẹp mỗi khi bước đi.

Đời Nam Bắc triều bên Trung Quốc, Đông Hôn Hầu làm vua nước Nam Tề, rất sủng ái nàng Phan Phi. Nhà vua cho thợ kim hoàn làm những đóa hoa sen bằng vàng ròng lót nền nhà cho Phan Phi bước đi.

Mỗi lần Phan Phi cất bước tới lui, nhà vua nhìn ngắm ra vẻ thích thú lắm, rồi cười nói :

- Ôi, thật tuyệt diệu, mỗi bước chân của quý phi đều nở ra một đóa hoa sen.

*

*   *

Rước mừng, đón hỏi, dò la
ĐÀO NGUYÊN lạc lối đâu mà đến đây ?

(Câu 191, 192. Kiều mơ thấy Đạm Tiên)

Xắn tay mở khóa ĐỘNG ĐÀO
Rẽ mây trông tỏ lối vào THIÊN THAI.
(Câu 391, 392. Kim Kiều tương ngộ)

ĐÀO NGUYÊN có nghĩa là gốc đào. Hai tiếng này còn có thể gọi là ĐỘNG ĐÀO hay ĐỘNG BÍCH; để chỉ nơi tiên cảnh, nơi mà con người có cuộc sống an nhàn, thanh thản, không bị ràng buộc bởi những điều phiền nhiễu của cuộc đời.

Truyện truyền kỳ Trung Quốc kể rằng vào đời nhà Tấn, ở huyện Vũ Lăng có một ông lão làm nghề chài lưới dọc theo khe núi.

Một hôm trong lúc đang hành nghề, ông lão trông thấy một đóa hoa đào trôi từ trên nguồn nước xuống. Ông lão nhủ thầm "Hoa đào trôi trên dòng nước chứng tỏ nơi phát nguyên dòng nước này phải có làng xóm, nhà cửa của dân cư; và chắc chắn phải có nhiều loại hoa quý".

Nghĩ thế nên ông lão cứ chèo thuyền ngược lên dòng nước để tìm cho ra chỗ đào nguyên.

Thuyền đi mãi và cuối cùng ông lão cũng tìm thấy một xóm có dân cư đông đúc và có trồng rất nhiều loại hoa quý, nhất là hoa Đào. Ngư ông cột thuyền và lên bờ đi vào xóm, trông thấy vườn đào san sát nhau ; dân chúng thì ăn mặc y phục theo kiểu nước Tần thời Chiến quốc.

Ông lão lên tiếng hỏi thăm những người trong vùng Đào nguyên ấy thì được trả lời rằng những người cư ngụ ở đây vốn là gốc dân nước Tần trước kia. Tổ tiên họ không chịu được sự hà

khắc của vua Tần Thủy Hoàng và quan Tướng quốc Lý Tư nên phải di cư lên đây đã mấy đời rồi. Dân chúng bây giờ là đám hậu duệ của những người di cư trước kia.

Ông lão chài lưới lưu lại chốn Đào Nguyên chơi vài bốn hôm mới từ giã dân chúng ở đấy mà trở về.

Khi về đến nhà, bà con làng xóm xúm lại hỏi ông đi đâu mất tích cả mấy hôm. Ông lão thuật lại cho mọi người nghe chuyện ông lạc vào chốn Đào Nguyên. Ai nấy nghe nói thảy đều náo nức tỏ ý muốn đến chốn Đào Nguyên cho biết.

Sau đó, ông lão chài lưới lại chèo thuyền lên chốn Đào Nguyên một lần nữa. Nhưng đến nơi ông chẳng thấy cảnh Đào Nguyên như lúc trước, mà chỉ còn lại rừng núi thâm u. Và người dân ở huyện Vũ Lăng cũng không thấy ông lão trở về nữa. Người ta bảo nhau rằng ông lão chài lưới đã lạc vào cảnh tiên rồi.

*

* *

Cũng đời nhà Tấn, nhà thơ Đào Tiềm (1) tức Đào Uyên Minh là một người không màng danh lợi, sẵn sàng rũ áo từ quan để đi tìm cảnh Đào Nguyên.

Đào Uyên Minh tự là Nguyên Lượng làm quan Huyện lệnh đất Bành Trạch. Khi đi trấn nhậm, ông để con trai mình ở lại quê nhà rồi cho một người tớ cầm thư về dặn dò con rằng:

"Con ở nhà sớm tối nhọc nhằn với chuyện ruộng nương vườn tược, ta cho con một người hầu về giúp đỡ con và có bạn. Con phải xem người hầu như người thân trong gia đình, chớ bạc đãi người ta mà trái đạo làm người".

Đào Tiềm ra làm quan chẳng được bao lâu thì nước Tấn bị nước Tống đánh chiếm. Bao nhiêu quan lại của nước Tấn đều ra

phò tân triều. Riêng Đào Uyên Minh tự nghĩ: "Mình làm quan không đủ tài giúp nước để nước bị mất, thật là một sự ô nhục. Nay nếu đem thân thờ nước khác thì còn gì là thể diện".

Nghĩ thế nên Đào Tiềm không hợp tác với tân triều, rũ bỏ công danh tìm nơi vắng vẻ ẩn dật, nuôi dưỡng cái khí hạo nhiên của mình. Ông đã tìm được nơi vừa ý, hàng ngày chăm sóc hoa kiểng, chơi đàn không dây, câu cá bằng lưỡi câu ngay không móc mồi và làm thơ...

Thơ của Đào Tiềm được người đời sau truyền tụng nhất là hai bài "Quy khứ lai từ" và "Đào Nguyên ký". Trong bài "Đào Nguyên ký" thi nhân tỏ ý mong được sống ở chốn Đào Nguyên, lánh xa những phiền nhiễu của tục lụy...

---

(1) ĐÀO TIỀM (365 - 427) tên chữ Uyên Minh, tự Nguyên Lượng, hiệu là Ngũ Liễu tiên sinh. Ông sinh ra trong cảnh nhà nghèo và gặp thời loạn lạc. Lớn lên, ba lần làm quan đều chán cảnh luồn cúi nên từ quan.

Đào Tiềm được người đời sau xưng tụng là một thi nhân vĩ đại cuối đời Đông Tấn và xứng đáng đứng đầu thời Lục Triều.

*

*   *

THIÊN THAI, tên một hòn núi ở tỉnh Triết Giang, Trung Quốc. Thiên Thai thường được dùng để chỉ cảnh tiên, cõi tiên.

Theo truyền thuyết Trung Hoa, hai chàng Lưu Thần và Nguyễn Triệu đi hái thuốc núi bị lạc vào Thiên Thai, không biết đường về.

Suốt mười ba ngày quanh quẩn chung quanh núi Thiên Thai, hai chàng Lưu, Nguyễn chịu đói, chỉ uống nước suối cầm hơi. Nhưng may mắn thay, hai chàng chợt nhìn thấy một cây đào

trên núi có trái chín, bèn gắng sức trèo lên hái mấy trái mà ăn. Ăn xong mấy trái đào, chẳng những không còn đói mà hai chàng còn cảm thấy sức lực mình được tăng thêm. Ăn xong lại mon men đến dòng suối uống nước.

Lạ thay, trên dòng suối trong vắt Lưu và Nguyễn nhìn thấy các cành lá tươi thắm đang trôi; mà ở giữa lại có một chén cơm muối vừng. Hai chàng bảo nhau rằng có lẽ có người ở gần đâu đây. Cả hai cùng men theo dòng suối đi ngược lên. Đi được một lúc, Lưu, Nguyễn nhìn thấy bên bờ suối có hai cô gái tuyệt đẹp đang đứng nhìn họ, vì trên tay một trong hai chàng còn đang cầm chiếc chén không (chén cơm muối vừng nhặt được và cả hai đã ăn hết).

Hai cô gái đẹp đồng thanh gọi :

- Hai chàng Lưu, Nguyễn, hãy mang chén lại đây.

Hai chàng không khỏi sửng sốt nhưng chân vẫn cứ bước tới phía hai nàng. Hai cô gái đẹp vồn vã hỏi :

- Sao hai chàng đến muộn thế ?

Đoạn hai cô ngỏ ý mời hai chàng về nhà mình. Một cô dắt Lưu Thần đi về hướng Nam và một cô dẫn Nguyễn Triệu đi về hướng Đông; nhưng vẫn gần nhau. Nhà các nàng đều màn che trướng rũ, trên vách treo các thứ trang trí bằng sừng tê, vàng bạc trông rất sang trọng, lộng lẫy.

Thị nữ trong nhà dọn tiệc, đầy đủ cao lương mỹ vị nhưng vẫn có món muối vừng. Lưu Thần và Nguyễn Triệu tuy ở hai nhà riêng của hai nàng nhưng đều được tiếp đãi giống nhau như thế. Trong bữa cơm không thiếu rượu ngon. Yến tiệc xong, thị nữ dâng đào nói là để mừng chàng rể cô dâu. Nhã nhạc tấu đến đêm. Về khuya, cả Lưu Thần, Nguyễn Triệu đều được hai cô gái đẹp ấy đưa vào phòng, hoan lạc tuyệt thú.

Ở nơi Thiên Thai được mười ngày, cả Lưu và Nguyễn đều ngỏ ý cáo từ hai người đẹp để trở về nhà. Hai nàng cố năn nỉ họ ở lại. Lưu, Nguyễn xiêu lòng đành ở lại. Ở Thiên Thai khí hậu không bao giờ thay đổi, cây cỏ luôn luôn xanh mướt tốt tươi và chim chóc hót véo von hết ngày này sang ngày khác. Thật là một cảnh lúc nào cũng là xuân.

Lưu Thần và Nguyễn Triệu ở đó thêm nửa năm nữa thì cảm thấy nhớ nhà quá, không còn chịu nổi; bèn nằng nặc đòi được trở về. Hai người vợ ở chốn Thiên Thai biết không thể cầm hai chàng ở lại được nữa, đành phải đưa tiễn hai chàng xuống núi và chỉ đường cho về.

Hai chàng Lưu, Nguyễn trở về đến quê cũ thì thấy cảnh vật hoàn toàn khác lạ và cũng chẳng tìm được một người quen cũ nào, vì nửa năm hai chàng ở chốn Thiên Thai thì dưới quê hương họ đã trải qua mấy đời rồi. Hai chàng tìm những người cao tuổi nhất trong làng để hỏi thăm về gia đình của mình trước kia thì chẳng ai biết gì cả. May thay có một cụ già đầu tóc bạc nói rằng :

- Cách đây mấy mươi năm, hồi lão còn nhỏ có nghe ông của lão kể rằng trong dòng họ có một người lên núi hái thuốc bị mất tích, không thấy trở về. Năm nay lão đã hơn tám mươi tuổi rồi nhưng cũng chẳng biết rõ người trong dòng họ của đời trước ấy là ai...

Lưu Thần và Nguyễn Triệu quá bỡ ngỡ với cảnh và người lạ ở chốn quê hương của mình, bèn tìm đường trở lại Thiên Thai. Nhưng than ôi, đường lên Thiên Thai đã mất rồi, còn đâu nữa mà trở lại chốn non tiên...

*

* *

Ở nước ta cũng có chuyện người trần lạc non tiên và lấy vợ tiên. Đó là chuyện Từ Thức trong sách "Truyền kỳ mạn lục" của

Nguyễn Dữ (1).

Từ Thức người đất Hóa Châu, năm Quang Thái đời Trần Thuận Tông được bổ làm Tri huyện Tiên Du. Bên cạnh huyện đường có một ngôi chùa danh tiếng trồng rất nhiều hoa mẫu đơn. Cứ mỗi lần hoa nở thì dân chúng kéo đến xem đông lắm.

Tháng hai năm Bính Tý nhằm niên hiệu Quang Thái thứ 9, hoa mẫu đơn rộ nở. Trong đám người đi xem hoa nở có một cô gái tuổi độ đôi tám, má hồng phơn phớt, lỡ tay làm gãy một cành hoa nên bị người của nhà chùa giữ lại. Ngày gần hết mà cô gái không có người nhà đến nhận. Từ Thức cũng có mặt trong lúc ấy, động lòng thương nên cởi áo lông cừu trắng chuộc tội cho cô gái. Mọi người đều khen quan huyện là người hiền đức.

Từ Thức vốn tính tình phóng dật, thích rượu thơ hơn là việc quan trường nên thường bỏ bê công việc ở huyện đường. Có lần bị quan trên quở trách, Từ bèn cởi áo từ quan, về huyện Tống Sơn cất nhà sát bên hang động mà ở. Thường ngày cắp một cây đàn, một bầu rượu và một túi thơ, dắt theo một đứa tiểu đồng ngao du đây đó.

Một hôm Từ đến cửa Thần Phù, nhìn xa ra khơi mấy mươi dặm thấy có một đám mây ngũ sắc, kết lại giống một đóa hoa sen lớn. Từ ngạc nhiên cho chèo thuyền ra thì nhận rõ là một trái núi nổi lên trên mặt biển rất đẹp. Từ cho buộc thuyền và bước lên. Thấy vách đá cao nghìn trượng, sừng sững đứng thẳng, bèn ngẫu hứng đề vào vách một bài thơ :

"Thiên chương bích thụ quái triêu đôn
Hoa tháo nghênh nhân nhập động môn
Nhiễu giản dĩ vô tăng thái dược
Duyên lưu thặng hữu khách tầm ngươn
Lữ du tư vị cầm tam mộng
Điếu đỉnh sinh nhai tửu nhất tôn
Nghi hướng Võ lăng ngư tử vấn
Tiền lai viễn cận chủng đào thôn".
(Triêu dương bóng trải khắp ngày xanh

Hoa có cười tươi đón rước mình
Hái thuốc nào đâu sư kẽ suối
Tìm nguồn duy có khách bên ghềnh
Lang thang đất lạ đàn ba khúc
Trôi nổi thuyền câu rượu một bình
Bến Võ chàng ngư tìm thử hỏi
Thôn đào chi hộ lối loanh quanh) (2)

Từ Thức đề thơ xong, thẫn thờ ngắm cảnh vật. Bỗng chàng nhìn thấy một cửa hang nên không ngần ngại vén áo bước vào. Đi được non một dặm thì cảm thấy đường đi dốc ngược lên và càng lên cao càng thấy rộng rãi. Từ Thức lên đến đỉnh núi thì thấy trời quang đãng, chung quanh toàn những lâu đài nguy nga.

Bỗng có hai người con gái áo xanh xuất hiện, bảo với nhau rằng :

- Lang quân nhà ta đã đến.

Rồi hai nàng tiến đến bên Từ Thức, nói rằng :

- Phu nhân chúng tôi mời chàng vào chơi.

Từ Thức theo hai người con gái áo xanh đi vòng qua một bức tường gấm rồi bước vào một tòa cung điện bằng bạc. Trước cửa điện có bảng đề ba chữ "Điện Quỳnh Hư", bên trên là bảng đề "Gác Dao Quang". Từ Thức vào điện thấy có một vị phu nhân mặc áo trắng ngồi trên giường thất bảo. Bên cạnh còn có một cái giường nhỏ bằng gỗ đàn hương. Vị phu nhân chỉ chiếc giường nhỏ mời Từ Thức ngồi rồi nói rằng :

- Có lẽ tiên sinh cũng được thỏa nguyện bình sinh với chuyến đi chơi này ? Nhưng còn mối duyên kỳ ngộ, tiên sinh có nhớ chăng?

Từ Thức thưa :

- Tại hạ là một kẻ dật sĩ ở Tống Sơn. Với chiếc thuyền nan và cánh buồm gió rong chơi giang hồ, đâu biết rằng nơi đây có Tử phủ Thanh đô. Nay tại hạ đến được đây, chẳng khác nào mọc cánh mà bay đến chốn non tiên vậy. Song lòng trần còn mờ tối, chưa biết tiền đồ ra sao, dám xin phu nhân chỉ bảo cho.

Phu nhân áo trắng nói :

- Đây là núi Phù Lai, động tiên thứ sáu trong ba mươi sáu động. Còn tôi đây là Ngụy phu nhân, địa tiên ở Nam Nhạc. Vì thấy tiên sinh là người cao nghĩa, sẵn lòng cứu giúp người nguy khốn nên làm phiền mời tiên sinh đến đây.

Đoạn Ngụy phu nhân ra hiệu cho một a hoàn đứng hầu một bên. A hoàn vào trong dắt ra một người con gái. Từ Thức nhìn lên, nhận ra người con gái ấy chính là cô gái làm gãy cành mẫu đơn được chàng chuộc bằng chiếc áo hồ cừu ngày trước. Ngụy phu nhân lên tiếng:

- Con gái tôi đây tên gọi Giáng Hương, ngày trước mắc nạn trong lúc xem hoa, được tiên sinh cứu giúp. Nay tôi xin cho nó kết duyên cùng tiên sinh để đền ơn khi trước.

Ngay đêm ấy Từ Thức và Giáng Hương làm lễ giao bái động phòng. Ngày hôm sau có quần tiên đến dự tiệc chúc mừng cho họ.

Từ Thức kết duyên cùng Giáng Hương đã được một năm, bỗng chạnh lòng nhớ đến quê hương, làng xóm. Một hôm trông ra bể thấy một chiếc thuyền buồm dong về phương Nam, Từ chỉ cho vợ xem và nói :

- Nhà tôi ở về hướng chiếc thuyền đang đi ấy, nhưng trời nước bao la, nào có biết đâu là đâu... Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, dám xin nàng thể tình cho tôi tạm về thăm quê hương. Nhân thể thu xếp việc nhà cho yên ổn rồi sẽ trở lại đây cùng nàng tháng ngày yên hưởng cảnh làng mây bến nước.

Giáng Hương sa nước mắt, nói :

- Thiếp chẳng dám vì tình phu phụ mà cản trở lòng nhớ quê hương của chàng. Song cõi trần nhỏ hẹp, kiếp trần ngắn ngủi, nay chàng về chỉ e cảnh cũ người xưa không còn nữa...

Rồi Giáng Hương thưa với phu nhân. Phu nhân nói :

- Không ngờ Từ lang còn nặng lòng trần đến vậy.

Phu nhân ban cho Từ một cỗ xe Cẩm Vân để trở về trần thế. Giáng Hương trao cho chàng một bức thư viết trên khăn lụa, nói :

- Ngày khác trông thấy vật này, xin đừng quên mối tình cũ.

Hai người bịn rịn chia tay nhau.

Từ Thức về đến quê cũ thì thấy quả thật là vật đổi sao dời. Thành quách, nhân gian đều không còn như xưa nữa. Chỉ có cảnh núi khe, hang động không thay đổi mà thôi.

Từ nói họ tên của mình ra với những người già cả trong làng để hỏi thăm về gia đình thì một cụ già trả lời rằng:

- Thuở tôi còn bé có nghe nói ông cụ tam đại nhà tôi cũng có tên họ giống như ông, đi vào núi mất tích đến nay đã hơn tám mươi năm rồi.

Từ Thức ngậm ngùi, muốn lên xe mây trở lại non tiên thì xe mây đã hóa thành con chim phượng bay mất rồi. Chàng mở thư của Giáng Hương ra xem thấy vỏn vẹn một câu: "Kết lứa phượng trong mây duyên xưa đã hết, tìm non tiên trên bể dịp khác còn đâu".

Từ Thức buồn quá, bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngắn mà đi vào dãy núi Hoành Sơn ; rồi về sau không biết đi đâu mất biệt.

---

(1) NGUYỄN DỮ người xã Đỗ Tùng, huyện Trường Tân, nay là huyện Thanh Miện tỉnh Hải Hưng. Ông thuộc dòng dõi khoa bảng, có đi thi nhưng bất mãn thời cuộc không ra làm quan, ẩn cư nơi núi rừng vùng Thanh Hóa.

Không có tài liệu nào cho biết Nguyễn Dữ sinh và mất năm nào. Tuy nhiên, người ta biết rõ ông sống đồng thời với thầy học là Nguyễn Bỉnh Khiêm và bạn đồng song là Phùng Khắc Khoan; tức vào khoảng thế kỷ thứ XVI.

(2) Ý nói đến ông lão đánh cá đời Tấn ở Võ Lăng, đến Đào Nguyên.

"Vâng trình hội chủ xem tường
Mà xem trong sổ ĐOẠN TRƯỜNG có tên".

(Câu 199, 200. Đạm Tiên nói với Kiều trong mơ)

"Ví đem vào tập ĐOẠN TRƯỜNG
Thì treo giải nhất chi nhường cho ai".

(Câu 209, 210. Đạm Tiên nói với Kiều trong mơ)

"ĐOẠN TRƯỜNG là số thế nào
Bài ra thế ấy, vịnh vào thế kia".

(Câu 231, 232. Kiều trả lời Vương bà khi tỉnh mộng).

Rủi may âu cũng sự đời
ĐOẠN TRƯỜNG lại chọn mặt người vô duyên.

(Câu 817, 818. Kiều lọt vào tay bọn buôn người)

Rõ rằng : "Nhân quả dở dang
Đã toan trốn nợ ĐOẠN TRƯỜNG được sao"?

(Câu 995, 996. Đạm Tiên nhủ Kiều trong cơn mê)

Lần lần thỏ bạc, ác vàng
Xót người trong hội ĐOẠN TRƯỜNG đòi cơn.

(Câu 1269, 1270. Kiều ở thanh lâu lần thứ nhất)

Nàng càng ủ dột thu ba
ĐOẠN TRƯỜNG lúc ấy giờ mà buồn tênh.

(Câu 1323, 1324. Kiều và Thúc Sinh trò chuyện)

Tiểu thư lại thét lấy nàng :
"Cuộc vui gảy khúc ĐOẠN TRÀNG ấy chi" ?

(Câu 1859, 1860. Hoạn Thư mắng Kiều)

Sụt sùi giở nỗi ĐOẠN TRƯỜNG
Giọt châu tầm tã, *đẫm tràng áo xanh*.

(Câu 1943, 1944. Thúc Sinh khóc với Kiều ở Quan Âm Các)

"Người sao hiếu nghĩa đủ đường
Kiếp sao, rặt những ĐOẠN TRƯỜNG thế thôi".
(Câu 2653, 2654. Giác Duyên hỏi Tam Hợp đạo cô)

"Ma dẫn lối, quỷ đưa đường
Lại tìm những chốn ĐOẠN TRƯỜNG mà đi".
(Câu 2665, 2666. Tam Hợp đạo cô trả lời Giác Duyên).

"Làm cho sống đọa thác đày
ĐOẠN TRƯỜNG cho hết kiếp này mới thôi.
(Câu 2675, 2676. Tam Hợp trả lời Giác Duyên)

"ĐOẠN TRƯỜNG sổ, rút tên ra
ĐOẠN TRƯỜNG thơ, phải đón mà trả nhau".
(Câu 2721, 2722. Đạm Tiên nói với Kiều khi Kiều được vớt dưới sông Tiền đường)

Nàng rằng : "Vì chút nghề chơi
ĐOẠN TRƯỜNG tiếng ấy hại người bấy lâu".
(Câu 3211, 3212. Kiều đáp lời Kim Trọng sau khi gảy đàn lúc sum họp)

ĐOẠN TRƯỜNG : nghĩa đen là đứt ruột. Nghĩa bóng là chỉ sự đau khổ cùng cực mà con người phải chịu đựng. Nỗi đau khổ ấy có thể khiến người ta đứt từng đoạn ruột hay là chết đi được vậy.

Sách "Đường thi kỷ sự" chép chuyện nàng Mạnh tài nhân của vua Đường Vũ Tông như sau :

Đường Vũ Tông khi đau nặng biết mình không thể qua khỏi, nhìn Mạnh tài nhân nói rằng :

- Ta chết thì không sợ, nhưng thương ngươi chẳng biết sẽ ra sao ?...

Mạnh tài nhân khóc, chỉ vào chiếc túi vải đựng ống sáo mà thưa với vua :

- Thần thiếp xin lấy đó mà tự ải để được chết theo bệ hạ.

Vũ Tông nghe thế lấy làm cảm động đến ứa nước mắt. Mạnh tài nhân lại nói :

- Thần thiếp thường ngày thạo ca hát, nay xin phép được hát một bài để tỏ nỗi bi phẫn của thần thiếp trước mặt bệ hạ.

Nhà vua bằng lòng, Mạnh tài nhân liền hát hai bài Cung từ của Trương Hộ (1). Nàng hát dứt bài thì đứt hơi, đứng sững luôn một chỗ. Nhà vua sai Ngự y khám. Ngự y khám xong, tâu:

- Mạch của tài nhân vẫn còn ấm, nhưng nàng đã bị đứt ruột chết rồi.

Vua nghe nói thương xót quá liền băng hà ngay. Đến khi cử hành lễ mai táng thì linh cữu nhà vua quá nặng, đội quân khiêng không thể nhấc lên nổi. Có người thấy thế liền nói :

- Có lẽ Hoàng thượng còn đợi Tài nhân chăng ?

Các quan bèn sai đưa quan tài của Mạnh tài nhân ra. Quả nhiên linh cữu nhà vua không còn nặng trịch nữa.

Trương Hộ nghe chuyện ấy xúc động, bèn làm một bài thơ thương tiếc cho Mạnh tài nhân, tựa rằng "Tài nhân vì lòng thành nên đứt ruột mà chết, nhà vua vì lòng thành mà ban mệnh những kẻ khích liệt vì nghĩa mà chết ngày trước cũng không hơn được". Và bài thơ như sau :

"Ngẫu nhiên ca bãi vịnh kiều tần
Truyền xướng cung trung nhị thập xuân
Khước vị nhất thanh Hà Mãn Tử
Hạ tuyền tu điếu cựu Tài nhân"
(Ngẫu nhiên tàn tiệc vịnh đôi vần
Truyền tới trong cung hai chục xuân
Lại bởi một câu Hà Mãn Tử
Tuyền đài phải điếu bậc Tài nhân).

(1) Trương Hộ tự Thừa Cát, người Thanh Hà, rất giỏi về Từ khúc. Khi đến ngụ ở Nam Dương, có lần được Lệnh Hồ Sở tiến cử với Đường Hiến Tông. Nhưng lúc Trương tới kinh thì lại có điều thất ý nên trở về.

Lúc tráng niên, Trương đi ngao du sơn thủy. Khi về già ẩn cư đất Khúc A, trồng cây, đọc sách.

*

* *

*"Này mười bài mới, mới ra
Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vời".*

(Câu 203, 204; Đạm Tiên nói với Kiều trong mơ).

Mười đề mục thơ của "hội đoạn trường" là: Tiếc đa tài, Thương mệnh bạc, Buồn lối rẽ, Nhớ người xưa, Nhục con đòi, Thương thanh xuân, Than lỡ bước, Khổ tan tác, Mộng vườn nhà và Khóc tương tư.

Kiều đã vịnh mười đề mục ấy theo lối Hồi Văn như sau :

1. *Tiếc đa tài. Hoa tiên chẳng nở hoài.*
   Trăm năm hương lửa bao đằm thắm.
   Trong cõi lòng riêng trạnh nhớ ai.
   Trạnh nhớ ai. Tiếc đa tài.

2. *Thương mệnh bạc. Lẻ loi canh vắn đêm dài,*
   Xưa nay nhà vàng, người ngọc ở.
   Nhưng sự đời kia khó gặp may,
   Khó gặp may. Thương mệnh bạc.

3. *Buồn lối rẽ. Quanh co khó vượt qua,*
   Đường hiểm sao bằng người lận đận.
   Một khúc quanh co, ngàn dặm xa,
   Ngàn dặm xa. Buồn lối rẽ.

4. *Nhớ cố nhân. Mắt trông đầu trắng ngần,*
   Nào khi nhẹ bước đường mây tá?
   Kẻ quý người khinh thực rõ rành,
   Thực rõ rành. Nhớ cố nhân.

5. *Nhục con đòi. Gương soi bỗng rụng rời,*
   Luống những ngậm ngùi thân liễu yếu
   Nỡ đem son phấn mỉa mai đời,
   Mỉa mai đời. Nhục con đòi.

6. *Thương thanh xuân. Hoa đẹp tựa giai nhân,*
Gặp lúc núi rừng xuân sắc tốt.
Xin cho mưa gió đượm hoa thần.
Đượm hoa thần. Thương thanh xuân.

7. *Than lỡ bước. Mộng đẹp trôi theo nước,*
Nào phải gặp ai cũng khẩn cầu.
Vì lối cửa son không biết được,
Không biết được. Than lỡ bước.

8. *Khổ tha phương. Thân không chốn tựa nương,*
Lìa cây, tan tác hoa rơi rụng.
Chiếc nhạn lạc đàn trong đêm sương,
Trong đêm sương. Khổ tha phương.

9. *Mộng vườn nhà. Ai dắt dẫn hồn ta?*
Lều cũ, cúc tùng ngơ ngác lạ,
Cỏ thơm mây trắng hững hờ qua.
Hững hờ qua. Mộng vườn nhà.

10. *Khóc tình si. Thổn thức cơn biệt ly.*
Đau lòng đòi đoạn khôn im tiếng,
Tình sâu đất cũ luống sầu bi.
Luống sầu bi. Khóc tình si.

*

*   *

Xem thơ nấc nở khen thầm :
"Giá đành TÚ KHẨU CẨM TÂM khác thường"

(Câu 207, 208. Đạm Tiên khen tài Kiều trong mơ)

TÚ KHẨU, CẨM TÂM : Miệng thêu, lòng gấm ; ý nói người có tài văn chương, lời hay ý đẹp.

Trong lịch sử Văn học Trung Quốc,có bốn người văn chương trác tuyệt được đời xưng tụng là "tú khẩu, cẩm tâm". Đó là Hàn Dũ, Liễu Tôn Nguyên, Âu Dương Tu và Tô Tuân.

HÀN DŨ (768 - 824) tự là Thoái Chi; người đời sau thường gọi là Hàn Xương Lê. Hàn Dũ người quán Nam Dương tỉnh Hồ Bắc, mồ côi sớm, học rất giỏi. Năm 25 tuổi Hàn Dũ đỗ tiến sĩ, làm Giám Sát Ngự Sử, Sử quán Tu soạn rồi Hình Bộ Thị Lang.

Hàn Dũ là người tôn sùng giáo lý Khổng Mạnh, nhưng thời bấy giờ vua Đường Hiến Tông lại tôn trọng đạo Phật. Hàn Dũ làm sớ khuyên vua bài xích đạo Phật và đốt xương Phật nên bị giáng làm Thứ sử Triều Châu. Ông có làm bài thơ tự thán như sau :

"Nhất phong triều tấu cửu trùng thiên,
Mộ trích Triều Châu lộ bát thiên.
Dục vị Thánh triều trừ tệ chính,
Cảm tương suy hủ tích tàn niên".
(Sớm dâng tờ sớ tấu thiên nhan,
Chiều biếm Triều Châu dặm tám ngàn.
Muốn giúp Thánh triều trừ tệ chính,
Dám đem lão bệnh tiếc thân tàn").

Về sau ông được triệu về kinh phục chức, rồi thăng Kinh Triệu Doãn.

LIỄU TÔN NGUYÊN (773 - 819) tự là Tử Hậu, người Hà

Đông; đồng thời với Hàn Dũ và cũng chủ trương phục cổ như Hàn.

Liễu Tôn Nguyên đỗ Tiến sĩ và Bác học Hoằng từ, làm quan đến Giám Sát Ngự sử. Sau bị tội nên bị giáng xuống làm Tư Mã Vĩnh Châu, rồi Liễu Châu Thứ sử.

+ ÂU DƯƠNG TU (1007-1072) tự Vĩnh Thúc, người đất Tô Lăng đời Tống. Ông đỗ Tiến sĩ, học rộng, văn tài trác tuyệt, làm quan đến Binh bộ Thượng thư.

Âu Dương Tu tánh tình ngay thẳng nên làm quan bị nhiều người ghét. Ông thuộc phái "Cựu đảng" của Tư Mã Quang chống "Tân pháp" của Tể Tướng Vương An Thạch nên phải về trí sĩ khi chưa tới tuổi hưu. Âu Dương Tu là tác giả bộ Tân Ngũ Đại Sử, và hợp soạn chung với Tống Kỳ bộ Tân Đường thi.

+ TÔ TUÂN (1009-1066) tự Minh Doãn, người đất My Sơn đời Tống. Tô Tuân không xuất thân khoa bảng nhưng ông lại là một danh sĩ. Năm 27 tuổi ông mới bắt đầu việc học. Năm 37 tuổi có đi thi một lần, không đỗ. Ông buồn, đi ngao du đây đó mấy năm mới chịu về nhà và từ đó nhất định không đi thi nữa.

Tô Tuân là cha của Tô Thức (Tô Đông Pha) và Tô Triệt. Năm 1059, Tô Tuân được triều đình đặc cách chức Hiệu Thư lang chuyên chép chuyện các đời vua nhà Tống. Ông tỏ ra không mấy thích công việc này, vì phải khen mà không được chê các tiên vương.

Về sau ông đổi ra làm Chủ Bạ huyện Văn An, soạn bộ Thái Thường nhân cách lễ gồm một trăm quyển. Sách vừa soạn xong thì ông cũng qua đời.

Trông theo nào thấy đâu nào,
HƯƠNG THỪA dường hãy ra vào đâu đây

(Câu 215, 216. Kiều mơ màng nghe mùi hương của Đạm Tiên).

Câu này lấy ý ở "Tây Sương Ký": "Lan xạ hương nhưng tại" nghĩa là người đi rồi mà mùi hương hãy còn phảng phất.

Đây là cảnh thứ IV, hồi I của phần thứ nhất tuồng Tây Sương Ký, tả cảnh Trương Quân Thụy trông thấy Thôi Oanh Oanh trong vườn hoa tư dinh họ Thôi phía Tây chùa Phổ Cứu. Thôi Oanh Oanh đã vào nhà rồi mà Trương Quân Thụy còn ngẩn ngơ nhìn theo tiếc nuối :

"...............
Vườn hoa lê, đóng lúc nào
Tường cao, cao quá, kể cao bằng trời.
Trách trời sao chẳng chiều người
Làm khuây chẳng được, đứng lười không đang.
Nghĩ hươu, tính vượn, trăm đường,
HƯƠNG LAN CÒN THOẢNG, TIẾNG VÀNG ĐÃ XA.
Gió lay cành liễu la đà,
Tơ hồng vướng vít, cánh hoa tơi bời.
Rèm châu lấp lánh mặt người,
Nuốt thầm nước bọt, trông hoài néo xa..."
....

Cớ sao trằn trọc đêm khuya
MÀU HOA LÊ HÃY DẦM DỀ GIỌT MƯA ?

(Câu 225 - 226, Kiều thổn thức một mình)

Hai câu 99 và 100 trong bài thơ Trường Hận ca (1) của thi sĩ Bạch Cư Dị (2) đời Đường :

"Ngọc dung tịch mịch lệ lan can

Lê hoa nhất chi xuân đái vũ".

có nghĩa là: "Mặt ngọc ủ ê, nước mắt dầm dề như hoa lê mùa xuân bám mấy giọt nước mưa". Nguyễn Du đã lấy hai câu ấy dịch thành "Màu hoa lê hãy dầm dề giọt mưa".

NGYM đã dịch hai câu thơ trên như sau :

"Nét rầu, hồng lệ lâm ly

Hạt mưa gieo nặng cành lê, não nùng".

Còn Vô Danh thì dịch như sau :

"Vẻ ngọc buồn buồn tràn nước mắt,

Ngày xuân mưa trĩu một cành lê".

---

(1) TRƯỜNG HẬN CA : Vua Đường Huyền Tông sủng ái Dương Quý Phi.

Tướng An Lộc Sơn cũng mê đắm nhan sắc Dương Quý Phi nên nổi loạn, khiến nhà vua và triều thần phải bỏ kinh đô Tràng An chạy vào đất Ba Thục. Đến gò Mã Ngôi, quân sĩ không chịu tiến vì cho rằng bởi Dương quý phi nên mới có loạn. Đường Huyền Tông phải chiều theo ý tướng sĩ giết Tể tướng Dương Quốc Trung và cho thắt cổ Dương Quý Phi. Nhà thơ Bạch Cư Dị viết bài Trường Hận ca để tả lại nỗi hận về chuyện ấy.

(2) **BẠCH CƯ DỊ** (772 - 846) tực Lạc Thiên, người Hạ Khuê, Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây , là một nhà thơ lớn thời Thịnh Đường.

Năm 27 tuổi đời Nguyên Hòa, ông đỗ Tiến sĩ và nhậm chức Hàn Lâm học sĩ. Ông làm quan tánh cương trực, hay vạch lỗi kẻ khác nên bị nhiều đồng liêu ghét.

Trong thời gian cư tang mẹ, Bạch Cư Dị có làm bài thơ "Thưởng Hoa". Kẻ thù của nhà thơ biết được nên tâu với vua Đường Hiến Tông rằng Bạch là một vị quan to mà "bất hiếu" làm tổn thương danh giáo. Thế là Bạch Cư Dị bị đày đi làm Tư mã ở đất Giang Châu. Sau đó ông đi làm Thứ sử ở Tô Châu, rồi Hàng Châu. Cuối cùng cũng được về triều và được thăng Hình bộ Thượng thư.

Bạch Cư Dị là người tánh tình phóng khoáng, thích nhàn hạ và rượu. Khi về hưu thường chống gậy trúc đi chơi ở Hương Sơn, uống rượu say rồi ngâm thơ nên tự lấy cho mình hai biệt hiệu là Hương Sơn cư sĩ và Túy Ngâm tiên sinh.

Ông để lại cho đời một tập thơ gồm 71 quyển, chứa gần 4000 bài thơ. Hai bài thơ nổi tiếng nhất và được truyền tụng rộng rãi của Bạch Cư Dị là Tỳ Bà Hành và Trường Hận Ca.

*

*　　*

Vâng lời khuyên giải thấp cao
Chưa xong điều nghĩ đã dàu MẠCH TƯƠNG.

(Câu 237, 238. Kiều sau giấc mơ thấy Đạm Tiên)

MÀNH TƯƠNG phơn phớt gió đàn
Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình.
(Câu 255, 256. Kim Trọng tương tư Kiều)

SÔNG TƯƠNG một giải nông sờ
Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia.
(Câu 365, 366. Tâm trạng Kim, Kiều)

MẠCH TƯƠNG để chỉ nước mắt của người đàn bà. Sách Tương Xuyên chép rằng :

Vua Thuấn đi tuần thú phương Nam, băng hà ở đất Thương Ngô. Hai bà vợ của nhà vua là Nga Hoàng và Nữ Anh (hai chị em ruột) thương tiếc chồng đến sông Tiêu Tương than khóc thảm thiết. Nước mắt của hai bà rơi vào bụi trúc bên bờ sông khiến tất cả những cây trúc đều nổi vân lên rất đẹp. Từ đó về sau, tất cả trúc trên bờ sông Tiêu Tương đều có vân.

Tiêu Tương là chỗ sông Tiêu và sông Tương hiệp lại trong tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Sông Tương phát nguyên từ Dương Hải Sơn thuộc tỉnh Quảng Tây, chảy đến tỉnh Hồ Nam, qua huyện Trường Sa vào Động Đình hồ.

Tiêu Tương là một danh thắng của Trung Quốc. Họa sĩ Tống Địch có vẽ tám bức tranh tả cảnh Tiêu Tương là :

1. Bình sa lạc nhạn (Đàn nhạn đáp xuống bãi cát)
2. Sơn thị tình lam (Chợ chiều dưới chân núi)
3. Viễn phố qui phàm (Thuyền ở xa trương buồm về)
4. Ngư thôn tịch chiếu (Bóng chiều ở xóm chài)
5. Yên tự văn chung (Nghe tiếng chuông chùa trên núi)

6. Động đình thu nguyệt (Trăng thu trên hồ Động Đình)

7. Giang thiên mộ tuyết (Tuyết rơi trên bờ sông về chiều)

8. Tiêu Tương dạ vũ (Mưa đêm trên sông Tiêu Tương).

Về tích hai bà vợ của vua Thuấn khóc chồng, người đời sau có lập đền thờ hai bà ở Đông Tương. Và nàng Lý Thục làm bài "Ban trúc oán" như sau :

"Vua Thuấn băng, hai phi dõi lối
Xuân phương Nam đến tận Tương Sơn.
Lệ thương tưới trúc trên cồn,
Sông Tương đốm trúc vẫn còn đến nay.
Miếu Cửu Nghé, sớm mây thăm thẳm,
Non Thương Ngô, ác lặn trời chiều.
Sông cồn chứa hận còn nhiều,
Dòng còn cuộn chảy thuở nào hết đây"?

MÀNH TƯƠNG : Tấm mành che cửa làm bằng trúc có vân ở bờ sông Tiêu Tương. Vì nước mắt của hai bà Nga Hoàng và Nữ Anh làm cho trúc trên bờ sông Tiêu Tương nổi đốm nên những người thợ làm mành cửa ở vùng Hồ Nam thường đến sông Tiêu Tương mua loại trúc có vân ấy để làm mành.

Bởi tích Mạch Tương bi thiết như trên, nên Mành Tương là tấm màn che ngụ ý chỉ sự cách trở yêu thương của trai gái.

SÔNG TƯƠNG (Tương giang) : một con sông xuất phát từ huyện Ninh Lăng tỉnh Hồ Nam.

Tích Sông Tương dùng để chỉ sự chia cắt tình yêu của đôi trai gái. Ngoài điển tích hai bà Nga Hoàng và Nữ Anh khóc chồng là vua Thuấn trên bờ sông Tương, nước mắt làm cho các bụi trúc nổi vân, thì sông Tương còn một truyện tích như sau :

Đời nhà Chu thời Ngũ Quý, nàng Lương Ý Nương là con

gái Lương Tiêu Hồ thường đi lại giao thiệp với Lý Sinh, người anh bà con cô cậu với nàng. Hai người có sự liên hệ khắng khít nên yêu nhau. Tình yêu của họ ngày càng thắm thiết tưởng như không thể nào rời ra được.

Vào tiết trung thu năm nọ, hai người cùng đi chơi thưởng trăng thu rồi tư thông với nhau. Việc bị bại lộ, Lương Tiêu Hồ cả giận đuổi Lý Sinh về nhà chàng, cắt đứt mối tình bất chính với nàng Lương Ý Nương. Nhà của Lý Sinh ở tận trên phía Bắc sông Tương, còn gia đình nàng Lương Ý Nương thì ở dưới phía Nam sông Tương. Từ đó hai người cách xa nhau luôn cả ba năm dài. Cả hai cùng ôm mối khổ đau của nỗi tuyệt tình trong lòng.

Vì quá thương nhớ người yêu, cứ mỗi chiều chiều nàng Lương Ý Nương thường ra bờ sông Tương nhìn dòng nước chảy mà thổn thức ngậm ngùi... Nàng Lương khóc than thương nhớ người yêu, rồi dùng hai bàn tay bụm nước sông Tương mà uống. Và nàng tưởng tượng rằng ở trên mạn bắc đầu sông Tương, người yêu của nàng là Lý Sinh cũng cùng tâm trạng với nàng, cũng ra bờ sông để thương nhớ nàng và uống nước sông Tương như nàng vậy.

Nỗi đau khổ cực cùng của mối tuyệt tình đã khiến nàng Lương Ý Nương làm nên một bài thơ bất hủ như sau :

"Nhân đạo Tương giang thâm
Vị để Tương giang bạn
Giang thâm chung hữu để
Tương tư vô biên ngạn.
Quân tại Tương giang đầu
Thiếp tại Tương giang vĩ
Tương tư bất tương kiến
Đồng ẩm Tương giang thủy".
(Người bảo sông Tương sâu
Chưa bằng lòng mong nhớ
Sông sâu còn có đáy

Lòng nhớ lại không bờ.
Chàng ở đầu sông Tương
Thiếp ở cuối sông Tương
Nhớ nhau mà không thấy
Cùng uống nước sông Tương).

*

* *

Một điển tích thứ hai về Tương giang diễn tả mối tuyệt tình của nàng kỹ nữ Vương Ấu Ngọc cũng rất thương tâm. Chuyện như sau :

Thành Hoành Dương trên bờ Tương giang là một thành phố thương mãi nổi tiếng thời nhà Đường. Nơi đây có rất nhiều kỹ viện. Trong số những kỹ nữ thời danh hồi ấy, Vương Ấu Ngọc là một kỹ nữ trội nhất của vùng Tương giang. Nàng Vương chẳng những trội về nhan sắc, lại có tài đàn hát rất giỏi và có nhiều tiền của. Nhiều đạt quan quý nhân, nhiều khách phong lưu văn mặc từ kinh đô Tràng An đổ xô về Hoành Dương của vùng Tương giang để tìm cuộc vui với kỹ nữ Vương Ấu Ngọc. Nhưng không phải ai tìm đến nàng Vương cũng tiếp, mặc dù nàng chỉ là một kỹ nữ. Nhiều người đã khuyên nàng, với tài sắc như thế, nàng nên về kinh đô Tràng An để dễ bề tiến thân hơn; nhưng nàng Vương không cho những lời khuyên ấy là phải! Trong thâm tâm, Vương Ấu Ngọc đâu có muốn mình luôn là một đóa hoa trong chốn phong trần, mà nàng chỉ mong kiếm được một tấm chồng xứng đáng để tạo lập hạnh phúc gia đình; hiềm gì chưa gặp được bạn tri kỷ tri âm...

Một chiều kia, có một khách hào hoa phiêu lãng tên Liễu Phú từ Lạc Dương tới và đã gặp kỹ nữ Vương Ấu Ngọc. Chỉ qua một đêm thơ và rượu, Liễu và Vương đâm quyến luyến nhau và không còn muốn rời xa nhau nữa. Vương Ấu Ngọc đề nghị tự

nguyện làm vợ Liễu Phú, nhưng Liễu lặng thinh không đáp.

Sáng hôm sau hai người chia tay. Liễu Phú thay vì xuôi thuyền đi Lĩnh Nam như ý định trước kia thì bây giờ không đi nữa. Chàng ở lại Hoành Dương và neo thuyền trên một khúc Tương giang vắng vẻ, nhưng cũng không trở lại kỹ viện để gặp nàng Vương. Lý do là Liễu đã cạn tiền.

Mấy hôm sau, Vương Ấu Ngọc được tin Liễu Phú vẫn còn ở lại Hoành Dương nên nàng tức tốc đi tìm. Rồi nàng cũng được gặp chàng trên một khúc sông Tương vắng vẻ. Hai người ôm nhau mừng mừng tủi tủi... Cùng ngồi trên thuyền thả trôi chầm chậm trên dòng Tương giang, Liễu Phú giải thích lý do chàng nín lặng khi nghe Vương đề nghị cuộc sống lứa đôi. Liễu Phú không ngần ngại thổ lộ chuyện đời tư của mình cho người yêu nghe. Thì ra trước đây vì một chuyện bất bình, Liễu Phú can tội sát nhân có một người đàn bà chứng kiến. Người đàn bà ấy buộc Liễu phải lấy bà ta làm vợ nếu không thì bà ta sẽ đi tố cáo Liễu. Vì không muốn vương vào vòng tù tội nên Liễu Phú đành chấp nhận lấy người đàn bà ấy làm vợ, sống chung với nhau ở Trường Sa; nhưng chẳng có hạnh phúc gì cả.

Nghe xong chuyện của người yêu, Vương Ấu Ngọc bằng lòng bỏ ra hai trăm vạn tiền cho Liễu Phú giải quyết dứt khoát với người đàn bà ấy để chung sống với nàng. Để có được số tiền đó Vương Ấu Ngọc phải bán hết tư trang của nàng cộng với số tiền nàng dành dụm bấy lâu.

Liễu Phú trở về Trường Sa dứt khoát với vợ rồi quay lại Hoành Dương chung sống với Vương Ấu Ngọc. Bấy giờ tiền bạc, của cải đã hết sạch, Vương Ấu Ngọc đành phải lưu lại kỹ viện để tiếp khách. Tuy nhiên, cuộc sống của Vương và Liễu rất hạnh phúc. Vương định rằng vài bốn năm sau, khi đã dành dụm được một số vốn kha khá thì nàng sẽ giã từ kỹ viện để cùng Liễu Phú xây dựng một cuộc sống vợ chồng bình thường như bao nhiêu cặp

vợ chồng bình thường khác trên đời.

Hai người hưởng hạnh phúc với nhau chưa được bao lâu thì Liễu Phú nhận được tin cha chàng qua đời. Vậy là Liễu phải về Lạc Dương để cư tang cha. Lúc chia tay nhau, Vương Ấu Ngọc nói:

- Thiếp sẽ chờ chàng, dù thời gian bao lâu thiếp cũng vẫn chờ.

Sau đó Vương Ấu Ngọc cũng dành dụm được một số ít của cải, nàng mạnh dạn rời bỏ kỹ viện, mướn một căn nhà nhỏ ở ngoại vi thành Hoành Dương sống âm thầm chờ đợi Liễu Phú, với nghề may thuê vá mướn.

Liễu Phú đi đã nửa năm mà chẳng có một tin tức gì cho Vương Ấu Ngọc khiến nàng sầu khổ vô cùng. Bạn bè của Vương cho rằng Liễu Phú là kẻ bạc tình, khuyên Vương nên trở lại kỹ viện thi thố tài năng. Vương Ấu Ngọc không nghe và nhất định bênh vực người yêu, cho rằng Liễu Phú không phải là một kẻ bạc tình bội nghĩa.

Rồi một năm trôi qua, Liễu Phú vẫn bặt vô âm tín. Bấy giờ Vương Ấu Ngọc cắt một lọn tóc bỏ vào phong thư thuê người về Lạc Dương tìm Liễu Phú. Niềm ưu uất của sự tương tư đã làm cho Vương Ấu Ngọc bắt đầu tiều tụy, võ vàng...

Về phần họ Liễu, quả thật chàng không phải là kẻ bạc tình. Khi từ giã Vương Ấu Ngọc về tới Lạc Dương thì Liễu bị bắt hạ ngục, vì sự tố cáo của người đàn bà mà chàng dứt khoát trước kia. Thế là từ đó chàng bị cắt đứt hoàn toàn với bên ngoài thì làm sao liên lạc với Vương Ấu Ngọc được ?

Người được Vương Ấu Ngọc thuê đi tìm Liễu Phú cũng chẳng biết tung tích của chàng ở đâu nên đành về không. Vương Ấu Ngọc quá đau khổ nên một ngày kia nàng ngã bệnh. Tiền bạc

ngày một vơi đi mà bệnh tình thì trầm trọng thêm chớ không thuyên giảm.

Chuyện tình khổ đau của Vương Ấu Ngọc được lan truyền khắp vùng Tương giang. Nhiều tay phú thương vốn si mê nàng từ lâu, nay nhờ mai mối đến xin kết hôn với nàng nhưng tất cả đều bị Vương từ chối. Nàng nhất định giữ lòng chung thủy với Liễu Phú. Tiền bạc cạn sạch, Vương đành ôm đàn ra đứng ở đầu chợ đàn hát kiếm ăn độ nhật.

Giữa lúc ấy thì có một thương nhân từ Lạc Dương tới, tìm Vương Ấu Ngọc và trao cho nàng một bài từ của Liễu Phú gởi cho nàng. Bài từ rằng :

"Nhân gian tối khổ, tối khổ thị phân ly

Quân ái ngã, ngã ái quân, thanh thảo nga đầu nhân độc lập

Hoa thuyền đông khứ lỗ thanh trì

Sở thiên đê, hồi vọng xứ lưỡng y y

Hậu hội dả tri câu hữu nguyện, vị tri hà nhật thị giai kỳ, tâm hạ sự loạn như ti,

Hảo thiên lương dạ hoàn hư hóa, cô phụ ngã, lưỡng tâm tri nguyện quân gia, ai trường tại nhất song phi".

(Điều khổ nhất nhân gian là cảnh phân ly

Tôi yêu em, em yêu tôi, ngọn cỏ xanh mướt đầu sông, một mình đứng ngóng trông con thuyền lặng lẽ xuôi về đông, tiếng bơi cheo chầm chậm.

Trời nước Sở nặng u buồn, người đứng vọng phía xa lòng cô tịch,

Ngày gặp nhau chúng ta sẽ hiểu, nhưng bao giờ chúng ta mới được hội ngộ, tâm sự rối như tơ,

Hôm nay đêm mai trôi mãi, dù em có phụ tôi thì tâm hồn tôi vẫn nguyện được cùng em như chim liền cánh).

Biết người yêu vẫn còn tưởng nhớ đến mình, Vương Ấu Ngọc lấy làm sung sướng lắm và nàng đã học thuộc bài từ của chàng. Nàng hy vọng một ngày nào đó sẽ được tái ngộ người yêu. Hàng ngày Vương Ấu Ngọc vẫn ôm đàn ra chợ hát ca với niềm phấn khởi trong tâm hồn, mặc dù bệnh tình của nàng không hề thuyên giảm. Nàng hát bài từ của Liễu Phú khiến ai nghe cũng mũi lòng khó cầm được nước mắt.

Nửa tháng sau ngày nhận được tin tức người yêu, Vương Ấu Ngọc trút hơi thở cuối cùng vì bệnh tình đã quá trầm trọng. Trong cây đàn của người kỹ nữ tài sắc ấy, người ta tìm thấy bài từ ai oán của người yêu nàng...

Tin Vương Ấu Ngọc từ trần khiến cả thành Hoành Dương xôn xao. Từ bạn bè cho đến những kẻ ái mộ nàng lâu nay, không ai là không tỏ lòng thương tiếc. Người ta chung tiền lại xây cho nàng một ngôi mộ tuyệt đẹp, dựng một tấm bia đơn giản: "Liễu thị phu nhân chi mộ".

*

* *

Ví chăng duyện nợ BA SINH
Làm chi những thói khuynh thành trêu người.

(Câu 257, 258. Kim Trọng tương tư Kiều)

Dạy rằng: "Hương lửa BA SINH
Dây loan xin nối cầm lành cho ai".
(Câu 2581, 2582. Hồ Tôn Hiến nói với Kiều)

BA SINH : Ba kiếp sống luân hồi của con người theo thuyết nhà Phật là quá khứ, hiện tại và tương lai.

Sách Truyền Đăng lục chép : Có một người nằm mộng thấy mình đến một chân núi đá nọ. Ở đó có một nhà sư đang ngồi và trước mặt nhà sư có một cây hương. Nhà sư bảo người nọ rằng: "Cây hương này chính là của ông kết nguyện đấy. Hương còn cháy mà ông đã trải qua ba đời rồi".

Sách "Cam Trạch Dao" lại có câu chuyện như sau :

Lý Nguyên và Viên Trạch là người đời Đường. Một hôm hai người đi chơi núi Tam Giáp, gặp một người đàn bà gánh nước giếng. Viên Trạch chỉ người đàn bà ấy và nói với Lý Nguyên :

- Người đàn bà ấy là nơi thác thân của tôi. Mười hai năm sau, tôi sẽ gặp lại anh tại mé ngoài chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu.

Đêm hôm ấy Viên Trạch mất.

Mười hai năm sau, Lý Nguyên nhớ lời nói của Viên Trạch thuở xưa nên đến ngay nơi hẹn ước của Viên. Đến nơi, Lý Nguyên trông thấy một đứa trẻ chăn trâu hát nghêu ngao rằng: "Tam sinh thạch thượng cựu tinh hồn, thử thân tuy dị tánh trường tồn". (Hồn tinh anh cũ gởi ở đá ba sinh, thân này tuy khác nhưng tính tình vẫn như xưa). Lý Nguyên biết ngay đứa trẻ chăn trâu ấy chính là Viên Trạch thác sinh.

Duyên nợ ba sinh hay hương lửa ba sinh là ý nói duyên nợ vợ chồng do tiền định.

KHUYNH THÀNH : Xem tích "Khuynh quốc khuynh thành" trang 49

Nghề riêng nhớ ít tưởng nhiều
Xăm xăm đè nẻo LAM KIỀU lần sang.

(câu 265 - 266, Kim Trọng đi tìm Kiều)

Chén hà sánh giọng QUỲNH TƯƠNG
Dải là hương lộn, bình gương bóng lồng.
(Câu 453 - 454, Kim Kiều tương ngộ)

"CHÀY SƯƠNG chưa nện CẦU LAM
Sợ lần khân quá ra sờm sỡ chăng" ?
(Câu 457 - 458, Kim Kiều tương ngộ)

Rằng : "Mua ngọc đến LAM KIỀU
Sính nghi, xin dạy bao nhiêu cho tường" ?
(Câu 643 - 644, Mã Giám Sinh mua Kiều)

LAM KIỀU : Cây cầu bắc qua sông Lam thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc.

QUỲNH TƯƠNG : tên một loại rượu quý.

CHÀY SƯƠNG : Chày ngọc để giã thuốc Huyền Sương.

Truyện tích Chày sương, Cầu lam theo sách Tình sử như sau :

Năm Trường Khánh đời vua Mục Tông nhà Đường, có chàng Tú Tài tên Bùi Hàng thường mặc áo xanh Tư mã Giang Châu đi chơi đây đó với mục đích kén vợ.

Một ngày kia Bùi Hàng đi về hướng Tây Bắc tỉnh Thiểm Tây, trông thấy một người đàn bà trạc tứ tuần nhưng nhan sắc còn khá mặn mà, đang ngồi tỉa hoa trong một túp lều tranh. Họ Bùi bèn xuống ngựa, lân la hỏi thăm những người chung quanh thì được biết thiếu phụ ấy là Vân Kiều phu nhân.

Phần Vân Kiều phu nhân, vốn từ lâu cũng biết anh chàng

Tú Tài họ Bùi kia rày đây mai đó để tìm người đẹp se tơ kết tóc. Trong khi Bùi Hàng còn đang đứng ngắm nhan sắc của Vân Kiều một cách say sưa thì nàng viết bốn câu thơ vào giấy rồi sai người nhà đem ra trao cho họ Bùi. Thơ rằng :

"Nhất ẩm Quỳnh tương bách cảm sinh
Huyền sương đảo tận kiến Vân Anh
Lam Kiều bản thị thần tiên quật
Hà tất kỳ khu thượng ngọc kinh".
(Uống chén Quỳnh tương trăm cảm sinh
Giã tan sương tím, thấy nàng Anh
Cầu Lam chốn ấy thần tiên ở
Cần chi vất vả đến Ngọc kinh).

Bùi Hàng xem thơ rất lấy làm ngạc nhiên, không hiểu tại sao Vân Kiều phu nhân lại biết rõ tâm can mình. Theo lời thơ thì rõ ràng Vân Kiều phu nhân bảo mình tới Lam kiều, sẽ gặp nàng Vân Anh nào đó và sẽ thành duyên giai ngẫu. Thế là chàng lên đường và cứ hỏi thăm hướng Lam kiều mà tiến.

Đi mãi đến lúc trời tối mà vẫn không thấy Lam kiều đâu, Bùi Hàng đành vào trọ ở một quán nhỏ bên đường. Đêm hôm ấy Bùi Hàng không thể nào chợp mắt được vì lòng cứ rạo rực với những lời thơ của Vân Kiều phu nhân.

Sáng sớm hôm sau Bùi Hàng tiếp tục lên đường. Đi được một đỗi đường chàng quay nhìn lại thì không còn trông thấy ngôi quán đâu cả, sau lưng chàng chỉ là một rừng cây bát ngát. Còn trước mặt chàng lại hiện ra một con sông lớn có một chiếc cầu bắc ngang. Trước cảnh lạ lùng ấy, Bùi Hàng rất lấy làm phân vân trong lòng nhưng cứ giục ngựa tiến bước.

Tiến tới gần bên chiếc cầu, Bùi Hàng trông thấy hiện ra một chiếc quán lá nhỏ giữa một vườn dâu. Chủ quán là một bà lão đầu tóc bạc phơ nhưng dáng dấp có vẻ thanh thoát như tiên. Bùi

Hàng xuống ngựa, cột ngựa vào một gốc cây rồi ung dung bước vào quán xin nước uống.

Lão bà chủ quán niềm nở chào khách và gọi con gái đem nước ra. Từ sau vườn dâu, một người con gái tuyệt đẹp bước ra khiến Bùi Hàng nhìn ngơ ngẩn không nháy mắt. Người con gái đẹp hai tay bưng chén ngọc đựng nước mời Bùi Hàng uống. Bùi Hàng ngây ngất và mở lời hỏi thăm tông tích người đẹp thì bà lão vội vàng lên tiếng:

- Con bé này tên là Vân Anh, em của Vân Kiều phu nhân, người đã tặng cho cậu bài thơ ngày hôm qua đó.

Bùi Hàng nghe thế mừng quá, vội vàng lấy bài thơ của Vân Kiều trao cho bà lão xem và ngỏ lời xin cưới Vân Anh làm vợ.

Bà lão cười nói :

- Ta chỉ có hai người con gái, Vân Kiều đã nên gia thất rồi, chỉ còn có Vân Anh đây sớm hôm hầu hạ. Nếu quả là duyên tiền định thì mụ đây cũng không ngăn trở. Nhưng cậu muốn cưới con gái mụ thì phải nạp sính lễ đấy.

Bùi Hàng mừng như mở cờ trong bụng, hỏi ngay :

- Xin lão bà đây cho tiểu sinh biết phải nộp bao nhiêu ?

Bà lão hấp háy mắt, lên tiếng .

- Sính lễ không phải là vàng bạc nhưng là một chiếc chày ngọc để giã thuốc Huyền sương của mụ.

Rồi bà đưa ra một chiếc cối ngọc và nói tiếp :

- Cái chày phải hợp với cái cối này.

Bùi Hàng nhìn kỹ chiếc cối ngọc một lúc rồi xin cáo từ lão bà và Vân Anh để lên đường tìm chày ngọc. Một người một ngựa, viên Tú Tài họ Bùi rong ruổi khắp nơi không biết mỏi mệt. Sau

nhiều ngày tháng đi khắp đó đây, một ngày kia Bùi Hàng lại gặp một chiếc quán nhỏ bên đường. Chàng dừng chân vào quán xin nghỉ qua đêm thì thật may thay, trông thấy bà lão ngồi giữa quán tay cầm một chiếc chày ngọc mà miệng lại hát nghêu ngao rằng:

"*Chày sương ta có*
Ai muốn cần dùng
Duyên thắm chỉ hồng
Cầu Lam đợi khách".

Bùi Hàng mừng rỡ vội vàng thi lễ trước mặt bà lão, nói:

- Dám thưa lão bà, tiểu sinh đã cực khổ mấy tháng trời nay đi tìm chày ngọc để làm vật sính lễ ở cầu Lam. Nay may mắn được gặp lão bà có chày ngọc, xin lão bà thương tình giúp cho tiểu sinh được toại nguyện.

Bà lão cười đáp :

- Chày ngọc không phải là thứ dễ tìm, nếu kẻ đi tìm nó không thành tâm thiện ý. Nay ta thấy công tử là người kiên tâm bền chí thì quả là công tử có duyên tiền định với nàng Vân Anh. Vậy ta cũng không hẹp lượng gì mà chẳng giúp công tử.

Bà lão nói xong liền trao chiếc chày ngọc cho Bùi Hàng. Sáng hôm sau Bùi Hàng tạ từ bà lão đem chày ngọc trở lại Lam kiều. Cũng giống như lần trước, đi một đỗi đường quay mặt nhìn lại thì Bùi Hàng không còn thấy chiếc quán đâu cả, mà chỉ thấy một vùng rừng dâu xanh ngắt một màu. Còn trước mặt chàng thì cũng lại một dòng sông uốn khúc. Bùi Hàng men theo ven sông và về đến Lam Kiều. Chàng dâng chiếc chày ngọc cho mẹ của Vân Anh.

Và cụ đem cối ra ướm chày vào thì rất hợp. Bà vui mừng cho Bùi Hàng làm lễ thành hôn với con gái mình là nàng Vân Anh.

*

*　　*

Thâm nghiêm kín cổng, cao tường
Cạn dòng LÁ THẮM, dứt đường CHIM XANH.

(Câu 267, 268. Kim Trọng đi tìm Kiều)

"Dù khi LÁ THẮM, CHỈ HỒNG
Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha".
(Câu 333, 334. Kiều trò chuyện với Kim Trọng)

Nàng rằng : "HỒNG DIỆP, XÍCH THẰNG
Một lời cũng đã tiếng rằng tương tri".
(Câu 459, 460. Kiều nói với Kim Trọng)

"Vẻ chi một đóa yêu đào
Vườn hồng đâu dám ngăn rào CHIM XANH".
(Câu 503, 504. Kiều nói với Kim Trọng)

Cạn lời khách mới thưa rằng :
"Buộc chân thôi cũng XÍCH THẰNG nhiệm trao".
(Câu 903, 904. Mã Giám Sinh nói với Vương ông)

Tan sương vừa rạng ngày mai
TIỆN HỒNG nàng mới nhắn lời gởi sang.
(Câu 1083, 1084. Kiều nhắn Sở Khanh)

Duyên em dù nối CHỈ HỒNG
May ra khi đã tay bồng, tay mang.
(Câu 2243, 2244. Kiều nhớ nhà)

LÁ THẮM hay LÁ HỒNG (Hồng diệp) là để chỉ sự liên lạc thư từ giữa trai, gái mà kết nên tình yêu vợ chồng với nhau.

Có rất nhiều điển tích về chuyện Lá Thắm :

1. Chuyện lương duyên của Hàn phu nhân gốc ở Thi Thoại. Hàn phu nhân tên là Hàn Thúy Tần, cung nhân của vua Đường Hy Tông (Phu nhân là tước vua ban). Vì nhà vua có rất nhiều

cung nhân (hơn ba ngàn người) nên Hàn thị dù đã được tiến cung lâu rồi mà vẫn chưa được hưởng ơn "mưa móc".

Quá buồn duyên tủi phận, một hôm Hàn thị thơ thẩn dạo chơi bên ngòi ngự trong cung. Nhìn dòng nước chảy ra ngoài thành, lòng Hàn phu nhân càng cảm xúc bâng khuâng bèn nhặt một chiếc lá úa, lấy bút đề thơ vào đấy rồi thả trôi theo dòng nước. Thơ rằng :

"Nước trôi sao vội dường này
Cung sâu luống những ngày ngày ngồi không.
Ân cần khuyên chiếc lá hồng
Mau mau đi quách ra dòng nhân gian".

Chiếc lá có đề thơ ấy trôi ra ngoài thành và được một chàng trai tên Vu Hựu bắt gặp. Vu Hựu xem thơ biết là của cung nhân than thân trách phận. Chàng cất chiếc lá ấy vào rương rồi lấy một chiếc lá khác cũng đề thơ vào rồi lên trên đầu ngòi thả chiếc lá cho trôi vào cung. Thơ rằng :

"Đã hay lá thắm đề thơ
Thơ đề trên lá, định đưa người nào" ?

Chiếc lá của Vu Hựu trôi vào ngòi ngự trong cung và Hàn phu nhân lại bắt gặp. Nàng lấy làm lạ lắm bèn đem chiếc lá cất kỹ.

Mười năm sau, Đường Hy Tông thải bớt một số cung nữ ra khỏi cung, cho đi lấy chồng. Hàn phu nhân may mắn nằm trong số cung nhân được thải.

Lúc bấy giờ Vu Hựu đang là môn khách của Hàn Vịnh, một viên quan của triều đình. Hàn Vịnh lấy tình đồng họ với Hàn Thúy Tần nên đứng ra làm mối nàng nên duyên cầm sắt với Vu Hựu.

Trong đêm hợp cẩn, Hàn Thúy Tần và Vu Hựu cùng lấy hai chiếc lá có đề thơ trao cho nhau xem và cùng nhận rằng quả là duyên tiền định. Hàn Thúy Tần cao hứng ứng khẩu đọc mấy câu thơ :

"Một đôi thi cú theo dòng nước
Mười mấy xuân thu nhớ dẫy đầy
Mừng bấy ngày nay loan sánh phượng
Cũng nhờ lá thắm khéo làm mai".

*

* *

2. Câu chuyện tình trắc trở của đôi trai tài gái sắc Kim Ngọc và Kiều Nga được sách Tình sử kể như sau :

Thời Chiến quốc, Kiều Công Di làm quan Thái Thú đất Tây Đô thuộc nước Sở. Kiều Thái Thú có một cô con gái tuyệt đẹp tên là Kiều Nga.

Một ngày nọ, tiểu thư Kiều Nga bị "tiếng sét ái tình" với một chàng thư sinh tên Kim Ngọc ở ngoài thành. Hai người thương cảm nhau nhưng Kim Ngọc vốn là một thư sinh nghèo không thể nào gần gũi Kiều Nga để trút lời tâm sự được. Hàng ngày Kim Ngọc chỉ biết ra đứng trên bờ sông ngoài thành nhìn dòng nước chảy mà buồn cho thân phận. Rồi chàng thư sinh nảy ý hái lá cây để thơ trên đó thả xuống dòng nước cho trôi vào trong thành.

Phần tiểu thư Kiều Nga ở trong thành cũng thương nhớ ý trung nhân khôn nguôi. Ngày nào nàng cũng ngồi trên bờ sông bên trong thành để nhìn nước chảy cho khuây khỏa nỗi niềm tâm sự. Rồi nàng vớt được chiếc lá của Kim Ngọc có thơ thả trôi từ ngoài vào. Nàng lại hái lá đề thơ và thả xuống nước cho trôi trở ra. Bên ngoài thành, Kim Ngọc vẫn ngày ngày ngồi nơi bờ sông và vớt được chiếc lá đề thơ của tiểu thư Kiều Nga. Thế là dòng

sông ấy đã trở thành một dòng Lá Thắm để cho đôi tình nhân Kim Ngọc, Kiều Nga ngày ngày thư từ cho nhau.

*

* *

3. **Chuyện chàng Lư Ốc :** Cũng đời nhà Đường, triều vua Tuyên Tông, có chàng Lư Ốc là một thư sinh, vớt được lá có đề thơ. Năm ấy chàng Lư ốc đến kinh đô Tràng An để thi Hội, chàng vớt được dưới dòng ngòi trong kinh thành một chiếc lá có đề một bài thơ. Chàng Lư không cho là việc lạ nhưng vẫn giữ kỹ chiếc lá có đề thơ ấy.

Về sau triều đình thải một số cung nhân. Lư Ốc cưới vợ và lại cưới nhầm một trong số những cung nhân được xuất cung. Điều ngẫu nhiên hơn nữa, chính vợ Lư Ốc là tác giả của bài thơ đề trên lá mà chàng vớt được trước đây.

*

* *

4. **Chuyện danh sĩ Hầu Kế Đô :** Cũng đời Đường, danh sĩ Hầu Kế Đô một hôm đi vãng cảnh chùa Đại Từ ở kinh đô Tràng An. Khi chàng đang đứng trên lầu chuông nhìn ngắm cảnh vật chung quanh thì có một chiếc lá ngô đồng lớn từ đâu bay tới và rơi xuống cạnh chân chàng. Hầu nhặt chiếc lá lên và thấy trên mặt chiếc lá có một bài thơ. Chàng giữ chiếc lá có đề thơ ấy đem về cất kỹ.

Vài bốn năm sau, Hầu Kế Đô cưới nàng Lâm thị làm vợ. Khi Lâm thị thấy chồng khoe chiếc lá có đề thơ mà trước kia chàng nhặt được trên lầu chuông chùa Đại Từ, thì nàng Lâm nhận mình là tác giả bài thơ ấy. Rõ ràng chiếc lá có đề thơ đó là bà mai mối của cuộc tình Hầu - Lâm.

*

* *

CHIM XANH : để chỉ việc truyền tin tức từ xa.

Tích Hán Vũ Đế một hôm ngự vườn Thượng uyển, bỗng có hai con chim xanh từ đâu bay đến đậu gần. Nhà vua lấy làm lạ, Đông Phương Sóc bèn tâu rằng :

- Đó là sứ giả báo tin bà Tây Vương Mẫu sắp đến đấy.

Quả nhiên một lúc sau có bà chúa tiên là Tây Vương Mẫu đến thật.

*

* *

Tích thứ hai về Chim đưa tin là chuyện Tô Vũ chăn dê ngoài ải Bắc nước Hồ (Hung Nô).

Tô Vũ tự là Tử Khanh, người đất Đỗ Lăng đời Hán Vũ Đế, vâng lệnh nhà vua đi sứ Hung Nô. Bấy giờ ở Hung Nô có Lý Lăng và Vệ Luật là hai tôi thần nhà Hán nhưng đã đầu hàng rợ Hồ rồi.

Khi Tô Vũ sang đến Hung Nô, chúa Thiền Vu bảo Lý Lăng và Vệ Luật dụ hàng Tô Vũ nhưng họ Tô không thuận. Thiền Vu nổi giận, cho bắt Tô Vũ giam vào hang, ba ngày không cho ăn uống để Tô Vũ đói mà chết. Tô Vũ vuốt sương đọng trên ngù cờ treo ngoài miệng hang uống nên không chết.

Thiền Vu thấy Tô Vũ không chết, tưởng ông là thần thánh nên không dám mưu hại nữa; nhưng lại đày ông lên ải Bắc chăn dê và bảo rằng khi nào dê đực đẻ được thì mới cho Tô Vũ về.

Tô Vũ ở ngoài ải Bắc, viết thư buộc vào chân chim nhạn gởi về cho Hán Vũ Đế. Nhờ vậy mà nhà vua biết Tô Vũ còn sống.

Mười chín năm sau, nhà Hán và Hung Nô mới hòa thuận lại với nhau. Bấy giờ Tô Vũ mới được chúa Thiền Vu tha cho về cố quốc.

*

* *

CHỈ HỒNG (XÍCH THẰNG) : là sợi chỉ đỏ, chỉ sự kết nối, ràng buộc lương duyên chồng vợ.

Truyện Vi Cố : Vi Cố, người đất Đỗ Lăng đời nhà Đường mồ côi cả cha lẫn mẹ từ thuở nhỏ. Lớn lên Vi Cố muốn lấy vợ sớm để có người nâng khăn sửa túi.

Năm Trinh Quán thứ hai đời Đường Hy Tông, Vi Cố đi chơi Thanh Hà, gặp người quen ngỏ ý muốn làm mai chàng cho con gái của quan Tư mã Thanh Hà. Người ấy hẹn Cố sáng sớm hôm sau đến chùa Long Hưng ở phía Nam thành Thanh Hà để tính chuyện ấy.

Khuya hôm sau, Vi Cố đã có mặt trước chùa Long Hưng. Dưới ánh trăng vằng vặc, Cố trông thấy nơi thềm cổng chùa có một cụ già ngồi xem sách, bên cạnh cụ già có một chiếc bọc lớn. Vi Cố tò mò đến gần cụ già và nhìn vào sách nhưng không đọc được chữ nào cả. Chàng bèn hỏi ông già :

- Thưa cụ, cụ đọc sách gì ạ ? Tiểu sinh vốn sách đèn từ nhỏ nhưng nhìn các chữ này thấy lạ quá, không hiểu được.

Cụ già cười đáp :

- Không phải sách của cõi thế gian, làm sao anh hiểu được.

- Vậy là sách gì, thưa cụ ?

- Sách của cõi u minh đấy.

Vi Cố lại hỏi :

- Cụ là người của cõi u minh, sao lại đến được chốn này ?

Cụ già cười đáp :

- Tại cậu đi sớm quá đấy chứ, giờ này còn là giờ của cõi u

minh mà. Quan lại của cõi u minh thường làm việc xem xét việc của người sống ở cõi thế gian.

- Vậy thì cụ coi việc gì ạ ?

- Lão coi việc hôn nhân của thiên hạ.

Vi Cố mừng rỡ nói :

- Thưa cụ, cháu mồ côi từ nhỏ, muốn lấy vợ sớm để rộng đường nối dõi, nhưng đã mười năm nay tìm khắp nơi mà vẫn không được toại ý. Hôm nay có người quen hẹn cháu đến đây để bàn chuyện hôn phối với con gái quan Tư mã họ Phan, xin cụ xem giùm coi lần này việc có thành hay không ?

Ông già lắc đầu, đáp :

- Việc không thành đâu. Vợ anh năm nay mới lên ba tuổi làm sao lấy chồng. Phải đến năm cô ấy mười bảy tuổi thì mới thành vợ anh được.

Nhìn chiếc bọc lớn bên cạnh ông già, Vi Cố lại hỏi :

- Còn chiếc bọc kia, cụ đựng gì trong ấy ?

- Toàn là những sợi dây đỏ để buộc chân những ai có duyên nợ vợ chồng lại với nhau. Chính nhờ những sợi dây đỏ này nên dù ai sinh trong hai gia đình thù nghịch, dù ai nghèo giàu khác nhau, dù ai góc biển chân trời cũng nên nghĩa trăm năm với nhau được.

Rồi ông già nhìn thẳng vào mặt Vi Cố, nói tiếp :

- Chân anh đã được buộc dây đỏ rồi, dù anh có đi tìm ở đâu cả trăm lần nữa cũng chẳng được gì đâu.

Nghe ông già nói thế, Vi Cố kính cẩn thưa :

- Vậy thưa cụ, xin cụ làm ơn cho con biết vợ con ở đâu và gia thế ra sao ạ ?

- Vợ anh là con gái mụ bán rau ở cổng Bắc chợ Thanh Hà này.

- Cháu có thể gặp mặt ngay được không ạ ?

Ông già gật đầu :

- Được. Hãy theo lão, lão sẽ chỉ cho.

Trời đã tờ mờ sáng. Người hẹn với Vi Cố hôm qua không đến. Ông già bỏ cuốn sách vào bọc vải, đứng lên. Vi Cố liền đi theo ông già.

Đến chợ, Cố trông thấy một mụ bán rau lem luốc, tay bế một đứa bé gái ba tuổi, dơ bẩn, xấu xí. Ông già chỉ vào đứa bé, nói với Vi Cố :

- Đấy, vợ của anh đấy.

Vi Cố vừa xấu hổ vừa tức giận, hỏi ông già:

- Cháu giết nó chết đi có được không ?

Ông già cười đáp :

- Con bé ấy có mệnh ăn lộc lớn của trời, làm sao mà giết được.

Nói rồi ông già biến mất.

Vi Cố về nhà mài bén một con dao rồi tìm một tên giết mướn và bảo :

- Nếu mày chịu vì tao mà giết chết con bé ba tuổi của mụ bán rau ngoài cổng bắc chợ Thanh Hà thì tao sẽ cho mày vạn tiền.

Tên giết mướn nhận lời. Sáng hôm sau nó thủ dao trong người, ra chợ vào lúc đông người và đến ngay mụ bán rau. Thừa lúc người qua kẻ lại chộn rộn, tên giết mướn đâm vào mặt đứa bé một dao rồi bỏ chạy về nhà, nói với Vi Cố :

- Tôi định đâm vào bụng nhưng trượt tay trúng vào mặt.

Vi Cố lại tiếp tục đi tìm vợ, cũng có bao nhiêu vụ mai mối

nhưng rốt cuộc không thành.

Thời gian vẫn trôi qua. Mười bốn năm sau, Vi Cố làm việc cho quan Thứ sử Vương Thái. Họ Vương thấy Vi Cố là người hay chữ và mẫn cán nên đem lòng thương, gả con gái cho. Con gái quan Thứ sử năm ấy mười bảy tuổi, dung nhan diễm lệ.

Vi Cố lấy được vợ đẹp, yêu lắm nhưng có điều chàng lấy làm lạ là nàng luôn luôn cài trên mái tóc một cái hoa trễ xuống, che kín một bên lông mày; kể cả lúc nàng đi tắm cũng giữ thế.

Một hôm Vi Cố gạn hỏi nguyên do. Vương tiểu thư nói :

- Thiếp vốn là con nuôi của quan Thứ sử. Năm lên ba lâm cảnh gia biến nhờ có bà vú ẵm chạy trốn nên thoát chết. Để mưu sinh, hàng ngày bà vú ẵm thiếp đi bán rau ngoài chợ Thanh Hà. Một ngày kia có tên vô lại đâm vào mặt thiếp, may mà lưỡi dao chỉ trượt qua thôi, nhưng cũng để lại vết sẹo. Lưu lạc thêm mấy năm nữa thì chú thiếp là quan Thứ sử đây tìm được đem về nuôi dưỡng đến ngày nay và gả thiếp cho chàng.

Nghe hết câu chuyện, Vi Cố giật mình hỏi :

- Có phải bà bán rau họ Trần không ?

Vương tiểu thư gật đầu đáp :

- Vâng, nhưng sao chàng lại biết ?

Vi Cố nói :

- Tên vô lại đâm nàng do chính Cố này sai phái đấy.

Đoạn chàng kể lại đầu đuôi câu chuyện cho vợ nghe. Từ đó, tình yêu của vợ chồng Vi Cố càng gia tăng gấp bội.

*

* *

TIỆN HỒNG : cũng có nghĩa như Chim Xanh vì người xưa hay buộc thư từ, tin tức vào chân chim Hồng nhạn để nó mang đi.

"Thoa này bắt được hư không
Biết đâu HỢP PHỐ mà mong CHÂU VỀ"

(Câu 305, 306. Kim Trọng đánh tiếng làm quen Kiều).

CHÂU VỀ HỢP PHỐ hay Châu hoàn Hợp phố hoặc có thể nói là Hợp phố hoàn châu ; có nghĩa là hạt ngọc châu (hay ngọc trai) trở về với xứ Hợp phố.

Theo lịch sử Việt Nam ta, vào thời kỳ Bắc thuộc lần thứ nhất (111 trước CN - 39 sau CN), vào năm Canh Ngọ (111 tr.CN vua Vũ Đế nhà Hán sai tướng Lộ Bác Đức làm Phục Ba tướng quân đem quân sang đánh nhà Triệu. Triệu Ai Vương thua chạy, nhà Hán chiếm lấy Nam Việt cải làm Giao Chỉ bộ và chia làm 9 quận là:

1. Nam Hải (Quảng Đông)
2. Thương Ngô (Quảng Tây)
3. Uất Lâm (Quảng Tây)
4. Hợp Phố (Quảng Đông)
5. Giao Chỉ (Bắc bộ và mấy tỉnh ở Bắc Trung bộ)
6. Cửu Chân
7. Nhật Nam
8. Châu Nhai (đảo Hải Nam)
9. Đạm Nhĩ

Ở mỗi quận, nhà Hán đều đặt quan Thái Thú và quan Thứ sử cai trị. Các quan lại nhà Hán cai trị ở Giao Châu bộ rất tàn ác. Tương truyền rằng thuở ấy ở quận Hợp Phố có rất nhiều ngọc trân châu (tức ngọc trai). Quan lại cai trị ở đấy thường bắt dân

chúng lặn xuống bể mò ngọc trai nộp cho chúng. Vì thế nên bao nhiêu trai ở Hợp Phố đều bỏ đi nơi khác cả.

Về sau có quan Thái Thú tên Mạnh Thường cai trị Hợp Phố có lòng nhân chính hơn các vị quan trước, không bắt dân chúng mò ngọc trai nữa nên các con trai lại trở về vùng Hợp Phố.

*

* *

"Chiếc thoa nào của mấy mươi
Mà lòng TRỌNG NGHĨA KHINH TÀI xiết bao"

(Câu 309, 310. Kiều đáp lời Kim Trọng)

TRỌNG NGHĨA KHINH TÀI : Coi trọng nghĩa khí, xem rẻ tiền bạc.

Thời Chiến quốc, Tín Lăng Quân tức công tử Vô Kỵ, con út của Ngụy Chiêu Vương nổi tiếng là người trọng nghĩa khinh tài, tiếp đãi mọi người rất sốt sắng không phân biệt hèn sang.

Bấy giờ nước Ngụy có một vị ẩn sĩ tên là Hầu Danh, tuổi ngoài bảy mươi, nhà nghèo, làm chân giữ cửa ở Di Môn. Tín Lăng Quân nghe tiếng Hầu Danh là người hiền, liền tự mình đem xe đến nhà yết kiến; lại dùng hai mươi nén vàng ròng làm lễ ra mắt.

Hầu Danh tiếp Tín Lăng Quân nhưng từ chối của lễ, nói :

- Lão phu suốt đời nghèo hèn, nhưng quyết không nhận lễ vật của bất cứ ai.

Tín Lăng Quân nài ép cách gì cũng không được. Sau đó, để tỏ lòng kính trọng Hầu Danh, Tín Lăng Quân mở một đại yến, mời đủ mặt các công tôn, đại quan đến dự. Chàng dành một chỗ ngồi danh dự bên tả mình cho Hầu Danh, rồi đích thân đánh xe đến Di Môn đón họ Hầu.

Hầu Danh nhận lời. Khi xe đi ngang chợ, Hầu Danh nói:

- Tôi có người bạn tên Chu Hợi làm nghề bán thịt trong chợ, muốn ghé thăm. Công tử có thể đi cùng tôi được chăng ?

Tín Lăng Quân tức công tử Vô Kỵ đáp:

- Tôi xin theo tiên sinh.

Hầu Danh xuống xe vào chợ đến hàng thịt trò chuyện cùng

bạn. Vô Kỵ đứng một bên chờ, sắc mặt vẫn bình thản. Rồi hai người lại lên xe về phủ của Vô Kỵ.

Vô Kỵ giới thiệu Hầu Danh với khách khứa có mặt. Mọi người biết họ Hầu chỉ là một người giữa cửa ở Di Môn nên tỏ ý xem thường.

Nhập tiệc, Vô Kỵ mời Hầu Danh ngồi ghế danh dự bên cạnh mình.

Hầu Danh ngồi ngay chẳng nhún nhường. Đoạn ông bưng ly rượu uống cạn rồi nói :

- Lão nhà quê này phận nghèo hèn, dốt nát nhưng được công tử hạ mình đến đón, chờ lâu trong chợ, lại cho ngồi trên các tân khách. Lẽ ra tôi phải tự xét phận mình không đáng được như thế, nhưng sở dĩ tôi không chối từ là cốt để công tử được tiếng là người quý mến kẻ hiền sĩ, là người biết trọng nghĩa khinh tài vậy.

Các tân khách nghe Hầu Danh nói thế đều cười thầm. Tiệc tan, Hầu Danh giới thiệu với Vô Kỵ bạn mình, Chu Hợi là người hiền. Tín Lăng Quân lại vào chợ yết kiến Chu Hợi nhưng họ Chu tuyệt nhiên không đáp lễ. Thế mà Vô Kỵ vẫn không tỏ ra buồn phiền, oán trách chi cả.

Người đời sau cho Vô Kỵ Tín Lăng Quân là người biết trọng nghĩa khinh tài.

*

* *

Ngũ Viên tự là Tử Tư, dắt Công tử Thắng (con Thái tử Kiến) rời Sở trốn sang Ngô để mưu việc báo thù.

Ngũ Viên là một nhân tài của nước Sở thời Chiến quốc, ai nghe danh cũng đem lòng kính phục. Khi Ngũ Viên bỏ trốn, Sở Linh Vương truyền vẽ hình bố cáo khắp nơi, hễ ai bắt được Ngũ

Viên thì được trọng thưởng.

Ngũ Viên nhờ Đông Cao Công lập kế đưa qua khỏi ải Chiêu quan. Trên đường trốn sang Ngô, Ngũ Viên và Công tử Thắng gặp một dòng sông lớn, nghĩ rằng khó thoát khỏi. Trong lúc đang lo lắng thì chợt thấy một ông lão đánh cá chèo chiếc thuyền con hiện ra. Ông lão hát :

- Ý a... Ý a... Mặt trời đã xế ngang đầu, đôi ta hẹn nhau ý a a... trong bụi lau.

Ngũ Viên mừng rỡ toan gọi ông lão nhưng chợt hiểu ra ý nghĩa của câu hát, bèn dắt Công tử Thắng xuống thẳng mé sông, tìm một bụi lau rậm mà chun vào. Một lúc sau ông lão ghé thuyền vào bờ, lại cất tiếng hát:

- Mặt trời đã xế ý... a... lòng ta mong đợi ý... a... kẻ sang đò.

Ngũ Viên và Công tử Thắng từ trong bụi lau chui ra. Ông lão mời hai người xuống đò rồi nhanh nhẹn chèo thuyền lướt trên dòng nước. Sang đến bờ bên kia, ông lão nói :

- Đêm qua lão nằm mộng thấy sao rơi trong thuyền, biết là hôm nay sẽ có quý nhân sang sông nên phải đón. Vậy Tướng quân là ai, xin vui lòng cho lão biết.

Ngũ Viên nói thực tên họ của mình và Công tử Thắng, cùng hoàn cảnh của mỗi người. Ông lão đánh cá nói :

- Trông nét mặt của nhị vị Tướng quân, lão biết là hai vị đang đói lắm, vậy để lão vào xóm xin cơm cho hai vị dùng đỡ.

Nói xong, ông lão cột thuyền vào gốc cây rồi nhanh nhẹn đi vào xóm. Ngũ Viên và công tử Thắng ngồi chờ lâu quá đâm sốt ruột. Ngũ Viên nói :

- Lòng người khó lường lắm, chắc gì lão không đi gọi người đến bắt chúng ta ?

Hai người lại bỏ thuyền và tìm bụi lau mà núp. Một lúc sau, ông lão trở lại, không thấy hai người khách bèn gọi lớn:

- Hỡi quý nhân, lão không hề có ác tâm, sao quý nhân lại bỏ trốn ?

Ngũ Viên và Công tử Thắng bò ra khỏi bụi lau. Ngũ Viên nói :

- Tánh mạng của chúng tôi hiện thời ở trong tay lão trượng nên chúng tôi phải dè dặt.

Ông lão dọn cơm lên thuyền, Ngũ Viên và Công tử Thắng cùng ngồi vào ăn ngon lành. Sau đó, Ngũ Viên cởi thanh kiếm mang trong người trao cho ông lão và nói :

- Thanh kiếm này của tiên vương bao đời trước ban cho dòng họ tôi. Ông, cha tôi đeo thanh kiếm này đã ba đời rồi. Kiếm báu đáng giá trăm nén vàng ròng, nay tôi xin dùng nó để đền ơn lão trượng.

Ông lão cười lớn, nói :

- Lão nghe vua Sở treo giải, hễ ai bắt được Ngũ Viên thì được thưởng năm trăm nén vàng ròng và phong làm Thượng tướng. Nếu lão là kẻ tham giàu sang phú quý thì đâu có thi ân với Tướng quân. Tướng quân hãy giữ thanhh kiếm để dùng trong lúc cần thiết. Ngũ Viên lại nói :

- Nếu lão trượng không nhận thanh kiếm thì xin vui lòng cho biết họ tên để sau này tiểu bối còn hậu tạ.

Ông lão có vẻ giận, nói :

- Lão biết Tướng quân bị hàm oan nên sẵn lòng giúp đỡ. Tướng quân lại coi thường lão, đem ân nghĩa mà xử sự như thế, thật đáng trách.

Ngũ Viên nói :

- Người thi ân bất cầu báo, nhưng kẻ thọ ân không báo đáp tất không bằng lòng.

Ông lão đáp :

- Tướng quân là kẻ có tội với vua Sở bỏ trốn, còn lão là người phiêu lãng trên mặt sông để sinh nhai, tất khó gặp nhau được nữa. Tuy nhiên, nếu sau này chúng ta còn cơ duyên gặp lại nhau thì lão sẽ gọi tướng quân là "người trong bụi lau" và Tướng quân gọi lão là "người đánh cá". Thế cũng là đủ lắm rồi.

Ngũ Viên và Công tử Thắng lạy tạ ông lão đánh cá rồi ra đi. Đi được mấy bước, Ngũ Viên quay lại nói:

- Nếu có quan quân đuổi theo, xin lão trượng chớ tiết lộ.

Ông lão đánh cá thở dài, đáp:

- Lão đã làm ơn cho tướng quân, sao tướng quân lại còn nghi hoặc. Vậy lão phải chết đi thì tướng quân mới hiểu được lòng lão.

Ông lão nói xong, quăng mái chèo, lật úp thuyền và trầm mình tự tận. Ngũ Viên hét lớn một tiếng, ngậm ngùi than:

- Ôi thương thay, ta nhờ lão mà sống, còn lão vì ta mà chết.

Đời sau cho ông lão đánh cá là một người trọng nghĩa khinh tài.

*

* *

BẬC MÂY dón bước ngọn tường,
Phải người hôm nọ rõ ràng, chăng nhe ?

(Câu 319, 320. Kim Trọng và Kiều gặp nhau)

BẬC MÂY hay THANG MÂY (Vân thê) là một cái thang cao để bắt lên tường thành. Điển cố Trung Hoa chép chuyện thang mây như sau :

Thời Chiến quốc, Sở Kinh Vương chuẩn bị đánh nước Tống, bảo Công Thâu Ban chế tạo thang mây để công thành nước Tống.

Mặc Tử là người chủ trương thuyết "Kiêm Ái", biết chuyện vội đến ngăn vua Sở, nói rằng:

- Nước Sở lớn, nước Tống nhỏ. Nay Chúa công lấy lớn hiếp nhỏ thì phỏng hay ho gì ? Sở Kinh Vương chưa kịp trả lời thì Mặc Tử lại nói tiếp :

- Nước Sở giàu, nước Tống nghèo, Chúa công đánh nước Tống thì được lợi lộc gì ?

Vua Sở nói :

- Nhưng ta đã cho chế tạo thang mây thì phải đi công thành chứ.

Mặc Tử cười nói :

- Có thang mây cũng chưa hẳn chiếm được nước Tống đâu.

Sở Kinh Vương nói :

- Công Thâu Ban là thợ mộc giỏi nhất thiên hạ, chiến cụ của ông ta chế tạo há công mà không phá được thành nước Tống ư ?

Mặc Tử đáp :

- Vậy hãy để tôi thủ thành cho Công Thâu Ban tấn công thử xem ông ta có thể phá thành được chăng.

Thế rồi Mặc Tử dùng thuật riêng của mình mà phòng ngự. Công Thâu Ban dùng thang mây của mình chế tạo mà công thành. Liên tiếp chín lần tấn công, Công Thâu Ban đều bị Mặc Tử đẩy lui, không sao phá thành được.

Sở Kinh Vương thấy vậy, nổi giận bảo với Mặc Tử rằng:

- Dù vậy, ta đây vẫn có biện pháp để thắng được.

Mặc Tử nói :

- Biện pháp của nhà vua là giết chết tôi chứ gì ? Nhưng cũng chẳng có lợi gì đâu, bởi vì học trò của tôi đã học và áp dụng được thuật thủ thành của tôi rồi.

Sở Kinh Vương nghe Mặc Tử bảo như thế, bèn bỏ ý định đánh nước Tống.

*

*   *

"Tháng tròn như gửi cung mây
TRẦN TRẦN MỘT PHẬN ẤP CÂY ĐÃ LIỀU"

(Câu 327, 328. Kim Trọng than thở với Kiều).

Câu thơ trên Nguyễn Du mượn ý của câu chuyện "Thủ châu đãi thố" (Ôm cây đợi thỏ); ý Kim Trọng chờ đợi mãi mà chẳng nhận được một "tín hiệu" gì về tình yêu của Kiều.

Sách Hàn Phi Tử kể rằng :

Có người nước Tống khi đang cày ruộng bỗng thấy có một con thỏ từ trong ruộng chạy ào ra va phải gốc cây gãy cổ chết. Người cày ruộng tỏ ý mừng, bèn bỏ dở việc cày chạy đến gốc cây nhặt con thỏ chết. Rồi anh ta cứ ngồi luôn bên gốc cây để chờ thêm những con thỏ khác, không chịu tiếp tục cày ruộng nữa. Từ đó, ngày ngày người thợ cày vẫn ra ruộng nhưng không phải để cày mà để ôm gốc cây chờ đợi bắt thỏ. Nhưng thỏ đâu không thấy, chỉ thấy rằng thửa ruộng của anh ta không được cày bừa gì cả. Thỏ va vào gốc cây chết chỉ là chuyện ngẫu nhiên chứ nào phải chuyện thường xuyên như việc cày ruộng của người thợ cày kia...

*

*   *

***"Đã lòng quân tử đa mang
Một lời vâng tạc ĐÁ VÀNG thủy chung".***

(Câu 351, 352. Kiều nói với Kim Trọng)

Từ phen ĐÁ biết tuổi VÀNG
Tình càng thắm thiết, dạ càng ngẩn ngơ.
(Câu 363, 364. Tâm trạng Kim và Kiều)

"Ví dù *giải kết* đến điều
Thì đem VÀNG ĐÁ mà liều với thân".
(Câu 421, 422. Kim Trọng nói với Kiều)

Mây mưa đánh đổ ĐÁ VÀNG
Quá chiều nên đã chán chường yến anh".
(Câu 513, 514. Kiều nói với Kim Trọng)

"Cũng là lỡ một lầm hai
ĐÁ VÀNG sao nỡ ép nài *mây mưa*".
(Câu 1007, 1008. Tú bà dỗ dành Kiều)

Sớm đào tối mận lân la
Trước còn trăng gió, sau ra ĐÁ VÀNG.
(Câu 1289, 1290. Thúc Sinh mê Kiều)

Đã gần chi có đường xa
ĐÁ VÀNG cũng quyết, phong ba cũng liều.
(Câu 1365, 1366. Thúc Sinh thề thốt với Kiều)

"Cùng nhau thề thốt đã nhiều
Những điều VÀNG ĐÁ, phải điều nói không".
(Câu 2813, 2814. Kim Trọng than với Vương ông)

Bởi lòng tạc ĐÁ, ghi VÀNG
Tưởng nàng, nên lại thấy nàng về đây.
(Câu 2855, 2856. Kim Trọng nhớ Kiều)

"Bấy lâu đáy bể mò kim
Là nhiều VÀNG ĐÁ, phải tìm trăng hoa."

(Câu 3175, 3176. Kim Trọng nói với Kiều lúc sum họp).

ĐÁ VÀNG : Chỉ sự thủy chung trong tình yêu của trai gái.

Truyện Truyền kỳ của Trung Quốc kể chuyện Đá Vàng như sau :

Vào năm Chí Nguyên đời Nguyên Thế tổ, ở phủ Tùng Giang có người học trò tên Lý Ngạn Trực tự là Ngọc Lang, mười lăm tuổi đã nổi tiếng văn hay chữ đẹp.

Trong khuôn viên và ở sau nhà học của Ngọc Lang có một cái lầu cao, đứng trên đó có thể nhìn bao quát cảnh vật chung quanh. Lý Ngạn Trực vẫn thường hay tập hợp bằng hữu lên lầu đọc sách, ngâm thơ. Bên ngoài khuôn viên nhà Trực có một số kỹ viện, suốt ngày vang rền tiếng sên phách, đàn sáo. Ngạn Trực đã nghe quen nên cũng chẳng lấy làm khó chịu.

Có một lần bạn bè của Ngạn Trực cùng quây quần với nhau uống rượu trên lầu. Nghe tiếng đàn sáo và tiếng hát du dương của ca nhi ngoài các kỹ viện vọng vào, một người bạn lên tiếng:

- Cái cảnh này mới thật là đúng với câu ngạn ngữ "Văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình" đây. (1)

Lý Ngạn Trực cười lớn, nói tiếp :

- Nhưng cũng có lúc "Kiến kỳ hình bất thưởng kỳ thanh".

Cả bọn cùng cười, cho hai câu nói ấy là hay và cùng đồng ý lấy làm đề tài để cùng xướng họa. Đang lúc mọi người vui đùa thì có tin báo là thầy học của họ đến, còn đứng ngoài cổng. Ngạn Trực vội dút bài thơ vào túi áo rồi xuống lầu đón thầy lên nhập tiệc. Sau đó Ngạn Trực đi thay áo, rồi vo tròn tờ giấy có viết bài thơ ném xuống đường ngoài khuôn viên.

Bài thơ rơi xuống hành lang căn lầu nhỏ của kỹ viện của

một người đàn bà họ Trương. Vào lúc ấy, con gái bà Trương là Lệ Dung tự Thúy Mi đang ngồi hóng mát, nhặt được tờ giấy vo tròn của Ngạn Trực. Nàng mở ra xem thì biết ngay đó là thủ bút của chàng học trò họ Lý nên thích thú lắm. Vốn là một cô gái có học và cũng khá hay chữ, Lệ Dung liền họa lại bài thơ trên một chiếc khăn lụa trắng. Ngày hôm sau, Lệ Dung canh lúc Ngạn Trực lên lầu liền ném chiếc khăn có bài thơ họa của nàng sang cho chàng học trò họ Lý. Ngạn Trực xem bài thơ họa, biết là Lệ Dung có cảm tình với mình liền bước ra hành lang nhìn sang. Hai người cùng nhìn nhau mỉm cười và bắt chuyện với nhau. Lệ Dung hỏi :

- Lý quân ơi, chàng cũng đã lớn rồi sao chưa chịu lấy vợ ?

Ngạn Trực cười đáp :

- Tôi chỉ chờ gặp được người tài sắc như nàng thì mới tính đến chuyện trăm năm.

- Chỉ e Lý quân chẳng thèm đoái hoài, chứ thiếp tôi nào dám làm cao.

Từ đó, hai người tình bén duyên ưa, rồi trao lời thề hẹn.

Ngạn Trực ngỏ ý với cha mẹ xin cưới Lệ Dung làm vợ nhưng cha chàng cho Lệ Dung là con nhà không tử tế nên gạt đi. Lý Ngạn Trực buồn bã, không thiết gì đến chuyện sách đèn nữa. Rồi chàng ngã bệnh. Cha chàng thấy thế đâm ra lo lắng nên đành chiều ý con, sắm sanh lễ vật và cậy mai vong xin hỏi cưới Lệ Dung cho chàng. Bà Trương cũng thuận tình gả và hai bên còn đang chọn ngày để làm lễ thành hôn cho Ngạn Trực, Lệ Dung.

Vào thời điểm ấy, quan tham chính địa phương là A Lỗ Thai vừa mãn hạn, chuẩn bị về kinh sư. Bấy giờ ở kinh sư, quan Hữu Thừa tướng Bác Nham là một kẻ tham quan lại nắm cả quyền hành. Y đặt lệ cho các quan địa phương mãn nhiệm kỳ muốn về kinh sư thì phải cung hiến tiền của cho y cả vạn. Nếu vị quan địa phương nào không lo đủ thì sẽ không được hồi kinh. A

Lỗ Thai làm quan ở phủ Tùng Giang hơn chín năm nhưng gom góp tài sản cũng không đủ số cống nộp cho Bác Nham nên lấy làm lo lắm. Viên xá nhân của A Lỗ Thai bèn hiến kế :

- Nếu ngài không có đủ của cải để nộp cho quan Hữu Thừa tướng, thì nên tuyển vài ca kỹ tài sắc vẹn toàn mà dâng cho quan lớn; phí tổn bất quá chỉ độ ngàn vàng mà lại đẹp lòng quan lớn nữa.

A Lỗ Thai cho kế ấy là hay, bèn giả mệnh Hữu Thừa tướng Bác Nham tuyển ca kỹ đẹp và giỏi. Chẳng may cho Lệ Dung, nàng là một trong số các ca nhi được A Lỗ Thai tuyển.

Lệnh quan trên đã ban xuống, phận người dân không thể cưỡng cầu được. Khổ đau tràn ngập lòng, Lệ Dung đành viết thư tạ lỗi với người yêu, xin thề lấy cái chết để đền ơn tri ngộ của Ngạn Trực. Rồi nàng tuyệt thực để được chết. Bà Trương sợ con gái chết sẽ mang tội liên lụy nên theo dỗ dành mãi, Lệ Dung vì chữ hiếu đành phải ngưng tuyệt thực.

Ngày Lệ Dung xuống thuyền theo A Lỗ Thai tiến kinh, Lý Ngạn Trực chạy bộ theo ở trên bờ, than khóc thảm thiết khiến ai nấy trông thấy đều mủi lòng. Ngày lại tháng qua trong thời gian thuyền tiến kinh, Ngạn Trực mòn mỏi và một hôm chàng chết gục bên đường. Lệ Dung ở dưới thuyền nhìn thấy liền ngất xỉu. A Lỗ Thai có lẽ cũng động lòng trắc ẩn nên cho thuyền dừng lại và sai trạo phu chôn cất Ngạn Trực bên bờ sông. Đêm hôm ấy, Lệ Dung thắt cổ để được chết theo người yêu.

A Lỗ Thai vừa căm tức vừa buồn rầu vì tiền mất mà người cũng không còn thì làm sao dám gặp mặt Bác Nham. Tuy nhiên ông ta cũng cho gói ghém thi thể Lệ Dung và hỏa thiêu trên bờ sông. Thi hài Lệ Dung cháy thành than nhưng lạ thay, trái tim nàng không cháy, vẫn còn nguyên vẹn, đỏ tươi. A Lỗ Thai nổi giận dùng chân xéo lên trái tim thì từ trong trái tim ấy văng ra

một vật nhỏ bằng ngón tay. Ông ta cho trạo phu rửa sạch vật ấy thì nó hóa thành một hình nhân nam nhi có đủ cả mũ áo, gương mặt hình nhân giống y gương mặt Ngạn Trực. A Lỗ Thai lấy làm kinh hãi, cảm thán:

- Than ôi, tinh thành kết lại như thế này sao ?

Viên xá nhân của ông ta bèn xui nên kiểm lại thi hài Ngạn Trực xem sao. A Lỗ Thai liền cho quật mồ Ngạn Trực và thiêu xác chàng. Lạ lùng thay, xác chàng cháy hết nhưng vẫn còn lại trái tim tươi hồng như của Lệ Dung. A Lỗ Thai lại xéo lên trái tim của Ngạn Trực và từ trong trái tim ấy cũng văng ra một hình nhân; ấy là hình nhân của Lệ Dung. A Lỗ Thai cả mừng nói với viên xá nhân rằng :

- Ta không nộp sống được Lệ Dung nhưng có hai vật này quả là báu vật trên đời.

Ông ta sai người lấy hương thơm tẩm vào hai hình nhân, dùng gấm quý bọc kín lại và viết lên sáu chữ "Tâm kiên kim thạch chi bảo" (Trái tim kiên định vàng đá bảo vật). Rồi ông ta cho thuyền tiếp tục tiến kinh.

Đến kinh sư, A Lỗ Thai tiến dâng bảo vật cho Hữu Thừa tướng Bác Nham và trình bày cặn kẽ câu chuyện. Bác Nham nghe chuyện đẹp lòng, đích thân mở bảo vật ra xem. Nhưng hỡi ôi, hai hình nhân Lệ Dung và Ngạn Trực không còn là hai hình nhân nữa, mà chỉ là hai cục máu hôi tanh. Quan Hữu Thừa tướng nổi trận lôi đình, ghép A Lỗ Thai vào tội cướp đoạt vợ người và đem xử theo luật.

Bản án của triều đình nhà Nguyên kết luận rằng: "Nam nữ tư tình, lòng bền chí vững mà trước sau không được toại nguyện, cho nên nỗi niềm uất hận không tan, chung đúc thành hình như thế. Nếu được hợp lại một nơi, tình toại khí hòa thì hình hài trở lại như cũ".

Cái lý là như thế nhưng cũng không giải được cơn giận lệch đất nghiêng trời của quan Hữu Thừa tướng Bác Nham, thế cho nên A Lỗ Thai phải chịu rơi đầu...

*

*   *

Một lời gắn bó TẤT GIAO
Mái sau dường có xôn xao tiếng người

(Câu 359, 360. KIM KIỀU hẹn ước nhau)

TẤT GIAO : Sơn và keo, hai vật có tính cách bền vững, khắn khít nhau. Ở đây dùng để chỉ sự hẹn ước, kết tình của Kim Trọng và Thúy Kiều.

Theo truyện Truyền kỳ Trung Quốc, xưa có hai người bạn học tên Lôi Nghĩa và Trần Trọng chơi với nhau rất thân. Cả hai cùng đi thi, Lôi Nghĩa thi đậu nhưng Trần Trọng rớt, Lôi Nghĩa nhường sự thi đậu của mình cho Trần Trọng nhưng không được quan trường chấp thuận. Chàng bèn giả điên không nhận sự thi đậu để không làm quan.

Đến khoa thi sau, cả hai cùng đi thi nữa và cả hai đều đỗ. Bấy giờ cả hai người cùng nhận lãnh chức vụ của triều đình ban cho.

Để ca tụng tình bạn keo sơn của Lôi Nghĩa và Trần Trọng, người đời có câu:

"Tất giao vi kiên, bất như Lôi dữ Trần".

(Keo sơn bảo là bền, chẳng bằng Lôi với Trần).

*

*   *

***Nàng rằng : "Gió bắt mưa cầm
Đã cam tệ với TRI ÂM bấy chầy".***

(Câu 385, 386. Kiều tâm sự với Kim Trọng)

Rằng nghe : "Nổi tiếng cầm đài
Nước non luống những lắng tai CHUNG KỲ".
(Câu 463, 464. Kim Trọng yêu cầu Kiều đánh đàn)

Vui là vui gượng kẻo là
Ai TRI ÂM đó, mặn mà với ai.
(Câu 1247, 1248. Kiều ở thanh lâu lần thứ nhất)

TRI ÂM : (TRI : biết ; ÂM : tiếng)

CHUNG KỲ : Chung Tử Kỳ, người nghe Bá Nha đàn mà biết được ý Bá Nha đang nghĩ gì

CẦM ĐÀI : Cái đài để Tư Mã Tương Như ngồi gảy đàn

Chữ TRI ÂM dùng để chỉ những tình bạn thân thiết hiểu được ý của nhau như câu chuyện Bá Nha và Chung Tử Kỳ đời Chiến quốc :

Bá Nha, người nước Sở, nhưng làm Thượng Đại phu nước Tấn. Bá Nha nổi tiếng là một khách phong lưu văn mặc, lại có ngón đàn tinh thông, tuyệt diệu nhất trong đời. Cây Dao cầm là vật bất ly thân của vị Thượng Đại phu tài hoa ấy.

Năm nọ, sau khi hoàn thành chuyến đi sứ nước Sở và trên đường trở lại Tấn quốc, Bá Nha cho thuyền đỗ lại bến Hàm Dương vào một đêm trăng thanh gió mát để thưởng lãm cảnh đẹp của thiên nhiên. Trước cảnh nên thơ của bến Hàm Dương đang độ vào thu, Bá Nha cho đồng tử đốt lư trầm ở trước thuyền, rồi ông đem cây Dao cầm ra so phím thử dây. Thế rồi tiếng đàn réo rắt tuyệt vời của ông vang lên, quyện theo hương trầm cất vút lên cao trong đêm thu tĩnh mịch của bến Tầm Dương dưới ánh trăng trong.

Đang lúc Bá Nha hứng thú thả lòng bay bổng theo tiếng nhạc thì tơ đồng bỗng đứt một dây.

Bá Nha cau mày nghĩ ngợi một lúc, rồi sang sảng cất tiếng một mình :

- Có cao nhân nào trên bờ rình nghe tiếng đàn của tại hạ, xin vui lòng ra mặt.

Từ trên triền núi có tiếng đáp vọng xuống :

- Xin đại nhân thứ lỗi cho, kẻ tiểu nhân đi kiếm củi về muộn, nghe tiếng đàn của đại nhân quá tuyệt diệu nên cất bước không đành.

Bá Nha cười lớn, hỏi :

- Người tiều phu nào mà lại dám nói chuyện nghe đàn trước mặt ta ?

Tiếng nói từ trên triền núi lại vọng xuống :

- Đại nhân nói thế, kẻ hèn này trộm nghĩ là lầm lắm đó. Há đại nhân không nhớ người xưa đã từng bảo "Thập thất chi ấp tất hữu trung tín" (Trong một ấp có mười nhà ắt có người trung tín). Hễ trong nhà có bậc quân tử thì ngoài cửa cũng có bậc quân tử đến. Còn nếu như đại nhân khinh nơi chốn núi non quê mùa này không có người biết nghe đàn, thì thiết tưởng đại nhận cũng không nên thi thố ngón đàn tuyệt diệu nơi đây làm gì.

Bá Nha có vẻ ngượng khi nghe câu nói ấy của người lạ trên núi. Ông biết mình đã lỡ lời bèn bước đến sát mũi thuyền hỏi lớn:

- Nếu quả người trên bờ biết nghe đàn, thì xin cho biết lúc nãy tại hạ đã đàn khúc gì ?

- Thưa đại nhân, đó là khúc Khổng Vọng Vi tức Đức Khổng Tử thương tiếc thầy Nhan Hồi. Đàn bị đứt dây nên đại nhân đã đàn thiếu câu chót. Kẻ hèn này xin mạn phép hát nguyên khúc ấy hầu đại nhân :

"Khả tích Nhan Hồi mạng táo vong
Giáo nhân tư tướng mãn như sương
Chỉ nhơn lậu hạng đơn biều lạc
Lưu đắc hiền nhân vạn cổ dương".
(Khá tiếc Nhan Uyên ngắn ngủi đời
Dạy người tóc đã trắng như vôi
Đai cơm, bầu nước vui ngõ hẹp
Lưu tiếng hiền nhân với cuộc đời).

Bá Nha nghe xong cảm thấy lòng phơi phới, vội sai đám tùy tùng bắt cầu lên bờ để rước người lạ xuống thuyền.

Người tiều phu xuống thuyền xá Bá Nha một cái. Bá Nha chỉ ghế mời khách ngồi và nói :

- Xin người xá cho lời nói trịch thượng của tại hạ lúc nãy.

Người tiều phu điềm nhiên đáp :

- Đại nhân quá lời, kẻ hèn này không dám.

Bá Nha sai tả hữu pha trà. Trong khi chờ đợi trà, Bá Nha hỏi khách :

- Quý hữu biết nghe đàn, có lẽ cũng hiểu được cây Dao cầm do ai chế tạo ra ?

Tiều phu cười nhẹ, đáp :

- Đại nhân đã hỏi thì tiểu nhân xin thưa chứ thật ra không dám múa rìu qua mắt thợ. Thuở xưa, vua Phục Hy thấy có năm sắc sao rơi xuống cụm ngô đồng, và chim phượng hoàng đến đó đậu nên nhà vua biết cây ngô đồng là một loại cây quý, hấp thụ tinh hoa của trời đất, có thể dùng để chế tạo nhạc khí được. Nhà vua cho hạ cây ngô đồng xuống và dạy cắt ra làm ba đoạn. Khi gõ vào ba đoạn cây, đoạn ngọn vang lên tiếng trong và nhẹ; đoạn gốc vang lên tiếng đục và nặng ; chỉ có đoạn giữa có tiếng vừa trong vừa đục là có thể dùng được. Nhà vua cho ngâm đoạn giữa thân

cây ở giữa dòng nước đúng bảy mươi hai ngày đêm rồi vớt lên phơi trong mát cho thật khô mới khiến thợ khéo chế thành cây Dao cầm. Cây Dao cầm dài ba thước sáu tấc, một phần án theo ba trăm sáu mươi mốt độ chu thiên. Mặt trước của đàn rộng tám tấc, án theo tám tiết. Mặt sau rộng bốn tấc án theo bốn mùa. Bề dày hai tấc án theo lưỡng nghi. Đàn gồm mười hai phím tượng trưng mười hai tháng trong năm; lại có thêm một phím phụ tượng trưng cho tháng nhuận. Đàn có năm dây án theo ngũ hành tượng trưng năm âm: cung, thương, giốc, trủy và vũ.

Tiều phu ngừng lời nhìn qua Bá Nha một cái, rồi tiếp :

- Xưa kia, vua Thuấn gảy đàn Ngũ huyền, thiên hạ thái bình. Khi vua Văn Vương ngồi tù nơi Dũ Lý, Bá Ấp Khảo thêm một dây oán gọi là văn huyền (dây văn). Về sau Vũ Vương đánh Trụ, thêm một dây có tính cách phấn khích gọi là vũ huyền (dây vũ). Do đó, Dao cầm trước có năm dây mà sau lại thành bảy dây. Cây Dao cầm có bốn điều kỵ và bảy điều không nên. Bốn điều kỵ là: rét lớn, nắng lớn, gió lớn và tuyết rơi lớn. Bảy điều không là: không đàn ở đám tang, không đàn lúc lòng bấn loạn, không đàn lúc lòng chẳng được thanh sạch, không đàn lúc người bận rộn việc khác, không đàn lúc y trang chẳng chỉnh tề, không đàn lúc chẳng có lò hương và không đàn lúc chẳng có bạn tri âm.

Tiều phu dứt lời, nhìn Bá Nha đăm đăm. Kẻ tả hữu của quan Thượng Đại phu bưng trà nóng ra. Bá Nha nghe tiều phu diễn giải về cây Dao cầm biết người ấy là bậc kỳ tài trong thiên hạ, lấy làm mến lắm. Ông rót trà ra hai chén, trân trọng nâng chén mời khách :

- Xin mời hiền hữu một chén trà nhạt. Hiền hữu quả là người tinh thông về nhạc lý. Xưa kia, Khổng Tử đang gảy đàn, thầy Nhan Uyên bước vào nghe tiếng đàn u trầm biết Khổng Tử có ý tham sát. Thầy Nhan hỏi ra mới biết lúc Đức phu tử đàn có trông thấy con mèo bắt chuột nên ý niệm xấu xuất ra tiếng tơ

đồng. Ngày xưa thầy Nhan Uyên nghe tiếng đàn mà biết được lòng Đức phu tử; còn bây giờ hiền hữu nghe ta đàn mà có biết được lòng ta nghĩ gì chăng ?

Tiều phu ân cần đáp :

- Xin đại nhân gảy lại cho tôi nghe một khúc, xem may ra tôi có thông cảm với đại nhân được chăng.

Bá Nha thay dây đàn và bắt đầu gảy khúc Ý tại non cao.

Tiều phu vừa nghe vừa mỉm cười nói :

- Tuyệt thay. Ý chí cao vút. Ý tại non cao.

Bá Nha giật mình ngưng đàn, chấn chỉnh lại tâm thần rồi gảy thêm khúc Ý tại lưu thủy.

Tiều phu cười nói :

- Thật tuyệt thay cảnh bao là trời nước. Ý tại lưu thủy.

Bá Nha thất kinh, buông đàn nhìn tiều phu trân trối. Đoạn ông sai tả hữu dẹp trà, bày tiệc rượu. Đoạn, ông đứng lên trước mặt tiều phu, kính cẩn hỏi:

- Dám hỏi tiên sinh quý tính cao danh và quê quán ?

Tiều phu cũng đứng lên, chấp tay đáp lễ :

- Tiện dân họ Chung, tên Tử Kỳ, người thôn Tập Hiền gần núi Mã Yên này. Còn đại nhân, chẳng hay cao danh quý tính là chi, hiện đi trấn nhậm nơi đâu mà ghé thuyền lại đây vãng cảnh.

Hai người cùng ngồi xuống. Bá Nha thong thả đáp :

- Tại hạ họ Du tên Thụy, là Đại phu nước Tấn, nhân đi sứ Sở quốc trở về thấy cảnh Hàm Dương trăng thanh gió mát nên ghé thuyền thưởng lãm. Tại hạ chỉ là một kẻ tài hèn đức bạc mà thôi. Còn như tiên sinh đây học thức uyên thâm cớ sao không

xuất thân lập công danh để phò vua giúp nước mà lại cam tâm ẩn dật chốn núi non hẻo lánh này ?

Chung Tử Kỳ đáp :

- Tại hạ không có anh em mà lại còn cha mẹ già. Phụ mẫu tồn bất khả viễn du (1). Dù cho công hầu khanh tướng cũng không thể đổi được một ngày báo hiếu cha mẹ của tại hạ.

Giọng Bá Nha đầy phấn khích :

- Hay a, trong đời được mấy ai là người con chí hiếu như tiên sinh. Chẳng hay tiên sinh năm nay được bao nhiêu tuổi ?

Tử Kỳ đáp :

- Bẩm quan Đại phu, tiểu dân năm nay được hai mươi bảy tuổi.

Bá Nha cười tươi nói :

- Tiện chức hơn tiên sinh những mười tuổi. Nếu tiên sinh không chê tiện chức là kẻ thô lậu, xin được cùng kết nghĩa đệ huynh cho thỏa tình tri âm mà trong đời tiện chức chỉ mới được gặp.

Chung Tử Kỳ khiêm nhượng đáp :

- Đại nhân là bậc công khanh chốn triều đình, còn tại hạ chỉ là kẻ áo vải chốn sơn lâm thì làm sao kết bạn với nhau được, xin đại nhân miễn cho.

Bá Nha cả cười nói :

- Giá trị con người không ở chỗ sang hèn quý tiện, mà cốt ở đức hạnh tài năng. Nay tiện chức thực lòng muốn kết nghĩa đệ huynh, nếu tiên sinh không khước từ thì thật là vạn hạnh cho kẻ thô lậu này.

Chung Tử Kỳ làm thinh không từ chối nữa. Bá Nha có vẻ

mừng, sai quân hầu đốt lại lò hương mới, lập hương án trước thuyền, rót ba chén rượu rồi cùng Tử Kỳ lạy trời đất tám lạy nhận nhau làm anh em khác họ; Bá Nha lớn tuổi hơn, làm anh Tử Kỳ. Rồi hai người cùng đối ẩm chuyện trò với nhau ra rất tương đắc.

Khi tiếng gà eo óc vang lên trong thôn và ngàn sao trên bầu trời khuya nhạt dần, hai người mới nghĩ đến chuyện chia tay. Bá Nha xúc động nói :

- Lòng huynh quá cảm mộ hiền đệ nên chưa muốn rời xa, vậy mời hiền đệ cùng đi với ngu huynh một đoạn đường, cùng nhau du sơn du thủy và cùng nhau trút cạn mối tâm tình.

Chung Tử Kỳ ngậm ngùi :

- Theo lễ thì đệ phải tiễn huynh mấy dặm đường, hiềm vì song thân của tiểu đệ ở nhà đang trông ngóng, dám xin hiền huynh thứ lỗi cho.

Bá Nha hỏi :

- Hiền đệ có thể xin phép bá phụ bá mẫu để sang chơi kinh đô Tấn quốc chứ ?

- Tiểu đệ không dám phụ lòng ái mộ của hiền huynh, song lại cũng không dám hứa chắc với hiền huynh được. Nhỡ tiểu đệ không được song đường cho phép thì hóa ra thất tín với hiền huynh.

Bá Nha rất đổi ngậm ngùi :

- Lòng hiếu thảo của hiền đệ thật đáng kính trọng biết bao. Vậy thì sau này huynh sẽ tìm cách đến đây thăm đệ.

- Bao giờ thì hiền huynh sẽ trở lại đây ?

Bá Nha nắm tay Tử Kỳ, giọng khẩn thiết :

- Sang năm, cũng vào ngày giờ này.

Tử Kỳ cười :

- Sang năm, cũng ngày giờ này tiểu đệ xin đón hiền huynh nơi đây.

Bá Nha sai quân lấy ra hai nén vàng, hai tay nâng cao ngang mặt, nói với Tử Kỳ :

- Ngu huynh có chút lễ mọn xin kính dâng lên bá phụ và bá mẫu, hiền đệ chớ từ chối mà phụ tấm lòng thành của ta.

Cảm tình tri ngộ, Tử Kỳ không từ chối. Hai người bịn rịn chia tay nhau...

Thời gian lặng lẽ trôi, và thấm thoát một năm đã qua. Trời đất lại vào thu. Bá Nha nhớ lời ước hẹn với Tử Kỳ năm xưa nên xin với Tấn vương cho mình về thăm quê nhà. Tấn vương chấp thuận. Thế là Bá Nha cùng với các người tùy tùng xuống thuyền, trực chỉ Hàm Dương; không quên mang theo cây Dao cầm.

Đến bến Hàm Dương, Bá Nha ra lệnh cho trạo phu dừng thuyền dưới núi Mã Yên. Khi thuyền đã cắm sào yên vị, ông ra trước mũi thuyền nhìn ngắm lại cảnh cũ, nơi mà mình đã kết giao được một người bạn tri âm. Chiều dần dần đậm màu. Bá Nha trông ngóng mãi mà sao chẳng thấy bóng dáng Tử Kỳ xuất hiện như lời hứa năm xưa. Quá sốt ruột, ông sai quân hầu đốt lò hương rồi lấy cây Dao cầm ra đàn một khúc, hy vọng Tử Kỳ lẫn quất đâu đó, nghe tiếng đàn sẽ đến.

Trong cơn gió nhẹ đầu thu, Bá Nha bỗng nghe tiếng đàn của mình có giọng ai oán não nùng nên thất kinh, ngưng đàn suy nghĩ : "Cung thương bỗng nhiên nghe ai oán như thế này, hẳn Chung Tử Kỳ đã bị nạn rồi. Sáng mai ta phải lên bờ dò xét mới được".

Đêm hôm ấy Bá Nha trăn trở suốt đêm không làm sao chợp mắt được. Lòng ông nóng như lửa đốt lại lẫn một nỗi trầm uất rất khó tả.

Tờ mờ sáng hôm sau, Bá Nha khoác cây Dao cầm lên lưng, bỏ vào túi mười nén vàng ròng rồi dắt vài tên quân hầu lên bờ, nhắm hướng thôn trang sau chân núi Mã Yên tiến bước. Ra khỏi triền núi, gặp một con đường khá lớn băng ngang lối đi, Bá Nha không biết nên đi đường nào nên ngồi xuống vệ đường nghỉ chân, định bụng chờ người qua lại để hỏi thăm đường đi về thôn Tập Hiền. Một lúc sau, Bá Nha trông thấy trước mặt mình có một ông lão tay xách bị, tay chống gậy trúc đang đi tới. Bá Nha đứng lên cúi mình thi lễ. Ông lão lên tiếng trước :

- Quý nhân có điều chi cần hỏi lão phu phải không ?

Bá Nha kính cẩn đáp :

- Thưa lão trượng, xin lão trượng vui lòng chỉ cho tiểu sinh con đường nào về Tập Hiền thôn ?

Ông lão nhìn Ba Nha một lúc rồi đáp :

- Cả hai con đường đều dẫn về Tập Hiền thôn. Đường bên phải về thôn Tập Hiền thượng, còn đường bên trái về thôn Tập Hiền hạ. Tiên sinh cần đến thôn nào ?

Bá Nha lại hỏi :

- Thưa lão trượng, người Tử Kỳ họ Chung ở thôn nào ạ ?

Vừa nghe Bá Nha nhắc đến tên Chung Tử Kỳ, ông lão sa sầm nét mặt ngay. Ông nhìn thẳng vào mặt Bá Nha một lúc lâu rồi rung rung giọng nói :

- Chung Tử Kỳ là con trai của lão phu. Năm ngoái cũng vào ngày này tháng này, nó đi đốn củi về có gặp một vị quan nước Tấn tên là Bá Nha và kết nghĩa đệ huynh với vị quan ấy vì chỗ đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu. Lúc chia tay, Bá Nha có tặng cho con trai lão hai nén vàng. Về nhà, con lão dùng số vàng ấy mua sách đọc, bất kể ngày đêm, giờ giấc ngoài việc đốn củi mưu sinh. Vì quá lao nhọc như thế nên chẳng bao lâu con lão lâm

bệnh mà qua đời rồi.

Nghe ông lão nói thế, Bá Nha không cầm được nước mắt và cảm thấy nghẹn cổ chẳng thốt được nên lời. Ông lão thấy thế bèn hỏi tên quân hầu của Bá Nha :

- Tiên sinh đây là ai vậy ?

Tên quân hầu đáp :

- Thưa lão trượng, đây là quan Thượng Đại phu nước Tấn, Du Bá Nha.

Ông lão giật mình kêu lên thảng thốt "Trời ơi", rồi nghẹn ngào không nói thêm gì được. Bấy giờ, một già một trẻ đều im lặng nhìn nhau mà khóc. Một lúc sau, Chung lão gạt nước mắt nói :

- Mang ơn Du Đại phu không chê cảnh bần tiện mà kết giao cùng con trai lão. Lúc sắp lâm chung, Chung Tử Kỳ có trối trăn với lão rằng "Sống không trọn đạo làm con, chết xin được chôn dưới chân núi Mã Yên để được trọn nghĩa bạn bè cùng quan đại phu nước Tấn". Theo lời trối của con, lão phu đã chôn Tử Kỳ ở ven đường dưới chân núi. Con đường mà đại nhân vừa đi qua, phía bên phải có nấm đất nhỏ là ngôi mộ của Tử Kỳ đấy. Tử Kỳ chết đến nay đã được một trăm ngày, lão vừa đi viếng mộ nó trở về thì gặp đại nhân.

Bá Nha ngậm ngùi :

- Ôi sự đời may rủi khó lường... Xin lão bá cho tiểu sinh viếng mộ Chung hiền đệ cho vơi bớt nỗi đau thương trong lòng.

Mọi người quay trở lại chân núi. Đến trước nấm mộ của Tử Kỳ, Bá Nha thắp hương rồi vừa lạy vừa khóc; tuy ông không nói được lời nào nhưng lòng của ông đã nói lên tất cả tấm tình dành cho người bạn tri âm. Lạy mộ Tử Kỳ xong, Bá Nha ngồi lên một

tảng đá, mở đàn ra trân trọng gảy lên khúc "Thiên thu trường hận". Tiếng đàn đang réo rắt bổng trầm thì mọi người bỗng nghe tiếng gió ngàn rít mạnh, và thấy ánh sáng trong bầu trời đổi màu u ám, rồi có mấy tiếng chim vọng lại từ xa nghe u uất não nùng...

Bá Nha ngưng đàn. Gió ngừng rít. Trời trong sáng trở lại. Tiếng chim ai oán ngừng kêu. Bá Nha nhìn Chung lão, nói :

- Có lẽ hồn Tử kỳ đã hiện về chứng giám cho tấm lòng thành của tiểu sinh. Tiểu sinh vừa đàn một khúc đoản ca để viếng người bạn tri âm tài hoa bạc mệnh. Bài đó như thế này :

"Ức tích khí niên xuân
Giang thượng tàng hội quân
Kim nhật trùng lai phỏng
Bất kiến tri ân nhân
Đán kiến nhất phân thổ
Ân nhiên thương ngã tâm
Bất giác lệ phân phân
Lai hoan khứ hà khổ
Giang ban khởi sầu xuân
Tử Kỳ, Tử Kỳ hề
Nhĩ, ngã thiên kim nghĩa
Lịch tận thiên nhai vô túc ngữ
Thử khúc chung hề bất phụ đàn
Tam xích Dao cầm vị quân tử
(Từ nhớ thuở mùa thu năm trước
Bến trường giang gặp bạn cố nhân
Năm nay lại đến giang tân
Dòng sông lạnh ngắt, cố nhân đâu rồi ?
Buồn chỉ thấy nấm mồ bên núi
Cõi ngàn năm sao khỏi đau lòng
Ôi thương tâm, ôi thương tâm
Sụt sùi lai láng bao dòng lệ rơi.

Mây sầu loang loáng chân trời
Đêm vui đổi lấy một đời khổ đau
Tử Kỳ đâu, Tử Kỳ đâu ?
Ngàn vàng khôn chuộc được bầu tâm can
Thôi từ nay, với phím đàn
Ngàn thu thôi hết mơ màng cố nhân...)

Đọc xong bài ca, Bá Nha giơ cao cây Dao cầm lên và đập mạnh xuống tảng đá. Cây đàn quý vỡ tung ra từng mảnh nhỏ, rơi vãi khắp nơi.

Chung lão hoảng hốt, hỏi :

- Ô kìa, đại nhân bất bình điều chi mà lại đập vỡ cây đàn quý như thế ?

Bá Nha ứng khẩu đọc tiếp một bài thơ tứ tuyệt để đáp lời Chung lão :

"Thối đoái Dao cầm phượng vĩ hàn,
Tử Kỳ bất tại, hướng thùy đàn ?
Xuân phong mãn diện gia bằng hữu
Dục mịch tri âm, nan thượng nan".
(Dao cầm đập vỡ đau lòng phượng
Đã mất Tử Kỳ, đàn với ai?
Gió xuân bốn mặt bao bè bạn
Muốn kiếm tri âm, thật khó thay).

Chung lão nghe thế, ngậm ngùi than :

- Ôi, chỉ vì không có người biết nghe đàn mà kẻ đánh đàn thất vọng đến thế ư...

Giọng Bá Nha đầy u buồn :

- Thưa bá phụ, lẽ ra tiểu sinh phải theo bá phụ đến quý thất để vấn an bá mẫu, nhưng nghĩ rằng về đấy cũng chỉ chuốc thêm sầu khổ vào lòng người mà thôi; dám xin bá phụ miễn cho.

Nay tiểu sinh có đem theo mươi nén vàng, xin thành tâm dâng lên bá phụ cùng bá mẫu dùng trong việc cung dưỡng tuổi già, đồng thời tạo mươi mẫu ruộng để làm tự cho Tử Kỳ. Tiểu sinh và Tử Kỳ đã xem nhau như ruột thịt, có lẽ vài bốn năm sau tiểu sinh sẽ từ quan và trở về đây chung sống với bá phụ và bá mẫu.

Nói xong, Bá Nha quỳ xuống dâng cho Chung lão mười nén vàng. Trước tấm chân tình của Bá Nha, Chung lão không từ chối. Bá Nha lạy Chung lão mấy lạy rồi từ giã trở xuống thuyền. Chung lão đứng nhìn theo, lòng đầy ngậm ngùi thương cảm...

*

* *

CẦM ĐÀI : Xem điển tích TƯ MÃ PHƯỢNG CẦU, trang 165.

---

(1) Cha mẹ còn sống, làm con không nên đi xa.

Khen : "Tài nhả ngọc phun châu NÀNG BAN, Ả TẠ cũng đâu thế này".

(Câu 405, 406. Kim Trọng khen tài thơ của Kiều)

NÀNG BAN : Ban Chiêu, một người đàn bà hay chữ đời Đông Hán.

Ả TẠ : Tạ Đạo Uẩn, một người con gái giỏi thơ đời Tấn.

+ BAN CHIÊU, tự Huệ Cơ, con gái Ban Bưu, em Ban Cố và Ban Siêu; người đời Đông Hán. Ban Chiêu sinh trưởng trong một gia đình thuộc dòng dõi văn học. Cha và người anh lớn là Ban Cố là nhà viết sử của triều đình. Riêng Ban Siêu làm tướng, được phong Định viễn hầu.

Năm mười lăm tuổi, Ban Chiêu đã biết làm thơ và làu thông Tứ thư, Ngũ kinh. Lớn lên sánh duyên cùng Tào Thế Thức, một danh Nho của Đông Hán. Lấy chồng được mười năm thì Tào Thế Thức qua đời vì bệnh, Ban Chiêu thủ tiết thờ chồng.

Đến đời vua Hòa đế, Ban Chiêu được triệu vào cung để dạy học cho các Hoàng tử và các Phi tần. Bà nổi tiếng là một người thầy nghiêm minh. Lúc bấy giờ cha bà là Ban Bưu đang tại chức Đông các đại học sĩ, chịu trách nhiệm soạn thảo bộ Hán thư. Công việc chưa xong thì ông qua đời. Ban Cố, anh của Ban Chiêu được nhà vua giao tiếp tục công trình của cha. Nhưng chẳng bao lâu Ban Cố cũng qua đời vì bạo bệnh mà bộ Hán thư chưa được hoàn tất.

Thấy cha và anh qua đời bỏ dở công trình, Ban Chiêu tâu xin với nhà vua cho bà được tiếp tục. Thế là bà được vua Hòa đế chấp thuận và được sung vào Đông các tàng thư tiếp tục soạn bộ Hán thư đến hoàn tất. Cũng trong thời gian ở Đông các tàng thư, Ban Chiêu đã trước tác được tập Nữ Giới gồm bảy thiên. Kể từ đó, tiếng tăm Ban Chiêu lừng lẫy khắp trong nước.

Điển tích thứ hai về NÀNG BAN là Ban Tiệp dư, một cung nhân của vua Hán Thành đế. (Tiệp dư là chức của vua ban cho cung nhân).

Ban Tiệp dư chẳng những đẹp mà còn giỏi văn thơ nên rất được Hán Thành đế sủng ái. Một hôm, Hán Thành đế vi hành ra ngoài kinh thành, gọi Ban Tiệp dư cùng ngồi chung xe. Nàng e bên ngoài dị nghị, bên trong ganh ghét nên từ chối lời nhà vua, khiến Thành đế không khỏi phiền lòng. Chẳng ngờ lòng tự trọng ấy lại đem hại cho nàng. Thứ phi Triệu Phi Yến vốn từ lâu ganh với tài sắc của Ban Tiệp dư, nhân cơ hội ấy đem lời xúc xiểm nàng với Thành đế rằng :

- Ban Tiệp dư cậy có tài sắc nên khi quân, không tuân mệnh nhà vua.

Hán Thành đế vốn đã phiền muộn Ban Tiệp dư không chịu xuất thành cùng mình, nghe Triệu Phi Yến tố thêm như thế nên nhà vua chẳng cần nghĩ suy, giáng chiếu đày Ban Tiệp dư ra cung Thường Tín hầu hạ Hoàng Thái hậu.

Dù bị hàm oan, Ban Tiệp dư vẫn không đem lòng oán hận quân vương hay Triệu Phi Yến, mà vẫn giữ một lòng trinh thuận với các đấng bề trên, giữ tròn đạo thần tử. Ở cung Thường Tín, Ban Tiệp dư có làm bài Thu Phiến (Cái quạt mùa thu) để tự ví đời mình. Bài thơ nổi tiếng là hay và được truyền tụng rộng rãi :

"Tân chế Tề hoàn tố
Hạo khiết như sương tuyết
Tài thành hợp hoan phiến
Đoản đoản tự minh nguyệt.
Xuất nhập quân hoài tụ
Động dao vi phong phát
Thường khủng thu tiết chi
Lương viêm đoạt viêm nhiệt.

Khí quyến giáp tư trung,
Ân tình trung đạo tuyệt".
(Mới chế lụa Tề trắng
Trong sạch như sương tuyết
Đem làm quạt hợp hoan
Tròn hình giống mặt nguyệt.
Ra vào trong tay vua
Lay động sinh gió mát.
Thường sợ tiết thu đến
Gió mát cướp nồng nhiệt.
Nên cất vào xó rương,
Nửa đường ân ái tuyệt).

*

*   *

+ TẠ ĐẠO UẨN, con gái quan Thái Úy Tạ Công đời nhà Tấn. Thuở nhỏ, Tạ Đạo Uẩn thông minh, học rộng, đối đáp nhanh và biện bác rất giỏi.

Một hôm vào tiết mạnh đông, tuyết rơi lã chã, Tạ Đạo Uẩn cùng anh là Tạ Lăng và chú ruột là Tạ An ngồi xem tuyết rơi. Tạ An hỏi hai cháu :

- Tuyết rơi trông giống cái gì nhỉ ?

Tạ Lăng đáp :

- Giống "Muối trắng ném giữa trời".

Tạ Đạo Uẩn lắc đầu, cãi :

- Ý ấy không hay. Tuyết rơi giống "Gió thổi tung tơ liễu".

Tạ An khen cháu gái là người tài hoa xuất chúng. Tạ An cũng là một tay văn mặc có hạng thời bấy giờ. Ông đã từng được triều đình triệu dụng nhưng từ chối quan trường. Mãi đến năm

bốn mươi tuổi mới chịu xuất chính, làm chức Tư Mã, cùng cháu là Tạ Huyền cầm quân dẹp giặc khắp nơi, đạt nhiều thắng lợi. Về sau được phong Thái Phó. Khi về hưu, Tạ An lãnh phần dạy dỗ các cháu trong việc học hành.

Tạ Đạo Uẩn là cháu và cũng là học trò của Tạ An, từng được ông đem ra làm gương cho con cháu rằng:

- Tạ Đạo Uẩn nếu là con trai sẽ nổi danh về tài biện bác không thua Trương Nghi, Tô Tần thời Chiến quốc đâu.

Lớn lên, Tạ Đạo Uẩn sánh duyên cùng Vương Ngưng Chi, một chàng trai nổi tiếng văn chương thời bấy giờ. Về nhà chồng, Tạ Đạo Uẩn thường thay chồng tiếp khách văn mặc, đàm luận văn chương thi phú; không chịu kém ai.

Vương Ngưng Chi có người em trai là Vương Hiến Chi tuy học giỏi nhưng lại kém tài biện bác, thường nói chuyện thua sút bạn bè. Tạ Đạo Uẩn sợ em chồng làm mất danh tiếng gia đình chồng, nên mỗi lần Vương Hiến Chi đàm đạo, tranh luận với ai thì nàng thường đứng sau màn nhắc nhở, chỉ đạo cho em chồng. Nhờ thế mà Vương Hiến Chi dần dần trở nên người có trình độ biện luận vững chải khiến mọi người không còn dám coi thường.

Tạ Đạo Uẩn có làm bài thơ "Bạch Tuyết", được cả thiên hạ thời bấy giờ khen là một kiệt tác văn chương. Về sau một thi sĩ đời Đường làm thơ có câu "Đông ngâm Bạch tuyết thi" là ý nhắc đến bài thơ của Tạ Đạo Uẩn vậy.

*

* *

Nàng rằng : "Trộm liếc dung quang Chẳng sân BỘI NGỌC thời phường KIM MÔN"

(Câu 309, 410. Kiều khen Kim Trọng)

BỘI NGỌC : Sách Lễ ký viết: "Quân tử bội ngọc" là nói bậc quân tử đeo ngọc để ví cái đức hạnh của bậc quân tử sáng đẹp như viên ngọc vậy. Về sau người ta dùng tiếng Bội Ngọc để chỉ những người làm quan to.

KIM MÔN hay KIM MÃ MÔN : do câu "Hán Vũ Đế sử học sĩ đãi chiếu Kim mã môn" ; nghĩa là vua Vũ đế nhà Hán cho những người có văn học chực ở cửa Kim Mã để nhà vua có chuyện gì cần thì hỏi đến.

Về sau trong giới quyền quý thường dùng chữ Kim Mã để chỉ những nơi dành tiếp các bậc có văn học.

*

* *

"Ví dù GIẢI KẾT đến điều
Thì đem vàng đá mà liều với thân"

(Câu 420, 421. Kim Trọng nói với Kiều)

GIẢI KẾT : chữ lấy từ trong sách nhà Phật, có nghĩa là "Giải oan kết tục" ; hay cũng có thể nói là "kết giải đồng tâm"

Truyện Lư Sinh đời đường kể rằng :

Từ Minh, một vị viên ngoại đời Đường có cô con gái đẹp gả cho Lư Sinh, một nho sĩ ở kinh thành.

Đúng ngày vu quy của con gái, viên ngoại phu nhân cho mời một "nữ vu" (bà đồng bói toán) tới và hỏi :

- Tiểu nữ chiều nay về nhà chồng, nó lấy cậu Lư Sinh vẫn thường lui tới nhà này đấy, chắc bà đã biết.

Nữ vu hỏi :

- Có phải anh chàng có bộ ria mép đẹp chăng ?

Viên ngoại phu nhân gật đầu. Nữ vu nói tiếp ;

- Vậy con rể của phu nhân không phải là chàng thanh niên ấy. Con rể của phu nhân là người không có râu mà mặt trắng.

Từ Minh phu nhân lấy làm ngạc nhiên, hỏi :

- Vậy chiều nay tiểu nữ có lên kiệu hoa chăng ?

- Có. Tiểu thư sẽ lên kiệu hoa chiều nay.

Từ Minh phu nhân lại càng ngạc nhiên hơn :

- Tiểu nữ có lên kiệu hoa, thì tại sao nghĩa tế của tôi không lại là Lư Sinh ?

Nữ vu cười đáp :

- Điều đó thì không hiểu được. Tôi chỉ biết rằng rể của phu nhân không phải là chàng Lư Sinh.

Một lúc sau, họ nhà trai đến với đầy đủ lễ vật. Từ Minh phu nhân nổi giận với Nữ vu nên đuổi bà ta ra khỏi nhà. Ra tới cửa, Nữ vu còn ngoáy đầu lại nói thêm:

- Buổi chiều chuyện mới xảy ra, tôi không nói dối đâu.

Buổi chiều, Lư Sinh đến. Chàng vào nhà thi lễ với ông bà nhạc rất đúng phép tắc. Hai họ phân ngôi chủ khách để chuẩn bị làm lễ. Bỗng nhiên Lư Sinh chạy vụt ra cửa, mở dây cột ngựa rồi lên ngựa phóng như bay; chẳng nói với ai một tiếng nào. Ai nấy trong nhà đều ngạc nhiên, trố mắt nhìn nhau vì chẳng một ai biết lý do gì khiến Lư Sinh bỏ đi đột ngột như thế. Phần viên ngoại Từ Minh, dĩ nhiên ông giận đến tái mặt. Bầu không khí vui vẻ trước đó mấy phút đã trở nên nặng nề vô cùng... Mọi người chưa có ai mở lời gì thì Từ Minh lên tiếng trước:

- Tôi sẽ cho con gái tôi ra đây trình diện quý khách.

Đoạn ông quay vào trong gọi con gái. Từ buồng trong, cô dâu vén màn bước ra, nhan sắc lộng lẫy. Mọi người nhìn rõ mặt cô dâu, đều trầm trồ khen ngợi và tỏ ý tiếc cho Lư Sinh.

Từ Minh lên tiếng tiếp :

- Con gái tôi đã trình diện quý khách. Vậy bây giờ trong số thanh niên có mặt ở đây, ai bằng lòng làm rể tôi thì tôi sẽ gả ngay tiện nữ.

Từ viên ngoại vừa dứt lời thì chú phù rể liền tiến lên một bước, cung kính thưa :

- Kính thưa viên ngoại và quý khách, tôi xin được cưới cô dâu.

Từ viên ngoại cả cười, cho tổ chức tiệc cưới ngay. Chú phù

rể trở thành chú rể chánh thức, người họ Trịnh.

Một thời gian sau, Trịnh làm quan trong kinh đô. Có lần gặp Lư Sinh, Trịnh hỏi nguyên do nào khiến Lư bỏ chạy thục mạng trong buổi chiều đi cưới vợ năm xưa thì được Lư Sinh đáp:

- Trời ơi, con bé đó hai mắt đỏ rực như hai cục than và lồi ra như hai cái chén, răng thì nhọn như lưỡi dao trông thấy phát khiếp nên tôi phải bỏ chạy.

Trịnh gọi vợ đến chào bạn và kể cho Lư Sinh nghe mọi diễn tiến trong buổi chiều hôm ấy sau khi Lư Sinh bỏ chạy. Lư Sinh thẹn quá nên cáo từ vợ chồng Trịnh.

Thế mới biết "việc kết giải đồng tâm vốn do tiền định bất khả cầu".

*

* *

Nhặt thưa, gương giọi đầu cành
Ngọn đèn trông lọt TRƯỚNG HUỲNH hắt hiu

(Câu 433, 434. Kiều sang nhà Kim Trọng ban đêm)

TRƯỚNG HUỲNH, cũng có thể gọi là Huỳnh song là bức màn hay song cửa có chói ánh sáng con đom đóm.

Trác Dận tự Võ Sơ, người Đông thành đời Hán, thuở nhỏ là một đứa trẻ thông minh đĩnh ngộ. Trác Dận nhà nghèo nhưng rất ham đọc sách. Vì nhà quá nghèo không có tiền mua dầu, đèn nên Trác Dận phải bắt đom đóm bỏ vào một cái đãi để lấy ánh sáng mà đọc sách.

Lớn lên, thi cử đỗ đạt làm quan đến Thượng Thơ.

*

* * *

Tiếng sen sẽ động GIẤC HÒE
Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần

(Câu 437, 438. Kim Trọng mơ màng thấy Kiều đến)

GIẤC HÒE là giấc mơ bên gốc cây hòe. Giấc hòe còn được gọi là giấc Nam Kha bởi hai câu chuyện như sau :

1. Lý Công Tá, người đời Đường, nằm mơ thấy mình lấy được con gái vua nước Hòe An và được bổ nhậm làm Thai thú đất Nam Kha. Tỉnh dậy mới biết đó chỉ là một giấc chiêm bao. Về sau Lý Công Tá có làm một bài Nam Kha ký, thuật lại giấc mơ của ông.

2. Thuần Vu Phần lại cũng nằm mơ thấy mình đi đến nước Hòe An, được nhà vua gả Công chúa cho và cũng được làm Thái Thú đất Nam Kha; phú quý vinh hiển suốt hai mươi năm. Về sau cầm quân đi đánh giặc bị bại trận, vợ lại chết, nhà vua đem lòng nghi ngờ nên bãi quan chàng. Khi tỉnh dậy thì đó chỉ là một giấc mơ, Thuần Vu Phần thấy mình còn nằm bên gốc cây hòe, phía sau chỗ mình nằm lại có một ổ kiến lớn.

"Giấc Nam Kha khéo bất bình

Bừng con mắt dậy thấy mình tay không"

(Nguyễn Gia Thiều)

*

*   *

Bâng khuyâng ĐỈNH GIÁP, NON THẦN
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng.

(Câu 439, 440. Tâm trạng Kim Trọng)

"MÂY MƯA đánh đổ đá vàng
Quá chiều nên đã chán chường yến anh".

(Câu 513, 514. Kiều nói với Kim Trọng)

"Cũng là lỡ một, lầm hai
Đá vàng sao nỡ ép nài MÂY MƯA".

(Câu 1007, 1008. Tú Bà dỗ dành Kiều)

ĐỈNH GIÁP : Núi Vu Giáp

NON THẦN : Núi Thần Châu

MÂY MƯA : Chỉ sự trai gái giao hoan với nhau. Ngoài ra, còn hai từ nữa là Cao Đường và Dương đài. Tất cả những từ ngữ trên đều có cùng một ý nghĩa.

Thời Chiến quốc, vua Sở Tương Vương một hôm cùng với Tống Ngọc đến chơi ở đầm Vân Mộng dưới núi Vu Giáp. Nhà vua nhìn lên quán Cao Đường thấy khí mây ngùn ngụt, lúc dồn dập, lúc tan loãng luôn thay đổi hình dạng không ngừng. Nhà vua hỏi Tống Ngọc:

- Khí gì vậy ?

Tống Ngọc thưa :

- Tâu Chúa công, đó là mây sớm. Xưa tiên vương đến chơi quán Cao Đường ngủ lại đêm, nằm mơ thấy có một người đàn bà tuyệt đẹp đến xưng là thần núi Vu Giáp; rồi bày cuộc ân ái với tiên vương. Đến khi từ biệt, nàng ấy nói rằng: "Thiếp ở trên núi Vu Giáp, chốn gò cao, sớm làm mây, tối làm mưa; sớm ở Vu sơn, tối ở Dương đài".

Sở Tương Vương nghe thế bèn cho lập miếu thờ ở Dương đài dưới chân núi Vu Giáp, đặt tên là miếu "Thiên Vân" (Mây sớm).

*

* *

GIẤC MỘNG ĐÊM XUÂN hay là Một giấc mộng xuân (Nhất trường Xuân mộng), ý để chỉ việc đời biến ảo vô thường.

Triệu Kim Thời, một học giả thời nhà Tống có viết một bộ sách tên là "Hầu Chính Lục", ghi sự tích của các văn nhân tiền bối. Trong sách Hầu Chính Lục có một câu chuyện kể rằng :

Đông Pha lão nhân người ở huyện Xương Hóa, một hôm nhàn rỗi mang trên lưng một chiếc bầu lớn thong thả dạo chơi trên một cánh đồng. Đi chưa được bao lâu thì Đông Pha lão nhân gặp một bà cụ tuổi ngoài bảy mươi. Bà cụ già trông thấy Đông Pha lão nhân thong dong nhàn hạ, bèn thở dài nói với ông rằng :

- Những phồn hoa phú quý trong Hàn lâm viện ngày xưa chẳng qua như một giấc mộng xuân mà thôi.

Những người ở trong vùng ấy biết chuyện, bèn gọi bà cụ già ấy là Xuân Mộng bà bà...

*

* *

"Bây giờ rõ mặt đôi ta
Biết đâu rồi nữa chẳng là CHIÊM BAO"?

(Câu 443, 444. Kiều tâm tình với Kim Trọng)

Hai câu thơ này Nguyễn Du ở tích tuồng "Tây Sương Ký", cảnh thứ hai, hồi thứ nhất phần thứ tư. Cảnh nàng Thôi Oanh Oanh cùng con hầu là Hồng nương sang thăm Trương Quân Thụy ở phòng trọ của chàng. Trong cuộc thăm viếng bất ngờ này, Thôi Oanh Oanh đã dâng hiến cho Trương Quân Thụy. Hai người đã chìm đắm trong cuộc mây mưa trong khi con hầu đứng gác ngoài cửa.

Xong cuộc ái ân, Trương Quân Thụy nói với Thôi Oanh Oanh:

- Dữ ngã thực thị minh bạch, an tri bất thị mộng trung lai (Bây giờ gặp nhau là sự thật, chắc đâu không phải là ở trong chiêm bao).

Đoạn tuồng ấy được tả như sau :

"... Then mây mở cửa động Đào
Đào tiên hớn hở đón chào tin xuân
Những là tê tái tần ngần
Lã dần vóc liễu, mở dần lòng hoa...
Rồng mây, cá nước mặn mà
Nụ đơn nở, giọt sương sa dầm đìa.
Nhị non, hương sớm bốn bề
Tha hồ con bướm đi về thong dong.
Em dùng dằng nửa thuận nửa không
Tôi khắp người bủn rủn, trong lòng mê tơi.
Má hồng thơm ngát dưới môi,
Tôi coi em như trái tim tôi từ ngày.

Trắng ngà, trong ngọc giá này,
Quấy hôi, bôi lọ lỗi này tự tôi.
Không bền lòng chờ đợi hôm mai,
Dễ đâu khổ tận, cam lai có rày?
Cùng nhau ân ái đêm nay,
Thần hồn bay chín từng mây ngoài trời.
Này vì em tôi thân thể gầy vơi
Thế này em mới biết cho người tình si.
Đêm nay má tựa vai kề,
Mà lòng còn vẫn hồ nghi với lòng.
Sương sa, gió lặng, sân không
Trăng soi viện sách, mây lồng đài Dương.
Lẽ nào nhìn thấy rõ ràng,
Lại là trong giấc mơ màng gặp nhau?

(Nhượng Tống dịch)

*

* *

Hiên sau treo sẵn cầm trăng
Vội vàng sinh đã TAY NÂNG NGANG MÀY

(Câu 467, 468. Kim Trọng trao đàn cho Kiều)

"Đã cho vào bậc BỐ KINH
Đạo tòng phu lấy chữ trinh làm đầu".
(Câu 505, 506. Kiều nói với Kim Trọng)

"Nghĩ mình, chẳng hổ mình sao
Dám đem trần cấu dự vào BỐ KINH".
(Câu 3103, 3104. Kiều đáp lời Kim Trọng)

TAY NÂNG NGANG MÀY (Cử án tề mi): hai tay nâng đồ vật lên ngang trán để dâng cho người đối diện; tỏ ý kính trọng.

BỐ KINH (Bố quần kinh thoa): quần vải thoa cỏ

Hai sự việc trên đều xuất phát từ điển tích nàng Mạnh Quang như sau :

- Nàng Mạnh Quang, người đời Hậu Hán, tánh nết đoan trang hiền thục, đến ba mươi tuổi vẫn chưa có chồng. Bà con họ hàng thấy vậy đều khuyên nàng nên nghĩ đến chuyện lập gia thất thì Mạnh Quang đáp :

- Nếu lấy được Lương Hồng làm chồng thì mới thuận, còn bằng không thì cứ ở vậy suốt đời.

Lương Hồng tự là Bá Loan cũng là người cùng huyện với Mạnh Quang, tuy nhà nghèo nhưng là một con người đức hạnh rất mực. Nghe Mạnh Quang tuyên bố như thế, Lương Hồng bèn cậy mai mối đến hỏi cưới nàng làm vợ.

Khi về nhà chồng, nàng Mạnh Quang trang điểm lộng lẫy, dùng phấn sáp và đeo vòng vàng thường xuyên. Lương Hồng thấy vậy, suốt bảy ngày liền không đụng đến vợ và cũng không nói với

nàng lấy một lời. Mạnh Quang lo sợ lắm, quỳ xuống trước mặt Lương Hồng xin chồng cho biết mình phạm tội gì. Bấy giờ Lương mới lên tiếng :

- Tôi sở nguyện lấy một người vợ áo vải quần gai để cùng nhau chịu cực khổ lo làm ăn chân chính. Nay tôi thấy nàng môi son má phấn nên không bằng lòng.

Mạnh Quang cung kính đáp :

- Thiếp xin vâng nghe ý chàng.

Từ đó Mạnh Quang không chưng diện nữa, mặc quần vải áo thô, vấn tóc trần, xắn tay áo ra sức làm lụng rất siêng năng. Lương Hồng cả đẹp lòng, khen :

- Thế mới xứng đáng là vợ của Lương Hồng này.

Sau đó ít lâu, Lương Hồng bàn với vợ nên dời nhà vào núi Sương Lăng tự cày ruộng lấy mà ăn, tự dệt vải lấy mà mặc. Mạnh Quang vui vẻ tùng phục ý chồng không một lời phản đối. Lúc đầu hai vợ chồng đi qua đất Thương Ngô, vào ở nhờ nhà Cao Bá Thông, làm nghề giã gạo thuê. Cao Bá Thông cho vợ chồng Lương Hồng trọ trong một chái nhỏ bên hè. Hàng ngày khi đến bữa ăn, Mạnh Quang đều cung kính dâng mâm cơm lên ngang mày để trao cho chồng. Cao Bá Thông thấy vậy, cảm thán rằng :

- Vợ chồng nhà ấy chỉ là kẻ đi làm thuê làm mướn mà còn có lễ nghĩa, vợ biết tôn kính chồng như thế thật là đáng kính phục.

Rồi Cao Bá Thông thu xếp cho vợ chồng Lương Hồng được chỗ cư ngụ đàng hoàng, rộng rãi trong nhà.

*

* *

Tích thứ hai về Bố Kinh là chuyện Hoàng Thiếu Quân.

Hoàng Thiếu Quân là con gái nhà giàu có nhưng tánh tình rất hiền thục. Thiếu Quân lấy chồng là Bảo Tuyên, nhà nghèo khó.

Khi về nhà chồng, Thiếu quân tự trút bỏ hết xiêm y lụa là, mặc quần vải áo thô, cài trâm cây và chịu khó làm lụng vất vả. Nàng lại thành kính thờ chồng một mực, không bao giờ dám làm điều gì trái ý Bảo Tuyên. Người đời ca tụng nàng rằng :

"Thiếu Quân, gái ấy tuyệt hay

Thay quần vải, đổi trâm cây, thờ chồng".

*

* *

Khúc đâu TƯ MÃ PHƯỢNG CẦU
Nghe ra như oán, như sầu phải chăng

(Câu 475, 476. Kiều gảy đàn cho Kim Trọng nghe)

TƯ MÃ PHƯỢNG CẦU là khúc đàn "Phượng cầu kỳ hoàng" của Tư Mã Tương Như đã làm say mê nàng Trác Văn Quân.

Tư Mã Tương Như tự là Tràng Khanh, người Thành đô đời Hán Cảnh Đế. Trường Khanh là người giỏi thi phú và có ngón đàn tuyệt diệu, trẻ tuổi đã được phong làm Quan Lang.

Tình cờ một hôm Tương Như gặp Lương Hiếu vương vào chầu Cảnh đế và những người đi theo vương như bọn Châu Dương, Mai Thặng đều là những người từng nổi danh một thời nên lấy làm ái mộ lắm. Tương Như bèn cáo bệnh từ quan để sang chơi nước Lương.

Sang nước Lương, Tràng Khanh làm bài phú "Ngọc như ý" dâng cho Hiếu vương. Hiếu vương lấy làm vừa ý nên ban cho chàng cây đàn Ngọc ỷ.

Mấy năm sau Hiếu vương mất, Tràng Khanh trở về quê nhà. Gia cảnh ngày càng túng bấn, khó sống nên Tràng Khanh đến huyện Lâm Cùng để nương nhờ bạn là Vương Cát đang làm Huyện lệnh ở đấy.

Trong huyện Lâm Cùng có gia đình Trác Vương Tôn giàu có mà Trác lại là một kẻ hiếu danh. Trác có người con gái mới mười bảy tuổi đã góa chồng, tên Trác Văn Quân, tuyệt đẹp. Trác Văn Quân lại là một người có tính tình văn nghệ, rất thích nghe đàn. Nhận thế, Vương Cát muốn lập kế cho bạn mình là Trường Khanh sánh duyên cùng Trác Văn Quân để nương nhờ, nên ông ta để Trường Khanh trọ ở Đô đình, hàng ngày đích thân sang hầu

hạ bạn ra vẻ tôn kính lắm.

Quả nhiên, Vương Tôn tưởng quan huyện có khách quý nên thiết tiệc long trọng mời quan huyện và Trường Khanh đến dự, mục đích là để cầu thân. Vương Cát đến dự nhưng Tràng Khanh cáo ốm không đến. Không có mặt Tràng Khanh, Vương Cát giả vờ không dám ngồi ăn; rồi đích thân đánh xe đi đón Tràng Khanh lần nữa. Bấy giờ Tràng Khanh mới mang cây đàn Ngọc Ỷ đến nhà Trác Vương Tôn dự tiệc.

Rượu được nửa chừng, Vương Cát đứng lên lễ phép thưa :

- Nghe nói Tràng Khanh thích đàn, vậy ty chức xin được phép dạo một khúc làm vui.

Tràng Khanh gật đầu. Vương Cát nắn phím so dây. Dạo hết một khúc đàn, Vương Cát cung kính trao đàn cho Tràng Khanh. Hiểu ý bạn, Tràng Khanh nhận đàn và chuẩn bị trổ tài. Chàng cũng thừa biết rằng chắc chắn nàng Trác Văn Quân sẽ đứng nghe trộm bên trong màn, bèn đánh khúc "Phượng cầu kỳ hoàng" để khêu gợi tình cảm nàng. Khúc ấy như sau :

"Thẩn thơ con phượng về làng,
Long đong tìm kiếm chim hoàng (1) bấy lâu.
Lỗi thời, nào được chi đâu,
Vấn vơ nay bỗng gặp nhau chốn này.
Phòng loan ai hởi có hay,
Gần nhà xa mặt, đắng cay dạ vàng.
Ước gì hóa cặp uyên ương,
Bay la bay bổng chung đường vui chơi."

Lúc Tràng Khanh đàn, Trác Văn Quân đứng trong màn lén nhìn ra. Thấy phong tư tài mạo của chàng, nàng Trác đã đem lòng say mê ngay. Tan tiệc, Tràng Khanh còn tỏ ra mình là người hào phóng bằng cách ban thưởng cho những a hoàn hầu hạ Trác Văn Quân khiến người đẹp lấy làm cảm động lắm.

Vài ba hôm sau, vào đêm, Văn Quân trốn nhà đến Đô đình với Tràng Khanh. Rồi hôm sau, Tràng Khanh đưa Văn Quân về quê mình. Trác Vương Tôn biết được giận lắm, quyết ý từ con gái.

Có người thân biết chuyện, đến khuyên Trác Vương Tôn chớ từ con mà nên chia gia tài cho Trác Văn Quân. Vương Tôn nói:

- Con gái làm điếm nhục gia phong như thế, không giết chết đã là may, cớ sao lại phải chia gia tài cho nó.

Trác Văn Quân sống với Tương Như trong cảnh nghèo túng và ngày càng thêm túng quẩn. Tương Như có tấm áo cừu tú sương là loại quý hiếm, định đem cầm cho hàng rượu, Văn Quân ứa nước mắt nói rằng :

- Thiếp tôi từ thuở nhỏ sống trong cảnh giàu sang, bây giờ đến nỗi chàng phải cầm áo cừu thì thiếp tôi làm sao chịu được.

Rồi nàng khuyên chàng nên trở lại huyện Lâm Cùng. Tương Như nghe theo, hai vợ chồng trở lại Lâm Cùng, bán xe ngựa lấy tiền tạo một lò nấu rượu ở tại chợ. Hàng ngày, Văn Quân nấu rượu, còn Tương Như thì mặc quần ngắn, ra chợ cùng bọn làm thuê rửa ráy chén bát cho người ta. Trác Vương Tôn biết chuyện lấy làm xấu hổ lắm, suốt ngày đóng cửa ở trong nhà, không dám bước chân ra ngoài. Họ hàng của ông lại đến khuyên lơn :

- Này ông, ông chỉ sinh được một trai, hai gái mà. Vả, cái ông thiếu thốn không phải là tiền tài. Nay Văn Quân trót đã theo Tràng Khanh rồi mà Tràng Khanh vốn là một kẻ từng trải giang hồ, tuy còn nghèo nhưng cái tài của chàng ta thì cũng có thể nương tựa sau này. Hơn nữa, Tràng Khanh vốn là khách quý của quan huyện chúng ta, lẽ nào ông nỡ làm nhục nhau đến thế.

Trác Vương Tôn nghe họ hàng khuyên như thế, hồi tâm. Ông bèn cho Trác Văn Quân một trăm đứa đày tớ, một trăm vạn

quan tiền và tất cả quần áo của nàng khi nàng có chồng trước kia.

Nhận được tiền và của của cha cho, Trác Văn Quân cùng Tràng Khanh trở về Thành đô mua nhà tạo ruộng, trở thành một gia đình giàu có.

Cách ít lâu sau, nhà vua xem được bài phú Tử Hư của Tương Như lấy làm thích lắm, bèn cho chàng phục chức Quan Lang. Vài năm sau Tương Như lại được thăng Trung lang tướng. Khi cờ mao búa tiết của nhà vua đưa ra đất Thục để phong cho Tương Như, từ Thế tử ở Thục trở xuống đều phải ra đồng đón tiếp hết sức long trọng. Riêng quan huyện lệnh sở tại phải đội cung cấp tên đi ở tiền quân đám rước. Người dân đất Thục lấy làm vẻ vang vô cùng. Bấy giờ Trác Vương Tôn mới lấy làm toại ý.

---

(1) Chim phượng mái.

*

* *

KÊ KHANG này khúc QUẢNG LĂNG
Một rằng : Lưu thủy, hai rằng Hành vân

(Câu 477, 478. Kiều đàn cho Kim Trọng nghe)

KÊ KHANG : một trong Trúc lâm thất hiền đời Tấn

QUẢNG LĂNG : tên khúc đàn của Kê Khang, nội dung tỏ ý thương tiếc nhà Ngụy.

"Trúc lâm thất hiền" (bảy người hiền trong rừng trúc) gồm có: Kê Khang, Nguyễn Tịch, Lưu Linh, Nguyễn Đàm, Vương Mậu, Sơn Đào và Hướng Tú.

Bảy nhân vật trên đây nguyên là người thời Ngụy. Khi Tư Mã Viêm diệt nhà Ngụy lập nên nhà Tấn thì bảy người nói trên không hợp tác với "tân triều", bỏ thị thành vào rừng trúc ở nên được người đương thời truyền tụng là Trúc lâm thất hiền. Mỗi người đều có cá tính và nét độc đáo riêng của mình, nhưng nổi bật hơn cả là Kê Khang và Nguyễn Tịch.

Tấn sử chép rằng Kê Khang là một con người phong nhã, giỏi cầm kỳ thi họa. Sáng tác bất hủ của ông là khúc đàn Quảng Lăng tán, bày tỏ lòng thương tiếc nhà Ngụy. Kê Khang cũng có một giai thoại kỳ thú vô cùng. Một lần ông đến thăm bạn thân là Lữ An ở đất Đông Thành. Chẳng may, hôm ấy Lữ An đi vắng. Người anh của Lữ An ra tiếp Kê Khang nhưng Kê Khang không chịu vào nhà; ông chỉ đề một chữ "phụng" trên cửa rồi lẳng lặng đi về. Ý Kê Khang chê người anh của Lữ An là một kẻ phàm phu tục tử, không đáng cho ông tiếp chuyện.

*

*   *

"Vẻ chi một đóa YÊU ĐÀO Vườn hồng, chi dám ngăn rào chim xanh".

(Câu 503, 504 ; Kiều nói với Kim Trọng)

"Quả mai ba bảy đương vừa,
ĐÀO NON sớm liệu se tơ kịp thì".
(Câu 3075, 3076 ; Thúy Vân nói với Kiều khi sum họp)

YÊU ĐÀO hay ĐÀO NON cùng một nghĩa, để chỉ cây đào còn non ví với người con gái còn ít tuổi hay người con gái tới tuổi đi lấy chồng, yêu đào hay đào non trong truyện Kiều do chữ Kinh Thi "Đào Chi yêu yêu" như sau :

1. *Đào chi yêu yêu*
   Thước thước kỳ hoa.
   Chi tư vu qui
   Nghi kỳ thất gia.

2. *Đào chi yêu yêu*
   Hữu phần kỳ thật.
   Chi tư vu qui
   Nghi kỳ gia thất.

3. *Đào chi yêu yêu*
   Kỳ diệp trăn trăn.
   Chi tư vu qui
   Nghi kỳ gia nhân.

(1. Mơn mởn đào non
Rực rỡ nở hoa.
Cô ấy lấy chồng

Êm ấm cửa nhà.

2. Mơn mởn đào non
Lúc trĩu quả sai.
Cô ấy lấy chồng
Êm ấm nhà ai.

3. Mơn mởn đào non
Lá xanh rườm rà
Cô ấy lấy chồng
Thuận với người nhà.)

*

*   *

"Ra tuồng TRÊN BỘC, TRONG DÂU Thì con người ấy ai cầu làm chi"

(Câu 507, 508. Kiều nói với Kim Trọng)

TRÊN BỘC, TRONG DÂU: do chữ trong Kinh Thi: "tang trung bộc thượng" là trong ruộng dâu và trên bờ sông Bộc; là nơi mà trai gái hẹn hò gặp nhau để tình tự hay bày chuyện mây mưa.

Đời Xuân Thu, có một lần vua nước Vệ đi qua sông Bộc nghe một khúc đàn không rõ do ai đánh mà âm thanh đầy vẻ dâm dật. Nhà vua hỏi ra thì biết trước đây có quan Thái Sử của vua Trụ đã trầm mình tại khúc sông ấy. Quan Thái sử lúc còn sinh tiền, thường đàn những bản có tính cách dâm ô cho vua Trụ nghe. Những bản đàn ấy được lưu truyền trên sông Bộc mãi về sau.

Và sau đó, những trai gái của nước Trịnh và nước Vệ cũng thường hẹn hò nhau ở trên bờ sông Bộc hay trong ruộng dâu gần sông để tình tư với nhau.

*

*　　*

"Ngẫm duyên kỳ ngộ xưa nay
Lứa đôi ai lại đẹp tày THÔI, TRƯƠNG".

(Câu 511, 512. Kiều nói với Kim Trọng)

"MÁI TÂY để lạnh hương nguyền
Cho duyên đằm thắm ra duyên bẽ bàng".
(Câu 617, 618. Kiều nói với Kim Trọng)

THÔI, TRƯƠNG : Thôi Oanh Oanh và Trương Quân Thụy, hai nhân vật chính trong vở tuồng "Tây Sương ký" của Vương Thực Phủ (1).

MÁI TÂY : Bản dịch Tây Sương Ký của Nhượng Tống. Mái Tây là mái phía Tây chùa Phổ Cứu.

Nội dung tuồng "Tây Sương ký" như sau :

Góa phụ Thôi Tướng quốc cùng cô con gái đẹp tên Thôi Oanh Oanh ngụ ở mái Tây chùa Phổ Cứu để cư tang Thôi Tướng quốc.

Trương Quân Thụy là một thư sinh trên đường đến kinh đô thi Hội, ghé tham quan cảnh chùa và gặp Thôi Oanh Oanh. Thấy nàng Thôi đẹp quá, chàng Trương đâm mê nên xin trọ lại chùa Phổ Cứu để tìm cách gần gũi giai nhân.

Vào lúc ấy, tướng giặc Tôn Phi Hổ vây chùa toan bắt Thôi Oanh Oanh. Bà mẹ của nàng hứa hễ ai cứu được gia đình thì bà gả Oanh Oanh cho. Trương Quân Thụy viết thư cho một người bạn học cũ là tướng quân Đỗ Quân Thực đem binh đuổi giặc, cứu nạn gia đình Thôi Oanh Oanh.

Tai qua nạn khỏi, bà mẹ Thôi Oanh Oanh nuốt lời hứa, chỉ cho nàng Thôi kết nghĩa anh em với Trương Quân Thụy mà thôi. Trương tức bực, buồn rầu sinh ra ốm nặng. Đứa tớ gái của nàng Thôi là Hồng nương đem tin tức về Trương Quân Thụy cho Thôi.

Bấy giờ Thôi Oanh Oanh đã yêu Trương Quân Thụy rồi. Đang đêm, nàng lẻn sang thăm chàng. Rồi hai người tình tự, ân ái với nhau.

Việc "vụng trộm" của Thôi bị đổ bể. Để giữ danh giá gia môn, mẹ Thôi Oanh Oanh đành chấp thuận cho hai người thành hôn với nhau, nhưng bà buộc Trương Quân Thụy phải tiến kinh ngay để thi Hội, khi thi đỗ hãy trở về kết duyên với nàng Thôi. Thế là Thôi, Trương đành phải chia tay nhau.

Trên đường tiến kinh, Trương Quân Thụy ngủ lại quán trọ và nằm mơ thấy Thôi Oanh Oanh."

---

(1) Vương Thực Phủ, một nhà văn đời Nguyên của thời kỳ phát triển về tuồng tích. Ông để lại cho đời mười bốn vở tuồng mà "Tây Sương ký" là một tác phẩm bất hủ, phỏng theo truyện "Hội Chân ký" đời Đường.

Theo Hội Chân ký thì mối tình của Thôi Oanh Oanh và Trương Quân Thụy tan vỡ ở hồi Trương Quân Thụy tiến kinh; nghĩa là về sau hai người không thành vợ chồng. Nhưng trong "Tây Sương ký" thì Trương Quân Thụy thi đỗ Thám Hoa, trở về cưới Thôi Oanh Oanh. Người đời sau (trong đó có nhà phê bình văn học Kim Thánh Thán) cho rằng bốn hồi sau của "Tây Sương ký" không do Vương Thực Phủ viết; mà chừng đâu là do Quan Hán Khanh, một nhà văn đồng thời với Vương Thực Phủ viết tiếp. Giả thiết này không lấy gì làm chắc chắn. Khi Nhượng Tống dịch "Tây Sương ký" cũng chỉ dịch mười sáu hồi để kết thúc vở tuồng ở cảnh tan vỡ của Thôi và Trương.

Theo Kim Thánh Thán, một nhà phê bình văn học nổi tiếng cuối đời Minh đầu đời Thanh thì "Tây Sương ký" là một trong "Lục tài tử thư" của Trung Quốc. Lục tài tử thư gồm :

1. Nam Hoa Kinh của Trang Tử

2. Sử Ký của Tư Mã Thiên

3. Thơ Đỗ Phủ đời Đường

4. Ly Tao của Khuất Nguyên

5. Thủy Hử của Thi Nại Am

6. Tây Sương ký của Vương Thực Phủ.

*

* *

"Trong khi CHẮP CÁNH, LIỀN CÀNH Mà lòng rẻ rúng đã dành một bên"

(Câu 515, 516. Kiều nói với Kim Trọng)

CHẮP CÁNH, LIỀN CÀNH nghĩa là chim liền cánh, cây liền cành. Trong bài "Trường Hận ca" của nhà thơ Bạch Cư Dị đời Đường, vua Đường Huyền Tông và Dương Quý Phi có lời nguyện với nhau rằng: "Tại thiên nguyện tác tị dực điểu, tại địa nguyện vi liên lý chi" (Ở trên trời thì làm chim liền cánh, ở dưới đất thì làm cây liền cành).

Cây liền cành còn có hai điển tích như sau :

1. Thời Chiến quốc, xá nhân của Khang Vương nước Tống là Hàn Bằng có người vợ họ Hà rất nhan sắc; khiến Khang Vương trông thấy bèn động lòng tà.

Khang Vương cho xây một ngôi đền trong cung để ngồi nhìn sang nhà Hàn Bằng, chiêm ngưỡng dung nhan vợ Hàn. Sau đó, để chiếm đoạt vợ Hàn Bằng, Khang Vương ra lệnh bắt Hàn giam vào ngục, dù Hàn vô tội.

Vợ Hàn Bằng thừa biết Khang Vương hại chồng mình là để chiếm đoạt mình, bèn làm bài ca Điểu thước để bày tỏ ý mình. Bài ca như sau:

"Con chim đậu trái non Nam
Khen ai lưới Bắc, lưới dàm uổng công
Trời cao, chim cứ vẫy vùng
Dàm kia, lưới ấy dễ hòng làm chi.

*

* *

Con chim bay lượn hững hờ
Mảy may nó chẳng ước mơ phượng hoàng
Phận em là kẻ tầm thường
Lòng em chẳng muốn quân vương gần kề".

Bài ca đến tai Khang Vương nhưng ông ta vẫn không tha Hàn Bằng. Hàn Bằng tự tử trong ngục. Được tin chồng chết, họ Hà biết mình khó thoát khỏi tay Khang Vương, liền làm cho quần áo của mình đang mặc trở thành bở mục cả.

Quả nhiên Khang Vương cho người đến bắt nàng sang hầu ông ta. Khi bị đưa lên đền của Khang Vương, họ Hà chạy nhanh ra bao lơn với ý định nhảy xuống lầu tự tử. Kẻ tả hữu của Khang Vương chạy theo nắm áo nàng kéo lại, nhưng quần áo nàng đã mục nên rách toạc ra và nàng rơi xuống chân đền, chết ngay.

Trong người họ Hà có một bức thư xin được đưa thi thể về nhà họ Hàn để được chôn chung với chồng. Khang Vương giận lắm, không cho chôn chung với Hàn Bằng, chỉ cho chôn gần mả Hàn nhưng cách một quãng.

Đêm sau, ở hai ngôi mộ của Hàn Bằng và vợ tự nhiên mọc lên hai cây tử, dưới thì rễ quấn với nhau, trên thì cành liền với nhau. Rồi có đôi chim uyên ương chẳng biết từ đâu bay đến đậu song song nhau trên cây, sớm tối cất tiếng kêu rất thảm thiết. Người đời cho rằng linh hồn vợ chồng Hàn Bằng hóa ra hai cây tử và đôi chim uyên ương ấy.

*

* *

2. Thủ Ngu, người Dương Châu đời Minh, giữ chức Thụ kinh lang trong Khuê Chương các ở kinh đô. Nhà ông ở liền nhà viên Sử quan tên Giả Hư Trung. Nhà ông Giả có ba cây đàn cổ rất quý tên là Quỳnh Dao, Bội Hoàn và Bồng Lai. Thủ Ngu là một

người sành âm nhạc và thích ngâm vịnh nên giao du với Giả Hư Trung rất thân thiết.

Giả Hư Trung không có con trai, chỉ có ba cô con gái, rất yêu quý nên lấy tên ba cây đàn đặt tên cho ba nàng. Còn Thủ Ngu chỉ có một mụn con trai rất khôi ngô, tuấn tú, tên là Túy. Năm lên mười tuổi, Túy được cha cho sang nhà Giả Hư Trung cùng học tập với ba cô con gái của Giả. Túy và cô con gái út của ông Giả là Bồng Lai cùng trang lứa nên rất khắng khít với nhau. Giả phu nhân thường nói đùa rằng :

- Sau này lớn lên, Bồng Lai sánh duyên cùng Túy thì đẹp đôi lắm.

Túy nghe thế về nhà thuật lại với cha, Thủ Ngu cười bảo :

- Chính ta cũng muốn như thế đấy.

Rồi Thủ Ngu nhờ mai mối sang đính hôn trước. Giả Hư Trung thuận gả.

Sau đó không lâu, Giả Hư Trung bị bãi quan, đưa gia đình về quê. Thế là đôi trẻ bị dang dở hôn sự. Ba năm sau, Thủ Ngu chuyển ra làm quan ở Phúc Châu. Lại may mắn ở đối diện với nhà Giả Hư Trung. Bấy giờ thì hai cô gái lớn của Giả Hư Trung là Quỳnh Dao và Bội Hoàn đã lấy chồng, trong nhà chỉ còn lại Bồng Lai nhưng ông Giả cũng đã hứa hôn với họ Lâm rồi. Túy biết được chuyện ấy lấy làm đau khổ lắm. Phần Bồng Lai, việc hứa hôn với họ Lâm hoàn toàn do cha mẹ nàng quyết định. Nàng muốn gặp Túy để bày tỏ nỗi lòng mình. Ngày ngày đôi trẻ chỉ đứng trên bao lơn nhà mình nhìn nhau mà chưa nói với nhau được lời nào. Rồi một hôm, Bồng Lai lấy chiếc khăn lụa trắng bọc một con cờ tướng ném sang cho Túy. Túy nhặt lên mở ra thì thấy trên khăn có vẽ một nhánh đào phai và một bài thơ :

"Cành đào phai ánh đôi lầu

Mắt xanh để lọt chàng Lưu thuở nào
Đài mây đã nguyện gởi trao
Nhành tơ chớ để bứng vào tay ai".

Túy mừng lắm, cũng lấy khăn vẽ một nhành mai và đề thơ ném gởi lại cho người yêu :

"Nhụy phong át lụa trắng ngần
Ngờ đâu sương tuyết, gió hàn chẳng phai
Mà nay mai bén tay người
Cho non còm cõi, cho ai bẽ bàng".

Không bao lâu sau đến tiết Thượng nguyên, trai thanh gái lịch trong vùng đua nhau đi dự hội. Biết thế nào gia đình họ Giả cũng đi xem hội nên Túy nấp đợi ngoài cổng. Quả nhiên đến khuya có mấy cỗ kiệu trong nhà họ Giả đi ra. Túy lẽo đẽo theo sau nhưng không cách gì nhìn thấy mặt Bồng Lai được. Chàng bèn ngâm lớn một bài tứ tuyệt :

"Rực rỡ đèn khuya ánh chập chùng
Phố đông thấp thoáng bóng quần hồng
Kiệu hoa gần bấy, non Bồng cách
Loan vút về tây, hạc ruổi đông".

Bồng Lai ngồi trong kiệu nghe biết là Túy, bèn ngâm đáp lại rằng :

"Nỡ oán hoa mai chóng bạc tình
Thề xưa băng tuyết vẫn đinh ninh
Tin xưa áy náy ai dò hỏi
Ôm trọn tình chung, giữ ngọc lành".

Mấy hôm sau, Giả Hư Trung cho con hầu gái đem biếu gia đình Thủ Ngu một mâm trái vải. Túy nhân cơ hội nói dối với con hầu rằng :

- Trước đây ta cùng học chung với tiểu thư Bồng Lai trong

kinh, có cho tiểu thư mượn mấy quyển sách chưa kịp lấy về. Nay nhờ ngươi đưa giúp tấm thiếp này để tiểu thư cho xin lại sách.

Rồi chàng gởi cho Bồng Lai một bài phú hàm ý trách móc nàng. Bồng Lai nhận được bài phú của Túy, cũng làm một bài phú viết vào giấy Ngư tiên, đóng thêm mấy bài cổ văn nữa cho dày lên giống như một quyển sách, rồi sai con hầu đem sang cho Túy.

Bấy giờ Túy nổi tiếng là một người tài danh, được người tiến cử với triều đình để làm quan nhưng chàng từ chối, viện cớ phải phụng dưỡng cha mẹ già. Ít lâu sau Thủ Ngu qua đời khi còn tại chức. Đến năm Nhâm Tuất (1352) đầu thời Chi Chính, vùng Túy cư ngụ bị giặc quấy nhiễu. Các nhà gia thế đều đưa nhau vào núi lánh nạn. Gia đình Túy cũng thế, song giặc dò được tung tích nên giết hại cả gia đình chàng. Riêng Bồng Lai không bị sát hại vì tướng giặc muốn lấy nàng làm vợ. Liệu khó thoát được tay giặc, Bồng Lai lập kế bảo tướng giặc rằng :

- Thiếp không xin về nhà mà ở lại để hầu hạ tướng quân. Tuy nhiên, xin tướng quân cho phép thiếp được chôn cất chồng cũ đã, rồi thiếp hầu hạ tướng quân cũng không muộn.

Tướng giặc tưởng thật cùng đi với Bồng Lai đến nơi Túy bị giết và cùng Bồng Lai phụ đào huyệt chôn cất Túy. Khi chôn cất Túy xong, Bồng Lai lấy dao tự đâm vào cổ, nói :

- Được chết cùng một chỗ với chàng là thỏa rồi.

Tướng giặc tức giận lắm, cho chôn Bồng Lai cách xa mả Túy một quãng để hai người mãi mãi cách nhau.

Gần cuối năm ấy, viên Bình Chương tỉnh Phúc Kiến đuổi được giặc, ổn định tình hình. Dân chúng lại lục tục trở về. Có người cùng chạy giặc chung với gia đình Túy trước kia, kể lại câu chuyện đáng thương của Bồng Lai, viên Bình Chương cho người

đi thăm dò và có ý định cải táng cho Túy và Bồng Lai.

Người của Bình Chương sai đi, đến nơi nhìn thấy ở hai ngôi mộ có hai cây, cành lá vươn về nhau và quấn chặt lấy nhau không thể nào tách ra được. Viên Bình Chương được báo cáo và đích thân đến nơi xem xét, thấy quả thật như thế. Ông ta không dám cải táng mà cho đắp liền hai ngôi mộ thành một.

*

* *

"GIEO THOI trước chẳng giữ giàng,
Để sau nên thẹn cùng chàng bởi ai"?

(Câu 519, 520. Kiều nói với Kim Trọng).

GIEO THOI : Ném con thoi của khung dệt; chỉ người con gái biết giữ mình để bảo toàn tiết hạnh.

Theo Tấn thư, Tạ Côn người đời Tấn, ở hàng xóm có người con gái họ Cao nhan sắc xinh đẹp, chuyên nghề dệt cửi.

Tạ Côn thường hay sang trêu ghẹo cô ta. Có lần cô gái ngưng dệt lấy con thoi ném vào mặt Tạ Côn, làm chàng ta bị gãy hết hai cái răng. Từ đó, Tạ Côn không còn dám trêu ghẹo nàng ấy nữa.

"Sự đâu chưa kịp đôi hồi
Duyên đâu chưa kịp một lời TRAO TƠ".

(Câu 539, 540. Kim Trọng than thở với Kiều)

"Nuôi con những ước về sau
TRAO TƠ phải lứa, GIEO CẦU đúng nơi".
(Câu 657, 658. Vương viên ngoại than thở)

TRAO TƠ, GIEO CẦU ngụ ý nói đến sự kén chọn, kết hôn giữa trai gái.

Theo sách "Thiên Bảo dị sử", Ông Trương Gia Trinh đời Đường có năm người con gái đẹp, tuổi tác xấp xỉ nhau; mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười. Rất nhiều vương tôn công tử xa gần đều gấm ghé, rấp ranh bắn sẻ.

Trong số vương tôn công tử, có chàng nho sĩ tài danh tên Quách Nguyên Chấn thường lui tới Trương gia trang. Chàng Quách muốn xin làm rể Trương Gia Trinh nhưng khổ nỗi chàng chẳng biết phải chọn cô nào trong năm cô.

Trương Gia Trinh biết rằng Quách Nguyên Chấn có thể lấy cô nào cũng được trong năm đứa con gái của mình, nên ông nghĩ ra một kế. Ông cho năm cô con gái của mình ngồi bên trong một bức màn, mỗi cô cầm một đầu sợi tơ. Năm sợi tơ đều khác màu và năm đầu còn lại thì treo lủng lẳng ngoài màn cửa. Ở ngoài nhìn vào, không trông thấy cô gái nào cầm sợi tơ nào. Rồi ông bảo Quách Nguyên Chấn đi từ ngoài vào, hễ rút được sợi tơ của cô nào thì cưới cô ấy làm vợ. Và Quách Nguyên Chấn rút được sợi tơ màu hồng (Hồng tơ) của người con gái thứ ba. Thế là Quách Nguyên Chấn cưới cô con gái thứ ba của Trương Gia Trinh.

*

*   *

Theo sách "Tam Hợp Bảo Kiếm" đời Hán thì Hán Vũ Đế có một cô Công chúa tuyệt sắc đã đến tuổi lấy chồng nhưng nhà vua chưa quyết định kén chọn ai làm Phò mã.

Trong triều ngoài nội, rất nhiều tay quyền quý mong được cầu thân cùng công chúa. Hán Vũ Đế không biết nên chọn ai, bèn truyền cho các vương tôn công tử, các bậc danh nhân tài tử trong nước tập trung lại hoàng cung. Rồi nhà vua cho lập một cái đài cao để Công chúa ngồi trên đó, cầm một quả "thanh cầu" bằng vải ném xuống. Hễ chàng trai nào bắt được quả cầu ấy, bất luận là sang hèn quý tiện đều được chọn làm phò mã.

*

*　　*

Sách Thần Tiên truyện lại chép truyện tích Gieo Cầu khác như sau :

Nho sĩ Thôi Sanh đi chơi núi được kết duyên cùng Trác Tiên cô. Trác Tiên cô cho chồng một lá bùa "ẩn thân". Hễ đeo lá bùa ấy vào thì không ai trông thấy mình nữa.

Thôi Sanh lợi dụng lá bùa ấy để làm chuyện bất chính. Cứ hàng đêm, chàng đeo bùa vào mình rồi lẻn vào cung cấm để rình mò xem chuyện ái ân của bọn cung tần phi nữ.

Dần dần Thôi Sanh đâm bạo dạn, xâm nhập vào các phòng cung nhân không được vua "lâm hạnh" để gây chuyện mây mưa với các nàng. Các nàng cung nữ không được hưởng ơn mưa móc đã lâu, lòng luôn rạo rực thèm khát chuyện gối chăn nên không ngần ngại cùng Thôi Sanh giao hoan. Thế là chàng nho sinh Thôi Sanh có một nguồn vui phong phú không bao giờ cạn và luôn luôn đổi mới.

Một thời gian sau việc gian dâm của Thôi Sanh với các cung nhân bị đổ bể vì các nàng có thai trong khi sổ của Thái giám

không ghi chuyện "lâm hạnh" của quân vương. Các cung nhân có thai bị tra xét và khai ra Thôi Sanh là kẻ phạm thượng khi quân.

Rồi một đêm kia, Thôi Sanh đang giao hoan cùng cung nữ thì bị phát hiện vì bùa ẩn thân không còn linh nghiệm nữa. Thôi Sanh bị cấm vệ quân vây bắt. Chàng chạy thoát ra ngoài thành và đến một bờ sông. Không biết làm sao thoát thân, Thôi Sanh bèn gọi lớn :

- Trác Tiên cô, cứu ta. Trác Tiên cô, cứu ta.

Bấy giờ Trác Tiên cô đang ở trên mây, nghe tiếng chồng kêu và nhìn thấy chồng đang lâm nạn, thương tình rút chiếc thắt lưng màu xanh quăng xuống mặt sông. Chiếc thắt lưng liền hóa thành một chiếc cầu và Thôi Sanh chạy lên chiếc cầu ấy sang bờ sông bên kia, thoát nạn.

*

*   *

"ÔNG TƠ gàn quải chi nhau
Chưa vui sum họp đã sầu chia phôi".

(Câu 547, 548. Kiều than với Kim Trọng)

ÔNG TƠ thực nhé đa đoan
Se tơ sao khéo vơ càn, vơ xiên.
(Câu 2599, 2600. Kiều bị ép gả cho Thổ quan)

ÔNG TƠ do tích ông Tơ, bà Nguyệt mà ra. sách "Thần Tiên truyện" kể rằng :

Đời Nguyên Hòa nhà Đường, quan đại thần Chung Thôi tự Hy Minh có người con trai tên Chung Hạo rất thông minh đĩnh ngộ. Mười hai tuổi, Chung Hạo đã làu thông kinh sử và nổi tiếng văn hay chữ tốt.

Chung Thôi rất lấy làm tự hào về cậu con trai của mình và tỏ ra yêu quý lắm. Mỗi lần đi săn bắn, ông thường hay dắt Chung Hạo theo.

Một lần kia theo cha đi săn, Chung Hạo mải mê đuổi theo một con thỏ nên bị lạc vào rừng sâu. Trời tối dần, Chung Hạo sợ quá nên chạy tứ tung tìm đường ra, nhưng càng chạy cậu càng bị lạc sâu vào chốn hoang vu, tĩnh mịch. Cũng may là đêm ấy có trăng. Trăng lên cao, ánh trăng bàng bạc đổ xuống khắp khu rừng. Nhờ có ánh trăng nên Chung Hạo cũng đỡ sợ phần nào...

Chung Hạo nghe có tiếng suối chảy róc rách gần đâu đó. Cậu lắng tai định hướng rồi bước lần đến nơi có tiếng suối kêu để tìm nước uống. Bỗng Chung Hạo nhìn thấy ở phía trước mặt mình, không xa lắm, có một bà lão ngồi bên một hòn đá to và đang se chỉ. Chung Hạo bước đến gần, trông rõ bà lão tóc trắng như tuyết đang chăm chú se những sợi chỉ đỏ.

Chung Hạo kính cẩn thưa :

- Kính thưa lão bà, tiểu sinh đi săn chẳng may bị lạc vào

rừng sâu không biết đường về. Dám xin lão bà cho tiểu sinh biết đây là đâu và tại sao lão bà lại ngồi se chỉ dưới trăng ?

Bà lão ngừng tay ngước lên nhìn Chung Hạo, rồi lại cúi xuống vừa tiếp tục se chỉ vừa đáp :

- Đây là động tiên. Còn ta là nguyệt lão, ta đang se duyên cho những đôi trai gái yêu nhau dưới trần gian.

Chung Hạo lấy làm lạ nên hỏi tiếp :

- Lão bà se như thế mà ở trần gian người ta yêu nhau được à ?

Nguyệt lão gật đầu đáp :

- Được chứ. Đây là dây tơ hồng, hễ ta se nhiều thì trai gái thương nhau nhiều, se ít thì trai gái thương nhau ít. Việc yêu đương của người trần gian do quyền của ta. Hễ ta đã se cho đôi trai gái nào thành vợ chồng thì đôi ấy phải kết duyên với nhau và không xa lìa nhau.

- Lão bà có thể vui lòng cho tiểu sinh biết là sau này tiểu sinh sẽ kết duyên cùng ai không ?

Nguyệt lão xoay mặt nhìn vào cửa động. Ở cửa động có một ông lão cũng đầu râu tóc bạc đang ngồi chăm chú xem sách. Nguyệt lão quay nhìn Chung Hạo, đáp :

- Việc ấy của ông tơ. Công tử hãy vào hỏi ông tơ ngồi nơi cửa động ấy.

Chung Hạo bước đến cửa động, cúi chào ông lão và lên tiếng:

- Thưa lão trượng, xin lão trượng cho tiểu tử biết sau này tiểu tử sẽ được kết duyên với ai ạ ?

Ông lão nhìn Chung Hạo, hỏi :

- Công tử tên họ là chi và con cái nhà ai ?

Chung Hạo lễ phép thưa :

- Thưa lão trượng, tiểu sinh tên là Chung Hạo, con quan đại thần Chung Thôi ở kinh đô Tràng An.

Ông lão nhìn vào sổ, dùng ngón tay dò một lúc rồi ngước lên nói :

- Sau này công tử sẽ kết duyên với con gái của một mụ ăn mày ở chợ Đông gần kinh thành. Cô gái tên là Tố Lan.

Chung Hạo sững sờ nhìn ông lão và nói :

- Tiểu sinh là con quan đại thần của triều đình mà lại kết duyên cùng con gái của mụ ăn mày sao ?

Ông lão cười đáp :

- Công tử chớ nóng giận, đấy là duyên trời định mà.

Quá thất vọng, Chung Hạo vội vã ra đi không kịp chào ông tơ và bà nguyệt. Chàng ta đi lang thang suốt đêm không cần định hướng gì cả. Đến tờ mờ sáng thì Chung Hạo gặp được một toán quân lính do triều đình phái đi tìm chàng.

Về nhà, Chung Hạo buồn bã biếng ăn biếng nói nhưng tuyệt nhiên chàng không hé môi cho ai biết chuyện chàng gặp ông tơ bà nguyệt ở động tiên trong rừng sâu. Một ngày nọ Chung Hạo rủ một tên gia đồng cùng chàng đến chợ Đông, với mục đích tìm xem có mụ ăn mày ở đó không. Đến chợ, sau một lúc dạo tới lui, Chung Hạo trông thấy một mụ ăn mày mù, rách rưới được một con bé gái dắt đi ăn xin. Sau giây phút bàng hoàng, Chung Hạo bảo đứa gia đồng đi hỏi xem con bé dắt mụ ăn mày tên là gì. Người kẻ chợ cho thầy trò Chung Hạo biết con bé tên là Tố Lan.

Chung Hạo thở dài. Như thế là đúng theo lời ông tơ bà nguyệt ở động tiên trong rừng đã bảo với chàng. Chàng mon men đi theo con bé Tố Lan để xem mặt nó. Tố Lan khoảng tám, chín

tuổi. Vì mặt mày Tố Lan dơ bẩn quá nên Chung Hạo không nhìn được làn da của nó, chàng chỉ nhận thấy đôi mắt của con bé đen láy mà thôi. Lòng quá buồn phiền, Chung Hạo trở về dinh.

Từ đó Chung Hạo không thiết đến chuyện ra khỏi dinh nữa. Ngày đêm chàng luôn nghĩ cách làm thế nào thoát khỏi "cái định mệnh" mà ông tơ bà nguyệt đã dành sẵn cho chàng. Thế rồi một hôm Chung Hạo một mình đến chợ Đông rất sớm. Chàng thủ sẵn một hòn đá và đứng chờ mẹ con mụ ăn mày ở cổng chợ. Khi mẹ con mụ ăn mày vừa đến cổng chợ, Chung Hạo ném mạnh hòn đá vào đầu Tố Lan rồi bỏ chạy. Những người kẻ chợ lo cứu chữa cho con bé ăn mày nên chẳng ai để ý đến Chung Hạo đã chạy xa.

Sau đó mấy hôm, Chung Hạo cho bọn gia đồng đi dò la ngoài chợ. Bọn gia đồng trở về báo là không còn trông thấy mẹ con mụ ăn mày ngoài chợ Đông nữa. Từ đó Chung Hạo tạm nguôi ngoai về chuyện lương duyên sau này của mình...

Bảy năm sau...

Ở huyện Trúc Giang có người con gái của quan Thái úy nổi tiếng là nhan sắc bá mị thiên kiều, tên là Tố Lan. Chẳng những có nhan sắc, Tố Lan lại giỏi cả cầm kỳ thi họa nữa. Rất nhiều bậc cao sang quyền quý thường đến cầu thân với Tố Lan, nhưng chưa có ai được lọt vào mắt xanh của nàng. Bấy giờ Chung Hạo cũng chưa có gia thất, chàng nghe tiếng đồn về giai nhân Tố Lan nên quyết đến huyện Trúc Giang xem thực hư thế nào. Đến nơi, Chung Hạo tìm cách cầu thân cùng người đẹp. Vì từ lâu Chung Hạo cũng là một người nổi danh trong làng văn mặc mà Tố Lan từng nghe nên nàng chịu tiếp chàng. Cuộc diện kiến người đẹp đã khiến Chung Hạo mê mẩn tâm thần. Sau đó chàng trở về kinh đô và thố lộ tâm sự của mình cho phụ thân biết. Thế là Chung Thôi cậy mai vong đến hỏi Tố Lan cho con trai mình. Quan Thái úy huyện Trúc Giang nhận thấy hai trẻ rất xứng đôi và hai gia đình cũng môn đăng hộ đối nên chấp thuận lời cầu hôn của Chung Thôi. Thế là

Chung Hạo và Tố Lan thành vợ chồng.

Một ngày nọ Chung Hạo phát hiện được trên đầu vợ mình có sẹo, bèn hỏi :

- Người đẹp thế này, cớ sao trên đầu lại có sẹo?

Tố Lan cười và kể cho chồng nghe về thân phận của mình trước kia là con của một mụ ăn mày ngoài chợ, đã bị một thanh niên lạ mặt ném đá vào đầu. Sau đó mẹ gần chết nên đem nàng cho quan Thái úy làm con nuôi.

Chung Hạo nghe vợ kể, giật mình nhớ lại chuyện bảy năm xưa. Thì ra Tố Lan vợ chàng hôm nay chính là con bé Tố Lan con mụ ăn mày mù lòa trước kia ở chợ Đông gần kinh thành. Chung Hạo càng cảm thấy thương yêu vợ nhiều hơn và chàng cũng tin rằng chuyện vợ chồng là điều tiền định. Chàng cầm bút thảo ngay một bài thơ tứ tuyệt tặng vợ :

"Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ
Vô duyên đối diện bất tương phùng
Ẩm ngã trà hề hoàn ngã tráng
Đô thành hoa cố dĩ chinh đông".
(Ngàn dặm, có duyên thì vẫn gặp
Đối mặt, không duyên cũng cách lòng
Uống trà xin trả ly không
Đô thành trống đã thì thùng về trưa).

*

*   *

Sự lòng ngỏ với BĂNG NHÂN
Tin sương đồn đãi, xa gần xôn xao

(Câu 261, 262. Kiều định việc bán mình chuộc cha)

Trước thầy, sau tớ xôn xao
NHÀ BĂNG đưa mối rước vào lầu trang.
(Câu 629, 630. Người mối đưa Mã Giám Sinh đến)

Ngỏ lời nói với BĂNG NHÂN
Tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn.
(Câu 2207, 2208. Từ Hải chuộc Kiều khỏi thanh lâu)

BĂNG NHÂN : người mối lái chuyện cưới hỏi, gả bán, do câu chuyện sau đây :

Linh Hồ Sách, người đời Tấn, một hôm nằm mơ thấy mình đứng trên băng tuyết nói chuyện với một người lạ nằm dưới băng tuyết. Linh Hồ Sách đem chuyện nằm mơ của mình thuật lại cho Sách Thẫm là một người giỏi về thuật số.

Sách Thẫm nói :

- Băng thượng nhân ngữ băng hạ nhân, tức là dương nói chuyện với âm. Điềm này tất là sẽ có chuyện mai mối đây. Vậy nếu có ai nhờ tiên sinh xe duyên thì tiên sinh cứ nhận lời cho, khi tuyết tan ắt lương duyên sẽ thành.

Mấy hôm sau, Linh Hồ Sách được Điền Báo nhờ làm mối lái hỏi cưới con gái của Trương Công Vi. Nhớ lời Sách Thẫm dặn, Linh Hồ Sách nhận lời làm mai mối cho Điền Báo và được Trương Công Vi nhận lời.

Sang mùa xuân năm sau, khi tuyết tan hết thì đám cưới của Điền Báo và con gái Trương Công Vi được cử hành.

*
* *

Dâng thư đã thẹn NÀNG OANH,
Lại thua Ả LÝ bán mình hay sao ?

CÕI XUÂN, TUỔI HẠC càng cao,
Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành".
(Câu 671 đến 674. Kiều năn nỉ Vương ông)

NÀNG OANH : Nàng Đề Oanh, con gái của Thuần Vu Ý đời nhà Hán. Thuần Vu Ý làm quan đất Tề, mắc tội phải thọ hình. Thuần Vu Ý không có con trai, chỉ sinh được năm người con gái, mà Đề Oanh là con gái út.

Đề Oanh theo cha lên kinh đô, dâng thư lên Hán Văn Đế đại ý nói rằng kẻ thác rồi không thể nào sống lại được; nàng tình nguyện vào cung làm tôi đòi để chuộc tội cho cha già.

Hán Văn Đế xem thư của nàng Oanh, cảm động vì lòng hiếu hạnh của nàng nên tha tội cho Thuần Vu Ý.

Ả LÝ : Nàng Lý Ký. Sách "Sưu Thần ký" kể rằng :

Thời Hán Vũ Đế, ở quận Mân Trung đất Đông việt có một cái hang núi có con rắn to; dân chúng trong vùng kính sợ gọi là thần rắn. Hàng năm, dân chúng phải cúng cho thần rắn một thiếu nữ đồng trinh.

Năm nọ, viên quan lệnh sở tại tìm mãi mà không có con gái đồng trinh. Bấy giờ ở huyện Tương Lạc có người con gái tên là Lý Ký, con nhà nghèo, muốn nhân cơ hội này tự bán mình để lấy tiền giúp cha mẹ. Nàng Lý trốn cha mẹ đến cửa quan tự nguyện bán mình nộp cho thần rắn. Nàng xin quan lệnh ban cho một cây gươm tốt và một con chó dữ.

Đến ngày tế thần rắn, Lý Ký cầm gươm và dắt chó đến ngồi trong một ngôi cổ miếu gần hang thần rắn. Rắn lớn từ trong hang núi bò ra, Lý Ký thả chó ra cắn, còn nàng cầm gươm đuổi theo

chém rắn. Cuối cùng con rắn to bị nàng Lý Ký chém chết trước cửa ngôi miếu cổ.

Đông Việt vương (1) nghe biết chuyện ấy, bèn đón nàng Lý Ký về làm vợ.

CỖI XUÂN : Gốc cây Xuân. Sách Trang tử chép: Trên núi có cây Xuân, tám ngàn năm một mùa xuân, tám ngàn năm một mùa thu. Ta gọi Xuân là cha, có ý cầu cho cha sống lâu vậy.

TUỔI HẠC : Tuổi của loài chim hạc. Chim hạc là một loài chim quý, mình cao ba thước, mỏ, chân, cổ đều dài. Mình hạc toàn một màu trắng. Loài chim này bay lượn nhanh và cao, tiếng kêu rất lớn và trong. Tương truyền chim hạc sống đến một nghìn năm nên người đời thường dùng chữ "tuổi hạc" để chúc và ước cho nhau sống lâu.

---

(1) Đông Việt vương : tước phong của Dư Thiện. Dư Thiện là con cháu lâu đời của Việt Vương Câu Tiễn, được Hán Vũ Đế phong Vương ở đất Đông Việt. Có sách ghi lầm rằng Đông Việt Vương là vua của nước Đông Việt. Trong lịch sử Trung Quốc chỉ có nước Việt của Câu Tiễn thời Xuân Thu, chớ không có nước Đông Việt. Đông Việt vương là tước Vương trấn giữ đất Đông Việt, cũng như tước Đông Bình vương, Nhữ Nam vương vậy. (Ghi chú của TPH).

*

* *

"Tái sinh chưa dứt hương thề Làm thân trâu ngựa đền nghì TRÚC MAI"

(Câu 707, 708. Kiều than thở một mình)

"Hồn còn mang nặng lời thề
Nát thân bồ liễu đền nghì TRÚC MAI"
(Câu 745, 746. Kiều nói với Thúy Vân)

"Muôn ngàn người thấy cũng yêu
Xôn xao anh yến, dập dìu TRÚC MAI"
(Câu 943, 944. Tú Bà khấn vái)

Thờ ơ gió TRÚC mưa MAI
Ngẩn ngơ trăm nỗi, dùi mài một thân.
(Câu 1249, 1250. Kiều ở thanh lâu lần thứ nhất)

Một nhà sum họp TRÚC MAI
Càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông.
(Câu 1381, 1382. Thúc Sinh chuộc Kiều)

"Chắc rằng MAI TRÚC lại vầy
Ai hay vĩnh quyết là ngày đưa nhau".
(Câu 1679, 1680. Thúc Sinh than khóc)

TRÚC, MAI : là hai loại cây mà mùa đông đến vẫn xanh tốt như mùa xuân. Trúc và Mai tượng trưng cho tình yêu gắn bó của trai gái.

Gió TRÚC mưa MAI : do câu "Trúc phong mai vũ" nghĩa là Trúc gặp gió, Mai gặp mưa; ý nói sự hợp thời tiết rất tốt.

Sách "Lương ban thu vũ tùy bút" chép :

Ở huyện Long Môn tỉnh Quảng Đông có một cái đầm rất đẹp. Hàng năm vào cuối thu, trai tài gái sắc thường đến du ngoạn đầm ấy. Vào cuối thu sang đông, thông thường các cây đều rụng lá trơ cành, chỉ riêng hai loại cây Trúc và Mai cành lá vẫn xanh

tốt.

Thuở ấy trong số khách tài hoa nhàn du ở đầm, có nàng Hoàng Kỳ Mai và chàng Lâm Bá Trúc là đôi trai gái con nhà phong lưu đài các, rất khắng khít với nhau. Qua đôi ba lần tri ngộ nơi cảnh đầm thanh lịch ấy, Hoàng Kỳ Mai và Lâm Bá Trúc đã yêu nhau tha thiết.

Cuộc vui nào rồi cũng có lúc phải chấm dứt, cuộc du ngoạn nào dù thích thú đến mấy cũng phải đến lúc chia tay. Năm ấy trước khi chia tay, Hoàng Kỳ Mai và Lâm Bá Trúc còn nắm tay nhau du thuyền một lần chót trên mặt đầm; trong tay còn lại của họ, Kỳ Mai cầm một cành trúc và Bá Trúc cầm một nhành mai. Trên mặt đầm nhấp nhô sóng lượn, con thuyền thong thả trôi theo làn gió. Lâm Bá Trúc nói với người yêu:

- Mai và Trúc là tên của đôi ta. Bây giờ chúng ta hãy ném hai cành mai và trúc này ở hai hướng khác nhau, nếu chúng được nước đưa gió đẩy hợp lại với nhau thì quả là chúng ta có duyên tiền định. Chừng đó chúng ta sẽ về thưa lại song đường cho chúng ta được kết tóc se tơ với nhau.

Hoàng Kỳ Mai đồng ý. Thế là hai người cùng ném hai cành cây trong tay mình về hai hướng khác nhau. Một lúc lâu sau, gió đưa sóng đẩy hai cành mai và trúc lại hiệp nhau làm một.

Hoàng Kỳ Mai và Lâm Bá Trúc cho rằng lời ước nguyện của họ đã ứng nghiệm nên vui vẻ chia tay nhau. Cả hai về với gia đình và thuật lại chuyện ấy cho cha mẹ nghe. Cả hai gia đình đều cho rằng con cái họ quả là có duyên tiền định nên cùng thuận tác hợp cho Hoàng Kỳ Mai và Lâm Bá Trúc nên duyên vợ chồng.

Về sau người ta đặt cho cái đầm ấy tên là "Đỗ phụ đầm" có nghĩa là "cái đầm đánh cá được vợ".

Nợ tình chưa trả cho ai
KHỐI TÌNH mang xuống TUYỀN ĐÀI chưa tan"

(Câu 709, 710. Kiều than thở một mình)

KHỐI TÌNH : Tình yêu sâu nặng đúc kết lại thành một khối.

Sách Tình Sử Trung Quốc chép rằng :

Ngày xưa có một chàng lái buôn hình dung tuấn tú, thường đỗ thuyền ở sông Tậy Hà để buôn bán. Chàng ta lại hay neo thuyền trước một căn lầu trên bờ sông.

Trên căn lầu ấy, có một người con gái đẹp ngày ngày đứng ở bao lơn nhìn xuống chàng lái buôn. Thời gian trôi khoảng một tháng, hai bên phải lòng nhau. Tuy nhiên chàng và nàng vẫn chưa chuyện vãn hay trao đổi tâm tình gì với nhau được, vì nơi ấy là chỗ đông người lui tới bán buôn nên không tiện.

Ít lâu sau, chàng lái buôn bán hết hàng nên cho thuyền rời bến về quê. Người con gái trên lầu kia ngày ngày vẫn hằng mong chàng lái buôn trở lại. Nhưng tháng ngày qua mà bóng chàng vẫn bặt tin nhàn cá. Quá nhớ nhung đau đớn, nàng tương tư rồi chết.

Xác người con gái được gia đình đem hỏa táng theo phong tục thời bấy giờ ở vùng ấy. Thịt xương nàng bị cháy hết nhưng trong trái tim nàng còn lại một khối cứng rắn. Người cha lấy làm lạ, đem khối ấy mài vào đá thì thấy có bóng lấp lánh ẩn hiện. Nhìn kỹ là bóng một chiếc thuyền và một căn lầu đối nhau. Bên trong thuyền và lầu đều có bóng người lờ mờ. Cha cô gái càng lấy làm lạ hơn nữa, bèn đem cất kỹ một nơi.

Một thời gian sau, chàng lái buôn ấy lại chở hàng đến và

neo thuyền chỗ cũ để bán. Chàng không còn thấy nàng ngồi trên lầu nhìn xuống thuyền mình nữa nên hỏi thăm mọi người chung quanh xem nàng đã đi đâu. Người ta cho chàng biết là người con gái ấy đã chết. Chàng lái buôn lấy làm đau xót lắm. Chàng lại nghe mọi người đồn rằng nàng chết đi còn để lại một vật lạ. Chàng bèn lên bờ tìm người cha của cô gái, dâng lên ông một số tiền để được xem vật lạ của cô gái để lại.

Người cha của cô gái đã chết trao cho chàng lái buôn khối đá lạ. Cầm khối đá ấy trong tay, lòng chàng lái buôn bỗng nhiên xúc động mạnh. Rồi nước mắt chàng rơi lã chã trên khối đá ấy và biến thành máu. Và lạ lùng thay, khi những giọt nước mắt máu của chàng lái buôn thấm ướt khối đá ấy, thì lập tức khối đá tan ra thành tro.

*

* *

Câu chuyện thứ hai về Khối Tình cũng xuất phát từ sách Tình Sử Trung Quốc :

Trong một triều đại của thời nhà Đường, có vị cao quan kia chán cảnh quan trường cương tỏa nên cáo lão qui điền. Ông đưa gia quyến đến một vùng ngoại vi vắng vẻ của kinh thành, cư ngụ trên bờ một dòng sông.

Ông chỉ có một người con gái duy nhất, năm ấy tuổi vừa cập kê, nhan sắc tuyệt vời, tên là My Nương. Tiểu thư My Nương suốt ngày nhàn nhã, chỉ lấy thú đọc sách, đánh đàn làm vui.

Một đêm trăng nọ, My Nương tiểu thư đứng trên bao lơn vọng lâu ngắm ánh trăng vàng lung linh trên mặt sông rộng. Bỗng nàng nghe có tiếng sáo du dương, trầm bổng từ đâu vẳng đến trong làn gió nhẹ của đêm thu. Tiếng sáo như có một ma lực huyền diệu xoáy sâu vào tâm hồn nàng tiểu thư khuê các đang độ

tuổi xuân xanh. Nàng say mê lắng nghe với nỗi xúc cảm mãnh liệt của tâm hồn...

Liên tiếp nhiều đêm như thế, My Nương tiểu thư cứ đứng lặng trên vọng lâu để thưởng thức tiếng sáo tuyệt vời ấy mà chẳng biết nó xuất phát từ đâu. Lòng xuân của cô tiểu thư đài các ấy vẩn vơ nghĩ ngợi. Nàng mường tượng ra người thổi sáo phải là một trang thanh niên tài tuấn, nếu không phải là một công tử kim mã ngọc đường thì cũng phải là một khách văn mặc phong lưu. Lòng nàng đã thêu dệt nhiều mơ ước...

Mấy đêm sau, My Nương không còn nghe tiếng sáo tuyệt vời ấy nữa. Đêm nào nàng cũng đứng chờ đợi và lắng tai... Nhưng tiếng sáo tuyệt vời kia đã bay đến phương trời nào xa mà không đến với nàng. Thế là tâm hồn người con gái đang xuân ấy vướng nỗi nhớ nhung sầu não. Rồi nàng ngã bệnh. Bệnh tình của My Nương tiểu thư dường như ngày càng nặng thêm dù nàng đã được vị lương y trong vùng tận tình thang thuốc.

Rồi một đêm kia, tiếng sáo huyền hoặc nọ bỗng vẳng đến, My Nương tiểu thư đang nằm bệnh, nghe tiếng sáo vụt bừng tỉnh. Đôi môi xinh hé một nụ cười héo hắt và nàng thì thầm:

- Ôi, tiếng sáo huyền diệu kia đã đến với ta...

Người mẹ thấy thế lấy làm lạ, liền đi báo cho chồng:

- Thưa tướng công, con gái nhà ta nghe tiếng sáo thì có vẻ tỉnh táo và vui thích nữa...

Vị cao quan trí sĩ cau mày nghĩ ngợi một lúc rồi gật gù bảo:

- Thì ra nó tương tư tiếng sáo của kẻ nào đó. Biết rõ căn nguyên thì việc chữa trị chẳng khó khăn gì.

Phu nhân thở dài :

- Nhưng biết người thổi sáo là ai và ở đâu mà mời đến ?

- Phu nhân cứ yên lòng, chuyện ấy không khó đối với ta.

Hôm sau, ông cho gia nhân túa ra khắp vùng để tìm tông tích người thổi sáo trên sông về đêm. Gia nhân về bẩm lại rằng người thổi sáo kia là một tên đánh cá nghèo hèn, không nhà cửa, sống lênh đênh trên chiếc thuyền nhỏ làm bạn với sông nước gió trăng. Chàng ta tên là Trương Chi. Vị cao quan bèn sai hai gia nhân tâm phúc đem vàng bạc tìm gặp Trương Chi và mời chàng về dinh cho ông gặp.

Khi Trương Chi đến, vị cao quan nhận thấy chàng "nghệ sĩ" ấy quả là một kẻ nghèo hèn, lại xấu xí nữa. Nhưng ông cần gì chuyện xấu đẹp, giàu sang. Ông chỉ cần tiếng sáo của chàng để cứu mạng con gái của ông mà thôi. Ông bảo Trương Chi :

- Ta được biết nhà ngươi là một nghệ sĩ có tiếng sáo thần tuyệt diệu. Hiện nay con gái ta đang lâm bệnh, thuốc thang không chữa khỏi. Nhưng khi nghe được tiếng sáo của nhà ngươi thì tinh thần tiểu thư sảng khoái. Ta nghĩ rằng tiếng sáo của ngươi sẽ là phương thần dược chữa khỏi bệnh tình của con ta. Vậy ngươi hãy khá trổ tài rồi ta sẽ trọng thưởng cho.

Trương Chi tuân lời, lấy sáo trúc ra thổi. Tiếng sáo của chàng cất lên khi du dương, khi trầm bổng, khi dịu dàng; khi réo rắt khiến vị cao quan cũng phải phục tài. Trương Chi thổi sáo chưa đầy một khắc thì trong phòng bệnh, My Nương tiểu thư bừng tỉnh cơn mê. Nàng mở mắt ra và có vẻ chú tâm lắng nghe tiếng sáo. Dần dần, My Nương cảm thấy tâm hồn mình khoan khoái lạ lùng. Nàng ngồi phắt dậy một cách gọn gàng như chưa hề nằm bệnh. Mẹ nàng hốt hoảng ngăn lại:

- Kìa con, con đang bệnh phải nằm yên an dưỡng.

My Nương chớp đôi mi cong, tiếng oanh thỏ thẻ :

- Thưa mẫu thân, ai thổi sáo trong dinh ta thế ? Con muốn

gặp người ấy.

Bà mẹ đỡ nàng nằm xuống và nói :

- Người thổi sáo tên là Trương Chi, một anh chài lưới trên sông. Vì biết con thích nghe tiếng sáo của Trương Chi nên phụ thân con cho đòi gã đến thổi sáo đấy.

- Hãy cho con gặp mặt người thổi sáo đi mẹ.

- Được thôi, con cứ nằm yên đây, để mẹ ra ngoài trình với thân phụ con cho Trương Chi vào.

Nói xong, bà bước ra ngoài trình lại chồng ý muốn của con gái. Vị cao quan bằng lòng và đích thân dắt Trương Chi vào phòng My Nương tiểu thư.

Bức tường liêm được vén lên và hình bóng Trương Chi hiện ra. My Nương trông thấy anh chàng thổi sáo bỗng thét lên một tiếng thất thanh và quát lớn :

- Hãy đuổi nó ra lập tức.

Bọn a hoàn vội vã đưa Trương Chi ra khỏi phòng. My Nương quay mặt vào tường và... thổn thức...

Thì ra, Trương Chi không phải là một chàng trai tài tuấn phong nhã như My Nương tưởng tượng bấy lâu nay. Trước mắt nàng một Trương Chi bằng xương bằng thịt hoàn toàn trái ngược lại hình ảnh mà nàng đã tưởng bấy lâu nay. Chàng lùn tịt, mặt mày xấu xí với chiếc mũi to và cái miệng rộng; lại là một kẻ bần hàn ăn mặc lôi thôi lếch thếch nữa. Bao nhiêu mộng ước trong lòng My Nương lâu nay đã sụp đổ. Nàng thất vọng hoàn toàn. Nhưng cũng chính nhờ va chạm một sự thật phũ phàng như thế, My Nương tiểu thư dứt hẳn chứng bệnh tương tư...

Trương Chi được vị cao quan tặng một số vàng bạc nhưng chàng từ chối. Lòng đớn đau âm thầm, chàng lặng lẽ xuống thuyền

rời khỏi dinh thự của My Nương tiểu thư...

My Nương đã hết bệnh nhưng từ đó nàng không còn hồn nhiên vui vẻ nữa. Nàng ít nói và trầm mặc hơn xưa. Có lẽ vết thương lòng vừa qua không còn làm cho nàng mộng mơ gì được nữa...

Phần Trương Chi, từ khi nhìn thấy mặt My Nương tiểu thư thì tâm hồn chàng hoàn toàn bị nhan sắc ấy chinh phục. Dù là một kẻ mang nhân diện xấu xí nhưng Trương Chi lại có tâm hồn một nghệ sĩ thì chàng cũng biết cảm, biết yêu như bao nhiêu con người bình thường khác. Thế là Trương Chi tương tư My Nương và không còn thiết gì đến chuyện thổi sáo nữa.

Rồi một đêm kia Trương Chi từ giã cõi đời trong chiếc thuyền con lênh đênh trên mặt nước. Vài bạn đồng nghiệp thương tình đắp cho chàng một nấm mộ ven sông.

Thời gian qua, không còn ai nhớ đến chuyện chàng đánh cá xấu xí Trương Chi tương tư một tiểu thư khuê các đến bỏ mình. Nhưng rồi có một năm nọ, nước lũ dâng cao xoáy trốc ngôi mộ của chàng nghệ sĩ đáng thương. Khi nước rút, người ta không tìm thấy hài cốt của Trương Chi, mà chỉ thấy trong đáy ngôi mộ chàng có một viên đá trong vắt như pha lê, bằng nắm tay. Bấy giờ người ta mới nhớ lại câu chuyện chàng tương tư tuyệt vọng nàng My Nương trước kia. Người ta đem viên đá ấy dâng cho vị cao quan cha của My Nương.

Ông nhận thấy viên đá đẹp nên nhận lấy và để trên án thư. Lòng ông cũng nghe một chút xót xa khi nghĩ đến người nghệ sĩ tài họa nhưng mệnh bạc.

Một buổi chiều, tiểu thư My Nương đi ngang qua án thư của thân phụ, vô tình trông thấy viên đá lạ ấy. Nàng đứng lại và tò mò cầm viên đá lên ngắm nghía. Ban đầu My Nương chỉ thấy viên đá trong suốt như pha lê, nhưng nhìn một lúc lâu thì nàng

thấy ẩn hiện trong viên đá ấy hình dáng chàng Trương Chi đang thổi sáo trên chiếc thuyền con. Mỵ Nương lại nhớ ra rằng Trương Chi chết đi cũng vì tương tư nàng. Lòng nàng bỗng nghe xúc động mạnh và hai giọt nước mắt từ từ lăn trên đôi má mịn màng. Rồi những giọt nước mắt của Mỵ Nương rơi lã chã xuống viên đá nàng đang cầm trên tay. Lạ thay, viên đá pha lê ấy từ từ tan ra trong tay nàng...

*

*   *

"Giữa đường đứt gánh tương tư GIAO LOAN chắp mối tơ thừa mặc em"

(Câu 725, 726. Kiều cậy Thúy Vân gá nghĩa với Kim Trọng).

GIAO LOAN là một loại keo chế tạo bằng máu con chim loan. Loại keo này nối dây rất chắc ; tương truyền nối được cả dây cung. Sách "Bác Vật chí" chép rằng :

Thời Hán Vũ Đế, có sứ nước Tây Hải đem dâng vua năm lạng rưỡi keo, bảo là loại keo quý hiếm. Vũ Đế cho cất vào kho năm lạng chẵn. Còn nửa lạng, nhà vua bảo sứ thần cứ giữ trong người vì nhà vua có ý cho sứ thần tháp tùng cuộc săn bắn của mình.

Rồi Hán Vũ Đế tổ chức đi săn bắn ở cung Cam Tuyền, cho sứ thần nước Tây Hải theo. Trong cuộc săn, dây cung của nhà vua bị đứt, các quan định thay dây cung khác cho nhà vua thì sứ thần Tây Hải ngăn lại. Ông ta dùng nửa lạng keo còn giữ trong người để nối dây cung cho nhà vua và bảo rằng có thể bắn suốt ngày nhưng dây cung vẫn không đứt. Hán Vũ Đế cho hai lực sĩ mỗi người nắm một đầu dây kéo thử, quả nhiên không đứt. Nhà vua lấy làm lạ lắm, bèn đặt tên là "tục huyền giao" có nghĩa là keo nối dây cung.

*

*   *

"Vì ai rụng CẢI rơi KIM,
Để con bèo nổi mây chìm vì ai"

(Câu 769, 770. Vương ông than thở)

KIM CẢI : Cây kim và hạt cải, chỉ tính tình hòa hợp nhau mà tìm đến nhau như tình vợ chồng vậy. Sách Kinh Dịch chép : "Không phải chỉ có những vật đồng loại mới có sự tương cảm, mà cũng có sự tương cảm đối với những vật khác loại, như từ thạch hút kim, hổ phách hút hạt cải".

Câu thơ trên nói "rụng cải rơi kim" tức ý nói tình duyên tốt đẹp của Kiều và Kim Trọng bị tan vỡ. Ở phần Kim Kiều sum họp, Thúy Vân cũng trần tình rằng :

"Cũng là phận Cải duyên Kim" (Câu 3067).

"Hồn còn mang nặng lời thề
Nát thân BỒ LIỄU, đền nghì trúc mai".

(Câu 745, 746. Kiều tâm sự với Thúy Vân)

Dạy rằng : "May rủi đã đành
LIỄU BỒ mình giữ lấy mình cho hay".

(Câu 1751, 1752. Mụ Hoạn gia căn dặn Kiều)

BỒ LIỄU hay LIỄU BỒ là một loại cây thủy dương, yếu ớt nhất trong các loại cây lá.

Cô Duyệt và Giản Văn cùng tuổi với nhau, Duyệt thì râu tóc đều bạc trắng cả, còn Văn thì không. Giản Văn lấy làm lạ mới hỏi Cô Duyệt tại sao lại thế. Cô Duyệt đáp :

- Thể chất của bồ liễu yếu đuối, thấy mùa thu tới là đã đủ héo úa rồi ; còn tùng bá thì dầu có trải qua sương tuyết cũng vẫn tốt tươi.

Chữ bồ liễu dùng để chỉ người phụ nữ vì từ xưa, phụ nữ vốn là những người có thể thái yếu đuối, mảnh mai.

TRÚC MAI : Xem điển tích Trúc Mai, trang 194.

*

* *

Kẻ thang người thuốc bời bời
Mới giầu cơn vụng, chưa phai GIỌT HỒNG.

(Câu 761, 762. Kiều được cứu tỉnh)

Nhìn càng lã chã GIỌT HỒNG
Rỉ tai, nàng mới giải lòng trước sau.

(Câu 875, 876. Kiều trước khi theo Mã Giám Sinh).

GIỌT HỒNG là giọt nước mắt có màu hồng như máu, để diễn tả sự đau khổ cùng cực của những ai lâm vào hoàn cảnh éo le, bất đắc chí thái quá.

Tích Giọt hồng hay Hồng lệ được sách Tình sử kể như sau:

Tiết Linh Vân sinh vào lúc Ngụy Tấn giao thời, quê ở Thường Sơn tỉnh Hà Nam.

Càng lớn lên, Tiết Linh Vân càng đẹp. Nhất là đôi mắt của nàng trong trẻo lóng lánh như mặt nước hồ thu. Kèm thêm đôi lông mày phơn phớt càng làm tăng giá trị của đôi mắt. Có nhan sắc nhưng lại là con nhà nghèo nên tháng ngày nàng phải phụ với mẹ làm lụng vất vả để mưu sinh. Tuy nhiên, Tiết Linh Vân cũng có một nỗi đam mê là ham thích học thêu thùa, may vá. Ban ngày phải phụ giúp mẹ, chỉ có buổi tối Tiết Linh Vân mới dành ra được thì giờ để tập tành theo sở thích.

Nhà nghèo quá, nhiều khi không có tiền để mua dầu thắp về đêm. Dù vậy, nàng họ Tiết vẫn không đầu hàng số mệnh. Nàng quyết tâm khắc phục khó khăn của hoàn cảnh để đạt cho kỳ được ý muốn của mình. Nàng quyết tâm tập tành trong bóng đêm thiếu ánh sáng. Sự bền tâm quyết chí ấy đã giúp Tiết Linh Vân thành công. Trong bóng đêm, mười ngón tay búp măng của Tiết Linh Vân thoăn thoắt đưa đường kim mũi chỉ qua lại thêu nên những đóa hoa tuyệt đẹp.

Chẳng bao lâu Tiết Linh Vân nổi tiếng với tài thêu trác

tuyệt ấy. Khắp trong hương lý, ai nấy đều gọi nàng bằng hai tiếng "Trâm thần". Tiếng đồn đến tai quan Thái Thú Thường Sơn nên ngài đến đặt Tiết Linh Vân thêu lên những tấm vóc cho quan. gởi về kinh dâng lên cho Yên hoàng hậu, vợ Ngụy đế Tào Phi.

Cả triều đình nhà Ngụy đều phục tài thêu của Tiết Linh Vân. Đến đời Ngụy Nguyên đế tức Tào Hoán, ông càng tỏ ra mê tài thêu của Tiết Linh Vân gấp bội. Và ông vua trẻ tuổi này quyết định triệu nàng vào cung.

Ngày Tiết Linh Vân lên đường tiến cung, triều đình ra lệnh cho mười phủ, huyện trên dọc đường đi phải thắp đèn đuốc về đêm cho sáng như ban ngày. Dĩ nhiên, gia đình Tiết Linh Vân được nhà vua thưởng ban rất nhiều vàng bạc, gấm vóc. Riêng nàng được Ngụy Nguyên đế ban tặng cho một cái bình bằng Hồng ngọc cực quý.

Suốt quãng đường từ nhà đến kinh đô, Tiết Linh Vân khóc như mưa trút không ngừng. Truyền thuyết dân gian kể rằng nàng Tiết Linh Vân đã để cho nước mắt của mình tuôn rơi vào chiếc bình Hồng ngọc vua ban mà nàng cầm trên tay. Chiếc bình màu hồng nên những giọt nước mắt của nàng cũng trở thành màu hồng, gọi là "hồng lệ".

Vào cung, Tiết Linh Vân rất được Tào Hoán thương yêu chiều chuộng. Nhà vua yêu nàng đến nỗi chỉ chịu mặc những chiếc áo do chính tay nàng thêu và may; ngoài ra không mặc áo nào khác. Ấy thế mà Tiết Linh Vân vẫn không lấy làm hạnh phúc. Nàng vẫn âm thầm đau khổ vì thương nhớ gia đình, làng xóm quê hương. Chẳng bao lâu, Tiết Linh Vân lâm bệnh rồi mất...

*

*   *

LẦU XANH có mụ tú bà
Làng chơi đã trở về già hết duyên.

(Câu 809, 810. "Bạn đời" của Mã Giám Sinh)

LẦU XANH quen lối xưa nay
Nghề này thì lấy ông này tiên sư.

(Câu 931, 932. Thần Bạch mi của gái lầu xanh)

"*Bạc tình* nổi tiếng LẦU XANH
Một tay chôn biết mấy cành phù dung".

(Câu 1159, 1160. Mã Kiều nói với Thúy Kiều)

LẦU XANH mới rũ trướng đào
Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người.

(Câu 1227, 1228. Kiều ở thanh lâu lần thứ nhất)

"Sá chi liễu ngõ hoa tường
LẦU XANH lại bỏ ra phường LẦU XANH".

(Câu 1355, 1356. Kiều nói với Thúc Sinh)

"Một là cứ phép gia hình
Một là lại cứ LẦU XANH phó về".

(Câu 1419, 1420. Quan phủ Lâm truy phán)

Đêm ngày lòng những giận lòng
Sinh đà về đến LẦU HỒNG, xuống yên.

(Câu 1567, 1568. Thúc Sinh về thăm vợ)

Đưa nàng vào lạy gia đường
Cũng thần mày trắng, cũng phường LẦU XANH.

(Câu 2147, 2148. Bạc Hạnh bán Kiều vào thanh lâu)

"Hết nạn ấy, đến nạn kia
THANH LÂU hai lượt, thanh y hai lần".

(Câu 2667, 2668. Tam Hợp đạo cô nói với Giác Duyên).

LẦU XANH, LẦU HỒNG (Thanh lâu, Hồng lâu) : Cả hai

đều để chỉ nơi hành viện của gái làng chơi.

Thực ra, xưa kia Thanh lâu và Hồng lâu không phải là nơi chứa gái giang hồ, kỹ nữ; mà là chốn cư ngụ của vua chúa hay các bậc công khanh quyền quý. Vào thời Hán Vũ Đế, nhà vua cho xây một cái lầu cao cửa trước sơn màu xanh để ngài ở. Vì thế nên người thời bấy giờ gọi chốn vua ở là Thanh lâu. Nhà thơ Tào Tử Kiến (Tào Thực) đời nhà Ngụy làm thơ tả chốn vua ở có câu:

"Thanh lâu lâm đại lộ
Cao môn kết trùng quan"
(Lầu xanh cách đường cái
Cửa cao lại tầng then).

Còn Hồng lâu tức lầu hồng, là nhà sơn cửa trước màu hồng. Nơi các bậc quyền quý cao sang ở. Riêng trong hậu cung của nhà vua, các phòng dành cho Công chúa hay cung tần ở thì cửa sơn màu đỏ. Nhà văn Tào Tuyết Cần của Trung Quốc viết bộ tiểu thuyết "Hồng lâu mộng" tả sinh hoạt hằng ngày của con cái nhà quan lớn cao sang quyền quý. Điều đó chứng tỏ Hồng lâu không phải là nơi để chứa gái làng chơi.

Ngay trong truyện Kiều, câu: "Sinh đà về đến LẦU HỒNG, xuống yên" thì lầu hồng là nơi Hoạn Thư ở, chớ nào phải là nơi chứa gái làng chơi.

Đến đời nhà Đường, bỗng nhiên các văn gia thi sĩ "biến" thanh lâu và hồng lâu thành nơi chứa gái giang hồ, ca nhi kỹ nữ. Nhà thơ Bạch Cư Dị viết :

"Đáo nhất hồng lâu gia
Ái chi khan bất túc"
(Đến một nhà hồng lâu
Lòng yêu xem không chán).

Nhà thơ Đỗ Mục cũng viết :

"Thập niên nhất giác Dương châu mộng,
Doanh đắc thanh lâu lạc hạnh danh".
(Dương châu giấc mộng mười năm
Bạc đen mang tiếng chẳng lầm lầu xanh).

*

*   *

BẠC TÌNH : Cách cư xử bạc bẽo với tình yêu, hoặc giả để chỉ kẻ vong phụ tình yêu.

Truyện "Thiệu Hưng sĩ nhân" trong sách Tình sử chép :

Năm Thiệu Hưng đời Tống Cao Tông, có anh hàn sĩ không tiền cưới vợ, phải gởi thân ở rể nhà một "Trưởng lão cái bang". Tuy nhiên, cô vợ của anh ta lại là một người có nhan sắc và tánh tình rất thanh nhã. Hai vợ chồng chung sống với nhau rất tâm đồng ý hợp.

Vài năm sau, anh hàn sĩ thi đỗ nên danh nên phận thì cảm thấy xấu hổ vì sự hèn hạ của gia đình vợ. Được triều đình bổ dụng làm quan đất Hoài Thượng, anh chàng đem vợ đi theo. Trên đường đáo nhậm nhiệm sở, vào một đêm sáng trăng hai vợ chồng ngồi trước thuyền thưởng lãm cảnh vật sông nước. Bất thần, anh chàng xô vợ xuống sông rồi dong buồm chạy thẳng.

Chị vợ rơi xuống dòng nước, bám được vào một khúc gỗ trôi nên thoát chết. Chị trôi bập bềnh trên dòng sông một lúc thì gặp được thuyền của quan Chuyển Vận Sứ đất Hoài Tây, nên được cứu vớt. Người đàn bất hạnh ấy kể khúc nôi cho quan Chuyển Vận Sứ nghe. Ông ta động lòng thương cảm nên nhận nàng làm dưỡng nữ và dặn gia nhân không được tiết lộ câu chuyện của nàng ra ngoài.

Một thời gian ngắn sau, anh hàn sĩ làm quan ở Hoài Thượng có dịp yết kiến quan Chuyển Vận Sứ. Trong lúc đàm đạo, quan

Chuyển Vận Sứ hỏi :

- Chẳng hay quan nhân đã nên gia thất chưa ?

Anh chàng bạc tình đáp :

- Bẩm thượng quan, ty chức đã có vợ rồi nhưng chẳng may tiện nội té xuống sông chết, đến nay ty chức vẫn còn ở vậy.

Quan Chuyển Vận Sứ giả bộ mừng rỡ nói :

- Vậy thì hay quá, ta có một đứa con gái cũng khá nhan sắc và rất hiền thục, chẳng hay quan nhân có muốn làm rể đông sàng của ta không ?

Anh chàng bạc tình nọ vốn có ý muốn kết thân với những gia đình quyền quý cao sang, nay được lời như cởi tấc lòng nên ưng thuận ngay. Quan Chuyển Vận Sứ bèn nhờ một bạn đồng liêu đứng ra làm mối và buộc anh chàng kia phải ở rể.

Sau khi hôn lễ cử hành, anh chàng hớn hở vào phòng để gặp cô dâu. Bỗng có hàng chục người già trẻ không biết từ đâu xuất hiện, roi trong tay, đổ xô đến đánh túi bụi vào anh chàng. Anh chàng hoảng kinh chạy thụt trở ra thì nghe có tiếng hô lớn từ trong phòng :

- Hãy tóm cổ anh chàng bạc tình ấy giúp tôi.

Anh chàng bị mọi người giữ lại. Từ trong phòng, người vợ cũ của anh ta khoan thai bước ra, vạch tội anh ta cho mọi người nghe. Anh chàng chỉ còn biết cúi gầm mặt nhận tội. Ngay lúc ấy, quan Chuyển Vận Sứ bước đến hòa giải hai vợ chồng. Kể từ đó anh chàng luôn tỏ ra kính yêu vợ. Hai người ăn ở hòa mục với nhau suốt đời.

*

* *

"Đã nên quốc sắc, thiên hương
MỘT CƯỜI NÀY HẲN NGHÌN VÀNG CHẲNG NGOA"

(Câu 825, 826. Mã Giám Sinh tự nhủ khi mua Kiều)

Một nụ cười đáng giá nghìn nén vàng. Truyện "Đông Chu Liệt Quốc" kể :

Vua U Vương nhà Châu đắm say nàng Bao Tự bèn phế bỏ Thân Hậu để lập Bao Tự lên ngôi chánh cung. Thế mà Bao Tự vẫn luôn u trầm, không hề hé nở một nụ cười.

U Vương lấy làm lo lắng, triệu tập tất cả nhạc công, ca nhi, vũ nữ trong triều lại bày cuộc vui cho Bao Tự thưởng thức. Thế nhưng Bao Tự vẫn không hề hé một nụ cười. Nhà vua hỏi :

- Đờn ca xướng hát như thế, sao ái khanh lại không vui ?

Bao Tự đáp :

- Tâu bệ hạ, thần thiếp thích nghe tiếng xé lụa hơn là nghe âm nhạc.

U Vương liền truyền lệnh cho quan giữ kho mỗi ngày phải đem vào cung một trăm tấm lụa và khiến các cung nữ thay phiên nhau xé để làm vui cho Bao Tự.

Lụa bị xé nhiều vô kể nhưng Bao Tự chẳng vui và cũng chẳng nở được một nụ cười nào. Bấy giờ U Vương lấy làm lo lắm, mới tuyên bố với đám quần thần rằng :

- Các khanh ai có cách gì khiến Chánh hậu cười được một nụ thì trẫm sẽ thưởng cho ngàn nén vàng.

Thái giám Quách Thạch Phủ tâu :

- Trước kia tiên vương có lập mười cái phong hỏa đài ở núi

Ly Sơn và tạo mấy chục cỗ trống lớn, phòng khi có giặc Tây Nhung quấy nhiễu thì đốt lửa gióng trống gọi các Chư hầu đem quân về cứu. Lâu nay trong nước thái bình, phong hỏa đài không dùng đến. Nay nếu bệ hạ muốn Chánh hậu cười thì hãy cùng Chánh hậu du ngoạn đến Ly Sơn, rồi nửa đêm cho đốt phong hỏa đài và đánh trống lớn, các chư hầu tưởng có giặc sẽ kéo binh đến. Khi đến nơi thấy không có giặc, tất cả chư hầu phải bẽn lẽn kéo quân về. Nhìn cái cảnh ấy, thế nào Chánh hậu cũng phải tức cười.

U Vương cho là kế hay nên ngày hôm sau ra lệnh cho xa giá chở mình cùng Bao Tự đến núi Ly Sơn. Quan Tư Đồ Trịnh Bá Hữu hay tin bèn theo ra Ly Sơn can vua rằng :

- Phong hỏa đài của tiên vương lập nên là để thông tin tức với các chư hầu khi trong nước có biến. Nay vô cớ bệ hạ đốt lửa gạt chư hầu để làm trò vui thì thử hỏi về sau nếu có binh biến thật, bệ hạ đốt phong hỏa đài nữa, phỏng có ai tin chăng. Xin bệ hạ xét lại, chớ nên làm như thế.

U Vương cả giận, mắng :

- Nay thiên hạ thái bình cần gì đến binh cứu viện. Trẫm cùng Chánh hậu du ngoạn đến Ly Sơn không có trò gì vui nên phải mượn kế ấy. Nếu sau này có giặc thì cũng chẳng can hệ gì đến nhà ngươi mà lo.

Trịnh Bá Hữu thở dài lui ra. Đêm hôm ấy U Vương ra lệnh đốt các phong hỏa đài và đánh mấy chục cỗ trống lớn. Chư hầu các nơi tưởng nhà Chu có biến loạn, vội điều binh khiển tướng suốt đêm kéo về Kiểu Kinh (kinh đô nhà Chu). Khi quân chư hầu kéo đến ngang Ly Sơn, nghe tiếng đàn ca xướng hát và nhìn thấy U Vương cùng Bao Tự ngất ngưởng trên đài cao chè chén mới biết mình bị gạt. Họ nhìn nhau bẽn lẽn rồi cuốn cờ xếp giáo, mạnh ai nấy dẫn quân trở về nước mình.

Bao Tự ngồi trên đài cao trông thấy cảnh quân chư hầu

rầm rầm rộ rộ kéo đến nơi rồi ngơ ngác và uể oải kéo quân về, thích chí vỗ tay cười lớn. U Vương cũng thích chí, ôm Bao Tự vào lòng, nói :

- Ôi, tiếng cười của ái khanh chẳng những làm vui lòng trẫm mà còn làm tươi thắm thêm cho vũ trụ. Ấy là nhờ công lao của Quách Thạch Phủ vậy.

Rồi U Vương sai lấy một ngàn nén vàng thưởng cho Quách Thạch Phủ.

U Vương ngày càng đắm say Bao Tự, làm nhiều điều bạo ngược. Thân hầu (cha của Thân Hậu bị U Vương phế) họp quân với rợ Tây Nhung kéo binh về Kiểu Kinh vấn tội U Vương. U Vương cả sợ bèn vấn kế Quách Thạch Phủ. Thạch Phủ lại tâu:

- Bệ hạ kíp cho người đến phong hỏa đài nổi lửa gọi chư hầu. Quân chư hầu ngoài đánh vào, ta ở trong đánh ra thì lo gì không dẹp được bọn rợ Tây Nhung.

U Vương y lời, cho người đến Ly Sơn đốt phong hỏa đài và đánh trống lớn. Lửa cháy ngất trời, tiếng trống rền vang muốn vỡ núi sập non thế mà chẳng có quân của một nước chư hầu nào kéo đến cứu viện.

*

*　　*

"NƯỚC VỎ LỰU, MÁU MÀO GÀ
Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên"

(Câu 837, 838. Tính toán của Mã Giám Sinh)

Sách Bắc Chí Lý nói rằng, gái thanh lâu sau khi tiếp khách, dùng vỏ trái lựu nấu lấy nước rồi pha với máu mào gà để rửa thì xem như vẫn "còn nguyên".

Sách Tình sử chép điển tích "Nước vỏ lựu, máu mào gà" như sau :

Trương Trú Trú là con gái của một gia đình không mấy khá ở Nam Khúc. Tuy nhiên, cô bé rất thông minh và linh lợi.

Cùng xóm, có cậu Bàng Phật Nô cũng thuộc vào loại thông minh đĩnh ngộ, đã kết bạn với Trú Trú từ tấm bé. Phật Nô được đi học nhưng Trú Trú thì không. Học được những gì ở nhà trường, về nhà Phật Nô đều chỉ lại cho Trú Trú cả. Theo thời gian, hai đứa trẻ cùng lớn và tình cảm của chúng càng sâu đậm nên chúng ngầm hẹn ước chuyện lứa đôi với nhau.

Lúc Trú Trú đến tuổi cài trâm thì bị gia đình kềm giữ chặt chẽ lắm khiến nàng và Phật Nô không mấy khi được gặp nhau. Phần Phật Nô, gia cảnh quẫn bách quá nên không làm sao có tiền để cưới Trú Trú.

Về phía Nam làng có chàng Lý Tiểu Phượng, con cái nhà khá giả, gia đình ở lẫn trong xóm lầu xanh. Chàng Lý muốn chiếm lấy nhan sắc của Trú Trú nên đem đến đặt cho gia đình nàng một ít của và hẹn đến ngày mồng năm tháng ba năm ấy sẽ tính chuyện.

Bấy giờ anh chàng Bàng Phật Nô đang ở viết thuê cho nhà Phú hộ họ Từ. Chàng nghe tin ấy thì lấy làm chín nghi mười ngờ. Một buổi chiều chàng đến nhà Trú Trú xô vào cửa sổ để xem bên

trong động tĩnh ra sao. Cũng may cho chàng là lúc ấy có Trú Trú ở nơi đó, nên nàng nói vọng ra :

- Chàng Từ Châu (1), hãy để ý ngày nhật trung (2) nhé.

Phật Nô nghe thế mừng lắm, biết rằng Trú Trú vẫn còn nặng lòng với mình. Trú Trú lại thấp giọng nói tiếp ra:

- Ngày tết Hàn thực (3) tới, cả nhà em đều đi hội, riêng em ở nhà. Chàng hãy đến, chúng ta tính chuyện được đấy.

Đến ngày Hàn thực, quả nhiên cả nhà họ Trương đi dự hội cả. Trú Trú bèn khóa chặt cổng rồi đứng đợi Phật Nô bên tường đông. Khi Phật Nô đến, Trú Trú thả thang cho anh ta trèo vào. Phật Nô đến có đem theo rượu thịt, chàng và nàng vào nhà bày tiệc ăn uống, xong lại cùng nhau ân ái thỏa tình. Lúc hai người sắp chia tay, Trú Trú nói :

- Anh chẳng có tiền cưới em nên đến nay đã muộn một nước rồi. Nay nếu em bỏ nhà trốn theo anh thì quả là bất tiện cho cả hai ta. Ôi, lời thề trăm năm của đôi ta kể như bất thành rồi ; nhưng còn ngày mồng năm tới đây em phải thu xếp thế nào để khỏi rắc rối với Lý Tiểu Phượng ?

Phật Nô biết Trú Trú có ý muốn nói đến sự trinh trắng của nàng không còn nữa vì mới vừa giao hoan với chàng xong. Phật Nô ấm ứ trong miệng những lời tạ lỗi với Trú Trú. Trương Trú Trú lại nói :

- Em vốn biết rõ gã Tiểu Phượng cũng chẳng cưới em đâu mà chỉ muốn thỏa cái tính trăng hoa của nó thôi. Bởi vậy nay em dâng hiến cho anh là em không phụ anh. Vậy xin anh trù tính cách nào cho em không bị lộ là em yên lòng.

Bàng Phật Nô gật đầu nói :

- Em cứ yên tâm, để anh lo.

Đến ngày mồng năm, Bàng Phật Nô gởi đến cho Trú Trú một cái mào gà trống tía, mấy cái vỏ trái thừu lựu, tất cả còn tươi cả để Trú Trú dùng làm "đồ chiêu tập" cho cô ta.

Đêm hôm ấy Lý Tiểu Phương đến với Trú Trú. Anh chàng này thấy Trú Trú vẫn còn nguyên trinh thì hí hửng biện thêm ba quan tiền nữa để có cớ đi lại luôn. Rồi sau đó Lý Tiểu Phượng có ý muốn mua hẳn Trú Trú nhưng nàng không thuận. Mặc dù Lý Tiểu Phượng là kẻ giàu có sang trọng nhưng Trương Trú Trú vẫn không màng, nàng quyết chung tình với Bàng Phật Nô là một anh viết thuê nghèo hèn. Cha mẹ nàng dỗ dành không được có khi phải nặng lời thì Trương Trú Trú chỉ tay xuống giếng nói rằng:

- Nếu bức bách tôi quá, thì tôi sẽ nhảy xuống cái giếng này là xong.

Không hiểu tại làm sao mà chuyện Trương Trú Trú dùng "nước vỏ lựu, máu mào gà" đánh lừa Lý Tiểu Phượng lại lọt ra ngoài khiến cho người ta bàn tán với nhau, cười cợt không ngớt.

Bấy giờ trong làng lại có một chuyện nữa không kém oái oăm. Nàng Vương Doãn Nhi vốn đã được cha nuôi là Tiểu Phúc bán cho Trịnh Cửu nhưng nàng ta lại tư thông với Thịnh Lục và sinh con. Trịnh Cửu không hề biết, cứ tưởng con mình nên cưng lắm.

Người làng đem hai câu chuyện trên gộp lại mà đặt thành vè rằng :

"Ông Trương uống rượu, Lý ngã nghiêng
Thịnh Lục đúc con, Trịnh đón liền.
Gà trống mất đi một tí "đức"
Để cho Tiểu Phương toi ba "thiên".

Tiểu Phượng thường đêm hôm đi lại nhà Trú Trú, nghe loáng thoáng bài vè nên lấy làm nghi nghi hoặc hoặc. Khi gần

Trú Trú, để dò la hư thực, Lý Tiểu Phượng nhắc lại bài vè và kể chuyện xảy ra trong xóm rằng :

- Hôm trước con gà trống của Bàng Phật Nô không chịu chọi mà bay lên nóc nhà nên bị gãy một chân. Ông bố của Phật Nô lại nghi Tiểu Phúc đập gà gãy chân, nên khi ông gặp Tiểu Phúc ngoài đầu đường thì xảy ra ẩu đả.

Trú Trú vốn là một cô gái lanh lợi, nghe hết câu chuyện liền vỗ tay cười nói :

- Vậy thì hai câu vè ấy phải như thế này mới đúng :

"Gà trống mất đi một tí túc
Để cho Tiểu Phúc nếm ba quyền.

Tiểu Phượng nghe xuôi tai nên không thắc mắc gì nữa.

Nhưng rồi một đêm kia, khi ở nhà Trú Trú ra, Tiểu Phượng lại nghe có tiếng hát vè ngoài đường :

"Chớ nghĩ Bàng là giun, dế thường
Bàng đâu phải hạng kém can trường
Phượng con cứ việc xù lông cánh
Liệu đó, gân gà sẽ trói phăng".

Lý Tiểu Phượng nghe bài hát ấy, từ đó không dám bén mảng đến nhà Trú Trú nữa. Còn Bàng Phật Nô tuy viết thuê trong phủ họ Từ nhưng được chủ thương, dần dần chủ giúp cho có chút ít vốn liếng nên chàng cũng đủ tiền sắm sính lễ cưới Trú Trú làm vợ.

---

(1) Chàng Từ Châu : Vì Bàng Phật Nô viết thuê trong phủ họ Từ nên Trương Trú Trú gọi chàng là Từ Châu.

(2) Nhật trung: Ngày mồng năm tháng 3.

(3) Tết Hàn thực : ngày mồng 3 tháng 3 hàng năm, ăn nguội, không đốt lửa để tưởng nhớ Giới Tử Thôi (bề tôi của Tấn Văn Công Trùng Nhĩ) chịu tuẫn tiết trong rừng.

Giữa thì hương lửa hắn hoi
Trên treo một tượng TRẮNG ĐÔI LÔNG MÀY.

(Câu 929, 930. Cảnh ở thanh lâu)

Đưa nàng vào lạy gia đường
Cũng THẦN MÀY TRẮNG, cũng phường lầu xanh.
(Câu 2147, 2148. Bạc Hạnh bán Kiều vào thanh lâu)

THẦN MÀY TRẮNG tức BẠCH MI THẦN là vị thần phù hộ cho các gái làng chơi mà các thanh lâu ngày xưa hay thờ.

Theo truyền thuyết Trung Quốc, thì thần Bạch Mi tức là Quản Trọng tức Quản Di Ngô, Tướng quốc của Tề Hoàn Công thời Chiến quốc. Từ thời xa xưa ấy, Quản Trọng đã chủ trương xây cất hành viện chứa gái làng chơi cho các khách thương mua vui, nhà nước lấy thuế. Đó là một trong các kế sách làm cho dân giàu nước mạnh của Quản Trọng. Truyện kể rằng:

Tề Hoàn Công hỏi Quản Trọng :

- Nước Tề ta vốn là một nước lớn từng được chư hầu kính nể. Đến đời Tương Công chính lệnh bất thường nên xảy ra tai biến. Nay quả nhân vừa mới lên ngôi, lòng dân chưa định, thế nước chưa yên, muốn cho nước mạnh dân an thì phải làm gì trước?

Quản Trọng đáp :

- Lễ, nghĩa, liêm, sĩ là bốn điều cốt yếu để trị nước. Thiếu một trong bốn điều ấy thì tai biến xảy ra. Cả bốn điều ấy không có thì nước mất.

- Nếu đã có đủ bốn điều ấy thì làm cách nào trị dân ?

- Muốn trị dân trước hết phải biết yêu dân.

- Muốn yêu dân thì làm cách nào ?

- Lấy đạo thân ái chăm sóc đời sống hàng ngày của dân. Bớt xâu giảm thuế làm cho dân giàu. Hễ dân giàu tức nhiên nước mạnh.

Tề Hoàn Công lại hỏi :

- Dân giàu rồi nhưng trong nước còn thiếu binh khí, quân cụ thì làm sao ?

Quản Trọng đáp :

- Muốn đủ binh khí, quân cụ thì binh pháp trong nước phải định lệ cho chuộc tội. Tội nặng cho chuộc bằng một cái giáp, tội nhẹ cho chuộc bằng một cái qui thuẫn, tội nhỏ cho nạp kim khí, tội còn nghi thì tha hẳn. Kẻ nào tụng lý tương đối thì bắt nạp một bó tên, rồi giải hòa. Làm thế ắt quân dụng không thiếu.

- Đã làm như thế mà vẫn không đủ dùng thì làm sao ?

Quản Trọng dẫn giải tiếp :

- Khai mỏ đúc tiền, nấu nước bể làm muối, trữ hàng hóa lấy lãi, cất ba trăm nhà nữ lưu cho các khách buôn bán tới lui tụ họp giải trí và ta thu thuế. Như vậy công quỹ tất phải đủ dùng.

Tề Hoàn Công đã nghe theo lời Quản Trọng. Thế là các nhà chứa gái làng chơi đã có ở nước Tề từ thời ấy. Và về sau, Quản Trọng được tôn là thần Bạch Mi.

*

* *

"Cửa hàng buôn bán cho may
Đêm đêm HÀN THỰC, ngày ngày NGUYÊN TIÊU"

(Câu 941, 942. Lời khấn vái của Tú Bà)

HÀN THỰC: ngày mồng ba tháng ba là ngày mọi người ăn nguội, không đốt lửa để tưởng nhớ đến Giới Tử Thôi.

Chuyện ăn nguội liên hệ đến Giới Tử Thôi như sau :

Thời Chiến quốc, Công tử Trùng Nhĩ bị cha là Tấn Hiến Công và mẹ ghẻ là Ly Cơ mưu hại, phải trốn lánh lưu vong ra nước ngoài.

Trong những năm lưu vong đây đó, Trùng Nhĩ và bọn tôi thần theo hầu phải trải qua nhiều gian lao khổ sở; có khi phải đi ăn xin. Một lần ở nước Vệ, cả bọn đều đói lả cơ hồ không còn lê bước được nữa. Dưới bóng mát của một cây to bên đường, Trùng Nhĩ nằm gối đầu lên đùi Hồ Mao nghỉ, chờ bọn tôi thần đi kiếm rau củ về đỡ dạ. Bỗng Giới Tử Thôi đem đến dâng cho một tô thịt nóng. Trùng Nhĩ ăn ngon lành và ăn xong cảm thấy khỏe ngay. Ông hỏi Giới Tử Thôi :

- Nhà ngươi tìm đâu ra thịt ngon như thế ?

Giới Tử Thôi thưa :

- Tôi thường nghe rằng đứa con hiếu phải biết bỏ thân vì cha mẹ, người tôi trung phải biết bỏ thân để thờ vua. Nay Công tử đói không có gì ăn, tôi cắt thịt đùi mình nấu cho Công tử ăn.

Trùng Nhĩ ứa nước mắt nói :

- Ôi, ân này biết đến bao giờ ta báo đáp được.

Sau mười chín năm lưu vong đây đó, Trùng Nhĩ trở về Tấn phục quốc được và lên ngôi, hiệu là Tấn Văn Công. Tấn Văn Công

ban thưởng cho tất cả những người đã từng gian khổ theo mình. Riêng Giới Tử Thôi, khi Tấn Văn Công lên ngôi chỉ đến chúc mừng một lần rồi về nhà cho nên Tấn Văn Công cũng quên, không ban thưởng.

Giới Tử Thôi về nhà, ngày ngày làm nghề vá thuê giày dép nuôi mẹ. Có người láng giềng là Giải Trương thấy vậy, đến nói với Giới Tử Thôi rằng :

- Ngài cũng có công theo hầu Chúa công trong suốt mười chín năm trời, nay Chúa công đã phục nghiệp lẽ nào ngài không chịu hưởng chút công lao ?

Mẹ Giới Tử Thôi nghe thế, cũng nói :

- Nhà mình nghèo khó, trước kia con đã cắt thịt đùi nuôi Chúa công trong lúc đói sao bây giờ không nói ra ?

Giới Tử Thôi đáp :

- Tấn Hiến Công xưa có chín người con, chỉ có Chúa công là hiền hơn cả. Nay Chúa công phục nghiệp được là do mệnh trời. Những kẻ theo hầu không biết, tự nhận là công lao của mình để xin ban thưởng. Con tự cho điều đó là xấu hổ lắm.

Người mẹ nghe thế, vội cười tươi nói :

- Con đã là người liêm sỉ, vậy mẹ đây há không biết làm mẹ của một người liêm sỉ sao? Vậy thì mẹ con ta nên tìm chốn rừng núi vắng vẻ mà ẩn thân, chớ nên sống nơi thị thành này.

Giới Tử Thôi mừng rỡ nói :

- Con vẫn thích đất Miên Thượng là nơi có núi cao, hang sâu, vậy mẹ con ta nên đến đó cư ngụ.

Sau đó Giới Tử Thôi bỏ nhà cửa, cõng mẹ vào vùng rừng núi Miên Thượng ẩn cư. Láng giềng không biết Giới Tử Thôi đi đâu, chỉ riêng Giải Trương biết mà thôi. Nghĩ đến tình cảnh của mẹ

con Giới Tử Thôi, Giải Trương không cầm lòng được. Đêm, ông ta viết giấy đem treo trước cửa thành. Sáng ra, quân canh trông thấy đem vào trình Tấn Văn Công. Mảnh giấy viết: "Có một con rồng khi thất thế được một đàn rắn theo hộ tống chu du thiên hạ. Một lần rồng đói, có một con rắn xẻo thịt đùi nuôi. Nay rồng mây gặp hội, đàn rắn hưởng cảnh sung sướng, chỉ riêng một con rắn kia chẳng ai hỏi đến". Tấn Văn Công xem xong giật mình, nói:

- Chắc là Giới Tử Thôi trách ta đây thôi. Xưa lúc qua nước Vệ, Giới Tử Thôi đã cắt thịt đùi nấu cho ta ăn, thế mà nay ta ban thưởng công thần lại quên mất Giới Tử Thôi. Thật ta có lỗi lớn vô cùng.

Nhà vua liền sai người đến triệu Giới Tử Thôi, nhưng họ Giới đã bỏ nhà đi mất rồi. Nhà vua truyền rằng: "Hễ ai biết Giới Tử Thôi đi đâu và chỉ ra, thì sẽ được phong làm quan". Giải Trương ra mắt Tấn Văn Công, tâu :

- Mảnh giấy mà Chúa công được xem là do tôi viết chớ không phải của Giới Tử Thôi. Giới Tử Thôi không muốn cầu thưởng nên đã cõng mẹ vào vùng rừng núi Miên Thượng rồi. Tôi viết mảnh giấy ấy là cốt nhắc nhở Chúa công nhớ đến công lao của người.

Tấn Văn Công có vẻ buồn, nói :

- Nếu không có bức thư của nhà ngươi thì ta đã thành kẻ bội nghĩa rồi.

Đoạn, nhà vua phong Giải Trương làm Hạ Đại phu, rồi khiến Giải Trương dẫn mình và quân sĩ đến vùng Miên Thượng để tìm Giới Tử Thôi. Đến nơi, chỉ thấy núi cao rừng rậm, tìm hoài chẳng thấy Giới Tử Thôi đâu. Tấn Văn Công lại truyền rằng : "Ai thấy Giới Tử Thôi trốn nơi nào, chỉ ra thì được thưởng". Một người nông phu tâu:

- Mấy hôm trước tôi có thấy một người đàn ông cõng một bà

cụ già đến đây, ngồi nghỉ nơi chân núi. Sau đó thì không biết họ đi về đâu.

Tấn Văn Công truyền đỗ xe ở chân núi và ra lệnh cho quân lính đi lục tìm. Mấy ngày trôi qua, quân lính vẫn không tìm được bóng dáng Giới Tử Thôi ở đâu. Tấn Văn Công nói với tả hữu rằng:

- Ta nghe nói Giới Tử Thôi là một người con chí hiếu, nay cõng mẹ vào rừng lại giận ta không chịu ra yết kiến. Vậy ta phóng hỏa đốt rừng, thế nào Giới Tử Thôi cũng cõng mẹ chạy ra.

Nói xong, nhà vua ra lệnh phóng hỏa đốt rừng. Gió to lửa mạnh nên lan rất nhanh. Toàn thể khu rừng cháy suốt ba ngày mới tắt, thế mà không ai trông thấy Giới Tử Thôi cõng mẹ chạy ra. Quân lính lại được lệnh đi lục tìm nữa. Họ tìm thấy xác chết của hai mẹ con Giới Tử Thôi bên một gốc liễu vào báo lại cho nhà vua.

Tấn Văn Công cho chôn cất mẹ con Giới Tử Thôi tử tế, lấy ruộng chung quanh núi đặt làm "tế điền" cho họ Giới. Nhà vua ra lệnh đốt rừng vào ngày mùng ba tháng ba, nên ra lệnh cho dân chúng hàng năm vào ngày ấy tháng ấy phải ăn đồ nguội, không được đốt lửa nấu nướng gì cả; để tưởng niệm Giới Tử Thôi. Cho nên ngày mùng ba tháng ba hàng năm gọi là ngày "hàn thực".

*

*   *

NGUYÊN TIÊU : đêm rằm tháng giêng. Theo phong tục của người Trung Hoa, đêm rằm tháng giêng dân chúng đi lễ chùa, hội hè vui lắm.

Lễ hội này bắt đầu từ thời nhà Hán để thực hiện chính sách "Quân dân cộng lạc" (vua và dân cùng vui) sau khi Hán Văn Đế bình định được "chư lữ chi loạn" và lên ngôi.

Việc bình loạn hoàn tất vào ngày Rằm tháng Giêng âm lịch

nên nhà vua quyết định hàng năm cứ tới đêm Rằm tháng Giêng là tổ chức đi du ngoạn bên ngoài để cùng dân chúng vui chơi đêm trăng sáng. TIÊU có nghĩa là đêm (cũng như Dạ), còn NGUYÊN là vì tháng đầu năm. Hán Văn Đế hạ chiếu cho nhân dân lấy ngày Rằm tháng Giêng là ngày Tết Nguyên Tiêu để kỷ niệm "ngày khai sáng đất nước thanh bình".

Vào đêm Rằm tháng Giêng ấy, thành nội cung điện được trang hoàng rực rỡ. Từ vua, các quan văn võ cho đến dân chúng đều vui vẻ ăn uống, ca múa suốt đêm dưới ánh trăng sáng.

Đến đời nhà Tống thì có thêm bữa ăn Rằm Nguyên Tiêu. Trong quyển "Bình Viên", ông Châu Tất Đại viết: "Ngày Nguyên Tiêu phải nấu món bánh trôi viên (1) mà người tiền bối chưa từng làm, để trả nợ ông bà". Sách "Võ lâm cựu sự" của Châu Mật cũng viết: "Tháng Giêng mừng đầu xuân cầu phúc an dân thái bình, ai ai cũng phải làm một loại bánh bằng bột nếp với nhân bằng các thứ trái cây, các thứ đậu; trộn đường vo thành viên bỏ vào nước sôi luộc chín, sau đó nấu nước đường thả bánh vào. Chiếc bánh vừa nổi vừa chìm nên gọi là "phù nguyên tử"; về sau còn gọi là "bánh Nguyên tiêu". Lễ Nguyên Tiêu ăn "phù nguyên tử" lấy đó làm điều tốt cho gia đình và cũng biểu thị ý nguyện của mọi người dân một năm mới khang lạc thuận hòa...".

Lý Diệu Nguyên, một nhà thơ đời Thanh đã viết :

"Tết Nguyên Tiêu xem thuyền rồng rực rỡ

Ngựa quý, xe hương lộng lẫy khắp miền

Mưa gió đêm xuân, người tan hết,

Còn ngọn đèn leo lét, bánh canh viên".

Đối với dân tộc Trung Hoa, ngày lễ Nguyên Tiêu truyền thống ấy vẫn còn duy trì cho đến ngày nay; dù cư ngụ trong nước

hay ở hải ngoại. Ban ngày của lễ Nguyên Tiêu, dân chúng thường đi chùa hái lộc, cầu phước với hy vọng sẽ được những điều may mắn, tốt lành cho cả một năm.

---

(1) Ở Việt Nam ta gọi là "bánh trôi nước".

Xót người TỰA CỬA hôm mai
QUẠT NỒNG ẤP LẠNH những ai đó giờ.

SÂN LAI cách mấy nắng mưa
Có khi GỐC TỬ đã vừa người ôm.
(Câu 1043 đến 1046. Kiều ở lầu Ngưng Bích)

TỰA CỬA : đứng tựa vào cửa trông ngóng, chờ đợi người đi trở về.

QUẠT NỒNG ẤP LẠNH : quạt màn chiếu cho bớt nóng nực vào những đêm hè; ấp ủ cho chăn gối bớt giá lạnh vào những đêm đông.

SÂN LAI : cái sân mà ông Lão Lai múa may làm vui cho cha mẹ.

GỐC TỬ : gốc cây Tử phần là chỗ quê hương, nhà cửa cũ mà mình từng ở. Ở đây gốc tử được chỉ người cha.

- Tựa cửa là tích mẹ Vương Tôn Giả chờ con. Vương Tôn Giả, người thời Chiến quốc, mồ côi cha sớm chỉ còn có mẹ già. Giả làm quan dưới triều vua Tề Mân Vương. Gặp lúc chinh chiến, Tề Mân Vương thua trận chạy đến nước Vệ thì Vương Tôn Giả lạc mất vua nên ông chạy về nhà.

Bà mẹ Vương Tôn Giả thấy con về bèn hỏi :

- Sao con không theo phò chúa công mà lại về đây ?

Vương Tôn Giả đáp :

- Thất trận, vua tôi cùng chạy đến nước Vệ thì con lạc mất vua rồi.

Bà mẹ nghe nói thế, nổi giận mắng :

- Mày sớm đi chiều về thì ta tựa cửa mà trông, mày chiều đi

mà tối không về thì ta cũng tựa cửa mà ngóng. Vua trông bề tôi có khác nào mẹ trông con. Mày làm tôi, mà vua đi đâu mất mày không biết, lại bỏ về nhà ư ?

Vương Tôn Giả nghe mẹ mắng cả thẹn nên quay bước ra khỏi nhà để đi tìm vua ngay. Khi biết tin Tề Mân Công đã bị giết chết, Vương Tôn Giả hô hào, tụ họp dân chúng lại tìm giết kẻ thù để báo thù cho Tề Mân Công.

2. Tích quạt nồng ấp lạnh là chuyện "Hoàng Hương phiến chẩm ôn khâm" (Hoàng Hương quạt gối ấp chăn) trong sách "Nhị thập tứ hiếu" (Hai mươi bốn gương hiếu thảo) của Học giả Quách Cự Nghiệp đời nhà Nguyên.

Đời Hậu Hán, có đứa trẻ chín tuổi tên là Hoàng Hương, tự Văn Cương, sớm mồ côi mẹ. Tuy còn nhỏ tuổi nhưng Hoàng Hương đã có tình yêu thương mẹ rất tha thiết, đêm ngày tưởng nhớ tủi thân không vơi nước mắt. Người trong lân lý thấy thế, thảy đều thương cảm và không hết lời khen Hoàng Hương là đứa con chí hiếu.

Mẹ mất rồi, Hoàng Hương thờ cha cũng rất tận tình hiếu đễ. Vào mùa hạ thời tiết về đêm nóng nực oi ả, Hoàng Hương thường xuyên quạt màn chiếu, chăn đệm cho bớt nóng bức trước khi cha ngủ. Còn về mùa đông tiết trời lạnh lẽo, đêm đêm trước khi cha đi ngủ, Hoàng Hương vào giường nằm lăn lộn qua lại rất lâu, để cho mền chiếu được ấm hơi người hầu cha già được ngon giấc.

Lòng hiếu thảo của Hoàng Hương thấu đến tai Thái Thú Lưu Hộ, nên ngài không tiếc lời khen và đem Hoàng Hương ra làm gương cho thiên hạ.

Nhà thơ Lý Văn Phức (1) của nước ta có làm thơ vịnh rằng:

"Tự gia nhựt noãn, tự gia phong

Bất hứa nhân gian hữu hạ, đông

Quận thú đương niên tinh biểu hiến

Gia tằng cửu tuế tả chân dung".

(Máy xây nóng, lạnh tự trong lòng

Chẳng để đời người có hạ, đông

Thuở ấy quan từng nêu biểu rõ

Đem người chín tuổi vẽ hình dong).

----------*-----------

3. Tích Sân Lai là chuyện "Lão Lai Tử hý thái ngu thân" (Lão Lai Tử mặc áo màu giỡn đùa làm vui cha mẹ) cũng trong sách Nhị thập tứ hiếu:

- Lão Lai Tử người nước Sở thời Đông Châu liệt quốc, là một bậc cao sĩ trong đời; bảy mươi tuổi vẫn còn cha mẹ già. Ông nổi tiếng là người thờ phượng song thân rất hiếu. Thường ngày luôn lo cung phụng hai thân những thức ăn mềm, ngọt để cha mẹ dễ ăn.

Tuy tuổi đã bảy mươi nhưng Lão Lai Tử chẳng bao giờ nói mình già. Những lúc rỗi rảnh, thường mặc áo ngũ sắc sặc sỡ giả làm trẻ nhỏ, múa may đùa giỡn gần cha mẹ để làm vui cho hai thân. Lại những khi bưng nước hầu cha mẹ, làm bộ vấp bực thềm té lăn ra đất rồi nhại tiếng con nít khóc ré lên cho cha mẹ cười.

Nhà thơ Lý Văn Phức cũng có thơ vịnh Lão Lai Tử như sau:

"Chân vị cao đường đề mộ tuyết

Cố tương ban thái vũ xuân phong

Bạch đầu đáo để tâm nhưng xích

Nhứt cá hài nhi khước thị ông"

(Vì e bóng tuyết lòa gương thọ

Vậy mượn chiều xuân múa áo là

Đầu đã bạc rồi, lòng vẫn đó

Ai hay trẻ nít ấy ông già).

---

(1) LÝ VĂN PHỨC (1785-1849); tự Lân Chi, người làng Hồ Khẩu, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Hà Đông. Ông đậu Cử nhân năm Gia Long thứ mười tám (1819), làm quan đến Tham Tri; nhưng sau đó không lâu bị cách chức.

Đến năm Minh Mệnh thứ mười một (1830) ông được phục chức cũ. Từ năm 1834 đến năm 1841, Lý Văn Phức được triều đình cử đi sứ sang Tân Gia Ba và Lữ Tống.

Tác phẩm của Lý Văn Phức gồm có một tập Sứ trình bằng quốc âm, Nhị thập tứ hiếu và Phụ châm tiện lãm bằng Hán văn.

*

* *

Ngậm ngùi rũ bức RÈM CHÂU
CÁCH TƯỜNG, NGHE CÓ TIẾNG ĐÂU HỌA VẦN

(Câu 1057, 1058. Kiều ở lầu Ngưng Bích)

RÈM CHÂU : do chữ Châu liêm, là tấm rèm được kết bằng hạt châu.

Thời Đông Châu liệt quốc, năm thứ 26 đời Châu Kính Vương vua Ngô là Phù Sai xua quân theo đường thủy qua Thái hồ đánh nước Việt. Quân Việt thua trận ở Cối Kê. Vợ chồng Việt vương Câu Tiễn và tôi thần Phạm Lãi bị vua Ngô cầm tù ở nhà thạch thất bên Hạo Lư suốt ba năm mới tha cho về.

Để rửa nhục, Việt vương chủ trương làm cho nước Ngô suy yếu để phục thù. Việt vương chọn gỗ quý dâng cho Ngô vương xây Cô Tô đài và tuyển gái đẹp trong nước đem cống cho vua Ngô. Hai giai nhân được tuyển chọn là Tây Thi (1) và Trịnh Đán.

Ngô Vương Phù Sai được hai giai nhân tuyệt sắc thì yêu quý lắm, nhất là Tây Thi. Nhà vua cùng Tây Thi ngày đêm ở Cô Tô đài vui thú trăng hoa. Ngô vương lại sai Vương Tôn Hùng lập ra quán Khuê Cung ở Linh Nhạn sơn để làm nơi du ngoạn cho Tây Thi. Ở đó, những tấm rèm che nắng được kết toàn bằng hạt châu nên gọi là rèm châu.

Câu "Cách tường, nghe có tiếng đâu họa vần" lấy điển ở tuồng Tây Sương Ký : "Cách tường nhi thu họa đáo thiên minh" (Hai bên ngồi cách bức tường và xướng họa với nhau từ tối đến sáng).

Thật ra thì trong đoạn tuồng này, Trương Quân Thụy và Thôi Oanh Oanh không xướng họa với nhau suốt đêm. Hai người chỉ xướng họa vài đoạn thơ rồi Thôi Oanh Oanh vào nhà. Đoạn

tuồng này là hồi thứ ba của phần thứ nhất : **Trương** Quân Thụy tương tư Thôi Oanh Oanh, đêm lò dò ra **hướng vách** tường của Mái Tây. **Bên** này **tường**, Thôi Oanh **Oanh và con hầu** là Hồng nương cũng ra sân thắp hương. Đoạn tuồng ấy như sau:

Quân Thụy (nói một mình) : Thưa cô, có điều chi bận nghĩ mà cô đứng tựa bao lơn thở dài như thế ?

Khói trầm tỏa khắp sân không,
Đêm khuya vắng cả gió đông lay mành.
Lạy xong, đứng tựa một mình,
Thở dài mấy tiếng trăm tình đầy vơi.
Trăng tròn như mảnh gương soi,
Khắp trời sương nhạt, suốt trời mây quang.
Hơi người đố lộn khói hương,
Cả hai cùng thấy mơ màng, say sưa.

Cứ như ý tôi nghĩ thì cô em thở dài như thế, trong lòng có cảm điều gì ? Mà thưa cô, có lẽ cô cũng là Văn Quân thuở trước đó chăng ? Tôi đây tuy không là Tư Mã Tương Như, cũng thử ngâm chơi một bài, xem cô em nói ra thế nào đã :

Vằng vặc đêm trong nguyệt
Âm thầm cảnh dưới hoa.
Cớ sao kẻ bóng dáng,
Chẳng thấy mặt Hằng Nga ?
Oanh Oanh : *Có ai ngâm thơ ở góc tường ?*

Hồng nương : *Nghe rõ tiếng cái anh chàng ngốc hai mươi ba tuổi tịnh chưa có vợ lần nào.*

Oanh Oanh : *Lời thơ mới thanh lịch làm sao. Hồng ơi, theo vần ta họa một bài chơi.*

Hồng nương : *Vâng, cô thử họa một bài, đọc con nghe.*

Oanh Oanh : *Vắng vẻ nơi buồng gấm*

Sầu xuân thẹn với hoa.
Xót tình ai bạo bực,
Họa có khách ngâm nga.

<u>Quân Thụy</u> : (mừng rỡ) : *Họa đáp lại mới mau làm sao.*

Mặt đà đúc sẵn khuôn xinh.
Tim còn vùi sẵn thông minh hơn người.
Thơ ta họa lại như chơi,
Mà văn bay bướm, mà lời thiết tha.
Khen tài dệt liễu, thêu hoa,
Tên mình thực đáng gọi là Oanh Oanh.
Phải chăng tình lại gặp tình
Thơ ta cũng đã được mình khen hay.
Thì cách tường, mình đấy ta đây,
Cùng nhau xướng họa đến sáng ngày mà chơi.
Ta thử trèo tường sang, xem có em làm ra làm sao?

Vén áo là ta thử sang chơi,
Biết rằng mình có tươi cười đón nhau.
Hồng ơi, xin em chớ cơ cầu,
Bảo sao cũng cứ gật đầu cho tôi.
Ôi thôi xong, cửa đóng mất rồi.

<u>Hồng nương</u> : *Thưa cô, ta vào trong nhà, kẻo sợ bà quở.*

(Cùng Oanh Oanh đóng cửa mạnh, vào).

*

*   *

"Thuyền quyên ví biết anh hùng
Ra tay THÁO CŨI, SỔ LỒNG như chơi"

(Câu 1071, 1072. Sở Khanh đánh tiếng với Kiều)

THÁO CŨI, SỔ LỒNG là giải thoát cho người bị giam cầm hay bị ràng buộc, gò bó.

Sách Tình sử chép chuyện "Tháo cũi, sổ lồng" như sau :

Thôi Sinh là một võ qùan trong đội cấm vệ quân của vua Đường Đại Tông. Cha chàng cũng là một vị quan có tiếng trong triều và kết thân với một vị nhất phẩm nhân thần.

Một ngày nọ, cha Thôi Sinh sai chàng đến thăm vị nhất phẩm nhân thần kia đang bị ốm. Thôi Sinh là một chàng trai mặt đẹp không kém Phan An, Tống Ngọc nên vị quan nhất phẩm kia tỏ ra yêu mến chàng lắm. Lúc Thôi Sinh vào, chàng trông thấy trước giường người bệnh có ba cô gái tuyệt sắc mà chàng biết là người hầu quan lớn, đang dầm trái đào trong âu vàng lấy nước cho người bệnh uống.

Quan lớn sai cô mặc áo hồng bưng một âu đào đến mời Thôi. Thôi thẹn đỏ mặt, không nhận. Thấy Thôi không dám nhận, quan lớn bảo cô áo hồng lấy muỗng múc đào đưa lên tận miệng Thôi. Chàng đành phải ăn. Cô gái nhìn chàng mỉm cười.

Khi Thôi từ giã người bệnh ra về, cô gái áo hồng đưa chàng ra tận cổng. Nàng đưa ba ngón tay lên, lật bàn tay ba lượt rồi chỉ vào tấm gương tròn đang đeo trên ngực, nói với Thôi Sinh :

- Chàng nhớ nhé.

Thôi Sinh về nhà, lòng cứ nghĩ đến cô gái áo hồng luôn. Suốt ngày ngơ ngơ ngẩn ngẩn như kẻ thần hồn nát thần tính,

không thiết gì đến ăn uống. Rồi chàng làm một bài thơ tứ tuyệt để trút tâm sự :

"Trót lạc Bồng lai một buổi nào
Vòng châu tiên nữ ánh rung sao
Cánh song đã khép sâu cung quế
Nỡ để lòng ai nặng mối sầu".

Người trong nhà thấy Thôi Sinh như thế, không hiểu ra làm sao cả. Nhưng hỏi, chàng lại không nói. Riêng lão nô bộc thân tín của chàng tên Ma Lặc thì được chàng thổ lộ tâm sự. Ma Lặc nghe xong, cười nói :

- Chuyện nhỏ như thế có đáng gì mà cậu phải khổ tâm. Đây này, cô ta ra hiệu như thế có nghĩa là: cô ta ở nhà thứ ba trong số mười nhà của các nàng hầu quan lớn. Còn lật bàn tay ba lượt có nghĩa là mười lăm, vì mỗi bàn tay có năm ngón; và cái gương tròn trước ngực tượng trưng cho mặt trăng. Tóm lại, cô ta hẹn với cậu vào đêm rằm đấy.

Thôi Sinh mừng rỡ hỏi :

- Vậy lão có cách nào đưa ta đến đó không ?

Ma Lặc nói :

- Đêm mai là rằm rồi. Cậu hãy cho may ngay hai cái áo chẽn màu xanh thẫm cho cậu và tôi. Đêm mai tôi đưa cậu đi.

Đêm sau, Ma Lặc nói với Thôi Sinh :

- Khu nhà của các hầu thiếp quan lớn nhất phẩm được canh gác nghiêm ngặt lắm, lại có một con chó giống Tào Châu khỏe và dữ như hổ. Người lạ ló mặt vào là nó cắn chết ngay. Ngoài tôi ra, chẳng còn ai trị được nó đâu. Bây giờ tôi phải đi thanh toán nó trước đã.

Nói xong, Ma Lặc xách quả chùy ra đi liền. Một lát sau ông

ta trở về bảo với Thôi Sinh :

- Lão đã đập chết con chó rồi.

Đến canh ba, lão Ma Lặc cùng Thôi Sinh thay áo chẽn màu xanh rồi đi đến dinh quan nhứt phẩm. Đến nơi, Ma Lặc cặp Thôi Sinh nhảy qua mười vòng tường, đột nhập vào khu nhà các hầu thiếp của quan lớn. Lúc bấy giờ lính tráng canh gác đều ngủ cả. Bốn bề im vắng bặt bặt. Hai người đến căn nhà thứ ba, Thôi Sinh thấy cửa còn hé mở nên đẩy nhẹ bước vào. Cô gái áo hồng đang ngồi trên giường, nhận ra Thôi Sinh bèn bước xuống cầm tay chàng và nói :

- Hôm trước, nhìn vẻ mặt khôi ngô tuấn tú của chàng, em biết chắc thế nào chàng cũng đoán ra nên mới làm hiệu. Chàng có tài xuất quỷ nhập thần gì mà vào được đến đây vậy ?

Thôi Sinh cứ tình thực nói là mình nhờ người lão bộc trung thành giúp sức. Và ông ta hiện đang đứng ở ngoài. Cô gái áo hồng bảo Thôi mời Ma Lặc vào rồi lấy rượu khoản đãi ông ta. Đoạn nàng nói với Thôi :

- Gia đình em ở tận trên miền Bắc. Quan lớn nhất phẩm đây cậy thế bắt em về làm hầu thiếp. Chàng có người thân tín tài ba như lão trượng đây, xin ra tay tháo cũi sổ lồng giúp em. Ước nguyện được thành, em dù chết cũng không hối hận.

Thôi Sinh còn đang phân vân thì Ma Lặc đã lên tiếng :

- Nếu chí cô đã quyết thế thì có khó gì.

Cô gái áo hồng tỏ ý mừng. Ma Lặc giục cô ta thu xếp quần áo, của cải vào hòm rương. Ma Lặc vác liền một lúc ba cái rương đưa ra ngoài. Rồi ông ta trở vào cắp cả Thôi Sinh và cô gái áo hồng vượt ra khỏi mười vòng tường chẳng hề gây nên một tiếng động.

Về nhà, Thôi Sinh giấu cô gái áo hồng trong phòng học của mình. Đến sáng hôm sau thì ở dinh quan lớn nhất phẩm mới hay

ra cô gái áo hồng đã bị mất tích trong đêm. Quan lớn nhất phẩm cả kinh, cứ nghĩ rằng việc ấy phải do một tay võ nghệ siêu quần bạt chúng mới thực hiện được.

Cô gái áo hồng ở trong nhà Thôi Sinh suốt hai năm. Một sáng mùa xuân nhân mùa hoa nở rộ khắp nơi, nàng ngồi xe ra chơi đất Khúc Giang để thưởng hoa, bị người nhà quan lớn nhất phẩm trông thấy. Quan lớn nhất phẩm được báo tin, liền cho mời Thôi Sinh đến cật vấn. Thôi sợ, khai tất cả. Quan lớn vốn đã yêu mến Thôi Sinh từ lâu nên nói :

- Thôi được, mọi chuyện ta đều cho qua hết, kể cả con bé áo hồng ấy ta cũng tặng cho công tử. Nhưng ta phải vì sự an nguy của thiên hạ mà ra tay trừng trị tên Ma Lặc ấy mới được.

Liền sau đó, quan lớn nhất phẩm sai năm mươi giáp sĩ mang gươm giáo đến vây nhà Thôi Sinh để bắt Ma Lặc. Ma Lặc tay cầm đoản kiếm, phi thân qua tường cao thoát thân. Bọn giáp sĩ bắn tên theo như mưa vẫn không trúng. Chỉ trong khoảnh khắc, bóng dáng Ma Lặc đã mất hút.

Hơi mười năm sau, người nhà Thôi Sinh còn trông thấy Ma Lặc bán thuốc cao đơn hoàn tán ở chợ Lạc Dương, hình dong vẫn không thay đổi chút nào.

*

* *

TƯỜNG ĐÔNG lay động bóng cành Rẽ song, đã thấy Sở Khanh lẻn vào

(Câu 1093, 1094. Sở Khanh đến với Kiều)

Câu Tường đông lay động bóng cành, Nguyễn Du dịch câu "Cách tường hoa ảnh động" (Cách tường bên kia có bóng hoa lung lay) trong vở tuồng "Tây Sương Ký". Đoạn này mô tả cảnh Trương Quân Thụy nhận được thơ của Thôi Oanh Oanh và đêm tối chàng lần sang phòng nàng.

Nội dung đoạn ấy có thể tóm tắt như sau :

- Chiều hôm ấy, Hồng nương lại đến, cầm tờ hoa tiên đưa cho chàng mà rằng: "Của cô Thôi sai đưa sang đây". Đầu đề là :

Trăng sáng đêm rằm

Thơ rằng :

"Cửa hé theo luồng gió
Trăng chờ dưới Mái Tây
Chạm tường, hoa động bóng
Người ngọc đến đâu đây".

Trương hơi hiểu ý thơ. Đêm ấy là đêm mười bốn tháng hai. Tường phía Đông nhà họ Thôi có một gốc hoa hạnh có thể vịn để trèo sang được.

Sang đêm rằm, Trương Quân Thụy trèo cây ấy qua tường, lần đến Mái Tây, thấy cửa đã hé mở và Hồng nương đang nằm ở giường. Chàng liền đánh thức Hồng nương dậy. Hồng nương giật mình nói :

- Sao cậu lại đến đây ?

Trương nói dối Hồng nương :

- Cô Thôi viết giấy mời tôi đấy. Chị vào nói với cô giúp.

Hồng nương quay vào, một lát quay ra và nói :

- Ra đây rồi. Ra đây rồi.

Trương vừa mừng vừa sợ, nhưng nghiệm rằng việc tất xong.

Thôi Oanh Oanh xuất hiện, ăn mặc chỉnh tề, lớn tiếng mắng Trương rằng :

- Anh cứu sống nhà tôi, ơn ấy to lắm; cho nên mẹ tôi mới đem trai thơ gái dại mà ủy thác cho anh. Cớ sao anh lại nhờ đứa con hầu không ra gì đưa thơ nhảm nhí? Ban đầu thì lấy việc cứu người khỏi nạn làm tốt, rốt lại nhân việc người ta khỏi nạn mà đòi sự nọ sự kia. Lấy loạn thay loạn thì anh có hơn bọn giặc là mấy. Đã toan dấp những thơ từ ấy đi, thì là dung túng mưu gian, không phải nghĩa. Thưa thực với mẹ, phụ bạc ơn trước, trời nào chứng cho. Gởi lời nhờ con hầu nói hộ, lại sợ không hết được chân thành; cho nên phải mượn mảnh tờ tìm đường bày tỏ. Nhưng còn lo anh sinh lòng khó dễ, cho nên dùng lời lẳng lơ để mong anh thế nào cũng sang. Việc làm trái lẽ, sao khỏi thẹn lòng. Chỉ xin anh lấy lễ giữ mình, chớ dúng mình vào chuyện bậy.

Nói xong, Thôi Oanh Oanh nguây nguẩy đi vào. Trương ngẩn người một lúc rồi vượt tường trở về. Từ đó tuyệt vọng...".

*

* *

"Dám nhờ cốt nhục tử sinh
Còn nhiều KẾT CỎ, NGẬM VÀNH về sau"

(Câu 1099, 1100. Kiều nói với Sở Khanh)

KẾT CỎ, NGẬM VÀNH do chữ "Kết thảo, hàm hoàn" để chỉ sự báo đền ơn nghĩa.

Thời Chiến quốc, Tấn Cảnh Công sai Tuần Lâm Phủ làm đại tướng, Ngụy Khỏa làm phó tướng đem quân đánh nước Lỗ.

Tướng nhà Tấn đánh được Lỗ, bắt vua. Đại tướng Tuần Lâm Phủ rút quân, Phó tướng Ngụy Khỏa ở lại giữ thành trì nước Lỗ.

Tần Hoàn Công hay tin Tấn đánh Lỗ, lấy làm lo lắm, liền sai Đại tướng Đỗ Hồi đem binh cứu Lỗ. Đỗ Hồi người Bạch Định vùng Thanh Mi sơn, là một tướng quân có sức mạnh hơn người; thường dùng cây "khai sơn đại phủ" (búa lớn) nặng một trăm hai mươi cân làm vũ khí.

Đỗ Hồ kéo quân đến nước Lỗ, Ngụy Khỏa không địch lại phải đóng cửa thành cố thủ chờ viện binh. Tấn Cảnh Công tiếp được thư cầu viện của Ngụy Khỏa, bèn sai Ngụy Ý là em ruột Ngụy Khỏa đang trấn giữ nơi biên đầu, đem quân cứu trợ. Ngụy Ý đến hợp binh cùng Ngụy Khỏa nhưng cũng không lui được quân của Đỗ Hồi. Hai anh em lại đóng cửa thành cố thủ.

Đêm hôm ấy, trong giấc ngủ thiếp, Ngụy Khỏa trông thấy một ông lão đầu râu tóc bạc đến nói rằng : "Thanh thảo pha, Thanh thảo pha". Ngụy Khỏa giật mình thức giấc, không thấy ông lão đâu nhưng bên tai còn văng vẳng ba tiếng "Thanh thảo pha". Ngụy Khỏa bèn đem giấc mơ ấy nói cho Ngụy Ý nghe. Ngụy Ý mừng rỡ bảo :

- Ở đất Phu Thi cách đây năm mươi dặm có một chỗ tên là Thanh thảo pha. Có lẽ thần linh mách bảo cho anh em chúng ta đánh tan quân Tần ở nơi ấy.

Hai anh em tương kế tựu kế để ngày mai xuất binh.

Hôm sau, Ngụy Ý đem quân phục kích ở vùng Thanh thảo pha.

Ngụy Khỏa kéo quân ra khỏi thành khiêu chiến và dụ dỗ Đỗ Hồi đến chỗ có phục binh. Mặc dù lọt vào ổ phục binh của Ngụy Ý và bị quân Ngụy Khỏa vây vòng ngoài, nhưng Đỗ Hồi vẫn tả xông hữu đột rất dũng mãnh. Bỗng nhiên cả người lẫn ngựa bị té nhào xuống đất. Quân lính của Ngụy Khỏa và Ngụy Ý áp lại bắt trói Đỗ Hồi. Sau đó Ngụy Khỏa truyền chém đầu Đỗ Hồi để trừ hậu hoạn.

Đêm hôm sau, trong lúc đang mơ màng thì Ngụy Khỏa lại thấy ông lão hôm trước hiện ra, nói :

- Lão chúc mừng tướng quân thắng trận.

Ngụy Khỏa bình tĩnh hỏi :

- Có phải lão trượng đã giúp cho anh em mạt tướng bắt được Đỗ Hồi ở Thanh thảo pha chăng ?

Ông lão gật đầu, đáp :

- Phải. Chính lão đã kết những cọng cỏ dài lại để quấn vào chân ngựa của Đỗ Hồi cho cả ngựa và người tướng giặc bị té.

Ngụy Khỏa chấp tay bái tạ ông lão và hỏi :

- Lâu nay mạt tướng chưa hề được hân hạnh biết lão trượng sao lão trượng có lòng giúp mạt tướng như thế ?

Ông lão thong thả nói :

- Lão đây là cha của Tố Cơ, cảm ơn tướng quân ngày trước

đã không chôn sống con gái lão mà đem gả cho người tử tế. Dù ở suối vàng, lão vẫn không bao giờ quên ơn ấy.

Nói xong, ông lão biến mất.

Ngụy Khỏa bồi hồi nhớ lại chuyện cũ đã qua từ lâu. Cha chàng là Ngụy Thù, một tướng giỏi của nhà Tấn, có nàng tiểu thiếp trẻ đẹp tên là Tố Cơ và lấy làm yêu lắm. Bình thời khi còn cầm quân đánh dẹp đó đây, Ngụy Thù thường dặn Ngụy Khỏa rằng :

- Nếu chẳng may cha có da ngựa bọc thây nơi chiến trường, thì con nên tìm nơi tử tế mà gả nàng Tố Cơ cho nàng được nương nhờ tấm thân bồ liễu. Có như thế thì vong hồn cha mới được ngậm cười nơi chín suối. Về sau, Ngụy Thù không chết trận mà lại chết già ở nhà. Lúc sắp lâm chung, ông bảo với Ngụy Khỏa rằng :

- Ta sắp chết. Ta chỉ có nàng Tố Cơ là người ta yêu quý nhất. Vậy khi ta chết con hãy chôn sống nàng theo ta.

Ngụy Thù chết nhưng Ngụy Khỏa không theo lời dặn của cha, nghĩa là không chôn nàng Tố Cơ. Ngụy Ý hỏi :

- Sao anh không chôn Tố Cơ theo di mệnh của phụ thân ?

Ngụy Khỏa đáp :

- Thuở sinh tiền và còn mạnh khỏe cầm binh tranh hơn thua với các nước, phụ thân có dặn rằng nếu rủi ro có mệnh hệ nào thì ta nên tìm nơi tử tế mà gả Tố Cơ. Đó là lời "chân mệnh" của phụ thân. Còn vừa rồi phụ thân lâm trọng bệnh, tâm thần không sáng suốt và lại mê sảng thì lời trăn trối không phải là "chân mệnh" mà là "loạn mệnh". Bổn phận làm con, chúng ta phải xét đâu là "chân mệnh", đâu là "loạn mệnh" mà thi hành.

Ba năm sau khi đã mãn tang Ngụy Thù, Ngụy Khỏa bèn gả Tố Cơ cho một danh sĩ. Và cuộc đời nàng được an nhàn, hạnh phúc.

Vì chịu ơn trọng ấy nên linh hồn cha Tố Cơ mới kết cỏ ở Thanh thảo pha khiến tướng giặc bị té để đền ơn đáp nghĩa Ngụy Khỏa.

*

* *

NGẬM VÀNH do hai điển tích như sau :

1. Thời Thượng cổ, vua Thái Mậu nhà Thương một hôm được ngoài biên ải tiến cống một con chim Hoàng tước rất đẹp.

Nhà vua vốn rất thích chim Hoàng tước nên cho chim ở lồng son, giao hẳn một vị hoạn quan đặc trách chăm sóc. Hàng ngày, mỗi khi tan chầu, nhà vua đích thân cho chim ăn.

Chim Hoàng tước bị nhốt vào lồng son, lẻ đôi bạn nên càng ngày càng biếng ăn, biếng hót. Nhà vua ra lệnh đem lồng chim treo ngoài vườn Ngự uyển với hy vọng chim sẽ tươi tắn trở lại trong cảnh hoa cỏ, trời mây. Từ khi con Hoàng tước của nhà vua được treo ngoài vườn Ngự uyển thì hàng ngày có một con Hoàng tước mái từ đâu bay đến, đậu trên cành cao gần lồng chim cất tiếng kêu thảm thiết. Con Hoàng tước trống trong lồng son lại càng ủ rũ hơn nữa.

Nhà vua trông thấy chim trống ủ rũ, bèn hạ lệnh cho viên hoạn quan thả chim đi. Hoạn quan tâu :

- Muôn tâu bệ hạ, Hoàng tước là một giống chim quý, xin bệ hạ đừng thả.

Nhà vua phán :

- Ta rất quý chim nhưng cũng xa xót vô cùng khi thấy chim ủ rũ. Ta nuôi chim là để làm vui, nay lòng không vui thì còn nuôi mà làm gì.

Được xổ lồng, chim Hoàng tước trống cất mình lên cành cao

đậu bên con chim mái, cả hai cất tiếng hót líu lo ra chiều vui sướng lắm. Rồi chúng bay lượn chung quanh nhà vua mấy lượt trước khi rời khỏi hoàng cung.

Nhà vua nhìn theo đôi chim Hoàng tước và nói :

- Ta mất chim quý, nhưng chim lại được cái quý lớn lao là trở lại với bầu trời xanh bao la và đôi chim trống mái ấy sẽ không còn đau khổ nữa.

Ít lâu sau, khi vua Thái Mậu đang xem hoa trong vườn Ngự uyển thì có con Hoàng tước trống bay đến đáp xuống trước mặt nhà vua, miệng nó ngậm một chiếc vòng ngọc. Nó xòe cánh múa may trước mặt nhà vua rồi dâng cho ngài chiếc vòng ngọc và bay đi...

*

* *

2. Dương Bảo, một cậu bé tám tuổi người Tứ Xuyên thời Hậu Hán, một hôm đang ngồi chơi bên gốc cây thì nghe có tiếng chim kêu thảm thiết gần đấy.

Dương Bảo tìm kiếm chung quanh thì phát hiện ra một con chim sẻ lông vàng ánh, bị thương gãy cánh không sao bay được. Dương Bảo nhặt chim lên, đem về nhà cột thuốc vào cánh gãy và nuôi chim tử tế.

Một thời gian sau, cánh chim lành lặn và lông cánh cũng đã mọc dài ra. Dương Bảo trông thấy chim có thể bay được nên cậu thả chim trở về với cảnh trời rộng bao la. Lạ thay, ngay sau khi Dương Bảo thả chim thì có một chàng trai xuất hiện, vẻ mặt rất khôi ngô, tuấn tú. Chàng trai lạ ấy mình mặc áo lụa vàng mướt như lông chim, chân đi hài cỏ và có tướng mạo rất thanh quý. Trên tay chàng trai lạ có cầm bốn chiếc vòng ngọc. Chàng trai tiến đến trước mặt Dương Bảo nói :

- Tôi chịu ơn cứu tử và ơn nuôi dưỡng của cậu từ lâu, nay xin dâng cậu bốn vật quý này để đền ơn.

Dương Bảo lấy làm lạ, hỏi :

- Anh chính là con chim vàng đấy ư ?

Chàng trai không trả lời nhưng lại nói tiếp :

- Bốn chiếc vòng ngọc này về sau sẽ giúp cho con cháu cậu bốn đời làm đến Tam Công, giữ được phẩm giá trong sạch, tiếng tăm lừng lẫy trong thiên hạ.

Dương Bảo nhận lấy bốn chiếc vòng ngọc, chưa kịp nói lời cảm tạ thì chàng trai áo vàng đã biến mất.

Quả nhiên về sau, con cháu Dương Bảo bốn đời làm đến chức Tam Công, quyền uy và tiếng thơm vang khắp trong thiên hạ.

*

* *

"Này con thuộc lấy làm lòng VÀNH NGOÀI BẢY CHỮ, VÀNH TRONG TÁM NGHỀ".

(Câu 1209, 1210 ; Tú Bà dạy Kiều nghề chơi)

Đây là những mánh khóe của gái làng chơi cư xử với khách, bề ngoài cũng như trong lúc hành lạc.

Theo truyện Kim vân Kiều của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc) thì "bảy chữ" là :

1. Khấp : tức là khóc lóc giả bộ thương yêu, quyến luyến khách không muốn rời.

2. Tiện : cắt của mình một ít tóc và của khách một ít, trộn chung lại rồi chia hai ; mỗi người buộc vào cánh tay để tỏ ý muốn kết tóc se tơ.

3. Thích : dùng mực xạ xâm tên người khách vào bắp tay hoặc bắp đùi mình để khách trông thấy cho là mình chung tình.

4. Thiêu : đốt hương giả bộ thề nguyền rồi chích vào tay mình và tay khách để tỏ dạ chung tình. Có sáu vị trí để thiêu :

a) Bụng kề bụng gọi là "chính nguyện đồng tâm"

b) Đầu chụm đầu gọi là "chính nguyện kết tóc"

c) Tay tả mình khít với tay tả khách gọi là "hứa nguyện liên tình bên tả"

d) Tay hữu mình liền với tay hữu của khách gọi là "hứa nguyện liên tình bên hữu"

e) Đùi tả mình khít với đùi hữu khách gọi là "hứa nguyện giao đùi bên tả"

f) Đùi hữu mình khít với đùi tả khách gọi là "hứa nguyện

giao đùi bên hữu".

5. Giá : hứa lấy khách làm chồng, giả đò thề hẹn, bàn cách lấy nhau

6. Tẩu : rủ khách cùng đi trốn. Khi khách chơi đã hết tiền nhưng còn quyến luyến mình không nỡ rời, phải giả cách rủ khách cùng đi trốn; đó là một cách "tống cổ" khách êm thắm.

7. Tử : đòi chết để tỏ ra là chung tình với khách

Bảy chữ trên đây chỉ là mánh khóe cư xử bên ngoài, còn "tám nghề" là cách hành lạc như sau :

- Đối với người có... bé, ngắn thì dùng phép "đánh trống giục hoa"

- Đối với người có... to, dài thì dùng phép "sen vàng khóa xiết"

- Đối với người tính nhanh thì dùng phép "mở cờ đánh trống"

- Đối với người tính khoan thì dùng phép "Đánh chậm gõ sẽ"

- Đối với người mới "vỡ lòng" thì dùng phép "Ba bậc đổi thế"

- Đối với người không dai sức thì dùng phép "Đỡ dần buộc chặt"

- Đối với người dai sức thì dùng phép "Gắn bó truy hồn"

- Đối với người mê sắc thì dùng phép "Dềnh dàng cướp vía"

*

* *

"Chơi cho liễu chán, hoa chê
Cho LĂN LÓC ĐÁ, cho mê mẫn đời"

(Câu 1211, 1212. Tú bà dạy Kiều nghề chơi)

"Lăn lóc đá", ba từ này có ý chỉ sự ăn chơi cho thỏa thuê, mê mệt đến độ chán ngán không còn muốn ăn chơi nữa.

Truyền thuyết dân gian kể một câu chuyện rằng :

Xưa kia có một chàng thanh niên con nhà giàu, sau khi cha mẹ qua đời, anh ta không lo làm ăn mà chỉ lo đắm say tửu sắc đến nỗi khuynh gia bại sản. Bấy giờ anh ta mới hối hận, tìm đến người thân thích nhờ vả giúp đỡ để tu chính làm ăn.

Một ngày nọ, anh ta ghé vào một cái quán bên đường nghỉ chân, gặp một cụ già đầu râu đều bạc trắng đang ngồi ung dung uống rượu. Nhận thấy dáng mạo anh chàng nho nhã nhưng có vẻ nghèo túng, ông già mời anh ta cùng ngồi uống với mình. Nhân dịp ấy, anh chàng kể lể hoàn cảnh cho cụ già nghe. Cụ già nói :

- Chớ lo, lão sẽ có cách giúp anh làm lại cuộc đời. Nhưng trước hết, tối nay chúng ta hãy đến xóm bình khang chơi một bữa cho thõa thích rồi ngày mai hẳn hay.

Chàng trai từ chối nhưng cụ già lại nói :

- Ấy, vì trước kia anh chưa bao giờ được ăn chơi chán chê nên cứ miệt mài ngày nọ sang ngày kia mà khuynh gia bại sản đấy. Tối nay anh cứ tha hồ ăn chơi một phen cho thật thỏa thuê đi, cho thật mê mệt đi. Có như thế thì anh mới chán ngấy cái thú yên hoa, và có chán ngấy nó thì anh mới không nghĩ đến nó nữa để mà yên tâm làm ăn lập nghiệp.

Tối hôm ấy, hai người tìm đến một xóm bình khang, cùng nhau ăn nhậu vui say thỏa thích. Đến nửa đêm, cụ già cáo say đi

ngủ, để cho chàng trai tha hồ đùa bỡn, bày chuyện mây mưa với hàng chục kỹ nữ đẹp như tiên. Đến khuya, quá mệt mỏi, chàng trai lăn kềnh ra ngủ.

Sáng ra tỉnh dậy, anh chàng thấy mình nằm trên một đỉnh núi toàn là đá, hòn to hòn nhỏ lăn lóc chung quanh anh ta.

*

*   *

Dập dìu LÁ GIÓ, CÀNH CHIM
Sớm đưa TỐNG NGỌC, tối tìm TRÀNG KHANH

(Câu 1231, 1232. Kiều ở Thanh lâu lần 1)

LÁ GIÓ, CÀNH CHIM do hai câu thơ "Chi nghinh Nam Bắc điểu, Diệp tống vãng lai phong" của nàng Tiết Đào đời Đường.

Tiết Đào là con gái Tiết Trịnh, người huyện Trường An, tỉnh Thiểm Tây; tư chất thông minh từ nhỏ, học giỏi và biết làm thơ từ năm lên sáu.

Năm Tiết Đào lên tám tuổi thì cha nàng đang làm quan ở Thành Đô thuộc tỉnh Tứ Xuyên. Một hôm hai cha con đứng chơi ngoài sân, cạnh một cây ngô đồng già, Tiết Trịnh cảm hứng ứng khẩu hai câu thơ vịnh cây ngô đồng:

"Đình tiền nhất ngô đồng
Tủng cán nhập vân trung"

thì Tiết Đào liền ứng khẩu nối điêu liền :

"Chi nghinh Nam Bắc điểu
Diệp tống vãng lai phong".
(Ngô đồng đứng trước sân
Thân cây cao vút mây
Cành đón chim Nam, Bắc
Lá đưa gió đi lại).

Nghe thơ của con gái, Tiết Trịnh thở dài nhủ thầm: "Thôi rồi nghiệp chướng. Lời thơ như thế thì tất sau này nó sẽ là một đứa lãng mạn, lẳng lơ".

Hai năm sau Tiết Trịnh qua đời. Gia đình gặp khó khăn nên Tiết Đào làm ca kỹ kiếm tiền nuôi mẹ.

Vừa làm ca kỹ, Tiết Đào vừa sáng tác nhiều ca khúc rồi phổ

nhạc dạy cho các ca nữ hát. Những bài ca do nàng sáng tác rất tuyệt diệu nên được truyền đi khắp phường ca kỹ và nàng được nổi tiếng. Nhiều bậc tao nhân mặc khách chốn kinh thành đổ xô tìm đến nàng để xướng họa, ngâm vịnh với hy vọng chiếm lấy trái tim nàng. Nhưng đôi mắt xanh của Tiết Đào chẳng để ai lọt vào cả.

Sau một thời gian dành dụm vốn liếng, Tiết Đào tạo được một ngôi nhà bên cầu Vạn Lý. Nàng sáng tạo ra một loại giấy có vẽ cò hoa rất đẹp dùng để làm thơ; được người đương thời đặt tên là "Hoa tiên tùng giang".

Bấy giờ có quan Tư Mã đất Thiểm Châu là Vương Kiến mến tài Tiết Đào nên tìm đến thăm và tặng nàng một bài tứ tuyệt như sau:

"Vạn lý kiều biên nữ Hiệu thư
Tỳ bà hoa hạ bế môn cư.
Tảo my tài tử tri đa thiểu
Quân lĩnh đông phong tối bất như".
(Nàng Hiệu thư lang ở bến sông
Tỳ bà tươi thắm rủ bên song
Ngày xuân cửa đóng hoa ngăn gió
Bao kẻ tới mày đã uổng công) (1)

Đến đời vua Đường Hiến Tông, quan Tả Thập Di Nguyên Chẩn là bậc danh sĩ đương thời đi công cán ở đất Ba Thục có tìm gặp Tiết Đào. Hai người đối ẩm và cùng nhau xướng họa ra vẻ đương đắc lắm. Thế là cả hai bỗng trở nên quyến luyến nhau. Nhưng rồi Nguyên Chẩn phải trở lại Tràng An, nàng Tiết Đào đành rơi lệ ngậm ngùi tiễn biệt.

Chẳng bao lâu sau, tướng trấn thủ Tây Xuyên là Lưu Tích tạo phản, đột phá Thành Đô. Nguyên Chẩn lấy làm lo lắng thuê người vào đất Thục tìm Tiết Đào, nhưng nhiều lần như thế mà

vẫn không đi được vì đường xá bị gián đoạn. Từ đó, hai người bặt tin nhau.

Ngày tháng dần qua, tuổi đời chồng chất, Tiết Đào buồn duyên tủi phận nên lui về đầm Bạch Hoa khoác áo cà sa tu niệm. Đến năm Thái Hòa thứ năm triều Đường Văn Tông, Tiết Đào qua đời vì bệnh.

---

(1) Bùi Khánh Đản dịch.

TỐNG NGỌC : người nước Sở. Xem điển tích TƯỜNG ĐÔNG, trang 56.

TRÀNG KHANH: tức Tư Mã Tương Như, người đời Hán. Xem điển tích TƯ MÃ PHƯỢNG CẦU, trang 165.

*

*   *

SÂN HÒE đôi chút thơ ngây
Trân cam ai kẻ đỡ thay việc mình.

(Câu 1257, 1258. Kiều nhớ nhà khi ở thanh lâu)

Thừa gia chẳng hết nàng Vân
Một cây CÙ MỘC, một sân QUẾ HÒE.

(Câu 3237, 3238. Kiều sum họp với gia đình)

SÂN HÒE : Sân trồng cây Hòe. Hòe là một thứ cây trồng ở ngoại triều (Nhà vua có tam triều là Yến triều, Nội triều và Ngoại triều). Theo sách Châu lễ, trước mặt các vị Tam công (Thái Sư, Thái Phó và Thái Bảo) đứng được trồng ba cây Hòe.

Vương Hựu, người đời Tống, tự tay trồng ba cây Hòe trong sân nhà ông và nói rằng :

- Con cháu ta sau này sẽ có đứa làm đến chức Tam công.

Quả nhiên về sau, con Vương Hựu là Vương Đán làm đến Tam công.

CÙ MỘC : Cây to lớn có cành lá sum suê rũ xuống để cho dây bìm, dây sắn leo lên được. Nghĩa bóng của chữ Cù Mộc là chỉ người vợ cả hiền đức, che chở cho người vợ lẻ của chồng.

SÂN QUẾ : Sân trồng cây Quế. Quế cũng là một loại cây quý như cây Hòe. Đời Ngũ Đại, Đậu Võ Quân làm quan Gián Nghị Đại phu, rước danh nho về nhà để dạy cho những học trò nghèo.

Đậu làm quan rất nhân hậu, nổi tiếng gần xa nên kẻ sĩ bốn phương hay đến nhờ vả ông. Ai có thực tài đều được ông tiến cử với triều đình. Ông ở tại Yên Sơn nên người đương thời cũng thường gọi ông là Đậu Yên Sơn, không gọi tên thật để tỏ ý kính trọng.

Đậu Quân có năm người con trai kế tiếp nhau đỗ đạt cao,

bước đường công danh hiển hách; được người đời xưng tụng là "Yên Sơn Đậu thị ngũ Long" (Năm con Rồng họ Đậu ở Yên Sơn).

Phùng Đạo nói: "Đậu Quân biết dạy đạo đức cho năm đứa con nên chúng giống như năm cành quế vậy".

*

* *

Khi về hỏi LIỄU CHƯƠNG ĐÀI
Cành Xuân đã bẻ cho người chuyên tay.

(Câu 1261, 1262. Kiều ở lầu xanh)

Hai câu này, Nguyễn Du dịch từ bốn câu thơ của Hàn Hủ đời Đường gởi cho vợ là Liễu thị :

"Chương Đài Liễu, Chương Đài Liễu
Tích nhật thanh thanh kim tại phủ
Túng sử trường điều tự cựu thùy
Dã ưng phan chiết tha nhân thủ" ?
(Liễu Chương Đài, Liễu Chương Đài
Còn chăng thuở trước vẻ xanh tươi
Thướt tha vẫn giống như năm nọ
Vin bẻ đành tay kẻ khác rồi) ?

Hàn Hủ, người đời Đường, tuy chỉ là một chân Tú tài nhưng đã nổi tiếng là danh sĩ. Cuối đời Thiên Bảo triều vua Đường Huyền Tông, Hàn đến kinh đô Trường An để chuẩn bị thi Tiến sĩ; trọ ở phố Chương Đài phía Tây kinh thành.

Bên cạnh nhà Hàn có Liễu thị là một danh kỹ đương thời; con hát riêng (1) của một vị tướng quân họ Lý. Mỗi khi Lý đến nhà Liễu thị, thường mời Hàn sang uống rượu, lâu ngày thành ra thân quen.

Phần Liễu thị, những lúc thư nhàn vẫn thường nhìn qua kẽ vách dòm sang nhà Hàn. Liễu thị thấy Hàn Hủ tuy đang cảnh nghèo khó nhưng tánh tình lại phóng khoáng và rất hiếu khách, mỗi khi có khách đến đều tiếp đón ân cần. Nhân ngày nọ Lý tướng quân đến, Liễu thị nói với ông ta rằng :

- Hàn Tú Tài tuy ngày nay đang cảnh cùng quẫn nhưng lại giao thiệp toàn là những kẻ có tiếng tăm, chắc cũng chẳng nghèo

hèn mãi đâu. Đã nhận nhau là bạn thân, thiếp thiết nghĩ ngài cũng nên giúp đỡ ông ấy.

Lý tướng quân gật đầu cho lời Liễu thị là phải.

Mấy hôm sau Lý tướng quân cho Liễu thị bày tiệc, rồi mời Hàn sang dự. Giữa tiệc, Lý nói với Hàn :

- Hàn Tú tài là bậc danh sĩ hiện nay mà Liễu thị cũng là một danh sắc. Lấy danh sắc mà sánh duyên cùng danh sĩ thì chẳng đáng lắm sao ?

Nghe thế, Hàn Hủ hết sức ngỡ ngàng nên khăng khăng từ chối. Lý tướng quân lại nói :

- Đấng trượng phu thân nhau trong chén rượu; nếu được một lời nói hợp ý thì người ta cũng có thể lấy cái chết mà hứa với nhau. Nay tôi chỉ tặng Hàn Tú tài một người đàn bà, có gì thái quá đâu mà ông lại từ chối, chẳng hóa ra phụ lòng tôi hay sao ?

Rồi Lý nhất định ép Hàn và Liễu phải thuận tình nhau. Ông ta lại nói riêng với Hàn Hủ :

- Ông cứ chịu nghèo mãi thế này thì làm sao mà bay nhảy được. Liễu thị có vốn riêng độ vài trăm vạn, ông cứ lấy ra mà tiêu dùng. Nàng là một người đàn bà hiền thục, tôi chắc rằng nàng sẽ hết lòng với ông.

Rồi Lý tướng quân từ biệt hai người. Từ đó Lý không lui tới nhà Liễu thị nữa... Còn Hàn Hủ thì dọn sang nhà Liễu thị ở. Hai người chính thức sống với nhau trong tình nghĩa vợ chồng. Tình yêu của họ ngày càng thắm thiết.

Tuy là một danh sĩ có tài văn mặc nhưng Hàn Hủ vẫn không đỗ được Tiến sĩ. Chàng cũng không lấy thế làm buồn phiền. Vài bốn năm sau, quan Tiết độ sứ Thanh Châu là Hầu Hi Dật, vốn ái mộ văn tài của Hàn Hủ đã lâu, tâu với nhà vua xin chàng về làm tòng sự. Nhà vua thuận.

Đường từ kinh đô đến Thanh Châu xa xôi muôn dặm, Liễu thị không tiện theo chồng nên Hàn Hủ đi nhậm chức một mình, hẹn khi ổn định sẽ cho người về đón.

Chẳng ngờ Hàn Hủ ở Thanh Châu đằng đẵng ba năm mà vẫn không đón Liễu thị được. Nhân một ngày kia có người từ triều đình đến, Hàn Hủ gởi thư về cho vợ, trong thư có bốn câu thơ nêu trên.

Liễu thị nhận được thư Hàn, xem mấy câu thơ ấy biết chồng có ý lo sợ mình phụ bạc chàng nên viết thư hồi âm, có mấy câu :

"Dương liễu chi, phương chi tiết,
Khả hận niên niên tặng ly biệt.
Nhất diệp tùy phong hốt báo thu,
Túng sử quân lai khởi kham chiết".
(Nhành dương liễu, trạc xuân xanh
Đeo đẳng bao năm mối biệt tình.
Chiếc lá gió đưa, thu đã tới
Chàng về chưa chắc được vin cành).

Sau đó, Liễu thị xuống tóc xin vào chùa nương thân để tránh lũ bướm chòm ong. Thế mà nàng vẫn không thoát khỏi tay Sa Tra Lợi, một Phiên tướng đang giữ chức Xạ Kỵ tướng quân của vua Đường Huyền Tông. Sa Tra Lợi bắt Liễu thị làm thiếp, cho ở phủ riêng.

Mấy năm sau, Tiết độ sứ Hầu Hi Dật có dịp về kinh, Hàn Hủ cũng tháp tùng cùng về. Về tới kinh đô Trường An, Hàn Hủ mới biết vợ mình đã sa vào tay kẻ khác. Vì thế cô, phận nhỏ, Hàn Hủ chỉ biết âm thầm đau khổ chớ chẳng biết làm sao hơn.

Một buổi nọ, Hàn vào tòa Trung thư của triều đình, khi đi tới góc đông nam kinh thành thì trông thấy một chiếc xe ngựa đi thong thả. Bỗng trong xe có tiếng người hỏi :

- Có phải Hàn viên ngoại ở Thanh Châu đó không ?

Hàn Hủ đáp :

- Phải, chính tôi.

Rèm xe được vén lên và vẫn giọng nói ấy :

- Thiếp là Liễu thị đây. Nay thiếp đã bị sa vào tay Sa Tra Lợi, không thể nào thoát ra được. Ngày mai thiếp sẽ trở về qua đường này, xin chàng hãy đến đây để được gặp nhau lần cuối.

Rồi xe chạy đi. Hôm sau, vào đúng giờ hẹn, Hàn Hủ đến ngay chỗ cũ thì bắt gặp một chiếc xe cũng vừa đi tới. Trong xe ném ra một chiếc khăn hồng bọc hộp sáp thơm và có giọng nói thổn thức vang lên :

- Thôi, từ nay ta xa nhau suốt đời...

Rồi xe vụt chạy nhanh. Hàn đứng lặng nhìn theo mà rơi nước mắt. Tối hôm ấy Hàn đi dự một yến tiệc tại một tửu lâu lớn giữa kinh thành, do một viên Đại hiệu ở đất Lâm Truy khoản đãi. Trong tiệc, ai nấy đều vui vẻ nói cười, chỉ riêng Hàn mặt ủ mày ê. Có người hỏi :

- Xưa nay trong mọi cuộc yến ẩm, Hàn viên ngoại đều tỏ ra hoạt bát vui vẻ lắm kia mà. Cớ sao hôm nay trông ngài buồn bã làm vậy ?

Không dằn được ngọn trào lòng, Hàn Hủ đem chuyện mình kể cho cử tọa cùng nghe. Khi Hàn vừa dứt lời, cử tọa nghe có một tiếng "xoảng" vang lên và một giọng nói oang oang :

- Ở giữa chốn kinh đô phồn hoa mà cũng có chuyện bất bình ấy hay sao? Tiểu nhân vốn tài hèn sức mọn nhưng cũng xin được ra tay đem phu nhân về cho Hàn viên ngoại, xin ngài hãy viết cho tôi mấy chữ để làm tin với phu nhân. Nếu việc không thành, tôi nguyện nát thân như chiếc chén ấy.

Mọi người nhìn kỹ thì chàng trai vừa đập chén rượu nói lời khẳng khái ấy là Hứa Tuấn, một viên tướng trẻ của Ngu hầu. Mọi người cùng khen phải, đốc thúc Hàn Hủ viết thư.

Hứa Tuấn nhận thư của Hàn, lấy ngựa phóng nhanh đến tư dinh của Sa Tra Lợi. Cũng may là lúc ấy Sa Tra Lợi vắng nhà, Hứa Tuấn nói dối với đám gia nhân rằng :

- Tướng quân bị ngã ngựa nặng lắm e khó qua. Ngài bảo tôi về rước phu nhân cho ngài gặp mặt.

Giọng Hứa Tuấn sang sảng nên Liễu thị ở trong phòng nghe rất rõ. Nàng vội vàng chạy ra thì Hứa Tuấn trao cho nàng bức thư của Hàn Hủ. Liễu thị xem xong thư thì được Hứa Tuấn đỡ lên ngựa và ra khỏi dinh. Hứa ra roi cho tuấn mã phóng như bay trở lại tửu lâu, nơi mọi người đang chờ đợi.

Mọi người trông thấy Hứa Tuấn đem Liễu thị đến như lời chàng hứa, đều nức nở khen chàng là người nghĩa khí và dũng lược. Riêng Hàn Hủ và Liễu thị ôm nhau mừng mừng tủi tủi.

Hôm sau, tất cả mọi người đều đưa nhau đến nhà Hầu Hi Dật trình bày câu chuyện và xin ông can thiệp giúp. Nghe việc làm nghĩa khí của viên tướng trẻ Hứa Tuấn, Hầu Hi Dật cả cười nói :

- Đó là việc mà thuở còn trai trẻ ta vẫn thường làm. Nay Hứa Tuấn cũng được như thế nữa ư ?

Rồi Hầu Hi Dật làm biểu dâng lên nhà vua, bắt tội Sa Tra Lợi cướp đoạt vợ người. Nhà vua xem biểu, châu phê :

"Ban cho Xạ kỵ tướng quân Sa Tra Lợi hai mươi tấm lụa quý. Hoàn trả Liễu thị về cho Hàn viên ngoại đất Thanh Châu".

---

(1) như "gái bao" ngày nay.

*

*   *

HOA KHÔI mộ tiếng Kiều nhi
Thiếp hồng tìm đến hương khuê gởi vào

(Câu 1279, 1280. Thúc Sinh tìm đến Kiều)

Nàng đà GIEO NGỌC, TRẦM CHÂU
Sông Tiền đường đó, ấy mồ *hồng nhan*.
(Câu 2963, 2964. Kiều nhảy xuống sông Tiền Đường)

HOA KHÔI : Đứng đầu trong các loại hoa, nghĩa là người đẹp nhất trong đám gái thanh lâu, hồng lâu. Vào đời vua Vạn Lịch nhà Minh, kỹ nữ Đỗ Thập Nương ở Bắc Kinh được xưng tụng là "Hoa khôi vương tử".

GIEO NGỌC, TRẦM CHÂU : Nghĩa đen là ném ngọc quý, châu báu xuống sông. Nghĩa bóng để chỉ người đẹp gieo thân xuống sông tự tử. Tích "gieo ngọc trầm châu" để chỉ vào Hoa khôi vương tử Đỗ Thập Nương như sau :

Đỗ Thập Nương, một danh kỹ đất Bắc Kinh vào đời vua Vạn Lịch nhà Minh. Nàng tên thật là Đỗ Mỹ, thứ mười nên trong kỹ viện gọi nàng là Đỗ Thập Nương. Nàng sa chân vào kỹ viện từ năm mười ba tuổi, đến năm thứ 20 đời vua Vạn Lịch thì Đỗ Thập Nương đã được mười chín tuổi. Tài sắc Đỗ Thập Nương đứng vào bậc nhất đám kỹ nữ ở kinh đô nên nàng được mọi người xưng tụng là Hoa khôi vương tử. Bao nhiêu vương tôn, công tử, bao nhiêu đạt quan quý nhân đều chết mê chết mệt với nàng.

Trong số khách làng chơi bấy giờ có Lý Giáp tự Cam Tiến là học trò trường Quốc tử giám Bắc Ung (tức trường Giám ở Bắc Kinh) cũng đem lòng đắm say Đỗ Thập Nương. Lý Giáp vốn người phủ Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang và là con trai lớn của quan Bố Chính tỉnh ấy.

Đỗ Thập Nương thấy Lý công tử là người thật thà trung hậu nên cũng dành cho chàng cảm tình đặc biệt. Đỗ thị một phần

cũng chán ngán cuộc đời "đưa người cửa trước, rước người cửa sau" nên muốn nhân cơ hội này kết nghĩa với Lý Giáp để hoàn lương. Nàng đem ý mình bàn với Lý Giáp nhưng chàng công tử còn ngán sợ phụ thân không bằng lòng nên chưa dám nhận lời. Tuy nhiên, hai người rất là gắn bó với nhau suốt ngày đêm; đến nỗi Đỗ Thập Nương không còn thiết đến việc tiếp khách khác nữa.

Ngày qua tháng lại, Lý Giáp quấn quít với Đỗ Thập Nương đã hơn một năm. Tiền bạc cạn dần nên chàng không còn hào phóng như lúc đầu được nữa. Bấy giờ thì mụ tú bà ra mặt coi thường chàng công tử họ lý. Mặt khác, cụ Bố Chính ở Triết Giang nghe tin con trai ở kinh đô ăn chơi trác táng thì giận lắm, viết thư gọi Lý phải trở về. Thư đến đã mấy lần nhưng Lý quá say mê Đỗ Thập Nương nên không đành dứt áo ra đi.

Một ngày nọ, mụ tú bà trách móc thẳng Đỗ Thập Nương về việc đeo mang Lý công tử. Đỗ Thập Nương nói :

- Lý công tử có phải tay không vào đây đâu ?

Mụ tú sẳng giọng :

- Trước khác nay khác. Này, mày hãy bảo thằng khốn ấy còn lưng tiền vốn bao nhiêu thì đưa cho tao rồi chúng mày dắt nhau mà cút xéo khỏi nơi đây. Tao mua đứa khác về để còn kiếm đồng lời mà sống. Như vậy thì tiện cả cho đôi bên.

Đỗ Thập Nương hỏi lại :

- Mẹ bảo thật hay đùa đấy ?

Mụ tú vốn biết Lý Giáp đã cạn túi, áo quần đẹp cũng đã đem cầm cố hết rồi, nên mụ nói mạnh :

- Mụ già này xưa nay chưa từng nói sai bao giờ.

- Vậy thì mẹ đòi bao nhiêu tiền ?

- Đối với người khác muốn chuộc mày thì tao phải lấy ngàn

vàng đấy. Nhưng Lý công tử bây giờ đã cạn lưng rồi, tao thòng cảm chỉ lấy ba trăm lạng bạc thôi, nhưng với điều kiện là nội trong ba ngày phải có đủ. Nếu không thì tao tống cổ ngay, chẳng vị nể công tử công tôn gì cả.

Đỗ Thập Nương nói :

- Lý công tử đất khách kẹt tiền, nhưng ba trăm lạng thì có lẽ chàng sẽ lo được, có điều ba ngày thì ít thời gian quá, xin mẹ gia hạn cho mười ngày vậy.

Mụ tú lại nghĩ rằng không thể nào Lý Giáp lo được ba trăm lạng bạc dù cho một trăm ngày chớ không chỉ mười ngày. Mà nếu không lo được bạc thì phải xấu hổ tự lánh đi mà thôi. Vì nghĩ thế nên mụ gật đầu nói :

- Thôi được, tao cũng thương tình mày mà gia hạn cho mười ngày đấy.

Đêm ấy, Đỗ Thập Nương và Lý Giáp bàn tính chuyện trăm năm. Lý Giáp nói :

- Vậy để ta đến những nơi bạn bè quen biết xưa nay, bảo với họ là ta cần lộ phí để về quê, may ra thì mượn được mỗi người một ít và gom lại chắc cũng đủ ba trăm lạng nộp cho mụ ấy.

Hôm sau Lý Giáp rời khỏi hành viện, đến nhà các bạn bè quen thuộc giả cách chào từ biệt để lên đường về quê. Sau cùng chàng hỏi mượn tiền để làm lộ phí. Nhưng đi đến đâu cũng bị từ chối cả, chẳng mượn ai được đồng nào.

Đã ba ngày trôi qua mà Lý Giáp không xoay xở được tiền, lấy làm xấu hổ không dám nói thật với Đỗ Thập Nương. Ngày thứ tư, chàng đến nhà Liễu Ngộ Xuân là người bạn thân nhất và cũng là người đồng hương để tá túc. Liễu Ngộ Xuân cũng là học trò trường Giám như Lý. Thấy Lý mặt ủ mày ê, Liễu Ngộ Xuân hỏi nguyên do. Lý bèn đem chuyện mình và Đỗ Thập Nương toan

tính nói cho bạn nghe, không giấu diếm điều gì cả. Liễu Ngộ Xuân nghe chuyện, nhưng cũng chẳng giúp Lý được gì.

Ba ngày nữa trôi qua, Lý Giáp buồn bã đi ra phố giải khuây, vô tình gặp Tứ Nhi là con hầu của Đỗ Thập Nương. Tứ Nhi nói :

- Thưa Lý công tử, công tử đi đâu ba ngày nay chẳng về ? Đỗ cô nương sai con đi tìm công tử đây.

Lý Giáp thấy ngượng, đáp :

- Ta bận việc lắm, ngươi về nói với Đỗ cô nương là ngày mai ta sẽ về.

Tứ Nhi túm chặt lấy tay áo Lý Giáp, nói :

- Công tử phải về ngay bây giờ. Đỗ cô nương dặn con phải tìm cho bằng được công tử về.

Không thể nào từ chối được, phần cũng nhớ Đỗ Thập Nương quá nên Lý Giáp đành phải theo Tứ Nhi trở về hành viện. Thấy Lý Giáp về, Đỗ Thập Nương hỏi :

- Công tử lo việc đến đâu rồi ?

Lý Giáp không trả lời nhưng nước mắt ròng ròng. Đỗ Thập Nương nói :

- Nhân tình bạc bẽo, không chạy nỗi ba trăm lạng phải không. Này, chuyện này chớ để mụ tú biết nhé. Đêm nay chàng cứ ở lại đây, thiếp có chuyện bàn với chàng.

Rồi Thập Nương bày rượu và thức nhắm ra, hai người chuốc chén. Nàng nói :

- Trong chiếc chăn bông của thiếp có một trăm năm mươi lạng bạc vụn thiếp dành dụm bấy lâu nay. Vậy thiếp xin đóng góp với chàng một nửa, còn một nửa chàng hãy ráng chạy cho ra, chỉ còn có bốn ngày nữa là hết hạn đấy.

Lý mừng vô hạn. Hôm sau chàng đem chiếc chăn bông của Đỗ thị đến nhà Liễu Ngộ Xuân mở ra, quả thật có một số bạc vụn, đem cân thì đủ số một trăm năm mươi lạng. Lý thuật lại lời của Đỗ Thập Nương cho Liễu nghe. Ngộ Xuân lấy làm cảm động, nói:

- Vậy là Thập nương thật lòng với huynh đấy. Thôi cứ yên tâm, để đệ lo toan cho.

Lý Giáp nói :

- Nếu nhân huynh giúp cho đệ được người ngọc, quyết không dám phụ ơn.

Liễu Ngộ Xuân tự mình đi đến những chỗ quen biết vay mượn. Chỉ hai ngày là góp được một trăm năm mươi lượng, giao cho Lý Giáp, nói :

- Tôi vay tiền cho anh không phải vì anh, mà vì cảm cái tình của Đỗ Thập Nương đối với anh đó.

Lý Giáp đem đủ ba trăm lạng bạc về hành viện giao cho Đỗ Thập Nương. Nàng hỏi :

- Sao lần này chàng chạy ở đâu mà nhanh thế ?

Lý Giáp kể cho nàng nghe lòng nhiệt thành của Liễu Ngộ Xuân.

Đỗ Thập Nương nói :

- Số bạc này giao xong là chàng và thiếp ra đi ngay.

Rồi nàng đưa cho Lý hai mươi lạng bạc, nói tiếp :

- Hôm qua thiếp mượn của chị em trong viện được hai mươi lạng đây, chàng giữ lấy để chi dụng trong lúc đi đường.

Ngay lúc ấy thì mụ tú bà đến gọi ngoài cửa. Lý công tử mở cửa, nói :

- Thể theo hậu ý của bà, tôi đã lo đủ ba trăm lạng, định đi

mời bà thì bà lại đến.

Lý Giáp nói xong, lấy ba trăm lạng bày ra trên bàn. Mụ tú không ngờ Lý Giáp có tiền, mặt mày biến sắc. Đỗ Thập Nương nói :

- Con ở trong hành viện này đã nhiều năm, làm ra cho mẹ có đến mấy nghìn lượng. Hôm nay con quyết ý tòng lương, nếu mẹ không giữ đúng lời hứa thì Lý công tử cứ giữ lấy số bạc, còn con thì quyên sinh cho xong.

Mụ tú bà đành phải chấp thuận, cân lại bạc và nói :

- Đã đến lúc ta không giữ được con rồi. Vậy thì con muốn ra đi lúc nào tùy ý, nhưng của cải, quần áo ta đã sắm cho con thì con không được lấy đi thứ gì.

Đỗ Thập Nương bèn dắt Lý Giáp đi chào từ giã các chị em trong viện. Trong số các chị em, hai nàng Tạ Nguyệt Lãng và Từ Tố Tố là hai người thương Đỗ Thập Nương nhiều nhất. Hai nàng thấy Đỗ Thập Nương mặc quần áo cũ lại không có đeo đồ trang sức bèn đi chọn xiêm y mới và lấy đồ nữ trang cho Thập nương thay đổi. Rồi nàng Tạ Nguyệt Lãng bày tiệc thết đãi Đỗ thị và Lý công tử.

Hôm sau, Đỗ Thập Nương và Lý Giáp lên đường. Từ Tố Tố báo tin cho đông đủ chị em trong hành viện đến tiễn đưa. Tạ Nguyệt Lãng nói :

- Thập nương cùng chồng ra đi muôn dặm, trong túi nhẹ tênh. Chúng em không quên tình nghĩa, nên cùng góp lại một chút quà mọn, xin chị và Lý công tử nhận để làm lộ phí trên bước đường xa...

Nói xong, Tạ Nguyệt Lãng cho người mang ra một chiếc rương có khóa cẩn thận, giao cho Đỗ Thập Nương. Thập Nương không từ chối, cũng không mở ra xem, chỉ bày tỏ lòng cảm tạ mà

thôi. Xe ngựa đã đến, chị em đồng nghiệp tiễn đưa đông đủ; có cả Liễu Ngộ Xuân đến tiễn nữa. Hai vợ chồng Đỗ Thập Nương bịn rịn từ giã mọi người, lên đường.

Hai người đi đường bộ đến Lộ Hà thì chuyển sang đường thủy đến Qua Châu rồi chuyển sang một chiếc thuyền nhỏ khác để xuôi về Giang Nam. Một đêm trăng trong gió mát, hai vợ chồng ra trước mũi thuyền ngồi đối ẩm thưởng trăng trong khi neo thuyền ngơi nghỉ. Đỗ Thập Nương cảm thấy lòng đầy hưng phấn nên cất tiếng hát một khúc "Tiểu đào hồng".

Đêm ấy cũng có một chiếc thuyền buôn muối đậu gần đó. Chủ chiếc thuyền buôn muối là một chàng trai trẻ tên Tôn Phú tự Thiện Bôn, người ở Tân An thuộc Huy Châu, vốn là một kẻ ăn chơi sành sõi. Tôn Phú nghe được tiếng hát của Đỗ Thập Nương chẳng khác nào tiếng phượng hót loan ngâm, bèn nghĩ rằng: "Người đang hát kia chắc chắn không phải là con nhà lành, thế nào ta cũng phải tìm cách gặp mặt được nàng ấy".

Sáng sớm hôm sau, vì trời nổi gió tuyết nên các thuyền bè không thể lên đường được. Tôn Phú cho thuyền mình đến gần thuyền của Lý Giáp và ngẫu nhiên trông thấy Đỗ Thập Nương. Chàng ta ngây ngất trước nhan sắc của Đỗ thị, bèn cất tiếng ngâm thơ :

"Tuyết ngập sườn non, Cao sĩ mộng

Trăng soi rừng vắng, mỹ nhân sàng."

Lý Giáp nghe có tiếng ngâm thơ ở thuyền bên cạnh bèn ló đầu ra ngoài quan sát. Tôn Phú chụp ngay cơ hội lên tiếng làm quen :

- Chào tôn huynh, xin tôn huynh cho biết quý tính phương danh.

Lý công tử thấy khách có vẻ lịch sự nên vui vẻ khai quê

quán, tánh danh mình. Tôn Phú nói :

- Gió tuyết ngăn trở lộ trình, vậy xin mạo muội kính mời tôn huynh cùng đệ lên bờ tìm chén rượu nhạt để tỏ tình tri ngộ.

Lý Giáp đáp :

- Bình thủy tương phùng, tôn huynh đã có nhã ý thì đệ xin vâng lời.

Hai người cho thuyền cập bến rồi cùng lên bờ tìm một tửu lâu, đối ẩm. Rượu được vài tuần, Tôn Phú hỏi :

- Người ca trên thuyền của tôn huynh đêm hôm qua là ai thế ?

Lý Giáp cũng muốn khoe mình là một trang phong lưu công tử, nên đem hết chuyện của mình và Đỗ Thập Nương nói cho Tôn Phú nghe. Nghe xong chuyện, Tôn Phú nói :

- Huynh đưa người đẹp hồi gia, quả là một chuyện lý thú của huynh, nhưng không biết nghiêm đường có vui lòng thuận tình chăng ?

Lý Giáp thật tình nói :

- Phụ thân của đệ xưa nay vốn tính nghiêm khắc, đệ đang lo điều ấy đấy.

Tôn Phú chộp lấy cơ hội, hỏi tiếp :

- Giả như nghiêm đường không chấp thuận, thì tôn huynh sẽ đưa người đẹp đi đâu ?

- Đệ đã bàn với Đỗ Thập Nương, định để nàng ở lại Tô Hàng dạo chơi non nước một thời gian. Đệ về nhà nhờ người thân năn nỉ phụ thân chấp thuận rồi cho rước nàng về sau. Ý huynh thế nào ?

Tôn Phú nói :

cho nghiêm đường phẫn nộ. Mà sở dĩ cụ nhà giận huynh là cũng vì huynh mê hoa luyến liễu, phá sạch tiền của chẳng chịu học hành. Ngày nay nếu huynh trở về nhà với hai bàn tay không, chẳng khác gì huynh chọc giận thêm ông cụ. Nếu huynh có thể cắt đứt được dây oan tình ái thì đệ xin tình nguyện tặng huynh ngàn lạng vàng. Huynh đem ngàn lạng vàng về trình gia nghiêm, nói là ở kinh lâu nay chăm chỉ học tập, chẳng tiêu phí phóng túng điều gì. Cụ nhà tất sẽ tin lời thì gia đình được hòa mục. Thế là huynh đã chuyển họa thành phước, khá nên nghĩ kỹ vậy. Không phải đệ ham muốn người đẹp của huynh, mà thật lòng muốn giúp huynh đó thôi.

Lý Giáp vốn là một con người có tính do dự, không dứt khoát, nghe Tôn Phú bàn như thế cho là có lý, nên đứng lên chắp tay nói:

- Nghe huynh chỉ giáo chẳng khác nào được mở mắt ra. Hiềm vì Đỗ thị ngàn dặm theo tiểu đệ nên khó thể một lúc dứt tình. Xin để về bàn tính kỹ lại với nàng rồi sẽ tin cho huynh hay sau.

Hai người chia tay trở lại thuyền.

Đêm hôm ấy Lý Giáp cứ trằn trọc, thở vắn thở dài không ngủ được. Đỗ Thập Nương lấy làm lạ nên cật vấn đôi lần ba lượt nhưng Lý chỉ khóc mà không trả lời. Đỗ thị ôm tình quân vào lòng, nói :

- Thiếp và chàng tình chung đã gần hai năm nay, trải biết bao nhiêu cay đắng mới được ngày này. Qua mấy ngàn dặm đường thiếp chưa hề thấy chàng buồn cớ sao hôm nay lại có vẻ bi thương như thế này. Chắc là có duyên cớ gì đây. Vợ chồng sống chết có nhau, xin chàng nói thật với thiếp.

Lý Giáp ngồi lên gạt lệ nói :

- Anh bị khốn quẫn nơi chân trời, nhờ nàng yêu không khinh

bỏ, nhẫn nhục theo nhau. Nhưng suy đi tính lại, nghiêm đường là phương diện quốc gia, bó buộc lễ nghĩa phép tắc; chắc chắn là không chấp thuận cho đôi ta rồi. Tình nghĩa vợ chồng đã không giữ vẹn mà đạo lý cha con cũng tiêu tan... Lúc ban ngày cùng người bạn họ Tôn uống rượu, trù tính chuyện này khiến lòng anh đau như cắt.

- Người bạn họ Tôn của chàng là người như thế nào? Và anh ta trù tính với chàng ra làm sao ?

Lý Giáp thong thả nói :

- Người bạn họ Tôn tên Phú quê ở Huy Châu, làm nghề buôn muối. Đêm qua nhân nghe nàng hát nên có hỏi thăm. Anh có kể lại chuyện đôi ta cho bạn ấy nghe và nói đến sự khó khăn khi trở về nhà. Bạn ấy muốn đem một ngàn lạng vàng làm sính lễ đón nàng. Như thế thì anh có tiền trở về gặp lại mẹ cha, mà nàng cũng có nơi nương tựa. nhưng tình không nỡ dứt nên lòng anh đau đớn lắm.

Sau giây phút kinh hoàng, Đỗ Thập Nương cười nhạt, nói :

- Kẻ bày kế cho chàng quả là một tay hảo hớn. Chàng thu được ngàn lạng vàng còn thiếp thì về tay người khác để cho chàng khỏi mang lụy. Đôi ta bắt đầu ở chữ tình nhưng dừng lại ở chữ lễ, quả là một kế hay tiện cả đôi đường. Nhưng ngàn lạng vàng ấy đâu ?

Lý Giáp gạt lệ nói :

- Chưa được nàng chấp thuận nên anh chưa dám nhận về.

- Vậy sáng mai chàng hãy nhận lời anh ta đi. Khi vàng trao tận tay chàng thì thiếp mới sang thuyền.

Sáng sớm hôm sau, Tôn Phú sai gia đồng sang thuyền Lý Giáp hỏi thăm tin tức. Lý công tử đích thân sang thuyền Tôn Phú

trả lời là Đỗ Thập Nương đã đồng ý.

Tôn Phú lòng mừng khấp khởi, đích thân mang vàng sang thuyền của Lý Giáp. Đỗ Thập Nương cho người cân vàng đủ số, rồi sai mang chiếc rương của mình ra. Nàng lấy chìa khóa mở rương, bên trong có rất nhiều hộp nhỏ. Thập Nương lần lượt mở các chiếc hộp ra, mọi người thấy toàn là châu ngọc quý báu. Nàng cầm tất cả những của quý ấy vất cả xuống sông. Mọi người đều tỏ ý tiếc rẻ nhưng không làm sao cản ngăn nàng được. Đến chiếc hộp cuối cùng đựng toàn là minh châu. Đỗ Thập Nương chưa kịp ném xuống sông thì Lý Giáp có lẽ hối hận nên ôm nàng lại và khóc lóc thảm thiết. Tôn Phú cũng bước đến nói lời khuyên giải hai người. Đỗ Thập Nương đẩy Lý công tử ra, nhìn vào mặt Tôn Phú và nói lớn :

- Ta với Lý lang đã trải qua bao nhiêu gian nan khổ nhọc mới đến được đây. Nhà ngươi mang lòng tà dâm, dùng xảo ngôn để phá hoại hạnh phúc của người khác, chia rẽ vợ chồng ta. Vậy ngươi là kẻ thù của ta, đừng có mơ tưởng cuộc ái ân tội lỗi. Ta chết mà linh thiêng sẽ tố cáo tội ngươi với quỷ thần.

Rồi nàng quay sang Lý Giáp, nói tiếp :

- Thiếp bao nhiêu nạn trải qua cuộc phong trần, gom góp được chút của cải để làm kế phòng thân. Từ khi gặp chàng, hải thệ minh sơn, bạc đầu không xa cách. Trước khi rời kinh đô, thiếp giả làm tặng vật của chị em, của không dưới vạn lạng; định cho chàng mang về gặp cha mẹ để gia đình chàng thấy thiếp có lòng thành mà thu nạp thiếp. Nào ngờ chàng lòng dạ không vững chắc, nghe xảo ngôn của kẻ gian tâm, nửa đường bỏ rơi thiếp. Nay trước mặt mọi người, thiếp mở rương cho tất cả đều thấy và cho chàng biết rằng số ngàn lượng mà chàng cần, chẳng khó khăn gì. Qua chàng là kẻ đôi mắt không người. Mệnh số thiếp chẳng ra gì, phong trần chìm nổi. Tưởng thoát được khỏi chốn yên hoa là an phận tòng lương, ngờ đâu nửa đường bị chàng ruồng bỏ. Vậy là

thiếp không phụ chàng mà chàng đã phụ thiếp.

Dứt lời, Đỗ Thập Nương ôm hộp ngọc nhảy xuống sông. Mọi người hô cấp cứu nhưng dòng sâu nước cuốn, người ngọc đã chìm đắm mất rồi...

*

*   *

"Hay hèn lẽ cũng NỐI ĐIÊU
Nỗi quê nghĩ một hai điều ngang ngang"

(Câu 1317, 1318. Kiều nói với Thúc Sinh)

Điêu là một loài động vật có vú giống như con chuột nên còn gọi là "điêu thử". Loài điêu thử này có rất nhiều ở tỉnh Liêu Đông (Trung Quốc) và ở Triều Tiên. Điêu thử là một loài thú rất rậm lông. Da lông điêu dùng làm áo mặc rất ấm.

Điển tích "nối điêu" xuất xứ trong "Triệu Vương Luân truyện như sau :

Cuối đời Tam quốc, Tư Mã Viêm là con trai Tư Mã Chiêu dứt được nhà Ngụy, lập nên nhà Tấn. Nhưng đến đời con Tư Mã Viêm là Tấn Huệ Đế bất tài, nhu nhược; quyền hành lọt vào tay Giả hậu. Giả hậu là một người tính tình nhỏ nhen, hay đố kỵ ghen ghét. Bà thường xúi giục các quan lại giết hại lẫn nhau. Vì thế chẳng những chốn triều trung không yên mà bên ngoài cũng nhiều xáo trộn. Tiếng oán than của trăm họ vang lên khắp nơi.

Triệu Vương Tư Mã Luân là dòng dõi tôn thất, thấy Hoàng đế hôn ám, Giả hậu tàn ác nên ông quyết tâm gây chính biến. Triệu Vương đem quân về kinh bắt giam Huệ đế, giết chết Giả hậu rồi tự lập làm vua. Khi Triệu Vương lên ngôi, phàm những ai đồng mưu với ông trong cuộc thoán nghịch, bất luận thân phận sang hèn, đều được ông gia tăng phẩm tước, bổng lộc. Nhà vua mới lạm phong như thế nên trong triều ngoài quận đều bàn tán xôn xao. Theo tập tục nhà Tấn, các quan đều dùng đuôi con điêu làm chỏm mũ. Vì sự lạm phong ấy nên người đương thời có câu nói mỉa mai "Điêu bất túc, cẩu vĩ tục" (đuôi điêu không đủ, lấy đuôi chó nối vào). Về sau câu nói ấy thành một thành ngữ. Tuy nhiên, câu thành ngữ ấy đôi khi cũng dùng để bày tỏ ý khiêm

nhường như nhà thơ Chu Tất Đạt có câu: "Công thi như điêu bất phiến trước, ngã tục cẩu vĩ câu không tước". Câu thơ muốn bày tỏ sự vụng về của mình chẳng khác nào dùng đuôi chó nối đuôi điêu vậy.

Câu của Thúy Kiều nói với Thúc Sinh như trên, cũng là để bày tỏ ý khiêm nhượng của nàng.

*

* *

"Thế trong dù lớn hơn ngoài Trước HÀM SƯ TỬ gởi người đằng la"

(Câu 1349, 1350. Kiều tâm sự với Thúc Sinh)

HÀM SƯ TỬ : Chỉ tính hung hăng của người đàn bà, cái oai dữ của người vợ cả.

Sách Truyền Đăng lục chép rằng :

Trần Tháo tự Long Khâu cư sĩ, người đời Tống, là một người uyên bác về Phật học; đã từng ăn chay, ở chùa và không màng đến thế sự.

Trần Tháo chơi thân với Tô Đông Pha, thường cùng với Tô Đông Pha bàn luận về thư pháp, về sự thành bại cổ kim. Trần Tháo có người vợ là Liễu thị, tính hay ghen nên càng ngày càng trở nên hung hăng. Mỗi khi Trần Tháo mở tiệc đãi khách khứa bạn bè, nếu có ca nhi đến hát xướng mua vui thì Liễu thị máu ghen nổi lên, ở nhà trong lấy gậy đánh vào vách, gào thét om sòm. Khách khứa thấy vậy không chịu được, đành phải bỏ tiệc mà ra về.

Do vậy nên Tô Đông Pha làm thơ đùa Trần Tháo rằng :

"Thùy tự Long Khâu cư sĩ hiền
Đàm không thuyết hữu dạ bất miên
Hốt văn Hà Đông sư tử hống
Trụ trượng lạc thủ tâm mang nhiên".

(Ai hiền như cư sĩ đất Long Khâu, bàn về thuyết không thuyết có của nhà Phật, đêm không ngủ. Bỗng nghe sư tử Hà Đông rống lên, gậy chống rơi khỏi tay, lòng bàng hoàng quên hết cả)

Sư tử Hà Đông ở đây là ý Tô Đông Pha chỉ Liễu thị, vợ Trần

Tháo. Sư tử hống là tiếng nhà Phật nói giọng thuyết pháp của Phật âm vang cả thế giới như tiếng sư tử gầm thét. Vì Trần Tháo là người ham thuyết về Phật pháp mà Liễu thị tánh hay gầm gừ chồng nên Tô Đông Pha mượn tiếng "Sư tử hống" để đùa Trần Tháo.

*

*   *

"Cúi đầu luồn xuống mái nhà GIẤM CHUA lại tội bằng ba lửa nồng"

(Câu 1351, 1352. Kiều cật vấn Thúc Sinh)

GIẤM CHUA là để chỉ người đàn bà quá ghen. Còn lửa nồng tức Hỏa khanh, để chỉ nơi thanh lâu.

Theo sách Dị Uyển, điển tích Giấm chua kể chuyện người đàn bà ghen như sau :

Hoàng đế nước Kim có hai nàng cung phi tuyệt sắc, yêu quý lắm, một bước không rời. Tiêu Hoàng hậu và các cung phi khác ghen tức lắm nhưng không làm sao hãm hại hai nàng cung phi kia được; vì hai nàng luôn luôn được Hoàng đế bảo vệ.

Đến khi Hoàng đế già, lâm trọng bệnh và biết rằng không thể sống được nữa nên sắp xếp việc truyền ngôi lại cho Thái Tử. Việc thứ hai là nhà vua gọi Hoàng hậu và các vị cận thần đến bên long sàng dặn rằng :

- Khi trẫm băng hà, các khanh hãy vì trẫm mà chôn theo hai nàng ái phi của trẫm, hầu trẫm bớt phần cô quạnh, an vui nơi suối vàng.

Rồi nhà vua băng hà. Hoàng hậu và các quan cận thần tuân theo di mệnh, bắt hai nàng ái phi chôn theo vua, cạnh bên lăng mộ ngài. Tuy nhiên, trước khi chôn hai nàng ái phi của Kim Hoàng đế, Hoàng hậu nghĩ: "Nếu để hai nàng nguyên vẹn mà chôn, nhan sắc vẫn mặn mà thì xuống âm phủ hai nàng vẫn được nhà vua sủng ái. Rồi họ vẫn hú hí với nhau như lúc sanh tiền thì thật là đáng ghét". Chỉ nghĩ bấy nhiêu đó thôi là Tiêu Hoàng hậu đã nổi cơn ghen tức dữ dội. Bà cho đòi các cung phi trước kia bị nhà vua bỏ rơi, đến cùng bàn bạc.

Có một cung nhân tâu :

- Muôn tâu Hoàng hậu, hai nàng cung phi ấy đã dùng nhan sắc để chinh phục Hoàng thượng lúc sanh tiền, vậy nay ta hãy phá hủy sắc đẹp nó trước đi rồi hãy chôn. Như vậy xuống suối vàng chúng sẽ không còn mê hoặc quân vương nữa được.

Tiêu Hoàng hậu cho ý kiến ấy là hay, nên bà ra lệnh khoét mắt, cạo lông mi, đốt má hồng môi đỏ của hai nàng cung phi kia. Đoạn bà còn cho ngâm xác hai nàng vào giấm chua nữa. Sau nửa ngày ngâm giấm, Hoàng hậu cho vớt xác hai cung phi ấy ra, thấy nhan sắc, thi thể hai nàng đã hoàn toàn bị hủy hoại mới cho đem táng bên kim lăng nhà vua.

*

* *

Một truyền thuyết thứ hai về lòng ghen của người đàn bà được dân gian Trung Quốc kể như sau :

Triều vua Đường Thái Tông, có vị đại thần là Nhiệm Hoàn có một người vợ nổi tiếng ghen tuông đệ nhất trên đời. Hai vợ chồng Nhiệm Hoàn sống với nhau đã hai mươi năm mà không có con. Tuy nhiên Nhiệm Hoàn vẫn không dám chọn hầu thiếp vì vợ quá ghen.

Vua Thái tông biết chuyện, bèn ban tặng cho Nhiệm Hoàn hai cô hầu trẻ đẹp. Liễu Thị, vợ Nhiệm Hoàn, lừa kế bắt hai nàng hầu ấy trói lại và dội nước sôi lên đầu cho hói.

Đường Thái Tông biết chuyện, vừa giận mà cũng vừa tức cười nên cho đòi Nhiệm Hoàn và Liễu thị đến. Trước đó nhà vua đã ra lệnh cho nội thị làm một bình thuốc độc giả bằng giấm chua để sẵn. Khi Nhiệm Hoàn và Liễu thị ra mắt, nhà vua đặt bình rượu độc (giả) trước mặt Liễu thị và phán :

- Từ rày không được ghen nữa. Còn nếu như không bỏ được

tánh ghen thì hãy uống bình rượu độc này.

Liễu thị cung kính tâu :

- Muôn tâu bệ hạ, thiếp với Nhiệm Hoàn là vợ chồng se tơ kết tóc, đã hai mươi năm sướng khổ có nhau. Nay nếu Nhiệm Hoàn có lòng phụ bạc thì thần thiếp xin được chết còn hơn.

Nói xong liền cầm lấy bình rượu độc tu cạn và ngã lăn ra ngủ một giấc mê mệt. Nhiệm Hoàn hoảng hốt chưa kịp lên tiếng thì nhà vua cười lớn, nói :

- Khanh yên tâm, đó chỉ là thuốc ngủ để trẫm thử lòng vợ khanh, chẳng phải rượu độc đâu. Người không sợ chết thì khó lòng đem cái chết mà dọa được. Ghen đến như vợ nhà ngươi thì uy ta cũng đành chịu thua mà thôi.

Cũng nhân chuyện ấy mà Đường Thái Tông nghĩ ra rằng, lòng đàn bà ai cũng như ai, thà chịu chết chứ nhất định không chịu san sẻ tình yêu cho kẻ khác. Vì nghĩ thế nên nhà vua luôn ban ơn mưa móc đều khắp cho các cung phi, không sủng ái riêng ai và để cho ai phải chịu cái cảnh :

"Hồng lâu còn khóa then sương

Thâm khuê còn rấm mùi hương khuynh thành".

(Cung Oán ngâm khúc)

Trông lên MẶT SẮT đen sì
Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời

(Câu 1409, 1410. Quan phủ Lâm Truy thăng đường)

Nghe càng đắm, đắm càng say
Lạ cho MẶT SẮT cũng ngây vì tình.

(Câu 2579, 2580. Hồ Tôn Hiến say mê Kiều)

MẶT SẮT : do chữ Thiết diện, nghĩa là mặt có vẻ sắt đá của những ông quan cương trực không vì tình riêng mà thay đổi lẽ công.

Triệu Biện, người đất Tây An đời nhà Tống, làm quan Điện Trung Thị Ngự sử, nổi tiếng là một ông quan thiết diện vô tư. Mỗi khi đàn hặc các quan trong triều, Triệu Biện không kiêng nể gì những bậc quyền cao tước trọng hơn mình; hay những người được vua yêu mến. Ông được người đương thời quý mến gọi là Thiết diện Ngự sử.

Đời Tống cũng còn một ông quan Thiết diện vô tư thứ hai là Bao Chuẩn thường được gọi là Bao Công.

Câu "Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình" trong truyện Kiều thì Hồ Tôn Hiến không phải là loại quan Thiết diệt vô tư. Ông ta chỉ là loại quan lại "mặt sắt ngu si" chỉ biết ngây dại trước sắc đẹp của giai nhân mà thôi. Thật là mỉa mai...

*

* *

"Thực là tài tử, giai nhân
CHÂU TRẦN còn có Châu Trần nào hơn"

(Câu 1457, 1458. Quan Tri phủ Lâm Truy phán)

Mụ càng xua đuổi cho liền
Lấy lời hung hiểm ép duyên CHÂU TRẦN.
(Câu 2093, 2094. Bạc bà ép duyên Kiều)

Tình xưa ân trả, nghĩa đền
Gia thân bèn mới kết duyên CHÂU TRẦN.
(Câu 2865, 2866. Vương Quan kết duyên với con gái Chung lão).

CHÂU TRẦN : Ở một thôn thuộc huyện Phong tỉnh Giang Tô, xưa kia có hai họ Châu và Trần đời đời kết làm thông gia với nhau. Do đó thôn ấy được đặt tên là thôn Châu Trần. Về sau người ta dùng hai tiếng Châu Trần để chỉ những cuộc hôn nhân tốt đẹp, vợ chồng xứng đôi vừa lứa.

Nhà thơ Bạch Cư Dị thời Thịnh Đường có những câu thơ về hai họ Châu Trần như sau :

"Từ Châu cố Phong huyện
Hữu thôn viết Châu Trần
Nhất thôn duy lưỡng tính
Thế thế vi hôn nhân".

(Ở huyện Phong xưa của đất Từ Châu, có một thôn gọi là Châu Trần. Một thôn chỉ có hai họ đời đời kết làm thông gia với nhau).

*

*   *

"Tin nhà ngày một vắng tin, Mặn tình CÁT LŨY, nhạt tình TAO KHANG"

(Câu 1479, 1480. Kiều khuyên Thúc Sinh về thăm vợ nhà)

CÁT LŨY : do câu "Nam hữu cù mộc, cát lũy oanh chi" nghĩa là bên phía Nam có cây to, dây cát lũy leo lên; ý nói thân phận vợ lẽ.

TAO KHANG có nghĩa là tấm mẳn; do câu "Tao khang chi thê bất khả hạ đường" nghĩa là người vợ tấm mẳn không thể bỏ dưới thềm.

Vua Hán Quang Vũ có người chị là Hồ Dương công chúa góa chồng. Nhà vua muốn chị mình bước thêm bước nữa nên đem tên các quan trong triều ra hỏi ý kiến chị. Hồ Dương Công chúa nói :

- Tống Hoằng là người có nghi biểu khác thường mà tất cả những người khác không ai bì kịp.

Nhà vua biết ý chị mình muốn gá nghĩa với Tống Hoằng nên bảo chị ngồi sau tấm màn rồi cho mời Tống Hoằng đến. Nhà vua hỏi Tống Hoằng :

- Tục ngữ có câu : "Giàu đổi bạn, sang đổi vợ" (phú dịch giao, quý dịch thê) có phải như thế chăng ?

Tống Hoằng tâu :

- Muôn tâu, thần có nghe: "bạn hữu giao tiếp với nhau từ lúc còn nghèo hèn thì không nên quên, người vợ lấy trong lúc còn tấm mẳn thì không nên bỏ dưới thềm" (Bần tiện chi giao mạc khả vong, tao khang chi thê bất khả hạ đường).

Hán Quang Vũ nghe Tống Hoằng trả lời như thế bèn nói

với Hồ Dương Công chúa :

- Thôi, việc không thành rồi.

*

*   *

SÔNG TẦN một giải xanh xanh
Loi thoi bờ liễu mấy cành DƯƠNG QUAN

(Câu 1501, 1502. Kiều tiễn Thúc Sinh về nhà).

SÔNG TẦN, Nguyễn Du lấy ý ở một bài hát cổ là bài Vị Tây :

"Dao vọng Tần xuyên can trường đoạn tuyệt".

(Xa trông nước sông Tần như nát gan đứt ruột).

DƯƠNG QUAN : tên một cửa ải ở về phía Tây Nam huyện Đôn Hoàng tỉnh Cam Túc. Trong bài thơ "Tống Nguyện Nhị sứ An Tây" của nhà thơ Vương Duy (1) thời thịnh Đường có hai câu:

"Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu
Tây xuất Dương quan vô cố nhân".
(Mời người cạn chén rượu này
Dương quan ra khỏi chẳng rày ai quen).

---

(1) VƯƠNG DUY (701 - 761) tự Ma Cật, người Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây, là một nhà thơ kiêm họa sĩ thời thịnh Đường. Chẳng những thơ hay vẽ giỏi, Vương Duy còn rất sành âm nhạc. Ông đỗ Tiến sĩ và làm quan đến chức Thượng Thư Hữu Thừa.

Vương Duy là một nhà thơ yêu thích thiên nhiên và thâm tín đạo Phật. Hàng ngày, ông ăn chay tụng kinh nên tâm hồn thanh cao, khoáng đạt. Ông sở trường về thể thơ Tứ tuyệt. Trong thơ Vương Duy, thiên nhiên hiện ra như bức tranh vẽ. Bởi thế, Tô Đông Pha đời Tống mới nói rằng: "Đọc thơ Ma Cật thấy trong thơ có vẽ, xem tranh Ma Cật thấy trong vẽ có thơ".

Người lên ngựa, kẻ chia bào
RỪNG PHONG, THU ĐÃ NHUỘM MÀU QUAN SAN.

Dặm hồng bụi cuốn chinh an,
Trông người đã khuất MẤY NGÀN DÂU XANH.
(Câu 1519 đến 1522. Kiều tiễn Thúc Sinh về nhà)

"Rừng phong, thu đã nhuộm màu quan san". Câu này lấy ý câu thơ trong Tây Sương ký: "Thu lai thùy nhiễm phong lâm thúy."

Câu thơ trên trong đoạn tả cảnh chia tay giữa Trương Quân Thụy và Thôi Oanh Oanh, khi cậu Trương phải lai kinh ứng thí theo lời buộc của bà lớn, mẹ Oanh Oanh. Đấy là cảnh 1 trong hồi II, phần thứ IV của tuồng Tây Sương Ký ! ;Thôi Oanh Oanh hát đoạn sau đây :

"Bầu trời thăm thẳm xanh lơ
Đìu hiu mặt đất lơ thơ hoa vàng.
Gió tây thổi buốt can tràng
Về Nam, nhạn Bắc kêu thương lạc loài.
Rừng phong ai nhuộm đỏ tươi ?
Phải chăng nước mắt của người biệt ly.
Tơ liễu dài, dài có ích chi ?
Buộc sao được gót ngựa phi dặm trường ?
Sum vui sao khéo muộn màng ?
Chim lìa sao khéo vội vàng xót xa.
Rừng thưa ơi, có thương ta ?
Vì ta, mi níu bóng tà lại nao.
Ngựa kia chầm chậm chứ nào
Xe này liều liệu theo vào cho mau.
Tương tư vừa mới qua cầu
Biệt ly lại chuốc mối sầu mênh mang.
Chợt nghe một tiếng "lên đường"
Rụng rời tay ngọc xuyến vàng rộng thênh.

Xa trông mười dặm trường đình,
Thờ ơ mặt ngọc, da xanh mấy phần".

MẤY NGÀN DÂU XANH : Lấy ý trong "Chinh phụ ngâm khúc" của Đặng Trần Côn (1), đoạn người chinh phụ tiễn chồng lên đường từ câu 63 đến câu 70 :

"Lang cố thiếp hề Hàm Dương
Thiếp cố lang hề Tiêu Tương.
Tiêu Tương yên trở Hàm Dương thụ,
Hàm Dương thụ cách Tiêu Tương giang.
Tương cố bất tương kiến,
Thanh thanh mạch thượng tang.
Mạch thượng tang, mạch thượng tang,
Thiếp ý quân tâm thùy đoản tràng?"

Đoàn Thị Điểm (2) dịch :

Chốn Hàm Dương chàng còn ngảnh lại,
Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang.
Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng, ý thiếp ai sầu hơn ai.

---

(1) ĐẶNG TRẦN CÔN, người làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội. Ông sinh trong khoảng từ 1710 đến 1720 và mất khoảng năm 1745; thọ chưa được 40 tuổi.

Đặng Trần Côn thuở nhỏ chăm học, thi đỗ Hương Cống (Cử nhân) nhưng rớt thi Hội. Bước hoạn lộ đầu tiên là làm Huấn đạo ở trường phủ Chúa Trịnh. Sau được bổ làm Tri huyện Thanh Oai, rồi được thăng Ngự sử đài.

Đặng Trần Côn viết Chinh phụ ngâm khúc trong khoảng từ 1740 đến

1742, là thời kỳ rối ren nhất của lịch sử dân tộc.

(2) **ĐOÀN THỊ ĐIỂM**, hiệu là Hồng Hà nữ sĩ, sinh năm 1705 ở làng Giai Phạm, huyện Văn Giang xứ Kinh Bắc.

Năm 25 tuổi mất cha, Đoàn Thị Điểm đưa mẹ về xã Chương Dương phủ Thường Tín, mở trường dạy học. Đầu năm 1743, Đoàn Thị Điểm nhận lời làm kế thất Tiến sĩ Nguyễn Kiều.

Đoàn Thị Điểm mất năm 1740, lúc 44 tuổi. Ngoài bản dịch "Chinh phụ ngâm khúc" của Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm còn để lại tập "Truyền Kỳ tân phổ".

*

*   *

DUYÊN ĐẰNG thuận nẻo gió đưa
Cùng chàng kết tóc, se tơ những ngày

(Câu 1531, 1532. Hoạn Thư, vợ Thúc Sinh)

Câu "Duyên đằng thuận nẻo gió đưa", Nguyễn Du mượn ý câu thơ cổ "Thời lai phong tống Đằng vương các" (thời tới thì gió đưa đến gác Đằng Vương). Câu này ngụ ý chỉ sự may mắn ở đời.

Tương truyền vua Đường Cao Tông cho một người con làm Thứ Sử Hồng Châu, quận Nam Xương thuộc tỉnh Giang Tây và phong người con ấy tước Đằng Vương. Đằng Vương cho xây một cái gác ở nơi ấy, đặt tên là Đằng Vương các.

Khi Diêm Bá Dư đến nhận chức Đô Đốc ở Hồng Châu, đặt tiệc ở gác Đằng Vương để thết đãi tân khách và các bậc văn mặc. Diêm Bá Dư cũng yêu cầu tân khách đến dự tiệc, mỗi người nên làm một bài tự nói về gác Đằng Vương ngay trong bữa yến.

Vương Bột (1) năm ấy mới mười sáu tuổi, hay tin nhưng lại ở xa mấy trăm dặm nên không biết làm sao đến họp mặt với các văn nhân thi sĩ ở các Đằng Vương. Có một cụ già khuyên Vương Bột cứ chuẩn bị thuyền, chèo và buồm thì tự nhiên sẽ có gió đưa chàng tới nơi. Vương Bột nghe lời cụ già, chuẩn bị đầy đủ thì quả nhiên đêm ấy có gió lớn nổi lên. Chàng dong buồm cho thuyền khởi hành và hôm sau đã đến Đằng Vương các, kịp vào dự tiệc.

Đô Đốc Diêm Bá Dư thấy Vương Bột còn nhỏ quá, có ý coi thường nhưng cũng miễn cưỡng cấp giấy bút cho chàng để làm bài tự Đằng Vương các. Lại sai một người đứng cạnh bên chàng, hễ Vương viết xong câu nào thì người ấy phải sao lại đem trình cho Bá Dư ngay.

Mới đọc mấy câu đầu của bài tự, Diêm Bá Dư rất lấy làm ngạc nhiên về lối văn già dặn của chàng thiếu niên Vương Bột.

Đọc đến hai câu:

"Lạc hà dữ cô vụ tề phi

Thu thủy cộng tràng thiên nhất sắc". (2)

thì Diêm Bá Dư tỏ ra khâm phục Vương Bột vô cùng. Kết cuộc, bài tự Đằng Vương các của Vương Bột trội hơn tất cả các bài của tân khách trong tiệc. Từ đó, Vương Bột vang danh khắp nơi.

---

(1) VƯƠNG BỘT (648 - 675) tự Tử An, sáu tuổi đã biết làm văn. Mười sáu tuổi đã nổi danh với bài tự Đằng Vương các. Vương hạ bút thành câu, văn chương trác tuyệt. Tiếc thay, người tài cao nhưng mệnh yểu; năm hai mươi tám tuổi bị chết đuối ở Nam Hải trong chuyến đi thăm cha làm Thứ Sử Giao Châu.

Vương Bột là một trong bốn thi sĩ cao danh thời Sơ Đường. Ba người kia là Dương Quýnh, Lư Chiếu Lan và Lạc Tân Vương.

(2) Ráng chiều với cò lẻ cùng bay

Nước thu cùng trời dài một sắc.

*

* *

Thú quê THUẦN VƯỢC bén mùi
Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô

(Câu 1593, 1594. Thúc Sinh ở quê nhà với vợ)

THUẦN VƯỢC do chữ Thuần lô tức là "thuần canh lô khoái" (canh rau thuần, gỏi cá vược). Thuần là tên một loại rau, Vược là tên một loại cá giống như cá mè. Hai tiếng Thuần Vược thường để chỉ phong vị món ăn (đặc sản) quen thuộc nơi quê nhà.

Theo Tấn thư thì Trương Hàn người đời Tấn, rất giỏi văn chương và tánh tình phóng khoáng, không hay câu nệ những điều nhỏ nhặt. Trương đến đất Lạc, Tề Vương Quýnh vời đến phong quan.

Trương Hàn thường nói với tả hữu rằng :

- Thiên hạ loạn lạc, mối họa chưa định được, phàm người có tên tuổi trong bốn bể cầu được lui về mà hưởng an nhàn là rất khó.

Nhân một buổi gió đầu thu thổi, Trương Hàn chợt nhớ đến món ăn quen thuộc ở quê mình là canh rau thuần và gỏi cá vược mà ông đã từng ăn, khi chưa đi làm quan. Ông than rằng:

- Nhân sinh quý đắc thích chí, hà năng ký quan sổ thiên lý dĩ yêu danh tước hồ. (Đời người ta quý nhất là được điều thích chí, sao có thể chịu trói buộc mình ở ngoài ngàn dặm mà cầu danh cầu tước).

Rồi Trương Hàn sai tả hữu thắng ngựa, sửa soạn hành lý; ông cáo quan về quê.

*

*　　*

HOÀNG LƯƠNG chợt tỉnh hồn mai
Cửa nhà đâu mất, lâu đài nào đây ?

(Câu 1715, 1716. Kiều bị bắt về phủ Hoạn bà)

HOÀNG LƯƠNG là kê vàng. Kê là một loại trong ngũ cốc có thể nấu chín ăn, vị của nó cũng giống như cơm.

Sở dĩ người đời dùng Kê vàng ghép vào trong giấc mộng là do điển tích "Hoàng lương nhất mộng" trong sách "Dị Văn Tập" như sau :

Đời Đường, có một thư sinh nghèo tên Lư Sinh đi thi không đỗ. Rồi trên đường đến Hàm Đan, chàng dừng chân nghỉ trong một quán trọ. Tủi phận mình nghèo khổ lại thi rớt, Lư Sinh bất giác thở dài.

Lúc ấy trong quán còn có đạo sĩ Lữ Ông. Đạo sĩ cảm thấy thương tình khi nghe Lư Sinh thở dài, nên trao cho chàng chiếc gối bảo kê đầu nằm ngủ thì sẽ được mọi điều như ý. Lúc bấy giờ chủ quán đang bắt đầu nấu nồi kê.

Lư Sinh cảm thấy quá mệt mỏi nên liền kê đầu lên chiếc gối của Lữ Ông trao cho mà ngủ. Trong giấc ngủ, Lư Sinh trải qua một giấc mộng đẹp. Chàng thấy mình đi đến một nước tên gì không rõ, lấy được một người con gái đẹp họ Thôi làm vợ, thi đỗ Tiến sĩ, làm quan trải cả trong ngoài rất vinh hiển. Vợ lại sinh con đủ trai, gái, đều là những đứa trẻ phi phàm, lớn lên đều hiển đạt cả. Sinh lại thấy mình dâng sớ hạch tội Tể tướng Lý Lâm Phủ của Đường triều khiến ông ta bị cách quan. Cuộc đời Lư Sinh phú quý vinh hiển như thế suốt năm mươi năm mới sinh bệnh mà mất.

Lúc cảm thấy sinh bệnh là lúc Lư Sinh nằm lệch chiếc gối vì trở mình, do đó chàng thức giấc luôn. Mở mắt ra, Lư Sinh nhìn thấy Lữ Ông còn ngồi bên cạnh mình, và người chủ quán nấu nồi

kê vẫn chưa chín. Thì ra, những sự vinh hoa phú quý mà Lư Sinh thấy mình được hưởng năm mươi năm qua chỉ là một giấc mộng; thời gian thật là ngắn ngủi...

*

*   *

"Bề ngoài thơn thớt nói cười
Mà trong nham hiểm, GIẾT NGƯỜI KHÔNG DAO"

(Câu 1815, 1816. Kiều nghĩ về Hoạn Thư)

Hai câu thơ trên lấy ý từ câu "Đường Lý Lâm Phủ tiếu trung hữu đao" nghĩa là Lý Lâm Phủ đời Đường, cười mà trong tiếng cười có con dao. Ý nói là con người lòng dạ thâm hiểm, bên ngoài làm ra bộ vui vẻ nhưng kỳ thật trong lòng là chỉ toan tính ám hại người khác.

Đó là điển tích "Khẩu mật phúc kiếm" (Miệng mật lòng gươm) như sau :

Triều vua Đường Huyền Tông, có quan Binh Bộ Thượng Thư tên Lý Lâm Phủ là một kẻ tiểu nhân, tâm địa bất chính và rất nham hiểm. Lý luôn dùng thủ đoạn với mọi người. Thời thường Lý kết giao với bọn hoạn quan và các cung tần mỹ nữ được nhà vua sủng ái. Vì vậy nên Lý luôn được Đường Huyền Tông tin cậy. Và từ chức Binh Bộ Thượng Thư, Lý Lâm Phủ nhảy lên chức Tể Tướng không mấy khó khăn.

Có một lần, Đường Huyền Tông tỏ lời ngợi khen Nghiêm Đình Chi là một vị quan trấn nhậm bên ngoài. Nhà vua tỏ ý muốn triệu Nghiêm về triều phục vụ. Lý Lâm Phủ biết vậy nên sinh ra đố kỵ, rắp tâm mưu hại Nghiêm Đình Chi. Ông ta đến nhiệm sở của Nghiêm Đình Chi, tỏ ý thân thiện và khuyên Nghiêm Đình Chi nên giả bệnh về kinh đô Tràng An dưỡng bệnh, để sau đó tiện cho nhà vua triệu dụng vào chức vụ mới. Nghiêm Đình Chi tưởng thật, nghe lời Lý.

Khi Nghiêm Đình Chi hồi trào thì Lý Lâm Phủ lại tâu với nhà vua rằng, Nghiêm Đình Chi đang mắc phải bệnh ngặt nên không thể nào làm việc được. Thế là Đường Huyền Tông nghe

theo lời Lý Lâm Phủ, không dùng Nghiêm Đình Chi.

Một lần khác, Lý Lâm Phủ đố kỵ với Lý Thích Chi là một trung thần, tính tình ngay thẳng. Lý gặp Lý Thích Chi và nói :

- Trong vùng Hoa sơn tàng trữ rất nhiều quặng vàng, nếu ông có thể khai thác được, chắc là Hoàng thượng vui lòng lắm.

Lý Thích Chi cũng tưởng thật, bèn vào triều tâu lên Đường Huyền Tông cho mình đi khai thác vàng ở vùng Hoa Sơn. Huyền Tông hỏi ý kiến Lý Lâm Phủ, Lý đáp :

- Hoa Sơn là nơi tập trung khí mệnh đế vương, nếu đào xới nơi ấy để tìm vàng, chưa chắc vàng đã có mà lại có hại đến hoàng thượng.

Từ đó về sau, nhà vua không còn tín nhiệm Lý Thích Chi nữa. Do đó, người đương thời thường bảo rằng Lý Lâm Phủ là con người miệng có mật mà lòng có gươm.

*

*   *

"Ví chăng có số giàu sang Giá này dẫu đúc NHÀ VÀNG cũng nên"

(Câu 1901, 1902. Hoạn Thư nói với Thúc Sinh về Kiều)

NHÀ VÀNG là nhà bằng vàng để cho người đẹp ở. Sách Tình sử chép :

Hán Vũ Đế lúc còn nhỏ được phong là Giao Đông Vương. Một hôm Vương được chị là Tưởng Công chúa bồng trên gối và hỏi:

- Đã muốn lấy vợ chưa ?

Vương đáp là muốn. Tưởng Công chúa chỉ tay vào từng người trong số những mỹ nữ đang đứng hầu chung quanh, hỏi Vương ưng cô nào. Vương đều lắc đầu cả. Khi Tưởng Công chúa chỉ đến A Kiều thì Vương bảo được, và nói luôn :

- Nếu được A Kiều làm vợ thì sẽ xin đúc một cái nhà bằng vàng cho nàng ở.

Sau đó Tưởng Công chúa tâu lại vua cha làm lễ thành hôn cho Giao Đông Vương và A Kiều. Năm mười bốn tuổi, Giao Đông Vương lên nối ngôi, hiệu là Hán Vũ Đế. Nhà vua phong A Kiều làm Hoàng hậu.

Sáu năm sau, Tưởng Công chúa cậy công, sanh lòng oán vọng Hán Vũ Đế. Do đó, sự sủng ái của nhà vua đối với Hoàng hậu cũng giảm đi. Hoàng hậu lấy làm buồn rầu lắm. Thời may có một cô đồng mặc trang phục nước Sở gặp hậu, bảo là cô ta có thuật làm cho Hoàng đế hồi tâm sẽ thương yêu Hoàng hậu như cũ. Hoàng hậu dời cô đồng vào cung lập đàn tràng cầu đảo và chế thuốc cho Hoàng hậu uống nữa. Cô đồng lại dùng trang phục của đàn ông mà mặc, cùng Hoàng hậu ăn nằm thân mật như vợ chồng.

Chuyện bị phát giác, Hán Vũ Đế nổi giận trị tội thật nghiêm bọn hoạn quan, cô đồng và những người liên can trong việc chế thuốc và phù chú. Riêng Hoàng hậu thì bị nhà vua phế truất và đày ra cung Trường Môn.

Bấy giờ có người mách cho Hoàng hậu biết ở đất Thục có Tư Mã Tương Như rất giỏi về từ phú. Hoàng hậu liền sai người đem đến cho Tương Như ngàn vàng để nhờ chàng làm cho bài phú giải nỗi oan của bà. Tư Mã Tương Như làm cho Hoàng hậu bài Trường Môn phú để gởi lên vua. Hán Vũ Đế đọc xong bài phú, thở dài rồi cho người rước A Kiều về cung và phục lại chức Hoàng hậu như cũ.

*

* *

Sụt sùi giở nỗi đoạn tràng
Giọt châu tầm tã, ĐẪM TRÀNG ÁO XANH

(Câu 1943, 1944. Thúc Sinh lén thăm Kiều ở Quan Âm các)

Câu "Giọt châu tầm tã, đẫm tràng áo xanh", Nguyễn Du dịch câu cuối bài thơ Tỳ Bà hành của Bạch Cư Dị đời Đường:

"Giang Châu Tư Mã thanh sam khấp" nghĩa là quan Tư Mã đất Giang Châu khóc ướt đẫm vạt áo xanh.

Vào năm Nguyên Hòa thứ mười, Bạch Cư Dị bị giáng làm Tư Mã đất Giang Châu. Năm sau, ông đi qua bến Tầm Dương, nửa đêm chợt nghe có tiếng đàn tỳ bà trong một chiếc thuyền; hỏi ra thì được biết đó là một kỹ nữ danh sắc ở Tràng An trước kia. Người kỹ nữ này nay đã già, sắc đã phai nên lấy một người lái buôn làm chồng.

Bạch Cư Dị bèn đến thuyền bảo người kỹ nữ ấy đặt rượu và gảy vài khúc đàn cho ông nghe. Gảy đàn xong, người kỹ nữ về chiều ấy buồn bã kể lể nỗi lòng mình. Bạch Cư Dị cảm động, nghĩ tình cảnh mình ngày nay bị triều đình giáng truất chẳng khác chi tình cảnh lưu lạc của người kỹ nữ kia, nên ông làm bài thơ Tỳ Bà hành tặng nàng.

*

* *

"Dẫu rằng sông cạn đá mòn CON TẰM ĐẾN THÁC CŨNG CÒN VƯƠNG TƠ"

(Câu 1975, 1976. Thúc Sinh than thở với Kiều ở Quan Âm các).

Câu "Con tằm đến thác cũng còn vương tơ", Nguyễn Du mượn ý câu "Xuân tàm đáo tử, ti phương tận" nghĩa là con tằm đến chết mới hết tơ trong bài Vô Đề của nhà thơ Lý Thương Ẩn (1) đời Đường, như sau :

"Tương kiến thời nan, biệt diệc nan
Đông phong vô lực bách hoa tàn.
Xuân tàm đáo tử, ti phương tận,
Lạp chúc thành bôi, lệ thủy can.
Hiểu kính đãn sầu vân mấn cải,
Dạ ngâm ứng giác, nguyệt quang hàn.
Bồng lai thử khứ vô đa lộ,
Thanh điểu ân cần vị thám khan".

(Lúc thấy khó rồi, biết dễ đâu,
Gió xuân không sức, để hoa sầu.
Tằm xuân đến thác, tơ đành dứt
Đèn sáp thành tro, lệ mới thâu.
Gương sớm chỉ lo thay mái tóc,
Ngâm khuya nên biết lạnh trăng thu.
Non Bồng cách đó xa không mấy,
Nhờ cậy chim xanh khéo hỏi dò.)

---

(1) LÝ THƯƠNG ẨN (813 - 858) tự Nghĩa Sơn, là một nhà thơ nổi tiếng thời Vãn Đường. Ông làm thơ dùng từ rất diễm lệ. Người đương thời cho rằng

Lý Thương Ẩn say mê một cung nhân của vua nhưng không dám bộc lộ, thành thử phải trút tâm sự ra thơ.

Bài Vô Đề ở trên đã gói ghém nhiều ẩn tình của Lý Thương Ẩn. Lối thơ tặng tình nhân của ông thật bóng bẩy, tình tứ, ít ai bằng. Ông được coi là thi tổ của phái "hương liêm" (thơ tình cất trong hộp thơm của nữ giới.)

*

*   *

Khen rằng : "Bút pháp đã tinh
So vào với thiếp LAN ĐÌNH nào thua".

(Câu 1987, 1988. Hoạn Thư khen chữ của Kiều)

LAN ĐÌNH : Cái đình ở sông Lan Chữ thuộc tỉnh Triết Giang. Thiếp Lan Đình là tên gọi bài tự tập Lan Đình của Vương Hy Chi; chữ rất đẹp.

Theo Tấn thư thì Vương Hy Chi (chồng của Tạ Đạo Uẩn) người đời Tấn có tài viết chữ thảo, chữ lệ cực kỳ đẹp. Năm Vĩnh Hòa thứ 9, vào tiết Hàn thực (ngày mồng 3 tháng 3), Vương Hy Chi cùng với bốn mươi danh sĩ đương thời hội nhau ở Lan Đình để cùng vui chơi. Nhân dịp này Vương Hy Chi làm bài tự cho tập Lan Đình. Bài tự có 324 chữ gồm 28 hàng, bằng lối chữ thảo cực kỳ đẹp.

Về sau người ta thường dùng ba tiếng "thảo Lan đình" để chỉ lối viết thảo Hán tự đẹp.

*

* *

Mịt mù dặm cát đồi cây
TIẾNG GÀ ĐIẾM NGUYỆT, DẤU GIÀY CẦU SƯƠNG

(Câu 2029, 2030. Kiều trốn khỏi Quan Âm các)

Câu "Tiếng gà điếm nguyệt, dấu giày cầu sương", Nguyễn Du lấy ý hai câu thơ trong bài "Thương sơn bảo hành" của nhà thơ Ôn Đình Quân (1) đời Vãn Đường:

"Kê thanh mao điếm nguyệt
Nhân tích bản kiều sương".
(Gà gáy dưới trăng nơi điếm cỏ
Người đi chân ướt dấu cầu sương).

---

(1) ÔN ĐÌNH QUÂN (820 - 870) tự là Phi Khanh, là một nhà thơ phong lưu, lãng mạn thời Vãn Đường. Ông có giọng thơ giống như Lý Thương Ẩn, tuy nhiên ông nổi tiếng về từ hơn là thơ. Ông sáng tác Từ có nhiều điệu mới, lời lẽ diễm lệ. Ông đứng đầu trong nhóm Từ gia thời ấy.

*

*　　*

Giang hồ quen thú vẫy vùng
GƯƠM ĐÀN NỬA GÁNH, NON SÔNG MỘT CHÈO.

(Câu 2173, 2174. Bản chất của Từ Hải)

"Ngẫm từ dấy việc binh đao
Đống xương VÔ ĐỊNH đã cao bằng đầu.
Làm chi để tiếng về sau
Nghìn năm ai có khen đâu HOÀNG SÀO".

(Câu 2493 đến 2496. Kiều khuyên Từ Hải hàng)

"Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo"; câu này Nguyễn Du lấy ý hai câu thơ của tướng giặc Hoàng Sào đời Đường :

"Bán kiên cung kiếm bằng thiên túng,

Nhất trạo giang sơn tận địa duy".

(Nửa vai đeo cung kiếm trời cho, một chèo đi khắp non sông).

VÔ ĐỊNH : Tên một con sông xuất phát từ tỉnh Tuy Viễn, chảy qua phủ Diên An ở tỉnh Thiểm Tây rồi đổ ra sông Hoàng Hà. Con sông này nước chảy siết, cuốn cát ở lòng sông thành chỗ nông chỗ sâu không nhất định nên có tên là Vô Định hà.

Từ thời xưa, trên bờ sông này từng là bãi chiến trường giữa quân Trung Quốc và rợ Hung Nô; cả hai bên đều bị chết rất nhiều. Nhà thơ Trần Đào thời Văn Đường, trong bài "Lũng Tây hành" có câu :

"Khả liên Vô Định hà biên cốt,

Do thị thâm khuê mộng lý nhân".

(Khá thương thay, đống xương đã chồng chất trên bờ sông Vô Định ; vậy mà trong chốn khuê phòng, vợ còn mộng thấy chồng về).

HOÀNG SÀO : Tên một tướng giặc đời Đường.

Tương truyền Hoàng Sào thuở mới sinh ra, lông mày liền ngang thành một đường thẳng, mũi có ba lỗ, trước ngực có hình bát quái, sau lưng có bướu hình như núi Tam Thai. Cha mẹ thấy tướng kỳ quái mới đem Hoàng Sào bỏ ngoài gốc cây. Ba ngày sau, ông bà ra xem thấy Hoàng Sào được chim ấp và được thú vật cho bú, không chết, nên ông bà đem về nhà nuôi.

Lớn lên, Hoàng Sào thi rớt, thất chí nên bỏ vào rừng tập hợp đồ đảng làm ăn cướp.

Đến đời vua Đường Hy Tông, Hoàng Sào đã có thanh thế lắm nên làm giặc chống lại triều đình. Hoàng Sào đánh chiếm được Hà Nam, Giang Nam, Phúc Kiến và Lạc Dương; lại vây hãm cả kinh đô Tràng An nữa. Hoàng Sào tung hoành ngót mười năm, về sau bị thủ hạ ám hại.

*

* *

"Bấy lâu nghe tiếng má đào MẮT XANH chẳng để ai vào phải không"

(Câu 2181, 2182. Từ Hải hỏi Kiều)

MẮT XANH : con mắt có tròng trắng màu xanh biếc. Mắt xanh dùng để chỉ người đẹp hay người quý hiển. Điển tích mắt xanh xuất xứ từ Nguyễn Tịch, một trong "Trúc lâm thất hiền" ở cuối đời Ngụy đầu đời Tấn.

Nguyễn Tịch (210 - 263) là nhân vật thứ hai sau Kê Khang trong nhóm Trúc lâm thất hiền. Ông là người ưa uống rượu và thích đàn. Ông làm quan vào cuối đời nhà Ngụy nhưng chẳng bao lâu cáo quan về nhà.

Đến khi nhà Ngụy mất, nhà Tấn lập, Nguyễn Tịch không cộng tác với tân triều vì lòng vẫn còn hoài vọng nhà Ngụy. Ông nhập vào nhóm "Trúc lâm thất hiền" bỏ thị thành, vào ẩn cư trong rừng trúc, gác bỏ chuyện danh lợi ngoài tai, suốt ngày vui với rượu thơ trăng gió.

Tương truyền trước khi trở thành một thành viên trong nhóm Trúc lâm thất hiền", Nguyễn Tịch nghe đồn rằng trong bộ binh của triều đình nhà Ngụy có người đầu bếp cất rượu rất khéo và trong ấy luôn luôn có trữ sẵn ba trăm hũ mỹ tửu nên ông xin vào làm một chức quan nhỏ trong ấy để tha hồ uống rượu. Có lần ông say luôn cả sáu mươi ngày, nhà vua muốn nói chuyện với ông mà không được.

Nguyễn Tịch còn là một con người đặc biệt hơn nữa, là ở đôi mắt của ông. Khi tiếp khách, nếu khách là người đáng cho họ Nguyễn tôn trọng thì tròng mắt của ông xanh biếc; còn nếu khách là kẻ đáng khinh thì tròng mắt của ông trắng dã. Ông là người tôn sùng Lão giáo và cực lực phản đối Nho giáo. Ông chủ trương

rằng: "Không có vua thì vạn vật ổn định, không có bề tôi thì mọi việc được trị; không có kẻ sang thì kẻ hèn không oán, không có kẻ giàu thì kẻ nghèo không tranh của, ai nấy đều đủ ăn mà không cần gì nữa". Thật đó là chủ trương vô chính phủ vậy.

*

*   *

Từ rằng : "Lời nói hữu tình Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân"

(Câu 2191, 2192. Từ Hải khen Kiều)

Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân, Nguyễn Du mượn ý hai câu :

"Vị tri can đảm hướng thùy thị
Linh nhân khước ức Bình Nguyên Quân"
(Chưa hay gan ruột cùng ai tỏ
Khiến người lại nhớ Bình Nguyên Quân).

Hai câu thơ trên trong bài "Hàm Đan thiếu niên hành" của nhà thơ Cao Thích (1) thời thịnh Đường.

Còn câu nói của Bình Nguyên Quân như thế nào ?

Bình Nguyên Quân tức Công tử Triệu Thắng, làm tướng nước Triệu vào thời Chiến quốc. Bình Nguyên Quân là một người tánh tình hào hiệp, tôn trọng kẻ sĩ trong thiên hạ không kém Mạnh Thường Quân và Tín Lăng Quân; trong nhà lúc nào cũng có mấy ngàn thực khách. Điều đặc biệt là Bình Nguyên Quân, Mạnh Thường Quân và Tín Lăng Quân cùng là bạn thân với nhau.

Khi Tần cất quân đánh Triệu, vua Triệu sai Bình Nguyên Quân sang Sở thuyết phục vua Sở hiệp tung với Triệu chống Tần. Bình Nguyên Quân định chọn hai mươi người trong ba ngàn môn khách của mình để đi cùng. Nhưng chọn mãi mà vẫn có mười chín người. Bấy giờ có một môn khách tên là Mao Toại, bước ra tự xin với Bình Nguyên Quân cho mình cùng đi. Mao Toại vốn ở trong nhà Bình Nguyên Quân cũng khá lâu nhưng chưa có tăm tiếng gì nên Công tử Thắng chần chừ không muốn cho đi. Mao Toại nói :

- Giá trước kia ngài sớm trọng dụng tôi thì tài năng của tôi

ngài đã biết rồi.

Bình Nguyên Quân nghe Mao Toại nói thế nên miễn cưỡng cho ông ta đi theo.

Vào Sở, Bình Nguyên Quân bàn việc hợp tung với vua Sở từ sáng sớm cho tới quá trưa mà vẫn không xong. Mao Toại thấy thế, tuốt gươm theo bực thềm bước lên, nói với Bình Nguyên Quân rằng :

- Việc hợp tung lợi hay hại, chỉ nói hai câu đủ quyết rồi. Nói chuyện từ lúc mặt trời mọc tới quá trưa mà chưa quyết là thế nào?

Vua Sở hỏi Bình Nguyên Quân :

- Khách là ai vậy ?

- Đó là người nhà của Thắng.

Vua Sở quát :

- Sao chưa chịu xuống ? Ta nói chuyện với chủ mi, mi làm gì thế ?

Mao Toại cầm gươm tiến đến gần vua Sở, nói :

- Chủ tôi ngồi kia mà nhà vua quát là làm sao? Nước Sở của nhà vua đất vuông năm nghìn dặm, số cầm kích trăm vạn người. Đó là tư cơ của bậc Bá vương vậy. Đem cái mạnh của nước Sở ra, thiên hạ nào địch nổi. Ấy thế mà thằng nhãi ranh Bạch Khởi chỉ đem vài vạn quân dàn trận đánh nhau với Sở, đánh một trận đạp đổ Yên, Sính; đánh hai trận đốt cháy Di, Lăng; đánh ba trận làm nhục đến tổ tiên nhà vua. Đó là cái thù nhau đến trăm đời, nước Triệu phải xấu hổ lây; vậy mà nhà vua không biết giận. Nay hợp tung vì Sở chớ không phải vì Triệu...

Vua Sở nghe Mao Toại nói thế, kính cẩn đáp :

- Dạ, dạ, quả có như lời tiên sinh dạy. Nay quả nhân kính đem xã tắc mà hợp tung với Triệu.

Xong việc hợp tung, về đến Triệu, Bình Nguyên Quân nói:

- Thắng tôi không dám xét người nữa. Thắng tôi xét người nhiều kể có nghìn, ít cũng đến vài trăm, tự cho là không để sót nhân tài trong đời. Thế mà về ông Mao, thì ra lầm đấy. Ông Mao sang đến Sở là làm cho nước Triệu trọng hơn chín vạc. Lấy ba tấc lưỡi của ông Mao, còn mạnh hơn là trăm vạn quân. Thắng tôi từ nay không dám xét người nữa.

Rồi Bình Nguyên Quân tôn Mao Toại làm bậc thượng khách.

---

(1) Cao Thích tự Đạt Phu, người đất Thương Châu. Năm hai mươi tuổi đến kinh đô Tràng An để cầu quan nhưng không được toại ý; đến ở vùng Lương Tống.

Năm Thiên Bảo thứ tám triều Đường Huyền Tông (749), Cao Thích thi đậu khoa Hữu đạo, làm Huyện úy Phong Khâu. Mấy năm sau được quan Tiết độ sứ đất Lũng Hữu là Kha Thư Hàn tiến cử làm Chưởng Thư ký ở Mạc phủ Tây Hà.

Trong loạn An Lộc Sơn, Cao Thích theo đường tắt đến Thục phò Đường Huyền Tông, được cử làm Tả Thập di, rồi thăng Thị Ngự Sử. Từ đó hoạn lộ hanh thông.

Đến năm Quảng Đức thứ hai (764) Cao được triệu về kinh sung chức Thị lang bộ Hình, rồi Tả Tán kỵ Thường thị; tước phong Bột Hải Huyện hầu. Đến tháng giêng năm Vĩnh Thái thứ nhất (765), Cao Thích mất ở Trường An; được truy tặng hàm Thượng Thư Bộ Lễ.

Điều đặc biệt ở Cao Thích là đến năm năm mươi tuổi ông mới bắt đầu làm thơ và lập tức nổi tiếng ngay. Ông làm thơ, đặt câu lập từ đều có ý khí hơn người nên cứ viết ra được bài thơ nào là được người đời truyền tụng ngay bài đó.

*

* *

Nghe lời vừa ý gật đầu
Cười rằng : "TRI KỶ trước sau mấy người".

(Câu 2199, 2200. Từ Hải khen Kiều)

Từ rằng: "Quốc sĩ xưa nay
Chọn người TRI KỶ, một ngày được chăng ?"
(Câu 2427, 2428. Từ Hải nói với Kiều)

"Một phen TRI KỶ cùng nhau
Cuốn dây từ đấy, về sau cũng chừa".
(Câu 3213, 3214: Kiều gảy đàn khi sum họp với Kim Trọng)

TRI KỶ : Người hiểu rõ lòng mình. Người bạn tốt

Truyện "Đông Chu Liệt Quốc" kể :

Quản Di Ngô tên chữ là Trọng của nước Tề, là một người thông minh xuất chúng, học rộng, mưu cao, đủ tài kinh bang tế thế. Thuở hàn vi kết bạn với Bảo Thúc Nha.

Hai người thường đi buôn chung với nhau, lúc chia lời thì luôn luôn Quản Trọng lấy phần hơn Bảo Thúc Nha. Thế mà Bảo Thúc Nha không hề tỏ ý buồn phiền. Có người nói với Bảo rằng:

- Cùng công cán như nhau, sao ông lại để cho Quản Trọng lấy phần nhiều hơn ?

Bảo Thúc Nha đáp :

- Không phải Quản Di Ngô tham lam đâu, chỉ vì gia cảnh quá túng bấn nên phải như thế.

Về sau, cả hai cùng phò Tề Tương Công. Mỗi khi ra trận, Quản Di Ngô đều đi sau nhưng lúc lui binh thì Quản lại đi trước. Mọi người đều cho Quản Di Ngô là hèn nhát. Bảo Thúc Nha nghe chuyện bèn nói :

- Quản Di Ngô không phải là người hèn nhát như các ngươi tưởng, chỉ vì ông ấy còn có mẹ già nên phải giữ lấy thân để phụng dưỡng mẹ đó thôi.

Bấy giờ Quản Di Ngô quả là chưa gặp thời nên làm việc gì cũng gặt lấy thất bại. Mọi người cho Quản là kẻ bất trí. Bảo Thúc Nha lại bào chữa cho Quản Trọng rằng :

- Không phải Quản Di Ngô là người bất trí đâu, chẳng qua ông ta chưa gặp thời đó thôi. Một khi mà Quản Di Ngô gặp thời thì mười việc sẽ không sai một đâu.

Khi Quản Di Ngô nghe Bảo Thúc Nha nhận xét về mình như thế thì thở dài cảm thán rằng :

- Sinh ra ta ấy là cha mẹ ta, còn hiểu ta trong đời chỉ có mỗi một Bảo Thúc Nha mà thôi.

Từ đó hai người càng thân thiết với nhau hơn nữa.

Về sau khi Tề Tương Công bị giết, Bảo Thúc Nha phò công tử Tiểu Bạch lánh nạn ở nước Cử, Quản Di Ngô phò công tử Củ lánh nạn ở nước Lỗ (cả hai công tử đều là con dòng thứ của Tề Tương Công).

Sau đó Bảo Thúc Nha và Quản Di Ngô cùng phò hai công tử Tiểu Bạch và Củ về tranh ngôi nước Tề. Bảo Thúc Nha nhờ lanh trí hơn Quản Di Ngô nên đưa được công tử Tiểu Bạch về Tề lấy lại ngôi báu; tức Tề Hoàn Công. Rồi Bảo Thúc Nha tiến cử Quản Di Ngô cho Tề Hoàn Công. Quản Di Ngô được Tề Hoàn Công phong làm Tể tướng và gọi là Trọng phụ. Quản Di Ngô đã đem hết tài năng và tâm huyết giúp nước Tề cường thịnh. Còn Bảo Thúc Nha chỉ khiêm nhượng nhận chức Đại phu.

Khi đương quyền Tể Tướng, Quản Di Ngô tiến cử nhiều người tài cho Tề Hoàn Công, nhưng không hề tiến cử Bảo Thúc Nha; mặc dù hai người luôn luôn chơi thân với nhau. Đến khi

Quản Di Ngô lâm trọng bệnh sắp qua đời, Tề Hoàn Công đích thân đến bên giường bệnh thăm hỏi và xin tiến cử người thay thế, Quản Trọng vẫn không tiến cử Bảo Thúc Nha. Tề Hoàn Công hỏi:

- Ta chưa từng nghe Trọng phụ nhắc đến Bảo Thúc Nha là nghĩa làm sao ?

Quản Trọng đáp :

- Bảo Thúc Nha là một bậc chính nhân quân tử chớ không phải là một người làm chính trị. Bảo Thúc Nha rất ưa điều thiện và rất ghét điều ác. Ưa điều thiện là việc tốt nhưng ghét điều ác thái quá thì kẻ làm ác không chịu nổi. Không ai chịu được mình thì mình cũng không dùng được ai vậy.

Có kẻ tiểu nhân nghe được chuyện ấy, đem nói lại với Bảo Thúc Nha. Thúc Nha cười mà rằng :

- Chính vì thế mà trước kia ta mới cố hết sức mình để tiến cử Trọng phụ với Chúa công. Trọng phu là người trung với nước mà không vị tình riêng. Giả sử Chúa công giao cho ta chức Tư khấu để khu trừ những phường gian nịnh thì ta làm được, còn như giao cho ta cầm quyền chính trong nước thì bọn các ngươi sẽ không còn đất dung thân.

Khi Quản Di Ngô mất rồi, Bảo Thúc Nha vì quá ghét bọn gian nịnh nên sinh buồn rầu mà từ trần.

*

* *

"Khen cho CON MẮT TINH ĐỜI
Anh hùng đoán giữa trần ai mới già"

(Câu 2201, 2202. Từ Hải nói với Kiều)

CON MẮT TINH ĐỜI: Con mắt nhìn sự đời tinh tường, biết được việc có thể xảy đến trong tương lai.

Thời Chiến quốc, Công tử Trùng Nhĩ nước Tấn bị cha là Tấn Hiến Công mưu hại, phải bỏ nước mà trốn. Trùng Nhĩ đi đến đâu cũng không được ai đón rước, vì họ sợ oai nước Tấn đang lúc hùng cường. Trùng Nhĩ bèn đến nước Tào của Tào Bá.

Bấy giờ nước Tào có Hy Phụ Cơ làm Đại phu. Hy Phụ Cơ có người vợ là Lữ Thị rất khôn ngoan và xét việc tinh tường. Khi biết Trùng Nhĩ đến nước Tào, Lữ thị bàn với chồng rằng :

- Thiếp biết Công tử Trùng Nhĩ là một tay hào kiệt, chắc chắn sau này sẽ khôi phục được quyền bính ở nước Tấn. Đến chừng ấy nếu người còn oán hận nước Tào đã từng bạc đãi mà đem binh hỏi tội, thì nước Tào làm sao chống cự cho lại. Bấy giờ ngọc đá đều tan, Chúa công ta ăn năn cũng không kịp. Chúa công ta bây giờ không biết cạn nghĩ nên không dung Trùng Nhĩ, thôi thì cứ mặc tình Chúa công. Nhưng riêng phu quân, thiếp trộm nghĩ phu quân nên liên kết với Công tử Trùng Nhĩ, hết sức giúp đỡ người. Nay thiếp đã dọn sẵn một mâm cơm và dâng thêm một hạt Bạch bích để làm lễ tương kiến. Phu quân kíp đi gặp công tử Trùng Nhĩ, chớ chần chờ...

Hy Phụ Cơ cho lời vợ nói là phải, nửa đêm mang lễ vật tới quán trọ ra mắt Trùng Nhĩ. Công tử Trùng Nhĩ đang lúc đói nên ăn cơm ngay, nhưng nhất định không nhận hạt Bạch bích.

Về sau Công tử Trùng Nhĩ khôi phục được nước Tấn, lên

ngôi hiệu là Tấn Văn Công. Tấn Văn Công đem binh phạt Tào nhưng nhớ ơn Hy Phụ Cơ đã từng cứu giúp mình nên không làm gì hại đến gia đình họ Hy cả.

*

*   *

Trai anh hùng, gái thuyền quyên
Phỉ nguyền SÁNH PHƯỢNG, đẹp duyên CỠI RỒNG

(Câu 2211, 2212. Kiều sánh duyên với Từ Hải)

SÁNH PHƯỢNG : Sánh đôi với chim phượng, có nghĩa là được một người chồng xứng đáng. Theo Tả truyện, xưa kia họ Ý thị làm quan Đại phu nước Trần, muốn gả con gái cho Kính Trọng nên bói một quẻ. Vợ Ý thị xem quẻ bói và giải rằng: "Cát, thị vì phượng hoàng vu phi, hòa minh tương tương. Hữu Quỳ chi hậu, tương dục vu Khương. Ngũ thế kỳ xương, tịnh vu chính khanh. Bát thế chi hậu, mạc chi dự kinh"; nghĩa là: "Tốt, đó là quẻ chim phượng chim hoàng cùng bay, tiếng hót nghe vang vang. Con cháu họ Hữu Quỳ sẽ được nuôi dạy trong nhà họ Khương (1). Năm đời thịnh vượng, đều ở hàng quan Khanh. Trải tám đời sau không ai hơn được cả".

CỠI RỒNG : Chỉ việc lấy được chồng tốt. Sở quốc tiên hiền truyện chép :

Hoàng Hiến và Lý Ưng là hai danh sĩ đời Hậu Hán, lấy hai người con gái của quan Thái Úy Hoàn Yên. Người đương thời bảo rằng hai cô con gái của quan Thái Úy được "cỡi rồng"; có nghĩa là lấy được chồng tốt, xứng đáng.

---

(1) Họ Hữu Quỳ là họ của Kính Trọng, tức họ của vua nước Trần. Họ Khương là họ của vua nước Tề.

*

* *

Quyết lời dứt áo ra đi,
Gió đưa BẰNG TIỆN đã lìa dặm khơi

(Câu 2229, 2230. Từ Hải lên đường chinh chiến).

Gió đưa BẰNG TIỆN : Gió là phương tiện để đưa cánh chim BẰNG đi xa. Chim Bằng ở đây chỉ Từ Hải là một bậc anh hùng có chí lớn phi thường, quyết vẫy vùng khắp đó đây trong khoảng trời đất.

Sách Trang Tử chép: "Bể Bắc có loài cá, tên nó là Côn. Bề lớn của côn không biết mấy nghìn dặm. Hóa ra làm loài chim tên nó là BẰNG. Lưng của bằng, không biết có mấy nghìn dặm. Vỗ cánh bay, cánh nó như đám mây rũ ngang trời. Khi chim bằng dời sang bể Nam, nước sóng sánh ba nghìn dặm. Nó liệng theo gió lốc mà lên là chín vạn dặm, đi cứ sáu tháng mới nghỉ.

*

*   *

Đoái trông muôn dặm TỬ PHẦN
Hồn quê theo ngọn MÂY TẦN xa xa

(Câu 2235, 2236. Kiều nhớ nhà)

TỬ PHẦN: do Tang Tử và Phần Du ghép lại có ý chỉ quê nhà. Kinh Thi nói: "Duy tang dữ tử tất cung kính chi" (Chỉ có cây dâu và cây tử là nơi đáng cung kính). Ý nói cây dâu và cây tử là của cha mẹ trồng nên phải cung kính vậy. Phần Du là tên một làng thuộc ấp Phong, quê hương của Hán Cao Tổ Lưu Bang. Sách Hán thư có lời chú rằng: "Phần Du là tên làng, nền xã ở Phần Du".

MÂY TẦN: Mây trên đỉnh núi Tần, chỉ lòng nhớ nhung quê nhà. Thơ Hàn Dũ đời Đường có câu:

"Vân hoành Tần Lĩnh gia hà tại ?

Tuyết ủng Lam quan mã bất tiền".

(Mây kéo ngang núi Tần, nhà ta ở đâu? Tuyết ủ kín ải Lam, ngựa trù trừ không đi tới).

*

* *

Cười rằng: "CÁ NƯỚC DUYÊN ƯA Nhớ lời nói những bao giờ, hay không" ?

(Câu 2275, 2276. Từ Hải hỏi Kiều).

CÁ NƯỚC DUYÊN ƯA : Chỉ vợ chồng ăn ở hợp tính ý nhau và có hạnh phúc. Chỉ vua tôi gặp nhau hợp tình hợp ý, tương đắc như cá gặp nước.

Theo "Tam quốc diễn nghĩa" của La Quán Trung (1), Lưu Bị, con Lưu Hoằng, cháu Lưu Hùng, thuộc dòng dõi Trung Sơn Tĩnh Vương Lưu Thắng nhà Hán. Lưu Bị tự là Huyền Đức, mồ côi cha sớm, thờ mẹ rất hiếu, nhà nghèo phải làm nghề dệt chiếu, thất đai để mưu sinh. Lưu Bị diện mạo khôi ngô, tính tình khoan hòa, ít nói.

Năm 28 tuổi, Lưu Bị kết bạn thân với Quan Vũ tự Vân Trường, người đất Giải Lương, Hà Đông; và Trương Phi tự Dực Đức, người Trác Quận. Ba người lập "vườn đào kết nghĩa" thề cùng sống cùng thác với nhau. Năm đầu hiệu Trung Bình đời vua Linh đế (184 sau CN) có cuộc quật khởi Hoàng Cân, ba anh em Lưu, Quan và Trương đều có góp công dẹp giặc. Sau đó Lưu Bị phiêu bạt giang hồ để tranh thiên hạ với các anh hùng hào kiệt.

Năm Kiến An thứ 12, sau khi thua Tào Tháo ở Phàn thành phải chạy về đóng quân ở Tân Dã, Lưu Bị được Từ Thứ giới thiệu Khổng Minh. Lưu Bị phải "tam cố mao lư" mới vời được Khổng Minh ra giúp mình.

Khổng Minh họ Gia Cát, tên Lượng là một hiền sĩ có tài thời gấy giờ. Ông cất chòi tranh ở gò Ngọa Long Cương ở ẩn, cày ruộng mà ăn nên được người đời xưng tụng là Ngọa Long tiên sinh. Khổng Minh ra giúp Lưu Bị vào năm 28 tuổi.

Từ ngày được Khổng Minh, Lưu Bị rất lấy làm đắc ý, thường

đối xử vừa tôn kính vừa thân tình. Quan Vũ và Trương Phi có vẻ không bằng lòng cách cư xử thân thiện ấy thì Lưu Bị nói :

- Ta gặp được Khổng Minh chẳng khác nào CÁ GẶP NƯỚC, các em không được nói năng lôi thôi gì cả.

---

(1) LA QUÁN TRUNG tên là Bổn, hiệu là Hồ Hải Bán Nhân, người đất Thái Nguyên. Ông sống giữa hai thời kỳ Nguyên mạt và Minh sơ (khoảng từ 1330 đến 1400). Tánh tình La Quán Trung vừa trào lộng vừa cách tân. Ông cũng là một người có chí mưu bá đồ vương trong lúc giao thời, nhưng sau đó lại chuyên viết chuyện thần bí và tiểu thuyết.

Sau khi viết bộ tiểu thuyết lịch sử "Tam Quốc diễn nghĩa", không ai biết La Quán Trung đi đâu ?...

*

* *

"SÂM THƯƠNG chẳng vẹn chữ tòng
Tại ai, há dám phụ lòng cố nhân"

(Câu 2329, 2330. Kiều nói với Thúc Sinh lúc báo ân, oán)

SÂM THƯƠNG: Từ trước, người ta vẫn lầm tưởng Sâm Thương là sao Hôm và sao Mai. Nhưng thật ra thì không phải. Sao Hôm và sao Mai chỉ là một hành tinh: Kim Tinh.

Điển tích Sâm Thương theo sách Tả truyện của Trung Quốc như sau :

Đời Thượng cổ, họ Cao Tân thị có hai người con trai tên Át Bá và Thực Trầm không thuận với nhau. Hai anh em ngày đêm cứ cãi lộn và đánh nhau luôn làm rối động đến Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng giận bèn đày Át Bá đến Thương Khâu làm chủ sao Thần tức sao Thương, còn Thực Trầm thì đi Đại Hạ làm chủ sao Sâm.

Sao Sâm ở phía Đông thì sao Thương ở phía Tây, không bao giờ gặp nhau được. Người đời sau gọi sự bất hòa của anh em là Sâm Thương.

*

*   *

"Nghìn vàng gọi chút lễ thường
Mà lòng PHIẾU MẪU mấy vàng cho cân"

(Câu 2347, 2348. Kiều đền ơn Hoạn gia và Giác Duyên)

PHIẾU MẪU : Người đàn bà giặt lụa ở đất Hoài Âm, đã cho Hàn Tín ăn cơm lúc Tín còn hàn vi.

Sách Sử Ký Tư Mã Thiên chép:

Hàn Tín người ở Hoài Âm, thuở trẻ nghèo nàn nhưng mang chí lớn; thường đi câu ở sông. Có Phiếu Mẫu thấy Tín đói bèn cho Tín ăn cơm. Hàn Tín mừng, nói :

- Tất có lúc tôi đền ơn bà.

Phiếu Mẫu giận, nói :

- Đại trượng phu không nuôi nổi thân, tôi thương cậu mà cho ăn cơm, há lại mong cậu đền ơn sao ?

Trong chợ Hoài Âm có kẻ hàng thịt thấy Tín hay đeo gươm, một hôm trêu tức Tín :

- Tín có đâm chết tao được không? Nếu không đâm được thì hãy chui qua háng tao mà đi.

Hàn Tín suy nghĩ một lúc rồi lộm ngộm chui qua háng tên hàng thịt. Cả chợ cười vang, cho Tín là kẻ hèn nhát.

Khi Hạng Lương qua sông Hoài, Tín chống gươm theo hầu, không làm nên công trạng gì. Hạng Lương thua trận, Tín theo về với Hạng Võ, được làm chức Lang Trung. Tín nhiều lần bày mưu nhưng Hạng Võ không dùng.

Khi Hán Bái Công vào Thục, Tín bỏ Sở về Hán; được làm chức Liên Ngao. Một lần phạm luật đáng tội chém, Tín nhìn Đằng

công nói lớn :

- Nhà vua không muốn lấy thiên hạ hay sao mà chém tráng sĩ ?

Đằng công cho lời nói ấy là lạ, không chém, xin Hán Bái công tha tội cho Tín. Rồi nhà vua lại cho Tín làm chức Đô Úy, cũng chưa tỏ tài gì lạ.

Hàn Tín thường nói chuyện với Tiêu Hà. Khi vua Hán vào đất Nam Trịnh, nhiều người bỏ trốn dọc đường; trong số đó có Tín. Tiêu Hà nghe tin Hàn Tín trốn, không kịp tâu vua, vội vã theo tìm. Mấy ngày sau Tiêu Hà trở về, Hán Bái công vừa mừng vừa giận, hỏi rằng :

- Các tướng trốn đi kể có hàng nghìn, ông không đuổi theo ai mà lại đuổi theo Hàn Tín là nghĩa làm sao ?

Tiêu Hà đáp :

- Các tướng đều dễ kiếm cả. Còn Hàn Tín là hạng Quốc sĩ trong đời không có hai. Nếu nhà vua chỉ muốn làm chúa mãi ở đất Hán Trung thì chả cần đến Hàn Tín. Còn như nhà vua muốn tranh thiên hạ, trừ Hàn Tín ra, chẳng ai đáng tính việc cả.

Hán Bái công nói :

- Thì ta cũng muốn sang Đông chứ, lẽ đâu ro ró mãi ở xó này.

Rồi bàn với Tiêu Hà việc phong cho Hàn Tín làm Đại tướng. Tiêu Hà nói :

- Phong Đại tướng mà nhà vua tính như việc gọi đứa trẻ con ấy à. Tính nhà vua như thế mà Hàn Tín bỏ đi đấy. Nay nhà vua thật muốn dùng Tín, hãy chọn ngày lành, lập đàn, trai giới, sắm lễ thì mới phong được.

Vua Hán nghe lời thừa tướng Tiêu Hà, cho làm y như thế. Các tướng thấy thế lấy làm mừng, ai cũng nghĩ chắc mình được phong Đại tướng. Đến khi phong Đại tướng thì ra là Hàn Tín. Tín lạy tạ Hán vương, ngồi lên trên. Nhà vua nói :

- Quan Thừa tướng thường nói đến Tướng quân. Tướng quân chắc có kế hay để dạy bảo quả nhân ?

Hàn Tín hỏi :

- Đại vương muốn sang Đông cướp quyền thiên hạ, có phải là tranh với Hạng vương không ?

- Vâng, đúng thế.

Tín lại hỏi :

- Đại vương hãy tự liệu: mạnh, bạo, nhân, khỏe, so với Hạng vương thì ai hơn ?

Vua Hán suy nghĩ một lúc rồi đáp :

- Quả nhân không bằng Hạng Võ.

Hàn Tín gật đầu :

- Tín cũng cho là Đại vương không bằng. Nhưng tôi đã từng ở dưới trướng của Hạng vương, vậy xin nói cách làm người của Hạng vương cho nhà vua nghe. Hạng vương gầm gừ quát tháo khiến nghìn người phải khiếp vía, nhưng lại không biết tin dùng tướng giỏi. Ấy chẳng qua là cái khỏe của hạng thất phu mà thôi. Hạng vương tiếp người cung kính, chuyện trò vui vẻ. Thấy ai có bệnh tật đều xuýt xoa chia thức ăn thức uống. Nhưng hễ ai có công đáng thưởng thì ấn để mục nát không muốn cho. Ấy là cái nhân của bọn đàn bà. Hạng vương tuy là bá chư hầu mà không ở Quan Trung lại đóng ở Bành thành. Đuổi giết Nghĩa Đế, đi đến đâu tàn hại đấy. Danh tuy là bá nhưng thực ra là đã mất lòng thiên hạ; cho nên cái mạnh ấy rất dễ yếu. Nay nếu Đại vương biết

làm trái lại thì ai mà chẳng phục. Hạng vương từng lừa chôn quân lính của Tần đầu hàng khiến cha anh của những người chết oán tận xương tủy. Nay Đại vương đem quân vào trong Ải, mảy may không xâm phạm, trừ luật pháp nghiêm ngặt của Tần; dân Tần không ai là không mong Đại vương làm vua đất Tần. Rồi Đại vương cất quân sang Đông, đất tam Tần có thể truyền hịch mà lấy được.

Hán Bái công cả mừng, tự cho là mình gặp Tín muộn. Nhà vua cho Tiêu Hà thu thuế ở Ba Thục, cấp lương cho quân. Đến tháng tám, cùng Tín cất quân sang Đông đánh lấy tam Tần.

Hàn Tín khi thành danh, đã đền ơn Phiếu Mẫu một nghìn nén vàng.

Hàn Tín đã giúp Hán Bái Công dựng nên cơ nghiệp nhà Hán nhưng về sau lại chết về tay Lữ Hậu, vì cái oai át cả chủ và cái công không còn lối thưởng của Tín.

*

* *

"Rồi đây bèo hợp, mây tan
Biết đâu HẠC NỘI, MÂY NGÀN là đâu"?

(Câu 2401, 2402. Kiều hỏi vái Giác Duyên)

HẠC NỘI, MÂY NGÀN do chữ "dã hạc sơn vân" nghĩa là con hạc ở ngoài đồng, đám mây ở trên núi. Bốn tiếng này để chỉ những người có cuộc sống nhàn hạ, ngao du rày đây mai đó, không thiết gì đến chuyện lợi danh của cuộc đời. Dùng chỉ vào những người tu hành thì rất hợp.

Truyện truyền kỳ Trung Quốc có kể câu chuyện rằng :

Huyện Lư sơn tỉnh Giang Tây là một nơi danh thắng của Trung Hoa. Vào thời nhà Thanh có chàng thư sinh tên Tôn Chấn Khiêm khi chưa đỗ đạt, từng cất nhà ở động Bạch Lộc trong huyện Lư Sơn để đọc sách.

Một ngày kia, Tôn Chấn Khiêm đi dạo đến một tòa cổ miếu và gặp một vị đạo sĩ nên ghé lại đàm đạo. Đạo sĩ là người tinh thông nho y lý số và đoán việc như thần. Tôn Chấn Khiêm nhờ đạo sĩ đoán tương lai cho mình, nhưng đạo sĩ từ chối.

Một ngày khác, Khiêm lại đến cổ miếu. Đạo sĩ có vẻ vui, nói:

- Cậu đến thật đúng lúc, nếu chậm một ngày sẽ không gặp được tôi.

Tôn Chấn Khiêm hỏi :

- Cụ định đi đâu à ?

Đạo sĩ cười đáp :

- Tôi đi thăm núi non, hang động để tìm hiểu những kỳ công của tạo hóa. Thân tôi như hạc nội, mây ngàn, biết đâu mà

nói.

Tôn Chấn Khiêm khẩn khoản nói với đạo sĩ :

- Nay sắp chia tay chẳng biết bao giờ còn gặp lại. Vậy xin cụ vui lòng chỉ dạy cho tiện sinh những điều quan hệ ở tương lai.

Đạo sĩ thâm trầm nói :

- Tôi với cậu chẳng qua là hai người quen biết nhau ngoài đường, thật là không có duyên nợ với nhau. Nhưng nay tôi sắp đi xa nên cũng chẳng câu nệ làm gì. Cậu là người có tướng mạo anh kỳ hình cốt thanh tú nên không thuộc vào hạng người công danh hiển đạt. Sang năm, cậu sẽ đỗ cao nhưng tướng cách của cậu thanh mà ẩn chứa hàn nên chỉ có danh chứ không có lợi. Sự phú quý là do thiên định, bất khả cường cầu. Thế sự như sương buổi sớm, mây buổi chiều, thấy đó rồi tan biến đó. Cậu sẽ đỗ đạt cao nhưng rồi ngày sau sẽ mắc vào cái họa chủ nhục thần tử. Ấy là danh làm nên tội, thà quy ẩn còn hơn.

Tôn Chấn Khiêm đáp :

- Tiểu sinh được nghe lời cao luận của tiên sinh như nghe hồi chuông buổi sớm. Nếu thân thế tôi vô duyên với mũ áo triều đình thì tôi cũng chẳng tiếc làm gì cái công mười năm đèn sách, sẵn sàng quy ẩn theo tiên sinh để học đạo.

Đạo sĩ xua tay, bảo :

- Ấy, chưa được. Chưa thể được. Con người ta ai cũng có cái duyên nghiệp. Cậu phải nếm đủ mùi trần rồi mới xuất thế nhập đạo được. Đây lão tặng cậu cuốn "Dưỡng sinh chi thuật", hãy giữ gìn cẩn thận. Có lẽ ba mươi năm nữa chúng ta mới gặp lại nhau.

Rồi hai người chia tay nhau. Sang năm sau, quả nhiên Tôn Chấn Khiêm thi đỗ Tiến sĩ. Nhưng nhớ đến lời của đạo sĩ nói năm trước, Khiêm không tha thiết đến hoạn lộ. Chàng xin một chân giảng tập ở thư viện Lộ Châu, vừa dạy học vừa học thuật dưỡng

sinh.

Ba mươi năm trôi qua, vào một buổi chiều Tôn Chấn Khiêm đang ngồi xem sách thì thấy đạo sĩ đến. Chàng rước đạo sĩ vào nhà và lưu lại cả mấy ngày. Sau khi đạo sĩ đi rồi thì người ta cũng không thấy Tôn Chấn Khiêm ở Lộ Châu nữa, nhưng chẳng ai biết chàng đi đâu...

*

* *

Thừa cơ TRÚC CHẺ, NGÓI TAN
Binh uy từ ấy sấm ran trong ngoài

(Câu 2439, 2440. Khí thế của Từ Hải)

TRÚC CHẺ: do chữ "phá trúc".

Đỗ Dự, Đại tướng nước Tấn thời Chiến quốc, cầm quân đánh Ngô; thắng trận, thế quân rất hăng hái. Tuy nhiên thời tiết đang mùa hạ nóng bức và nước sông dâng to; lại có nạn bệnh dịch đang hoành hành trong vùng. Nhiều mưu sĩ khuyên Đỗ tướng quân nên thu quân để tránh tai hại cho binh sĩ, chờ mùa xuân năm sau sẽ tiếp tục cuộc chiến.

Đỗ Dự đáp: "Kim binh uy dĩ chấn, tỉ như phá trúc, sổ tiết chi hậu, giai nghênh nhận chi giải" (Nay binh uy đã dậy ví như người chẻ tre, sau khi chẻ qua vài đốt thì đoạn sau cứ thuận theo lưỡi dao mà toác ra). Và Đỗ Dự ra lệnh cho quân vượt sông tiếp tục cuộc chiến và thắng lớn.

NGÓI TAN : Do chữ "ng. a giải" là ngói sụt. Một mái ngói nếu có vài viên bị sụt thì cả mái sẽ bị sụt đổ theo.

Câu thơ "Thừa cơ trúc chẻ, ngói tan" trong truyện Kiều ý nói quân của Từ Hải đánh đâu thắng đấy.

*

* *

Nghĩ mình mặt nước cánh bèo
Đã nhiều lưu lạc, lại nhiều GIAN TRUÂN

(Câu 2475, 2476. Kiều suy nghĩ khi được Hồ Tôn Hiến dụ hàng)

GIAN TRUÂN : sự gian lao, khổ sở, truân chuyên mà con người phải gánh chịu. Con người gian truân là con người luôn gặp cảnh éo le, đau đớn đến xé lòng nát ruột hầu như suốt cả cuộc đời.

1. Nam Dương Công chúa là con gái Tùy Danh đế Dương Quảng, vốn là một thiếu nữ giỏi thi văn và thích sự nhàn tĩnh, trầm mặc. Nàng bị vua cha ép gả cho Vu Văn Sĩ Cập là con trai của quan cận thần Vu Văn Thuật.

Nhà họ Vu gốc rợ Hồ, toàn là tay võ biền thô lỗ. Vu Văn Sĩ Cập tuy tánh tình có thuần lương nhưng sự ngu độn thì không thua hai người anh của chàng là Vu Văn Hòa Cập và Vu Văn Trí Cập.

Khi Vu Văn Thuật qua đời, Tùy Danh đế trao quyền lớn cho Hòa Cập và Trí Cập. Bấy giờ hai kẻ cao quyền ấy tán tận lương tâm giở trò trơ trẽn với em dâu là Nam Dương Công chúa. Từ đó, các anh em nhà họ Vu trở thành bất hòa với nhau.

Lúc thiên hạ đại loạn, anh em Hòa Cập và Trí Cập làm phản, đánh vào cung giết chết Tùy Danh đế, lập người cháu của Danh đế lên ngôi rồi tự phong mình những chức vụ trọng yếu nhất. Ngoài ra, hai kẻ phản nghịch này còn cho người đi bắt toàn gia Công chúa Nam Dương để giết chết. Nhưng rất may cho Nam Dương Công chúa, nhờ kẻ thi hành lệnh của Hòa Cập và Trí Cập không đến nỗi tán tận lương tâm nên nàng thoát chết.

Sau đó, anh em Hòa Cập và Trí Cập bị quân nhà Đường đánh bại. Thế là cả dòng giống họ Vu đều bị xử tội chết, chỉ riêng

một mình Nam Dương Công chúa được tha.

Nam Dương Công chúa chỉ còn lại một thân trơ trọi trên đời, bèn tìm một ngôi chùa hẻo lánh cắt tóc tu hành...

*

* *

2. Vào cuối thời nhà Minh loạn lạc khắp nơi, trong nước bọn trộm cướp nổi lên như ong như kiến. Có nàng Trinh Nương là con gái một vị Tú tài ở Chu Thôn, đã đính hôn với nho sĩ Cao Thi nhưng chưa về nhà chồng.

Một ngày nọ có bọn giặc cướp cầm đầu bởi tên La Nhữ Tài tràn về Chu thôn. Chúng giết người như phát cỏ. Trinh Nương nhờ có nhan sắc nên không bị giết nhưng lại bị tên La Nhữ Tài bắt cưỡng hiếp. Nàng bèn lợi dụng hoàn cảnh của mình xin cho những người bị giặc bắt khỏi tội chết.

Khi Trinh Nương thoát khỏi bọn giặc cướp và trở về với gia đình thì lại bị cha nàng buộc phải tự sát. Ông cho rằng con nhà thư hương mà bị giặc cướp làm nhục thì không nên tiếc mạng sống nữa. Trinh Nương không nghe lịnh cha và bỏ nhà trốn đi. Cha nàng cho người theo bắt lại được và chuẩn bị hành hình nàng. Ngay lúc ấy thì Cao Thi đến! Chàng nhân danh là chồng nàng, cấm mọi người đụng đến Trinh Nương. Họ Cao cũng tuyên bố là không hủy bỏ hôn ước. Hai họ nghe thế cho là chuyện bất sĩ, nên đồng lòng đuổi Cao Thi và Trinh Nương ra khỏi Chu Thôn.

Hai người dắt nhau đi xuống miền Nam, không biết làm gì để mưu sinh đành phải đi ăn xin. Cao Thi không chịu đựng được sự gian khổ nên thường ta thán và quy lỗi cho Trinh Nương. Nàng cắn răng chịu đựng, không hề dám phiền trách chồng. Nhiều khi thiếu cơm, nàng phải nhịn đói để chồng được no lòng.

Một ngày kia, Trinh Nương nhặt được một chiếc trống con

ngoài đường, đem về nhà vừa gõ vừa hát cho chồng nghe giải buồn. Rồi nhân đó nàng soạn các ca khúc, ôm trống ra đường hát rong kiếm tiền. Những lúc kiếm tiền được nhiều, Trinh Nương đem chia bớt cho những người đồng cảnh ngộ. Dần dần, nàng trở thành như là "bang chủ của đám cái bang"...

Cao Thi dù thương vợ nhưng cũng cảm thấy tủi nhục cho thân phận mình nên bỏ ra đi. Thế là Trinh Nương lại rày đây mai đó để tìm chồng.

Lúc bấy giờ bọn giặc cướp La Nhữ Tài lại tràn xuống miền Nam và bắt được Cao Thi. Khi Trinh Nương dò tìm được tung tích chồng thì Cao Thi đã hóa ra người thiên cổ, vì không chịu nổi sự hành hạ dã man của bọn cướp. Gặp lại cố nhân, tên La Nhữ Tài mừng lắm. Hắn bảo Trinh Nương hãy về chung sống với hắn để cộng hưởng phú quý. Trinh Nương bằng lòng ngay vì nàng đã có chủ ý lập kế báo thù cho chồng.

Rồi một đêm kia, La Nhữ Tài uống rượu say ngủ vùi, Trinh Nương rút dao đâm túi bụi vào mặt hắn. Hắn choàng dậy và lấy được gươm chém xối xả vào người nàng. Trinh Nương và La Nhữ Tài cùng chết một lượt...

*

*   *

3. Nàng Quan Miến Miến là một kỹ nữ ở kinh đô Tràng An đời nhà Đường, được quan Thượng Thư Trương Ẩm chuộc về làm hầu thiếp. Khi Trương Ẩm chết, nàng ra ở Yên Tử lâu thủ tiết thờ chồng suốt mười năm.

Nhà thơ Bạch Cư Dị bèn làm thơ gởi đến trêu hoa ghẹo nguyệt. Nhận được thơ của họ Bạch, Quan Miến Miến than khóc và nói:

- Sở dĩ trước kia tôi không chết theo chồng ngay là vì sợ

người đời nghĩ rằng chồng tôi tham sắc dục, chết rồi còn đem theo hầu thiếp. Nay đã hơn mười năm, cũng là lúc tôi có thể chết được rồi vậy.

Rồi Quan Miến Miến tuyệt thực cho đến chết tại Yên Tử lâu. Tin loan truyền ra, nhà thơ Bạch Cư Dị hối hận nói:

- Tôi không giết nàng nhưng chính vì tôi mà nàng chết

*

* *

"Còn chi nữa cánh hoa tàn, Tơ lòng đã đứt dây đàn TIỂU LÂN"

(Câu 2585, 2586. Kiều trả lời Hồ Tôn Hiến)

TIỂU LÂN : Nàng Tiểu Lân tự là Tục Mệnh, họ Phùng, vợ vua Trần Hậu Chủ nước Trần đời Nam Bắc triều. Tiểu Lân là một phụ nữ tài sắc vẹn toàn, đàn hay hát giỏi.

Khi nước Trần thua trận nước Chu, Tiểu Lân bị bắt về Chu. Chu Vũ Đế gả nàng cho người khác. Một hôm ngồi đánh đàn, dây đàn bị đứt, Tiểu Lân xúc cảm làm thơ, có câu:

"Dục tri tâm đoạn tuyệt,

Ưng khán tất thượng huyền".

(Muốn biết tơ lòng đứt nát như thế nào, thì nên xem sợi dây đàn trên đầu gối này).

*

*   *

Trước sân nào thấy bóng người
HOA ĐÀO NĂM NGOÁI CÒN CƯỜI GIÓ ĐÔNG

(Câu 2747, 2748. Kim Trọng trở lại vườn Thúy tìm Kiều).

Câu "Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông", Nguyễn Du dịch câu kết bài thơ tứ tuyệt "Đề tích sở kiến xứ" của nhà thơ Thôi Hộ thời thịnh Đường (1).

Câu chuyện về Thôi Hộ và bài thơ ấy như sau :

Thôi Hộ, người đất Bác Lăng, phong tư tài mạo, tuổi trẻ, sống trong sạch, cô đơn.

Một ngày nhân tiết Thanh minh, Thôi Hộ đi chơi phía Nam ngoài thành. Chàng trông thấy một ngôi nhà xinh xắn, chung quanh trồng nhiều hoa đào. Tò mò muốn biết ai là chủ nhân ngôi nhà có trồng nhiều hoa quý nên Thôi Hộ gọi cổng mượn cớ xin nước uống.

Từ trong nhà, một người con gái đẹp chạy ra mở cổng. Nàng nghiêm trang mời Thôi Hộ vào sân, dọn giường mời ngồi rồi lấy nước cho chàng uống. Thôi Hộ vừa uống nước vừa gợi chuyện nhưng người con gái không đáp, chỉ đứng dựa cây hoa đào chăm chăm nhìn Thôi Hộ mà thôi. Uống nước xong, Thôi Hộ từ tạ ra về; lòng luôn ghi nhớ cuộc kỳ ngộ.

Thanh minh năm sau, Thôi Hộ nhớ cảnh cũ người xưa nên tìm đến ngôi nhà ấy nữa. Cửa nhà và vườn hoa đào vẫn như xưa nhưng cổng đóng then cài, bốn về vắng vẻ. Tức cảnh sinh tình, Thôi Hộ bèn đề trên vách cổng bên trái bài thơ "Đề tích sở kiến xứ" như sau :

"Khứ niên kim nhựt thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.

Nhân diện bất tri hà xứ khứ,
Đào hoa y cựu tiếu đông phong".

(Đề chỗ đã thấy năm trước :
Ngày này năm ngoái đến chơi đây
Mặt ngọc, hoa đào ửng đỏ hây
Mặt ngọc giờ đây đâu vắng nhỉ
Hoa đào cợt gió vẫn nơi này).

Sau đó mấy hôm, Thôi Hộ quay trở lại ngôi nhà ấy và nghe có tiếng khóc ở bên trong. Chàng ngạc nhiên gọi cổng. Một ông lão từ trong nhà chạy ra mở cổng và hỏi :

- Có phải cậu là Thôi Hộ không ?

Thôi Hộ đáp :

- Thưa vâng.

Ông lão khóc lớn và nói :

- Vậy là cậu giết con gái tôi rồi.

Thôi Hộ bàng hoàng chưa biết thưa gởi ra sao thì ông lão lại nói tiếp :

- Con gái tôi vừa đến tuổi cập kê, có theo đòi nghiên bút và chưa đính ước nơi nào. Từ thanh minh năm ngoái đến nay, nó có vẻ như là mất cả hồn vía. Mấy hôm trước đây cha con lão ra ngoài chơi, khi về nó đọc được bài thơ của cậu đề trên vách cổng, thế là nó lăn đùng ra ốm, bỏ cả ăn uống. Nó vừa từ trần sáng nay thì cậu cũng vừa đến. Lão chỉ có mỗi mình nó, chưa vội gả chồng sớm là có ý muốn kiếm người đàng hoàng. Chẳng ngờ...

Rồi ông lão lại cầm tay Thôi Hộ mà khóc, không nói tiếp được nữa. Thôi Hộ thương cảm não lòng, xin ông lão cho vào nhà để khóc khách má hồng mệnh bạc. Ông lão đưa Thôi Hộ vào nhà. Chàng đến bên giường có cô gái nằm bất động, đưa tay sờ vào mặt

thì thấy còn ấm, bèn nâng đầu nàng dậy và vừa khóc vừa gọi:

- Nương tử ơi, Thôi Hộ đến đây này. Nương tử ơi, Thôi Hộ đến đây này...

Bỗng nhiên cô gái mở bừng mắt và nửa ngày sau nàng sống lại. Ông lão cả mừng bèn gả con gái cho người thơ...

---

(1) Thôi Hộ, một nhà thơ thời thịnh Đường, sống khoảng trước sau năm 785. Ông đỗ Tiến sĩ và làm quan Tiết Độ Sứ.

*

*   *

CẦM ĐƯỜNG ngày tháng thanh nhàn
Sớm khuya TIẾNG HẠC, TIẾNG ĐÀN tiêu dao

(Câu 2875, 2876. Kim Trọng làm quan)

CẦM ĐƯỜNG : Cầm là cây đàn, Đường là nhà. Đây chỉ nơi làm việc của ông quan phong lưu, nho nhã.

Mật Tử Tiện, người nước Lỗ đời Xuân Thu, học trò của Đức Khổng Tử ; được bổ làm quan huyện lệnh ở huyện Thiên Phủ. Khi đáo nhậm nhiệm sở, thường ngày Tử Tiện chỉ ngồi đánh đàn nơi công đường. Thế mà mọi việc đều trôi chảy, dân tình trong huyện đều được yên ổn, lạc thiện.

Về sau, Vũ Mã Tử Kỳ đến thay thế Mật Tử Tiện. Tử Kỳ làm việc suốt ngày không lúc nào rảnh rang thì dân trong hạt mới được yên. Tử Kỳ bèn hỏi Tử Tiện:

- Tôi làm việc không ngơi nghỉ nên công việc mới được trôi chảy, còn ông chỉ đánh đàn suốt ngày mà công việc cũng ổn thỏa hết là làm sao ?

Mật Tử Tiện cười đáp :

- Tôi điều khiển kẻ khác làm, còn ông thì đích thân gánh vác lấy công việc. Hễ ai biết dụng nhân thì khỏe, còn ai tự gánh lấy công việc thì mệt.

Vũ Mã Tử Kỳ đáp :

- Thế thì tôi thật không bằng ông chút nào vậy.

TIẾNG HẠC, TIẾNG ĐÀN do tiếng Cầm hạc là cây đàn và con hạc. Ông Triệu Thanh Hiến người đời Tống được triều đình bổ làm quan trấn giữ đất Thục. Khi đi phó nhậm, Triệu Thanh Hiến chỉ đem theo bên mình một cây đàn và một con chim hạc mà thôi.

Triệu Thanh Hiến làm quan rất thanh liêm, được dân chúng mến mộ. Từ đó, người ta dùng tiếng Cầm Hạc để chỉ các bậc quan thanh liêm, biết thương dân như con đỏ.

Nguyễn Công Trứ của ta có câu :

"Của trời trăng gió kho vô tận
Cầm hạc tiêu dao đất nước này".

*

* *

Tình thâm, bể thảm, lạ điều
Nào hồn TINH VỆ biết theo chốn nào ?

(Câu 2971, 2972. Gia đình lập đàn tràng tế Kiều trên bờ sông)

TINH VỆ : Một loại chim nhỏ con ở bờ biển, hình dáng giống như con quạ. Chim Tinh Vệ mỏ đỏ, chân trắng.

Điển "Tinh vệ hàm thạch" (chim Tinh vệ ngậm đá) truyền rằng xưa kia con gái vua Viêm Đế vượt biển, bị sóng đánh đắm thuyền chết đuối. Linh hồn nàng mang điều oán hận nên hóa thành chim Tinh vệ, ngày ngày bay đến núi Tây ngậm đá về lấp đông hải để trả thù. Nghĩa bóng là để nói đến việc oán thù sâu xa.

*

*   *

"Gặp cơn bình địa BA ĐÀO
Vậy đem duyên chị buộc vào duyên em"

(Câu 3065, 3066. Thúy Vân giãi bày với Kiều trong bữa tiệc đoàn viên).

BA ĐÀO : Sóng lớn. Sóng lớn dễ làm chết người.

Xưa nay, ta vẫn thường nghe người đời nói :

"Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách

Sắc bất ba đào dị nịch nhân"

nghĩa là : Mưa gió không phải then khóa mà cầm được chân người, Sắc đẹp không phải sóng lớn mà dìm chết người.

Sách "Dị Văn lục" chép chuyện "Sắc bất ba đào dị nịch nhân" như sau :

Triều Huệ Đế đời nhà Minh, tại huyện Tề Hàng tỉnh Sơn Đông có người thanh niên tên Trần Hóa Chiêu tự Bất Nhứt lấy vợ họ Lương tên Tiểu Nga, nhan sắc diễm kiều. Hai vợ chồng buôn bán tạp hóa.

Một chiều kia có người phú hộ tên Trát Hiếu Sắc đi ngang cửa hàng trông thấy Lương Tiểu Nga nhan sắc tuyệt vời, động lòng tà bèn ghé vào giả vờ mua sắm.

Hôm sau Trát Hiếu Sắc lại ghé qua, gặp lúc Trần Hóa Chiêu có mặt tại nhà nên ngồi lại làm quen chuyện vãn. Rồi thường ngày Hiếu Sắc vẫn thường đến chuyện trò cùng Trần Hóa Chiêu nên lâu ngày trở thành quen thân. Một bên thì khoe mình giàu sang dư dả, một đàng thì than thở thiếu vốn nên buôn bán chẳng được lợi bao nhiêu.

Trát Hiếu Sắc biết rõ cảnh tình của vợ chồng Trần Hóa

Chiêu bèn tỏ ra hào sảng sẵn sàng cho Hóa Chiêu mượn vốn để kinh doanh. Nhưng thật ra là ông ta đang thiết kế một âm mưu cho vợ chồng Trần Hóa Chiêu sụp bẫy. Trần Hóa Chiêu và Lương Tiểu Nga vô tình cứ tưởng rằng Trát Hiếu Sắc là người tốt có lòng trọng nghĩa khinh tài nên không ngần ngại nhận tiền cho mượn. Đến kỳ trả nợ, Trần Hóa Chiêu vẫn trả đủ số tiền lời nhưng Trát Hiếu Sắc chỉ lấy lại vốn mà không nhận tiền lời. Vợ chồng Trần Hóa Chiêu có nài nỉ cách mấy ông ta cũng chối từ, bảo rằng làm như thế là mất tình bằng hữu thâm giao.

Họ quen thân nhau như thế ròng rã hai năm và Hiếu Sắc luôn luôn tỏ ra mình là một người đàng hoàng đứng đắn. Không bao giờ ông ta đến nhà bạn trong lúc vắng mặt Trần Hóa Chiêu. Điều quan trọng là ông ta luôn giữ thái độ đứng đắn khi tiếp chuyện với Lương Tiểu Nga. Vì thế nên Trần Hóa Chiêu và Lương Tiểu Nga hoàn toàn tin tưởng Trát Hiếu Sắc là một người bạn tốt thật tình.

Dần dà, Trát Hiếu Sắc đề nghị chung vốn mở rộng cửa hàng. Vợ chồng Trần Hóa Chiêu đã hoàn toàn tin Hiếu Sắc là người bạn tốt nên thuận tình ngay. Cửa hàng được phát triển và cứ ba tháng thì chia lời một lần. Tuy nhiên, Hiếu Sắc không hề nhận tiền lời. Ông ta tặng lại vợ chồng Trần Hóa Chiêu số tiền lời của mình và nói rằng đó là một cách thiết thực nhất để giúp đỡ vợ chồng bạn. Trần Hóa Chiêu và Lương Tiểu Nga càng cảm phục tấm lòng của Trát Hiếu Sắc.

Năm nọ, huyện Tề Hàng bị thất mùa đậu nành, Hiếu Sắc bàn với Hóa Chiêu nên đến Hàng Châu mua đậu về bán. Và cả hai cùng lên đường. Ròng rã cả tháng trời mới đến Hàng Châu, nhân vào đêm trăng trong gió mát, hai người đem rượu ra mũi thuyền đối ẩm tâm sự. Trần Hóa Chiêu thật tình, chén nào cũng cạn ráo. Nhưng Trát Hiếu Sắc đã có ngụ ý nên chỉ đưa đẩy lấy đà mà không uống thật tình.

Trời về khuya thì Trần Hóa Chiêu đã say túy lúy nhưng Trát Hiếu Sắc vẫn tỉnh táo như không. Bấy giờ đám gia nhân dưới thuyền đã ngủ cả. Hiếu Sắc liền xô Hóa Chiêu xuống dòng sâu. Hóa Chiêu lặn hụp lên xuống thì Hiếu Sắc lấy sào dài dìm cho Hóa Chiêu chết đuối luôn. Đoạn ông ta tri hô lên cho bọn gia nhân thức dậy và bảo rằng Hóa Chiêu quá say nên té sông chết đuối. Bọn gia nhân nào biết sự thật nên tin lời Hiếu Sắc, tỏ lòng thương cảm ngậm ngùi.

Hiếu Sắc cho thuyền quay về Tề Hàng để báo hung tin cho mẹ Hóa Chiêu và Lương Tiểu Nga biết. Hai người đàn bà tội nghiệp này cũng tin lời của Hiếu Sắc là sự thật, không một chút nghi ngờ gì cả. Từ đó, cứ năm bảy ngày, Hiếu Sắc lui tới thăm viếng và cấp dưỡng cho mẹ Trần Hóa Chiêu và cả Lương Tiểu Nga nữa. Lần nào đến thăm mẹ Hóa Chiêu, Hiếu Sắc cũng giả vờ thương tiếc bạn, khóc lóc rất đáng thương hại. Có việc gì quan trọng, cần thiết, Hiếu Sắc đều bàn riêng với bà mẹ của Hóa Chiêu chớ không hề nói với Tiểu Nga. Vì thế nên bà mẹ của Hóa Chiêu càng tin tưởng Hiếu Sắc hơn và tỏ ý thương yêu ông ta như con ruột vậy.

Khi mãn tang Hóa Chiêu, Trát Hiếu Sắc cho người thân tín đến thưa chuyện với mẹ Hóa Chiêu xin cưới Tiểu Nga làm vợ. Mẹ Hóa Chiêu vì đã quá tin tưởng thương yêu Hiếu Sắc; hơn nữa con trai mình chết cũng đã ba năm nên bà không ngần ngại ép con dâu tái góa với Hiếu Sắc. Lương Tiểu Nga vốn là một cô gái hiền thục từ xưa, nên dù còn thương tiếc người chồng cũ vắn số bạc phần, cũng đành phải vâng lời mẹ chồng mà bước thêm bước nữa. Cưới được Lương Tiểu Nga rồi, Hiếu Sắc càng tỏ ra săn sóc bà mẹ của Hóa Chiêu một cách đặc biệt hơn nữa. Do đó bà yên tậm rằng con dâu mình đã có một chỗ dựa xứng đáng...

Trát Hiếu Sắc và Lương Tiểu Nga ở với nhau được mười năm, có hai đứa con. Kể ra thì nàng Tiểu Nga cũng cảm thấy hạnh phúc, nhưng trong thâm tâm nàng vẫn không hề quên người

chồng cũ.

Nhân một đêm trăng sáng mùa hạ, ao sen tỏa hương bát ngát, hai vợ chồng cùng ra ao sen uống rượu thưởng hoa và ngâm vịnh. Đang lúc hai người vui vẻ thì dưới ao sen có một con ếch lớn trồi lên. Tiểu Nga trông thấy bèn lấy cây sào thọc con ếch. Lạ thay, khi Tiểu Nga thọc sào xuống thì con ếch lặn, nhưng nàng rút sào lên thì con ếch lại trồi lên. Động tác ấy của Tiểu Nga và con ếch diễn đi diễn lại ba bốn lần thì con ếch mới chịu lặn mất luôn. Lúc ấy Trát Hiếu Sắc đã ngà ngà say, có lẽ nhớ lại chuyện cũ của mình nên ông ta buột miệng ngâm :

- Hồi ức thập tam niên tiền sự
Huyền tợ hà mô lục thủy thời...
(Nhớ chuyện mười ba năm trước đây
Mường tượng ngày nay ếch thập thò).

Lương Tiểu Nga nghe lạ, bảo chồng lặp lại để mình nối điêu. Trát Hiếu Sắc tưởng thật liền lặp lại và còn bảo Tiểu Nga lấy giấy bút ghi chép. Tiểu Nga trao giấy bút cho Hiếu Sắc chép hai câu thơ tức cảnh của ông ta. Rồi nàng cầm hai câu thơ ấy đi đầu cáo quan. Khi bị bắt tra vấn, Trát Hiếu Sắc khai hết sự thật câu chuyện mười ba năm trước, nhận mình có tội, vì mê sắc đẹp của Lương Tiểu Nga nên giết chồng để đoạt vợ.

Án đã rõ ràng, Trát Hiếu Sắc bị ghép tội tử hình. Lương Tiểu Nga nghĩ mình có nhan sắc nên phải có hai chồng và cũng chính vì nhan sắc này mà cả hai chồng đều phải chết thì nàng cảm thấy không còn thiết sống nữa. Nàng đến cửa công xin được chết thay cho Trát Hiếu Sắc. Tuy nhiên, luật triều đình chỉ trừng trị kẻ giết người chứ đâu có trừng trị người có nhan sắc mà vô tội. Thế là Trát Hiếu Sắc bị án trảm.

*

* *

"Bây giờ GƯƠNG VỠ LẠI LÀNH
Khuôn thiêng lừa lọc, đã đành có nơi"

(Câu 3071, 3072. Thúy Vân giãi bày với Kiều)

GƯƠNG VỠ LẠI LÀNH tức câu chuyện Phá Kính Trùng Viên thời Nam Bắc triều, nói về chuyện vợ chồng đã chia lìa nhau nhưng vẫn còn sum họp được. Câu chuyện như sau :

Thời Nam Bắc triều, Trần Hậu Chủ (1) là một vì vua chỉ biết đam mê tửu sắc, không thiết gì đến chuyện triều chính. Bấy giờ nước Tùy ở phương Bắc đang nổi dậy, rất thanh thế. Tùy Văn Đế Dương Kiên lúc nào cũng mưu toan tiêu diệt nước Trần.

Em gái Trần Hậu Chủ là Nhạc Xương quận chúa cùng chồng là Từ Đức Ngôn ngày đêm lấy làm lo buồn không yên, vì hai người biết sớm muộn gì nước Trần cũng bị mất. Một hôm Từ Đức Ngôn nói với vợ rằng :

- Một khi nước nhà bị diệt, quận chúa là người nhan sắc, ắt sẽ bị bọn quyền quý của tân triều bắt làm tì thiếp. Bấy giờ chúng ta muốn được sum họp không phải là chuyện dễ. Nếu như tình duyên chưa dứt, vợ chồng còn mong thấy nhau thì phải có vật gì làm tin.

Nghe chồng nói thế, Nhạc Xương quận chúa hết sức đau lòng. Đang cầm chiếc gương quý trong tay, nàng đập gương vỡ làm hai mảnh đưa chồng phân nửa và khóc mà nói rằng :

- Nếu một mai nhà tan nước mất, thiếp và chàng tản lạc mỗi người một nơi, thì mỗi năm cứ vào đêm rằm tháng giêng chúng ta đem mảnh gương vỡ này ra thành Lạc Dương bán, co thể gặp mặt nhau được...

Quả nhiên chỉ một thời gian ngắn sau, nước Trần bị nước

Tùy diệt. Nhạc Xương quận chúa bị lọt vào tay một tướng Tùy là Việt Công Dương Tố. Nhạc Xương rất được Dương Tố yêu thương nhưng nàng không thể nào quên được người chồng cũ là Từ Đức Ngôn.

Rồi vào một đêm rằm tháng giêng nọ, Nhạc Xương quận chúa nhờ người thân tín là một bà lão đem nửa mảnh gương của mình ra chợ Lạc Dương bán. Từ Đức Ngôn cũng nhớ lời hẹn ước cũ, đem nửa mảnh gương của mình ra chợ. Chàng thấy bà lão bán gương nửa mảnh, bèn lấy nửa mảnh của mình khớp với nửa mảnh của bà thì thấy vừa vặn ngay. Đức Ngôn biết đó là người của quận chúa Nhạc Xương, nên chàng đề sau mảnh gương ấy một bài thơ cho bà lão mang về :

"Cảnh dữ nhân câu khứ
Cảnh qui nhân vị qui.
Vô phục Hằng Nga ảnh
Không lưu minh nguyệt huy".
(Theo người, gương vỡ cùng đi
Gương đà về đó, người thì ở đâu
Ả Hằng vắng vẻ đêm thâu
Vầng trăng luống những ủa rầu năm canh).

Nhạc Xương quận chúa nhận được bài thơ lấy làm đau khổ lắm, khóc lóc ngày đêm, bỏ ăn biếng ngủ. Dương Tố hỏi nguyên do, Nhạc Xương cứ tình thật trình bày. Dương Tố biết rõ chuyện, lấy làm cảm động. Ông ta cho mời Từ Đức Ngôn đến để giao trả Nhạc Xương cho chàng, lại còn làm tiệc chiêu đãi rất trọng hậu và ban tặng cho Nhạc Xương nhiều vàng bạc. Thế là vợ chồng Từ Đức Ngôn và Nhạc Xương được đoàn viên...

*

* *

(1) Trần Hậu Chủ : Triều Trần là một trong các triều đại của thời Nam Bắc triều bên Trung Quốc, do Trần Bá Tiên lập nên (Trần Bá Tiên là tướng đã cầm quân đánh Lý Nam Đế Triệu Quang Phục của nước Việt Nam ta). Triều Trần tồn tại từ năm 557 đến 589. Trần Hậu Chủ tên là Trần Phúc Bảo, là một vị vua hôn ám, chỉ biết đắm mê tửu sắc. Trước điện Giang Chiếu, Trần Hậu Chủ cho xây dựng ba tòa gác bằng gỗ trầm hương: gác Lâm Xuân để ông ta ngự, gác Kết Ỷ và gác Vọng Xuân để cho Tường quý phi và Khổng quý phi ở. Trần hậu Chủ thường soạn các ca khúc để vui chơi. Nổi tiếng nhất là hai khúc "Ngọc thụ" và "Hậu Đình Hoa". Trần Hậu Chủ ở ngôi được sáu năm rồi bị nhà Tùy diệt.

*

*   *

"HOA TÀN MÀ LẠI THÊM TƯƠI
Trăng tà mà lại hơn mười rằm xưa"

"Có điều chi nữa mà ngờ
Khách qua đường để HŨNG HỜ CHÀNG TIÊU"

(Câu 3123 đến 3126. Kim Trọng trò chuyện với Kiều lúc tái hợp).

Hoa tàn trở thành hoa tươi, theo sách Tam ngôn truyện như sau :

Vào thời Tống Nhân Tông, ở thôn Trường Lạc huyện Bình Giang có Thu Tiên là một ẩn sĩ, không màng đến công danh phú quý. Người đương thời kính trọng gọi là Thu Công.

Vợ mất sớm, không con, gia tài chỉ vẻn vẹn mấy mẫu đất nhưng Thu Tiên dùng để trồng hoa cả, không chịu canh tác những loại sinh lợi. Mua được loại hoa nào quý, chàng trân trọng còn hơn báu vật.

Không bao lâu sau, vườn hoa của Thu Tiên nổi tiếng là "đệ nhất hoa viên của vùng Giang hạ". Nhưng ngược lại thì tiền bạc của chàng cũng cạn kiệt rồi, nhiều lúc phải nhịn ăn nhịn mặc. Sáng nào cũng thế, Thu Tiên quét dọn vườn hoa sạch sẽ, chăm tưới từng cây hoa. Những cánh hoa rơi rụng, được chàng nhặt để vào hộp và cất giữ trong phòng cẩn thận.

Có cụm hoa nào mới nở, chàng lặng ngắm hàng giờ thật say mê. Đôi lúc lại đem rượu ra ngồi uống để ngắm hoa cho đến khi say mèm mới thôi. Thu Tiên lấy làm đau khổ nhất là lúc trông thấy hoa tàn. Chàng thường tuyên bố với mọi người chung quanh rằng :

- Kiếp hoa mỗi năm chỉ nở một lần, trong bốn mùa chỉ được một và chỉ nở trong mấy ngày thôi. Đời hoa vốn mong manh thế mà người ta nỡ đang tay bẻ đi để hoa chóng tàn thì thật là độc ác

biết bao.

Bấy giờ trong thành Bình Giang có kẻ thế lực tên Trương Ủy tánh nết ngang tàng, độc ác và lại rất dâm đãng. Ủy thường cậy thế hiếp đáp dân tình trong vùng; đến quan huyện cũng không dám can thiệp. Trương Ủy có dưới tay mình một số tên vô lại. Bọn này chuyên đi đánh phá những ai có hành động chống đối lại tính ngang ngược của họ Trương.

Một sáng nọ, Trương Ủy và bọn thủ hạ của hắn sau khi đã nhậu nhẹt say mèm trong một quán rượu vùng Trường Lạc, kéo nhau ra về. Đi ngang vườn hoa của Thu Tiên, nhìn thấy có nhiều sắc hoa rực rỡ Trương Ủy tìm cách vào. Bốn bề rào giậu, cổng đóng then cài nên bọn Trương Ủy không vào được. Nhân có người đi qua, họ Trương hỏi :

- Vườn hoa nhà ai mà đẹp thế hả ?

Người nọ sợ sệt đáp :

- Bẩm công tử, đó là vườn hoa của Thu công, một người suốt đời chỉ biết yêu hoa mà thôi.

- Thu công từ trước có làm chức gì không vậy ?

- Dạ không. Chàng chỉ là một ẩn sĩ.

Trương Ủy cười lớn, nói :

- Tưởng là vườn hoa của một vị quan to nào, chứ của một anh chàng ẩn sĩ thì sao ta lại không vào xem được nhỉ ?

Nói xong, hắn vẫy tay cho bọn thủ hạ đến đập cổng vườn hoa ầm ĩ. Bấy giờ Thu Tiên đang ngắm hoa trong vườn, nghe có tiếng đập cổng vội chạy ra, hỏi :

- Các anh có điều chi cần hỏi tôi chăng ?

Bọn thủ hạ của Trương Ủy hầm hè đáp :

- Nhà ngươi là dân ở đây mà không biết chúng ta là thủ hạ

của Trương công tử à ? Tội ấy thật đáng đánh cho mấy hèo đấy. Này, Trương công tử nghe ngươi có vườn hoa đẹp nên muốn vào xem một chút.

Thu Tiên cười nhẹ, nói :

- Vườn hoa của bỉ nhân chẳng có một giống nào quý để công tử phải bận lòng.

Trương Ủy bước đến chỉ vào mặt chủ nhân vườn hoa, nói:

- Nhân dịp ta đi ngang qua đây, muốn vào thăm vườn hoa của ngươi một tí. Đấy là vinh dự cho nhà ngươi, sao lại kiếm cách chối từ.

Hắn bèn hạ lệnh cho đám tay chân phá cổng hoa viên mà ùa vào. Thu Tiên giận tái mặt, vừa đưa tay ngăn cản thì bị một tên xô té vào khóm trúc. Trong vườn có nhiều loại hoa nhưng chỉ có loại mẫu đơn là nở rộ hơn cả. Trương Ủy thấy hoa mẫu đơn quá đẹp, ngang nhiên bẻ một cành đưa lên mũi ngửi. Thu Tiên bước đến nói :

- Xin công tử chớ bẻ hoa. Hoa đẹp là để ngắm nghía, chứ bẻ đi rồi thì còn gì là đẹp nữa.

Trương Ủy trợn mắt, mắng :

- Ngươi khinh ta thái quá ư ? Khóm mẫu đơn này đáng giá bao nhiêu mà ngươi xem trọng hơn ta ?

Lại bẻ thêm một cành nữa. Thu Tiên tức tối vô cùng, nhưng biết tên họ Trương này là một kẻ ác bá, cậy quyền nên không dám phản kháng mạnh, chỉ xuống nước năn nỉ :

- Trong vườn này chỉ có mấy cành mẫu đơn mà tôi đã dày công chăm sóc, xin công tử đừng hủy hoại, tội nghiệp.

Trương Ủy không đáp lời Thu Tiên, quay sang bọn thủ hạ ra lệnh :

- Ít khi được thấy hoa đẹp như thế này, chúng bay hãy ra quán mua cho ta mấy hồ rượu về đây uống thưởng hoa.

Bọn thủ hạ vâng lời đi mua rượu. Thu Tiên nói :

- Thưa công tử, vườn nhà tôi chật hẹp, nghèo nàn không đáng là nơi công tử uống rượu. Xin công tử tìm nơi khác sạch sẽ hơn cho tiện.

Trương Ủy đáp :

- Vườn này rộng rãi, mát mẻ lại có nhiều hoa thơm cỏ lạ, hà tất phải đi tìm nơi nào khác nữa chứ.

Bọn thủ hạ của Trương Ủy đem rượu thịt và chiếu về. Chúng bày tiệc ăn nhậu ngay và tha hồ văng tục. Trương Ủy đắc ý nhìn Thu Tiên, nói:

- Nhà ngươi là một kẻ quê mùa, đần độn, dù ngươi có công trồng tỉa, vun quén nhưng ta thấy ngươi không có tâm hồn thưởng thức hoa đẹp. Hãy bán hoa viên này lại cho ta.

Bị chạm lòng tự ái, Thu Tiên không còn biết sợ nữa, khẳng khái đáp :

- Vườn hoa này là đời sống và là tính mạng của tôi. Chỉ khi nào tôi chết đi thì vườn hoa này mới thuộc về tay kẻ khác.

Trương Ủy trợn mắt, quát :

- Nếu ngươi không bán thì ta sẽ chiếm không. Xưa nay, chưa có cái gì ta muốn mà không thuộc về ta.

Bọn thủ hạ của họ Trương nói hùa vào :

- Ngươi không biết Trương công tử đây là người quyền thế nhất vùng này sao ? Khôn hồn thì bán lấy tiền sinh sống, còn chống đối thì chỉ toi mạng mà thôi.

Thu Tiên bèn nghĩ cách hoãn binh để tìm mưu đối phó :

- Nếu quả thật công tử muốn mua thì cũng xin thong thả cho, để tôi tính lại.

Trương Ủy gật đầu cười lớn :

- Thôi được, ta cũng chiều ngươi một chút vậy. Bây giờ ta về để ngươi còn tính toán, nhưng ta muốn bẻ vài cành Mẫu đơn đem về nhà ngửi cho thỏa thích.

Trong lúc bọn thủ hạ thu dọn mâm chén thì Trương Ủy bẻ hoa. Thu Tiên vội cản :

- Xin công tử chớ làm thế.

Trương Ủy đang cơn say, hét lớn :

- A, thằng khốn này lại dám vô lễ với ta nữa ư. Chúng bay đâu, hãy bẻ hết các khóm Mẫu đơn của nó cho ta.

Chỉ trong một thoáng các khóm Mẫu đơn đều tan tác, những cánh hoa đẹp rơi vãi khắp nơi trên mặt đất. Sau khi bọn Trương Ủy ra về, Thu Tiên nhặt từng cánh hoa rụng rửa sạch và cất vào hộp. Rồi chàng ngồi giữa vườn hoa mà than rằng :

- Hoa ơi, đời ta chưa hề một lần nhẫn tâm để mi chịu phũ phàng. Nay lũ độc ác đến đây phá phách làm cho mi phải rạ rời, lòng ta đau xót lắm.

Vừa than vãn xong, Thu Tiên nghe có tiếng động khẽ ở sau lưng. Chàng quay lại trông thấy một thiếu nữ kiều diễm đang nở nụ cười vội đứng lên hỏi :

- Tiểu thư từ đâu đến và gặp bỉ nhân có việc chi chăng?

Thiếu nữ đáp :

- Thiếp ở cách đây không xa, vì nghe chàng khóc thương hoa nên đến để chia sớt nỗi niềm.

Thu Tiên tần ngần chưa biết trả lời sao thì thiếu nữ tiếp :

- Hoa đã rụng hết rồi, nhưng nếu chàng muốn hoa tàn mà trở lại tươi thì cũng chẳng khó gì.

Thu Tiên nhìn thẳng vào mặt thiếu nữ, nói :

- Tôi đang buồn khổ vì những cánh hoa bị vùi dập phũ phàng, cớ sao cô nương còn trêu chọc tôi nữa...

Thiếu nữ điềm đạm đáp :

- Thiếp nào dám trêu chọc nỗi khổ đau của chàng. Thiếp có học thuật chắp hoa, có thể lấy hoa rơi chắp vào cành và khiến hoa tàn trở lại tươi được.

Thu Tiên nghe nói lấy làm lạ, vội hỏi :

- Tiểu thư không nói đùa chứ ?

- Thiếp đâu dám đùa với chàng. Nếu thiếp không làm được như lời thì còn mặt mũi nào nhìn chàng nữa.

Bấy giờ Thu Tiên mới tin lời, vội trao những cánh hoa rơi cho thiếu nữ và nhỏ nhẹ nói :

- Xin tiểu thư gia ơn cho.

Thiếu nữ nhận lấy những cánh hoa rơi rồi bảo Thu Tiên đi múc nước trong đem lại. Khi chàng đem nước đến thì lạ thay, những khóm mẫu đơn bị phá tan tác lúc nãy đã nở đầy hoa tươi tốt trở lại, những đóa hoa đã liền vào cành như chưa hề có sự gì xảy ra. Còn thiếu nữ thì đã biến đi đâu mất rồi. Chàng vừa mừng rỡ vừa lấy làm kinh dị, vội chạy ra cổng định tìm thiếu nữ thì gặp hai ông lão hàng xóm vừa đến. Chàng vội hỏi :

- Hai lão trượng có trông thấy một thiếu nữ mặc đồ trắng vừa ở đây ra không ?

Cả hai ông lão đều lắc đầu đáp :

- Bọn lão phu chẳng trông thấy ai cả.

Thu Tiên liền đem chuyện chắp hoa vừa rồi của thiếu nữ lạ kể cho hai ông lão nghe. Hai ông lão cũng lấy làm lạ, theo chàng vào vườn xem thật hư. Thấy đúng như lời Thu Tiên nói, hai ông lão tỏ ra vui mừng nói :

- Có lẽ thần thánh vì lòng thành của công tử mà hiện ra làm phép lạ đấy.

Thu Tiên cũng vui mừng, vội lấy rượu ra đãi khách. Trong lúc hai già một trẻ đang vui vẻ xướng họa thưởng hoa thì thiếu nữ lúc nãy lại đến. Thu Tiên mừng rỡ đứng lên cung kính mời thiếu nữ nhập tiệc và nói :

- Thưa nương tử, nương tử quả là thần thánh giúp kẻ hèn này hồi phục lại hoa viên, ơn ấy muôn đời không dám quên.

Thiếu nữ dịu dàng đáp :

- Tiện thiếp không phải là thần thánh mà chỉ là sự kết tinh của hoa Mẫu đơn bấy lâu nay được công tử nhiệt thành chăm sóc. Việc làm của tiện thiếp chỉ là một sự đền tạ công ơn của công tử mà thôi.

Nói xong, thiếu nữ lại biến mất vào một gốc Mẫu đơn. Thu Tiên và hai ông lão rất lấy làm kinh ngạc. Sau cuộc rượu, hai ông lão bèn đi truyền rao chuyện chắp hoa cho khắp xóm biết để cùng chia sẻ niềm vui với Thu công.

Về phần thầy trò bọn Trương Ủy, nghe tin ấy bán tín bán nghi nên cho người đến vườn hoa của Thu Tiên dò xét. Thấy vườn hoa vẫn tươi tốt như chưa hề bị phá phách, chúng cho là Thu Tiên được thần thánh giúp nên từ đó không dám bén mảng tới vườn hoa của chàng nữa...

*

* *

HỮNG HỜ CHÀNG TIÊU : Sách Tình Sử Trung Quốc chép:

Thôi Giao, người thời Khai Nguyên nhà Đường, đỗ Tú tài nhưng văn tài rất trác tuyệt; khổ nỗi là nhà nghèo xơ xác nên khó lập thân.

Thôi Giao có yêu một thiếu nữ kiều diễm ở miền Hán Nam, giỏi thi phú và đàn ca múa hát, tên Lục Châu. Gia cảnh nàng Lục Châu cũng bần hàn như Thôi Giao nên nàng phải đi làm thị tỳ cho người cô của Thôi Giao; bởi không còn cha mẹ, họ hàng để nương tựa. Thôi Giao thường đến nhà cô chơi để được tâm tình với người yêu.

Người cô của Thôi Giao thấy cháu mình và Lục Châu yêu nhau tha thiết cũng có ý muốn tác thành nhưng khổ nỗi, cả hai đều quá nghèo. Phần bà, việc làm ăn buôn bán ngày càng sa sút nên cũng không có khả năng giúp cháu.

Rồi đến lúc người cô của Thôi Giao bị sa sút nặng, không còn khả năng nuôi tỳ nữ trong nhà nữa. Bà bèn đem Lục Châu bán cho viên Liên súy Vũ Địch bốn mươi vạn tiền. Thế là Thôi Giao và Lục Châu đành phải chia ly nhau. Cả hai cùng đau đớn khôn lường nhưng vì hoàn cảnh còn biết phải làm sao ?

Khi về hầu hạ Vũ Địch, nàng Lục Châu rất được ông ta yêu thương, quý trọng. Tuy nhiên nàng cũng không thể nào quên được tình lang. Còn chàng Thôi Giao, biết rằng không còn hy vọng gì nối lại tình cũ nên cố quên người yêu đi, nhưng cũng không thể nào quên được.

Từ đó, Thôi Giao tự xưng mình là Tiêu Lang (nghĩa là chàng trai nghèo khổ). Hàng ngày chàng đến cổng phủ của viên Liên súy họ Vũ với hy vọng nhìn thấy mặt người yêu. Nhưng lạ thay, mỗi khi nhác thấy bóng dáng nàng Lục Châu thì Tiêu Lang lại quay mặt đi nơi khác, làm ra vẻ hững hờ.

Hôm ấy vào tiết Hàn thực, Lục Châu ra khỏi phủ và bất

gặp Thôi Giao đứng thẫn thờ bên thân một cây liễu. Trông chàng gầy gò, hốc hác như cây liễu xanh kia, Lục Châu không dằn được ngọn trào lòng nên chạy đến ôm chàng khóc nức nở... Bấy giờ chàng Tiêu không còn làm mặt hững hờ nữa, cùng nàng kể lể nỗi nhớ thương xa cách. Khi chia tay, Thôi Giao viết mấy câu thơ tặng người yêu :

"Công tử vương tôn trực hậu trần
Lục Châu thúy lệ thấu la cân
Hầu môn nhất nhập thâm như hải
Tòng thử Tiêu Lang thị lộ nhân".
(Theo chân bao kẻ ngộp mùi hương
Tầm tã khăn the lệ mấy hàng
Một tới cửa hầu sâu tợ biển
Chàng Tiêu từ đó khách qua đường).

Bài thơ bị một kẻ hầu trong phủ Liên súy Vũ Địch biết được. Kẻ ấy vốn thù ghét Lục Châu và Thôi Giao vì trước kia hắn từng quyến rũ nàng nhưng không được ; gặp dịp may hiếm có, hắn chép bài thơ và dán vào chỗ Vũ Địch thường lui tới. Quả nhiên Vũ Địch trông thấy bài thơ, bèn tra hỏi tả hữu thì biết được tác giả là Tiêu Lang Thôi Giao. Ông bèn cho lính đi triệu Thôi Giao vào phủ đường.

Thôi Giao bị lính triệu vào phủ, lo sợ lắm nhưng cũng phải đi chứ còn biết trốn vào đâu. Khi vào phủ, chẳng những Thôi Giao không bị bắt tội mà còn được Vũ Địch mời ngồi. Rồi ông cầm tay chàng và hỏi :

- Có phải hai câu thơ "Một tới cửa hầu sâu tợ biển, Chàng Tiêu từ đó khách qua đường" là do ông làm ra đấy không?

Thôi Giao cúi đầu thưa :

- Tiện nhân xin chịu tội, vì trước kia đã lỡ yêu người nữ tỳ ấy.

Liên súy Vũ Địch cười nói :

- Ta vẫn nghe biết quý nhân đỗ Tú tài và sức học không tầm thường. Chỉ vì quá nghèo mà phải chịu cuộc sống hẩm hiu và không bảo vệ được người yêu. Bốn mươi vạn tiền có là bao, sao quý nhân không sớm viết cho ta một bức thư thì đâu đến nỗi tình yêu cao quý kia phải bị chôn vùi trong hận tủi.

Đoạn, Vũ Địch cho gọi Lục Châu ra, ban tặng cho nàng tiền bạc, nữ trang và xe ngựa rồi trả nàng về với Thôi Giao.

*

* *

Khúc đâu đầm ấm dương hòa
Ấy là HỒ ĐIỆP hay là TRANG SINH,

Khúc đâu êm ái xuân tình
Ấy hồn THỤC ĐẾ hay mình ĐỖ QUYÊN ?
Trong sao châu đổ duềnh quyên
Ấm sao HẠT NGỌC LAM ĐIỀN mới đông.

(Câu 3199 đến 3204. Kiều gảy đàn cho Kim Trọng nghe lúc sum họp)

Mấy câu thơ trên, Nguyễn Du dịch bốn câu thơ "Cầm Sắt" của nhà thơ Lý Thương Ẩn đời Đường :

"Trang Sinh hiểu mộng mê hồ điệp
Thục đế xuân tâm hóa Đỗ quyên
Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ
Lam Điền nhật noãn ngọc sinh yên".

HỒ ĐIỆP : Con bươm bướm.

TRANG SINH : Trang Chu tức Trang Tử (1), tự là Tử Hưu, biệt hiệu là Tất Viên; người đời Chiến quốc, cùng một phái học thuyết với Lão Tử, đứng vào hàng Chư Tử bách gia.

Trang tử lấy chủ nghĩa yếm thế dạy đời. Ông cho rằng trong trời đất không có vật chi là lớn mà cũng không có vật chi là nhỏ; sang hèn cũng vậy; chết sống như nhau; rốt cuộc của đời người là sự chết tức là hết.

Văn chương của ông thanh thoát, ý vị, hơn mười vạn lời, phần nhiều là ngụ ngôn răn đời. Vua nước Sở nghe Trang là người hiền, mời ra làm Tể Tướng nhưng ông không nhận. Một hôm ông nằm mộng thấy mình hóa ra con bướm (Hồ điệp) rồi khi tỉnh dậy thấy mình vẫn là Trang Chu nên tự cảm thán rằng :

- Không biết bươm bướm hóa ra Chu này hay Chu này hóa

ra bươm bướm ?

Tương truyền rằng một ngày nọ Trang Tử đi chơi ngoài đồng trông thấy một người đàn bà ngồi quạt mồ. Lấy làm lạ, Trang Tử hỏi duyên cớ thì được người đàn bà ấy trả lời rằng :

- Trước khi chồng thiếp chết có dặn phải chờ mộ chàng khô đất rồi hãy lấy chồng khác. Nay thiếp quạt cho mộ mau khô để tái góa.

Trang Tử về nhà thuật lại chuyện ấy cho vợ nghe. Vợ ông không tiếc lời mắng nhiếc người đàn bà nọ. Sau đó mấy hôm, Trang Tử dùng phép thuật giả chết để thử vợ. Trước khi chết ông dặn vợ phải quàng xác ông đúng ba tháng mới được đem chôn.

Sau khi xác ông được quàn vào áo quan tử tế, ông giả ra một người trai trẻ mặt mày rất đẹp, nửa đêm gõ cửa xưng là học trò cũ của Trang Tử ở xa, nghe tin thầy mất nên đến thọ tang. Vợ Trang Tử thấy người trai trẻ đẹp quá nên phải lòng, cứ liếc mắt đưa tình với chàng ta mãi.

Đêm hôm sau người thanh niên nọ nằm lăn ra đất, ôm bụng rên la. Vợ Trang Tử hoảng hốt hỏi thăm bệnh tình thì chàng ta bảo rằng bệnh này đã xảy ra nhiều lần, và chỉ có não người mới chết mới chữa khỏi được.

Vợ Trang Tử vì quá si mê chàng trai nọ, không ngần ngại dùng búa bửa quan tài chồng, định lấy não Trang Tử cho chàng ta uống trị bệnh. Nào ngờ khi quan tài được bửa ra thì Trang Tử lồm cồm ngồi dậy cất tiếng cười ha hả mà chẳng nói gì. Còn chàng thanh niên thì biến mất. Vợ Trang Tử thẹn quá bèn ra nhà sau treo cổ tự tử.

Vợ chết, Trang Tử chẳng những không buồn mà lại vỗ vào cái chậu mà ca hát. Do đó người đời mới có câu chuyện "Trang Tử thử vợ để lại cổ bồn ca".

THỤC ĐẾ : Vua nước Thục tên là Đỗ Vũ.

ĐỖ QUYÊN : Tên một giống chim còn gọi là Tử qui hay Đỗ vũ. Chim đuôi dài, miệng rộng, lông trên lưng màu tro, dưới bụng màu trắng. Loài chim này không biết làm tổ mà lại đẻ vào tổ chim oanh. Và chim oanh ấp trứng ra con rồi nuôi cho lớn. Tiếng kêu của chim Đỗ quyên nghe rất bi thiết.

Tương truyền xưa kia Thục vương Đỗ Vũ thông dâm với vợ của Biết Linh, chuyện đổ bể nên nhà vua phải nhường ngôi cho Biết Linh. Sau đó Biết Linh ngược đãi, phát lương cho ăn vất vả và thiếu thốn nên Đỗ Vũ buồn rầu bỏ nước ra đi. Đến khi chết, ông hóa thành con chim Đỗ quyên, cất tiếng kêu nghe rất thảm thiết. Người đời bảo rằng vì Thục đế tiếc nước nên mới hóa thành chim và có tiếng kêu bi thương như thế.

HẠT NGỌC LAM ĐIỀN : Lam Điền là tên một trái núi ở huyện Lam Điền, tỉnh Thiểm Tây Trung Quốc. Đá của trái núi này sản xuất nhiều ngọc.

Sách "Sưu Thần ký" chép chuyện Lam Điền chưởng ngọc (cấy ngọc ở Lam Điền) như sau :

Dương Bá Ung người đời Đường, rất giàu lòng bác ái, hay bố thí cho những kẻ nghèo hèn. Trong số người từng được Bá Ung giúp đỡ, có người đem biếu ông một thăng đá sỏi và bảo ông đem cấy vào núi Lam Điền thì sau này sẽ được năm đôi ngọc bích.

Dương Bá Ung nghe lời người ấy đem sỏi cấy vào núi Lam Điền. Quả nhiên về sau đá sỏi ấy trổ ra ngọc bích thật. Nhờ ngọc ấy mà Bá Ung cưới được người con gái họ Từ làm vợ; nàng rất nhan sắc.

---

(1) TRANG TỬ tức Trang Châu, tự là Tử Hưu, biệt hiệu là Tất Viên. Trong tài liệu Trang Tử niên biểu, ước lượng ông sanh vào năm Châu Liệt Vương thứ 7 (369 tr CN) và mất vào đời Châu Noãn Vương thứ 29 (288 tr CN).

Theo sách Thích Văn tự lục thì Trang Tử là người Mông huyện, nước Lương; dưới thời Lục quốc có làm Tất Viên lại cho nước Lương.

Theo sách Lã Thị Xuân Thu thì Trang Tử là người đất Mông nước Tống.

*

*   *

NHỮNG BÀI THƠ LIÊN HỆ ĐẾN THÚY KIỀU

VỊNH THÚY KIỀU

(Thập thủ liên hoàn)

Ôi Kim lang, ới hỡi Kim lang
Nghĩa cũ tình xưa nghĩ lại càng.
Chỉ thắm vẫn chưa xong nước gỡ,
Mối sầu đâu vội giục giăng ngang.
Nước non để phụ tình cha chả,
Tơ tóc thêm buồn phận gấm gan.
Dưới nguyệt chén đồng nào những thuở,
Bây chừ trâm gãy lại gương tan.

Gương tan trâm gãy bỗng khi không
Phút chốc mà ra phụ tấm lòng.
Son phấn khéo ghen chi chị tạo,
Bướm ong để thẹn với vua đông.
Năm canh huyện Tích năm canh lụy,
Mấy dặm trời Liêu mấy dặm trông.
Bèo giạt mây tan ra đến thế,
Mây bèo có biết cuộc tương phùng ?

Tương phùng phút chốc bỗng tương tư,

Trướng phụng màn loan luống dật dờ.
Chiu chít buồn nghe chim lẻ bạn,
Bơ vơ mỏi đợi nhạn kêu thu.
Đêm thơ thẩn nguyệt năm canh lụa,
Ngày ngậm ngùi tâm sáu khắc dư.
Nghĩ lại hồng nhan xưa mấy kẻ,
Cái đời bạc mệnh có đâu trừ.

Có đâu trừ đặng số hoa đào,
Bắt thế nào ra phải thế nao.
Gặp mặt mới mừng duyên hội ngộ,
Bán mình rồi chạnh đức cù lao.
Mẹ cha ơn nặng trời khôn tột,
Chồng vợ tình chung núi ví cao.
Cũng muốn vẹn toàn đôi nghĩa cả,
Chữ tình chữ hiếu biết nài sao ?

Biết nài sao đặng lúc thương tang,
Nước chảy hoa trôi phận bẽ bàng.
Trời bể mênh mông vòng tứ lý,
Mây mưa mê mãi giấc vu san.
Chàng ôi, có cám người lưu lạc,
Thiếp gỡ chưa xong nợ đoạn tràng.
Dễ dám trách đâu con tạo hóa,
Cũng vì mang lấy kiếp hồng nhan.

Hồng nhan bạc phận vốn xưa nay,
Có kiếp nào hơn cái kiếp này.
Say gối Tương vương nài giấc điệp,
Hứng cầm Tư mã ép cung mây.
Bướm ong đâu xót người hương nhạt,
Son phấn khôn chê kẻ mặt dày.
Nghĩ thiếp lại càng thương nỗi thiếp,
Với xuân nào có biết xuân chi.

Có biết xuân chi với dạ đâu,
Những là gió thảm với mưa sầu.
Tòng quân ngỡ gởi thân đằng cát,
Sông biển nào lường dạ hiểm sâu.
Mấy lúc lầu xanh treo giá ngọc,
Đôi phen gác tía gọi con hầu.
Trăng già độc địa làm chi thế,
Người đá nghe ra cũng lắc đầu.

Lắc đầu ngơ mặt biết sao ôi,
Những thẹn thuồng nhiều khó hở môi.
Nhắm mắt đưa chân theo chị tạo,
Vùi hương lấp phấn sá thân tôi.
Gương trong tuy chẳng cùng chàng thẹn,
Phận bạc đành cam với thiếp rồi.
Trâu ngựa đền bồi xin kiếp khác,

Kiếp này đã thế, thế thì thôi.

Đã thế thì thôi, thế đã đành
Cũng liều má phấn với mày xanh.
Thân con ngỡ trọn ơn trời đất,
Đất khách nào dè gởi tử sanh.
Chút phận bèo mây bao sá quản,
Kém công cha mẹ lúc sinh thành.
Ai ơi, ai có hay chăng nhẽ,
Chín suối còn mang một khối tình.

Khối tình ôi biết lúc nào tan,
Trót đặng xong xuôi nghĩa cũ càng.
Ngàn dặm lìa quên, thương nỗi thiếp,
Năm canh gối mộng, thảm cho chàng.
Em dầu trả đặng ơn quân tử,
Chị cũng mừng thầm chốn thủy quan.
Kết cỏ ngậm vành đành những thuở
Ôi Kim lang, ới hỡi Kim lang...

CHU MẠNH TRINH

CHUNG THÂN THÚY KIỀU

Kiều nhi giấc mộng bật như cười,
Tỉnh dậy xuân xanh quá nửa rồi.
Số kiếp bởi đâu mà lận đận ?

Sắc tài cho lắm cũng lôi thôi.

Cành thoa vườn Thúy duyên còn bén,

Ngọn nước sông Tiền nợ chửa xuôi.

Không trách chàng Kim đeo đẳng mãi,

Khăng khăng vớt lấy một phần đuôi.

NGUYỄN KHUYẾN

VỊNH KIỀU

Mười mấy năm trời nhục rửa xong,

Sông Tiền đường đục hóa ra trong.

Cái duyên bình lãng còn nong nả,

Chút phận tang thương lắm ngại ngùng.

Chữ hiếu ít nhiều trời đất biết,

Gánh tình nặng nhẹ chị em chung.

Soi gương kim cổ thương mà trách,

Chẳng trách chi Kiều, trách hóa công.

TÔN THỌ TƯỜNG

BÓNG ÁC TRỜI TÂY

Bóng ác trời tây đã xế tà,

Đường về trở gót dặm còn xa.

Tin sương ghé hỏi rời lưng ngựa;

Mặt ngọc trông chừng nép giậu hoa.

Hai ngã trách vì con ác lặn,
Ba sinh biết có lão trăng già.
Xa xa ngảnh lại người đâu thấy,
Chỉ thấy bên cầu liễu thướt tha.

TỐ PHANG

KIM KIỀU CA TRÙ

Minh quân lương tế tao phùng dị,
Tài tử giai nhân tế ngộ nan.
So tài tình nhất phẩm trần gian,
Chàng Kim với nàng Kiều thuở nọ.
Thương ôi nhỏ, mảnh mành tơ đỏ,
Mười lăm năm đôi ngã sâm thương.
Người ngẩn ngơ nơi kim mã ngọc đường,
Kẻ ngao ngán bước lầu xanh má phấn.
Quân hữu hạp trung kính,
Thiếp hữu cầm thượng huyền.
Sầu phôi pha khi ngọn nước sông Tiền;
Duyên lạnh lẽo buổi ông già hoa rụng.
Tơ nguyệt lão se nào có vụng
Thử treo gương cho tài tử giai nhân,
Sắc tài ai kẻ cầm cân.

(Vô danh)

1. NGUYỄN DU

Ban sơ nhạc hạnh ngân dài,
Thiên thu vang vọng điệu tài tử thơ.
Thanh hiên gió lập đôi bờ,
Bút gieo tứ tượng, điệu chờ tư duy.
Lặng hồn vọng tiếng thiên di
Tử dương dậy đất, Tường vi rợp trời.
Thăng trầm biển mặn mù khơi,
Phong trần tồn lập một đời thương đau.
"Hỏi quê rằng biển xanh dâu
Hỏi tên rằng mộng ban đầu đã xa".
Một mình chuốc chén hoàng hoa,
Dù trăm nghìn chén vẫn là phù du.
Giật mình dựng bút tồn lưu,
Nghìn năm sau nữa trường ưu nặng lòng.
Bá vương văn mặc phiêu bồng,
Tân thanh khép kín tơ lòng xốn xang.
Ti phương tận, lệ thủy can
Mà trong ý tứ ném vàng gieo châu.

2. VƯƠNG THÚY KIỀU

Lời rằng bi sắc tư phong,

Mười lăm năm ấy má hồng phôi pha.

Kể từ lạc bước chân ra,

"Trút quần phong nhụy cho tà huy bay".

Từ Lâm Truy đến Châu Thai,

Thay lời hoa nguyệt một hai đá vàng.

Ước xưa đúng hẹn Tiền đường,

Mười bài trả, dứt đoạn trường bèo hoa.

Nàng về như áng mù sa,

Gieo châu một cõi rất là giai nhân...

3. KIM TRỌNG

Tà áo văn nhân màu bích ngọc

Mơn trớn chiều xuân tiết thanh minh.

Tương phùng ngẫu nhĩ nên kỳ ngộ,

E ấp đưa nhau sóng mắt tình.

Chàng về khép chặt cánh song thưa,

Giấc liễu đêm khuya thoảng gió lùa.

Lạnh phím, chùng tơ, khô ngọn thó

Khêu đèn, tim lụn ngọn tương tư...

Vườn thúy cành đào trâm vắt sẵn

Trêu ngươi, ai đó ngụ tình trong.

Ngẩn ngơ hồn mộng vương hương mộng,

Lửa bén mùi duyên kể đã xong.

Kỷ vật trao tay vờ ái ngại,
Ba sinh hương lửa kết tâm đồng.
Ỡm ờ, e lệ duyên thêm đậm,
Rạo rực tình trong cõi tấc lòng.

Khắc khoải đầu sông ngóng cuối sông,
Xuân đi, hè lại lục phai hồng?
Thiên thai bỗng chốc mà nên thực,
Gang tấc kề nhau thỏa ước mong.

Nào thơ, nào họa lại cung cầm
Huyền hạc, lưu tuyền thoát động tâm,
Phong động, vũ linh, đèn mờ tỏ
Cúi đầu, tựa gối trách tri âm...

Liêu dương ngàn dặm cách quan san
Kẻ ở người đi lệ nối hàng.
Nửa năm nào biết đời dâu bể,
Lỡ ngọc, lầm châu vỡ đá vàng...

Cảnh cũ vườn xưa khi trở lại
Hoa đã tàn, sắc lá cũng phai.
Mất oanh, còn yến thôi đành gượng,
Đã yêu một thuở mộng thành hai...

Tiền đường năm tháng nước trôi xuôi
Gieo ngọc trầm châu chuyện đã rồi.
Mộng, thực ngờ đâu trong tái ngộ,

Chén mừng còn tưởng chén ly bôi.

Hoa xưa bướm cũ lại nhìn nhau
Tích ngọc lân hương lắm nghẹn ngào.
Chuốc chén, so dây đêm trắng mộng,
Ân tình đủ vẹn ý tâm giao...

4. TỪ HẢI

Nửa năm hương lửa vẫn đang nồng,
Gió bụi sông hồ gọi tướng công.
Trời rộng anh hùng tung chí thỏa,
Buồng the thục nữ ngậm ngùi trông.
Binh hùng, tướng dũng nghiêng trời đất,
Giáp sắt, gươm vàng lệch núi sông.
Một cõi thành nam văn võ đủ,
Cũng là cô, quá rạng oai phong.

TRẦN PHƯƠNG HỒ

VỊNH THÚY KIỀU

Giai nhân bất thị đáo Tiền đường
Bán thế yên hoa trái vị thường.
Ngọc diện khi ưng mai thủy quốc,
Băng tâm tự khả đối Kim lang.
Đoạn trường mộng lý căn duyên liễu,

Bạch mệnh cầm chung oán hận trường.

Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy,

Tân thanh đáo để vị thùy thương?

PHẠM QUÝ THÍCH

TÁC GIẢ dịch :

Giọt nước Tiền đường chẳng rửa oan

Phong ba chưa trắng nợ hồng nhan

Lòng tơ còn vướng chàng Kim Trọng

Gót ngọc khôn đành giấc thủy quan.

Nửa gối đoạn trường tan giấc điệp

Một dây bạc mệnh dứt cầm loan

Cho hay những kẻ tài tình lắm

Trời bắt làm gương để thế gian.

TRẦN PHƯƠNG HỒ dịch:

Kiều nương nếu chẳng đến Tiền đường

Nào được nửa đời hết gió sương.

Mặt ngọc sao đành theo sóng nước,

Lòng trong chẳng để thẹn người thương.

Đoạn trường xét mộng, tường duyên có

Bạc mệnh ngưng đàn, hận vẫn vương.

Một mảnh tài tình muôn thuở khổ,
Tiếng lòng thổn thức để làm gương.

*

* *

NIÊN BIỂU NGUYỄN DU

+ Năm 1766, Nguyễn Du sinh ngày 3 tháng 1 tại Phường Bích Câu, Thăng Long.

- Nguyễn Nghiễm (cha Nguyễn Du) thăng Thiếu phó.

+ Năm 1768, Nguyễn Du 3 tuổi,

- Nguyễn Khản (anh cả, khác mẹ) làm việc ở phủ Chúa.

+ Năm 1771, Nguyễn Du 6 tuổi,

- Nguyễn Nghiễm về hưu, rồi lại được triệu ra làm Tể Tướng.
- Nguyễn Hành (cháu gọi Nguyễn Du bằng chú) sinh.

+ Năm 1773, Nguyễn Du 8 tuổi,

- Nguyễn Khản được thăng Bồi Tụng.

+ Năm 1774, Nguyễn Du 9 tuổi,

- Anh cùng mẹ là Nguyễn Trụ mất
- Nguyễn Nghiễm cầm quân đi đánh Đàng Trong.

+ Năm 1775, Nguyễn Du 10 tuổi,

- Nguyễn Nghiễm mất.
- Lê Quý Đôn vào Thuận Hóa.

+ Năm 1778, Nguyễn Du 13 tuổi,

- Mẹ Nguyễn Du mất
- Nguyễn Khản và Lê Quý Đôn bị Lê Thế Toại kiện
- Nguyễn Công Trứ sinh

+ Năm 1780, Nguyễn Du 15 tuổi,

- Vụ án Canh Tý, Nguyễn Khản bị giam
- Phạm Quý Thích làm Đông Các hiệu thư.

+ Năm 1782, Nguyễn Du 17 tuổi,

- Chúa Trịnh Sâm chết
- Nguyễn Khản được Trịnh Tông phục chức, làm Thượng Thư Bộ Lại.

+ Năm 1783, Nguyễn Du 18 tuổi, về Sơn Nam, thi đỗ Tam trường kết hôn với con gái của Đoàn Nguyễn Thục.

- Nguyễn Khản làm Tham Tụng.
- Nguyễn Điều (em kế Nguyễn Khản) làm Trấn thủ Sơn Tây.
- Nguyễn Nễ (anh cùng mẹ với Nguyễn Du), Nguyễn Thiện (cháu gọi Nguyễn Du bằng chú) đỗ Tứ trường.

+ Năm 1784, Nguyễn Du 19 tuổi,

- Kiêu binh phá nhà Nguyễn Khản.
- Lê Quý Đôn qua đời.

+ Năm 1785, Nguyễn Du 20 tuổi,

- Cha vợ là Đoàn Nguyễn Thục qua đời.

+ Năm 1786, Nguyễn Du 21 tuổi, giữ chức Chánh Thủ hiệu ở Thái Nguyên.

- Nguyễn Nễ cai quản quân Phấn Nhất.
- Nguyễn Huệ (Tây Sơn) ra Bắc Hà, cưới Ngọc Hân công chúa.
- Hoàng tôn Duy Kỳ lên ngôi Hoàng đế nhà Lê, hiệu là

Lê Chiêu Thống.

- Nguyễn Khản và Nguyễn Điều mất.

+ Năm 1787, Nguyễn Du 22 tuổi, về huyện Quỳnh Côi.

  - Tây Sơn ra Bắc Hà lần thứ hai, diệt Nguyễn Hữu Chỉnh.

+ Năm 1788, Nguyễn Du 23 tuổi,

  - Lê Chiêu Thống rước Tôn Sĩ Nghị vào Thăng Long.
  - Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế ở Phú Xuân, lấy hiệu là Quang Trung.

+ Năm 1789, Nguyễn Du 24 tuổi,

  - Quang Trung Hoàng đế đại thắng quân Thanh.
  - Nguyễn Nễ, Nguyễn Huy Tự và Đoàn Nguyễn Tuấn làm quan với Quang Trung.

+ Năm 1790, Nguyễn Du 25 tuổi,

  - Nguyễn Nễ đi sứ Trung Quốc.
  - Nguyễn Huy Tự mất.

+ Năm 1791, Nguyễn Du 26 tuổi, lên Thăng Long với Nguyễn Nễ và gặp Hồ Xuân Hương.

  - Nguyễn Nễ được thăng Đại học sĩ.
  - Nguyễn Quýnh (anh khác mẹ với Nguyễn Du) nổi loạn chống Tây Sơn, bị giết.
  - Nguyễn Thiếp làm Viện trưởng Sùng Chính viện.

+ Năm 1792, Nguyễn Du 27 tuổi, sống cuộc sống "Giang tân hữu hải tân".

  - Quang Trung Hoàng đế băng hà.

+ Năm 1793, Nguyễn Du 28 tuổi,

- Nguyễn Nễ được sung vào Cơ mật viện ở Phú Xuân.

+ Năm 1794, Nguyễn Du 29 tuổi, tiễn Đoàn Nguyễn Tuấn vào kinh đô Phú Xuân.

- Nguyễn Nễ vào Qui Nhơn.
- Thái Đức đế Nguyễn Nhạc băng.
- Lê Chiêu Thống chết ở Yên kinh, Trung Quốc.

+ Năm 1795, Nguyễn Du 30 tuổi,

- Nguyễn Nễ đi sứ Trung Quốc lần thứ hai.
- Các tướng tá của Tây Sơn lục đục với nhau.
- Ngô Văn Sở chết.

+ Năm 1796, Nguyễn Du 31 tuổi, bị Nguyễn Thuận bắt giam 3 tháng ở Nghệ An ; được Nguyễn Nễ xin tha, về Tiên Điền.

+ Năm 1800, Nguyễn Du 35 tuổi. Thời kỳ "Hồng Sơn Liệp hộ" và "Nam Hải điếu đồ"

- Phạm Thái viết "Chiến tụng Tây hồ".

+ Năm 1801, Nguyễn Du 36 tuổi,

- Nguyễn Phúc Ánh chiếm Phú Xuân.
- Vua Cảnh Thịnh chạy ra Bắc Hà.

+ Năm 1802, Nguyễn Du 37 tuổi, làm quan với tân triều: Tri huyện Phù Dung, rồi Tri phủ Thường Tín.

- Gia Long nguyên niên, ngự giá Bắc thành.
- Nguyễn Nễ chuyển ra làm quan ở Bắc thành.
- Phạm Quý Thích và Vũ Trinh làm Đại học sĩ.

+ Năm 1803, Nguyễn Du 38 tuổi, được cử tiếp sứ nhà Thanh ở ải Nam Quan.

+ Năm 1804, Nguyễn Du 39 tuổi, cáo bệnh về nghỉ một tháng.

- Phạm Thái viết "Sơ Kính tân trang".

+ Năm 1805, Nguyễn Du 40 tuổi, thăng Đông Các đại học sĩ, tước phong Du Đức hầu và vào kinh.

- Nguyễn Nễ chết.

+ Năm 1807, Nguyễn Du 42 tuổi, làm Giám khảo trường thi Hải Dương.

+ Năm 1808, Nguyễn Du 43 tuổi, về quê nghỉ tám tháng.

+ Năm 1809, Nguyễn Du 44 tuổi, làm Cai bạ Quảng Bình.

+ Năm 1811, Nguyễn Du 46 tuổi, viết thư cho Ngô Khấn Tĩnh xin giúp dân đói ở Nghệ An.

- Con trai lớn của ông là Nguyễn Tứ được cử làm Thiêm Sự.

+ Năm 1812, Nguyễn Du 47 tuổi, về quê hai tháng để xây mộ cho Nguyễn Nễ.

+ Năm 1813, Nguyễn Du 48 tuổi, thăng Cần Chánh điện đại học sĩ và cầm đầu sứ bộ đi Trung Quốc.

- Phạm Thái chết ở Thanh Hóa.

+ Năm 1814, Nguyễn Du 49 tuổi, đi sứ về được nghỉ sáu tháng.

+ Năm 1815, Nguyễn Du 50 tuổi, thăng Hữu Tham Tri Bộ Lễ.

- Nguyễn Tứ Chết.

+ Năm 1817, Nguyễn Du 52 tuổi.

- Nguyễn Văn Thành chết, Vũ Trinh bị đày.

+ Năm 1818, Nguyễn Du 53 tuổi.

- Cháu là Nguyễn Thiện mất.

+ Năm 1819, Nguyễn Du 54 tuổi, từ chối chức Đề Điệu trường thi Quảng Nam.

- Chồng của Hồ Xuân Hương là Trần Phúc Hiển bị xử trảm.

+ Năm 1820, Nguyễn Du 55 tuổi, được cử làm Chánh sứ đi Trung Quốc nhưng chưa kịp lên đường thì bị bệnh dịch tả và mất. Ông mất ngày 15-9-1820 ; âm lịch là ngày 10 tháng 8 Canh Thìn. Nếu tính tuổi âm lịch thì Nguyễn Du mất lúc 56 tuổi.

- Vua Gia Long băng hà.

- Hoàng tử Đảm lên nối ngôi, lấy niên hiệu là Minh Mệnh nguyên niên.

*

* *

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Truyện Thúy Kiều: Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu khảo.
- Truyện Kiều : Nguyễn Thạch Giang khảo đính.
- Tự điển truyện Kiều : Đào Duy Anh
- Bình luận văn học Nguyễn Du : Vũ Tiến Quỳnh
- Ba trăm năm lẻ : Vũ Ngọc Khánh
- Bảng lược đồ văn học Việt Nam : Thanh Lãng
- Trung Quốc văn học sử : Nguyễn Hiến Lê
- Việt Nam sử lược : Trần Trọng Kim
- Sử ký Tư Mã Thiên : Nhượng Tống dịch
- Tầm nguyên từ điển : Bửu Kế
- Thành ngữ điển tích : Diên Hương
- Điển cố Trung Hoa : Võ Ngọc Châu dịch
- Tình sử : Ngô Tất Tố dịch
- Hội đồ tình sử : Nguyễn Văn Huyền dịch
- Điển tích chọn lọc : Mộng Bình Sơn
- Đông Châu liệt quốc : Mộng Bình Sơn dịch
- Ôn cố tri tân : Mộng Bình Sơn
- Cổ học tinh hoa : Nguyễn Văn Ngọc và Trần Lê Nhân
- Mái Tây (Tây Sương ký) : Nhượng Tống dịch
- Tô Đông Pha : Nguyễn Hiến Lê
- Giai thoại thơ Đường : Cao Tự Thanh

- Truyền kỳ mạn lục : Nguyễn Dữ
- Việt sử giai thoại thế kỷ XVIII : Nguyễn Khắc Thuần
- Những khúc ngâm chọn lọc : Nguyễn Thạch Giang
- Nhị thập tứ hiếu : Đoàn Trung Còn dịch
- Kim cổ kỳ quan : Trương Ninh dịch
- Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ : Viện ngôn ngữ học
- Hoàng Lê nhất thống chí : Ngô gia văn phái
- Tam quốc bình giảng : Nguyễn Tử Quang
- Điều hay tích lạ : Nguyễn Tử Quang
- Kim Vân Kiều truyện : Thanh Tâm Tài Nhân

TỦ SÁCH THỜI VĂN

ĐIỂN TÍCH TRONG TRUYỆN KIỀU

Biên soạn TRẦN PHƯƠNG HỒ

Chịu trách nhiệm xuất bản :
HOÀNG VĂN BỔN

Biên tập : ĐẶNG TẤN HƯỚNG

Sửa bản in : ANH VŨ
QUANG NGỌC
THANH AN

Bìa : ĐỖ DUY NGỌC

Trình bày : THANH AN

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI. Số 4 Nguyễn Trãi, Biên Hòa, Đồng Nai
Điện thoại : (01.61) 22613 - Ban biên tập : (01.61) 25292

In 1.500 bản, khổ 14,5 x 20,5cm
In tại XÍ NGHIỆP IN SỐ 9 - 22A Trương Định, Q.3
Số Đăng ký KHXB : 64VH-747/CXB
Cục xuất bản cấp ngày : 18/11/1995
Quyết định xuất bản số : 130/QĐXB, ngày 27/3/1996
In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 1996



TRẦN PHƯƠNG HỒ
Tên thật : TRẦN ĐÌNH THAO
Sinh năm 1939 tại Bến Tre.

ĐÃ XUẤT BẢN

+ CÒN ĐÂY KỶ NIỆM (Tiểu thuyết) Nhà xuất bản Trẻ, 1992
+ RỒI TÌNH CŨNG QUA (Tiểu thuyết) NXB Đồng Nai, 1992
+ THẢM KỊCH KIM CỐC VIÊN (Tập truyện) NXB Đồng Nai, 1993
+ ĐỢI NGÀN XUÂN SAU (Tiểu thuyết) NXB Văn Nghệ, 1993
+ UYÊN NGUYỆT HÀM ĐAN (Tập truyện) NXB Đồng Nai, 1993
+ NGƯỜI NGOÀI ĐỊA CẦU (Biên khảo). NXB Trẻ, 1993
+ ĐỪNG ĐÙA VỚI TÌNH YÊU (Tập truyện). NXB Mũi Cà Mau, 1994
+ CHO NHAU TẤT CẢ (Tập truyện). NXB Mũi Cà Mau, 1994
+ KỸ THUẬT SỬA XE GẮN MÁY (Biên soạn). NXB Đồng Tháp, 1994
+ NHỮNG HƯ HỎNG THÔNG THƯỜNG CỦA XE HONDA (Biên soạn). Nhà xuất bản Trẻ, 1995
+ QUY LUẬT ĐI DÂY ĐIỆN ĐÈN CÒI XE GẮN MÁY (Biên soạn). NXB Đồng Tháp, 1995
+ SỐNG ĐỜI (Tiểu thuyết) Nhà xuất bản Công An Nhân dân, 1995
+ ĐIỆN XE GẮN MÁY ĐỜI MỚI (Biên soạn), NXB Đồng Tháp, 1995
+ ABRAHAM LINCOLN (Danh nhân), sắp xuất bản